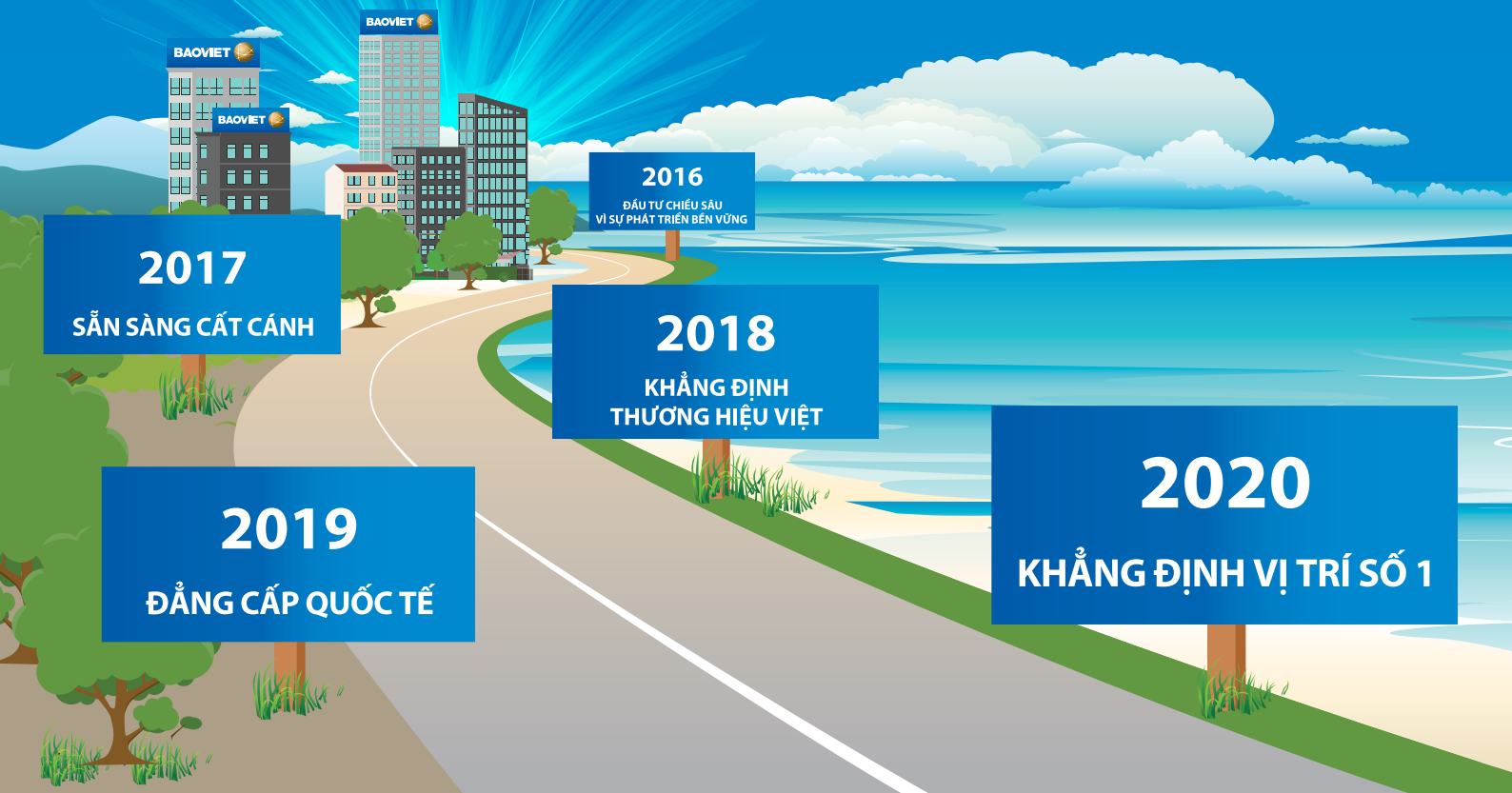
BAOVIET

Sẵn sàng cất cánh

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2016



BÁO CÁO TÍCH HỢP 2016

BAOVIET

Sẵn sàng
cất cánh



2016

BÁO CÁO TÍCH HỢP

TRÊN NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ

SẴN SÀNG CẤT CÁNH

RA MẮT PHIÊN BẢN VIDEO

GIAO DIỆN PHÙ HỢP

THUẬN TIỆN

HIỆN ĐẠI



THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

ANDROID APP ON Google play

Download on the App Store

Truy cập vào website: baoviet.com.vn/baocaotichhop2016
hoặc quét mã QR code

Tải ứng dụng Báo cáo tích hợp tại:

* IOS: Nhập từ khóa "BaoViet Integrated Report 2016" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2016"

*Android: Nhập từ khóa: "BaoViet Integrated Report 2016" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2016"

MỤC LỤC

01 | TỔNG QUAN

ĐOÀN KẾT ĐỂ CẤT CÁNH

34 • Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
37 • Thông điệp của Tổng Giám đốc
44 • Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
54 • Sự kiện và Giải thưởng tiêu biểu
58 • Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPI)

02 | CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHIA SẺ ĐỂ VƯƠN CAO

72 • Tổng quan về Bảo Việt
74 • Quá trình hình thành và phát triển
76 • Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
78 • Môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức
84 • Mô hình kinh doanh và yếu tố tạo động lực tăng trưởng
94 • Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu
108 • Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020

03 | HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HỢP LỰC ĐỂ BAY XA

144 • Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
186 • Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị
190 • Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
196 • Báo cáo hoạt động của các Đơn vị thành viên

04 | QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ĐỔI MỚI ĐỂ BỨT PHÁ

234 • Tổng quan về quản trị công ty
238 • Giới thiệu Ban Lãnh đạo
246 • Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
268 • Báo cáo của Ban Kiểm soát
278 • Đánh giá quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN
307 • Kiểm soát nội bộ
320 • Quản lý rủi ro
340 • Pháp chế và tuân thủ
342 • Quan hệ cổ đông

05 | PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊN PHONG ĐỂ BỀN VỮNG

358 • Con số và Sự kiện
362 • Điểm nhấn trong hoạt động phát triển bền vững 2016
368 • Thực hiện trách nhiệm xã hội
388 • Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

06 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH

404 • Báo cáo Tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)
524 • Báo cáo Tài chính riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) (tóm tắt)
532 • Báo cáo Tài chính theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) (tóm tắt)



BAOVIET

BẢO VIỆT
kiên định mục tiêu
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SẴN SÀNG
CẤT CÁNH để tiếp tục
VƯƠN CAO và **XA HƠN**
trong hội nhập

SẴN SÀNG CẤT CÁNH

Thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động hợp lực trong toàn Tập đoàn nhằm khơi thông mọi nguồn lực, phát huy hiệu quả những thế mạnh sẵn có về con người, mạng lưới hệ thống và khả năng phát triển sản phẩm tích hợp, Bảo Việt đã phát huy sức mạnh tổng thể, vươn xa hơn trên hành trình chiến lược 2016 - 2020.

*Tiếp nối kết quả kinh doanh ấn tượng đã đạt được - trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên cán mốc doanh thu 1 tỷ USD, trong năm 2017, Bảo Việt sẽ đoàn kết, đồng lòng, tiếp tục khai thác các cơ hội từ thị trường, tăng cường năng lực tài chính, củng cố năng lực quản trị để **sẵn sàng cất cánh**, tạo sự bứt phá trên mọi mặt hoạt động.*



BAOVIET

MỘT **BẢO VIỆT**

ĐOÀN KẾT ĐỒNG LÒNG

MỘT NỀN TẢNG ĐƯỢC **CỦNG CỐ VỮNG CHẮC**

MỘT **CHIẾN LƯỢC BỀN VỮNG**
ĐƯỢC **ĐỊNH HƯỚNG RÕ RÀNG**

HỢP LỰC TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG NHƯ **MỘT**

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM **ĐẦU TIÊN** TẠI VIỆT NAM CHẠM MỐC

DOANH THU **1 TỶ $**

KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ SỐ 1 TRONG
CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CỐT LÕI
BẢO HIỂM - ĐẦU TƯ - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

BAOVIET

2016
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2017
SẴN SÀNG CẤT CÁNH

2018
KHẲNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU VIỆT

2019
ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

2020
KHẲNG ĐỊNH
VỊ TRÍ SỐ 1

BAOVIET

TIÊN PHONG ĐỂ BỀN VỮNG

ĐỔI MỚI ĐỂ BỨT PHÁ

HỢP LỰC ĐỂ BAY XA

CHIA SẺ ĐỂ VƯƠN CAO

ĐOÀN KẾT ĐỂ CẤT CÁNH

ĐIỂM NHẤN CỦA BÁO CÁO

Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế International Integrated Reporting Council ('the IIRC') lần đầu tiên được Bảo Việt thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn tốt nhất trong và ngoài nước

ĐƯỢC ĐẢM BẢO
BỞI KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VỚI CÁC CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH

GRI STANDARDS

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
THEO TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

Global Reporting Initiative

CSI 100

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ,
XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP
BỀN VỮNG VIỆT NAM



Global Reporting Initiative

GRI STANDARDS



EY

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH
THEO CHUẨN MỰC **VAS & IFRS**

INTEGRATED REPORTING <IR>

BÁO CÁO TÍCH HỢP THEO
CHUẨN MỰC IIRC QUỐC TẾ

ISO 9001:2015

CÁC QUY TRÌNH THEO
CHUẨN MỰC ISO 9001:2015

GẮN KẾT 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THẾ GIỚI
VÀO HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

ACMF

ĐỐI CHIẾU VỚI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN
VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ISO 27001

CÁC CHUẨN MỰC VỀ AN TOÀN HỆ THỐNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 27001

QUACERT 0037-18

MÔI TRƯỜNG
THEO CHỨNG CHỈ 5S

Bảo Việt tiên phong lập Báo cáo Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI STANDARDS

Từ năm 2000, khung Báo cáo Phát triển bền vững của GRI đã được hàng ngàn tổ chức ở hơn 90 quốc gia sử dụng để báo cáo về những tác động của họ đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội.

Tháng 10/2016, GRI công bố Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững GRI đầu tiên.

Bộ tiêu chuẩn GRI tương thích với phạm vi và tiêu chuẩn toàn cầu về công bố thông tin phát triển bền vững, từ đó minh bạch hóa các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội. Sử dụng các tiêu chuẩn toàn cầu cũng là một cách đồng hóa phương thức truyền đạt giữa các doanh nghiệp tới các bên liên quan. Thông qua đó, các tác động đến từ doanh nghiệp có thể được truyền đạt và đánh giá bởi các bên liên quan.

GRI STANDARDS

01 Cấu trúc rõ ràng
Các tiêu chuẩn được sắp xếp theo nhóm và nội dung liên quan

02 Định dạng mới và các yêu cầu cụ thể hơn
Định dạng mới có sự phân biệt rõ ràng giữa các yêu cầu (sử dụng từ 'sẽ'), khuyến nghị (sử dụng từ 'nên') và hướng dẫn đi kèm

03 Bổ sung yêu cầu giải trình
Các khái niệm chính từ bộ hướng dẫn G4 đã được làm rõ và yêu cầu xác định cụ thể phạm vi báo cáo, giải trình các chủ đề không được đề cập trong tiêu chuẩn GRI, v.v…

04 Áp dụng linh hoạt hơn và tăng tính minh bạch
Dễ dàng hơn cho doanh nghiệp báo cáo nội dung cụ thể theo các tiêu chuẩn chia nhóm

05 Nâng cấp và điều chỉnh toàn diện
Nội dung từ bộ hướng dẫn G4 đã được chỉnh sửa rõ ràng hơn và đơn giản hóa ngôn ngữ truyền đạt

Sự khác biệt giữa hướng dẫn GRI-G4 và tiêu chuẩn GRI

Cấu trúc của bộ tiêu chuẩn GRI bao gồm:

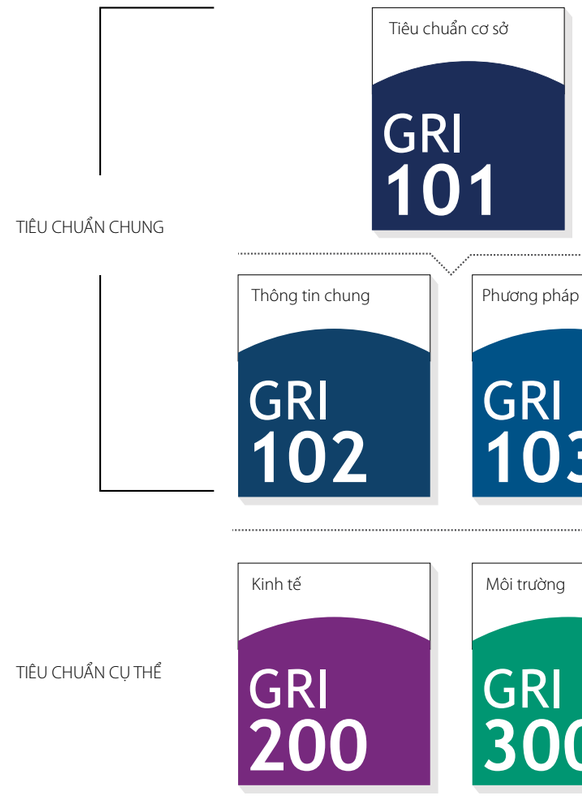
• 3 tiêu chuẩn cơ sở tổng quát, áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp.

• 33 tiêu chuẩn theo các chủ đề cụ thể, được sắp xếp theo các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội.

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Bảo Việt đã lựa chọn và sử dụng các tiêu chuẩn trong cả 3 bộ tiêu chuẩn chủ đề Kinh tế, Môi trường và Xã hội dựa trên các vấn đề trọng yếu của chúng tôi.

CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
THEO TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

GRI Empowering Sustainable Decisions



Thông tin chi tiết vui lòng xem Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG



GRI 101

Tổng quan về báo cáo



GRI 102-1
GRI 102-56

Tiêu chuẩn cơ sở



GRI 103-1
GRI 103-3

Phương pháp quản trị



GRI 102-14
GRI 102-15

Chiến lược



GRI 102-1
GRI 102-13

Thông tin chung về tổ chức



GRI 102-16
GRI 102-17

Đạo đức và tính chính trực



GRI 102-18
GRI 102-39

Quản trị phát triển bền vững



GRI 102-40
GRI 102-44

Gắn kết với các bên liên quan



GRI 102-47

Ma trận xác định các lĩnh vực trọng yếu

KINH TẾ





GRI 201

Hiệu quả hoạt động kinh tế



GRI 202

Sự hiện diện trên thị trường



GRI 203

Tác động kinh tế gián tiếp



GRI 204

Thông lệ mua sắm



GRI 205

Chống tham nhũng



GRI 206

Hành vi chống cạnh tranh

MÔI TRƯỜNG





GRI 302

Năng lượng



GRI 305

Phát thải, Nước thải và Chất thải



GRI 307

Tuân thủ về Môi trường

XÃ HỘI





GRI 401

Việc làm



GRI 403

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp



GRI 404

Giáo dục và đào tạo



GRI 405

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng



GRI 407

Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể



GRI 411

Quyền của người bản địa



GRI 413

Cộng đồng địa phương



GRI 416

An toàn sức khỏe nghề nghiệp



GRI 417

Tiếp thị và nhãn hiệu

Thông tin chi tiết vui lòng xem Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Bảo Việt

GẮN KẾT CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2016

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 của doanh nghiệp vào các hoạt động trong năm 2016, các hoạt động được báo cáo dựa theo các tiêu chuẩn GRI được liệt kê dưới đây:



KINH TẾ

- GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ
- GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG
- GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP
- GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG
- GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH

MÔI TRƯỜNG

- GRI 302: NĂNG LƯỢNG
- GRI 305: CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ PHÁT THẢI
- GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

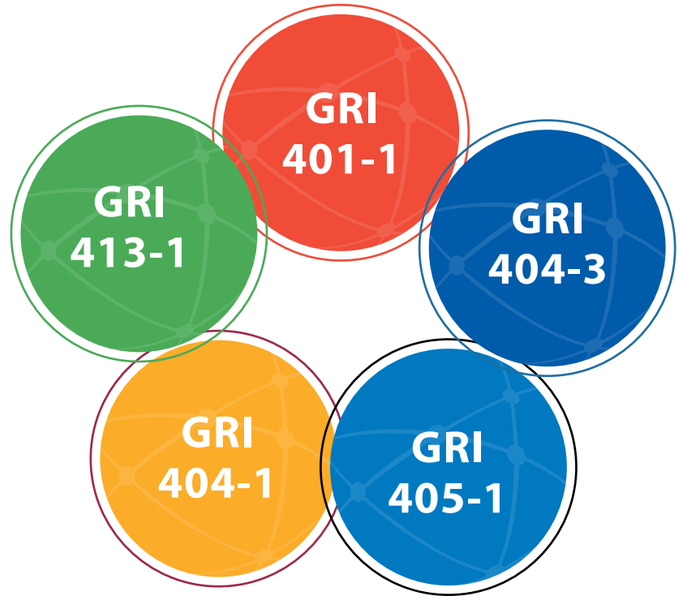
XÃ HỘI

- GRI 401: VIỆC LÀM
- GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
- GRI 416: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG
- GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
- GRI 407: QUYỀN THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ
- GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU
- GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ
- GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA
- GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
- GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2016, Bảo Việt thí điểm tiên phong triển khai áp dụng tiêu chuẩn GRI Standards trong Báo cáo Phát triển bền vững, và Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt cũng tham gia vào việc kiểm toán các nội dung trong tiêu chuẩn để đảm bảo phù hợp với chiến lược, kế hoạch của Bảo Việt. Các chỉ tiêu được lựa chọn kiểm toán nằm trong các lĩnh vực trọng yếu Tập đoàn Bảo Việt ưu tiên thực hiện trong năm 2016.

CHỈ TIÊU	THEO GRI STANDARDS
401-1	Số lượng nhân viên tuyển dụng mới và tỷ lệ thôi việc
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển



Thông tin chi tiết vui lòng xem Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Bảo Việt

BAOVIET Holdings

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 618/TĐBV-KTNB
V/v: Đảm bảo có giới hạn một số chỉ số phát triển bền vững

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Tập đoàn Bảo Việt

Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ số trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện dịch vụ đảm bảo có giới hạn về một số chỉ số Phát triển bền vững năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 theo các tiêu chuẩn báo cáo của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) công bố vào tháng 11 năm 2016. Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016.

Ban Điều hành và các Khối/Phòng chức năng/đơn vị liên quan phản hồi các ý kiến đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ và trên cơ sở thống nhất cam kết thực hiện các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ thông qua việc phân công cán bộ thực hiện, người chủ trì, người giám sát, ngày hoàn thành thực hiện khuyến nghị và gửi báo cáo tình hình thực hiện khuyến nghị theo thời điểm cam kết.

Trách nhiệm của Khối Kiểm toán nội bộ

Khối Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn và rà soát các khuyến nghị của PWC Việt Nam có liên quan đến phạm vi đánh giá dựa trên các thủ tục đã được quy định tại Quy trình Kiểm toán nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 692/2010/QĐ-UBKT ngày 07/06/2010 của Tập đoàn Bảo Việt, các Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ quốc tế và các hướng dẫn của Viện Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Khối Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn và thực hiện các thủ tục phân tích được hỗ trợ thêm bằng việc kiểm tra chọn mẫu các tài liệu, báo cáo và công tác đối chiếu.

Các phát hiện chi tiết trong Báo cáo Kiểm toán nội bộ được thảo luận với Ban Điều hành và lãnh đạo các Khối/Phòng chức năng/đơn vị có liên quan.

Phạm vi rà soát và đảm bảo:

Dựa trên 11 mục tiêu Tập đoàn Bảo Việt đã lựa chọn từ 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc trong đó có 07 mục tiêu về xây dựng xã hội bền vững, trong giới hạn nguồn lực, Khối Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo cho một số chỉ số Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 dựa trên Bộ tiêu chuẩn GRI năm 2016 bao gồm:

- GRI 401-1: Nhân viên tuyển mới và nghỉ việc;
- GRI 404-1: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên;
- GRI 404-3: Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ;
- GRI 405-1: Sự đa dạng của cấp quản trị và nhân viên;
- GRI 413-1: Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.

Kết luận:

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt đã thiết lập các thủ tục và kiểm soát nội bộ cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn đảm bảo trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016.

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã được nêu trên, Khối Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn trình bày trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày hợp lý theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn GRI năm 2016.

Trong phạm vi đảm bảo, Khối Kiểm toán nội bộ có đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện quy trình lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững bao gồm một số nội dung sau: Thành phần nhóm công tác lập Báo cáo Phát triển bền vững; Thay đổi tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững; Đào tạo, hướng dẫn về việc tính toán và trình bày các chỉ số báo cáo; Cập nhật mẫu biểu thu thập thông tin; Rà soát các chỉ số Phát triển bền vững.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, Khối KTNB.

KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ
GIÁM ĐỐC

Trần Thị Diệu Hằng

8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội I **Tel** (+84 4) 3928 9999 I **Fax** (+84 4) 3928 9609 I **Email** service@baoviet.com.vn
www.baoviet.com.vn

ĐOÀN KẾT ĐỂ CẤT CÁNH

01 TỔNG QUAN
ĐOÀN KẾT ĐỂ CẤT CÁNH



- THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
- TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP
- SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPI)



ĐOÀN KẾT

Ông **ĐÀO ĐÌNH THI**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Phó Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam

“ Để đạt được các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt tập trung đẩy mạnh triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm nhằm chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh mới, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả. Với sự ***đoàn kết***, đồng lòng trên nền tảng **“Một Bảo Việt”** của toàn hệ thống, Bảo Việt đã chuẩn bị tâm thế vững vàng để **“Sẵn sàng cất cánh”**, tạo sự bứt phá trên mọi mặt hoạt động. ”

ĐOÀN KẾT ĐỂ CÁT CÁNH

Tạo lập và phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường vốn tại Việt Nam.

VỊ THẾ DOANH NGHIỆP 1 TỶ USD TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM VIỆT NAM

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định, tạo **nền tảng vững chắc** để phát triển bền vững trong tương lai.



Tiên phong trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu,…



Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu thị trường, có khả năng cung cấp **dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng**.

Vị thế khác biệt và vượt trội với lịch sử lâu đời, thương hiệu uy tín, nhân sự giàu kinh nghiệm và quy mô mạng lưới rộng khắp toàn quốc.

THƯƠNG HIỆU BẢO VIỆT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ Ở MỨC A+ VỚI GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU ĐẠT 89 TRIỆU USD

Thương hiệu Bảo Việt được vinh danh với nhiều **giải thưởng danh giá** trong và ngoài nước.



Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng.

Đội ngũ lãnh đạo cấp cao nhiều kinh nghiệm, nhiệt huyết, đoàn kết, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh hiệu quả.



SẴN SÀNG CẤT CÁNH

THÔNG ĐIỆP

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Phó Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp

vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD)

"Với những nền tảng xây dựng được, Bảo Việt luôn đoàn kết, đồng lòng, bám sát định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp trọng tâm để chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cho phát triển bền vững và tâm thế cho hội nhập."

Sẵn sàng Cất cánh

Bảo Việt đã chuẩn bị đầy đủ tâm thế, nguồn lực và sẵn sàng cho những phát triển mạnh mẽ hơn nữa để tiếp tục nâng cao các giá trị cốt lõi của Bảo Việt, tiếp tục lan tỏa trong các hoạt động kinh doanh và các hoạt động của cộng đồng. Hãy cùng Bảo Việt vững bước trên chặng đường phát triển mới với những thành công tiếp theo đang đón chờ phía trước!

Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Trải qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, Tập đoàn Bảo Việt đã vượt qua những khó khăn, thử thách, tự hào đi đầu với nhiều thành tựu và kết quả kinh doanh tốt đẹp. Năm 2016 là mốc son của Tập đoàn Bảo Việt khi trở thành doanh nghiệp Tài chính – Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam đạt doanh thu trên **1 tỷ USD**.

HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2016 với thông điệp ***"Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững"*** - năm tiền đề thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kết quả doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng vượt bậc; Thương hiệu Bảo Việt được vinh danh với nhiều giải thưởng danh giá như Giải đặc biệt Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất Châu Á năm 2016, Top 100 Báo cáo Tích hợp tốt nhất thế giới, Top 10 nhãn hiệu uy tín và nổi tiếng nhất Việt Nam, Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 do Forbes Việt Nam bình chọn... Theo đó, thương hiệu Bảo Việt được đánh giá ở mức A+ với giá trị thương hiệu đạt 89 triệu USD, tăng hơn 10 triệu USD so với năm 2015.

Năm qua, các đơn vị thành viên của Bảo Việt đã tập trung đẩy mạnh đổi mới mô hình kinh doanh theo định hướng mở rộng quy mô mạng lưới chiếm lĩnh thị trường, tăng cường hợp tác nội bộ, bán chéo sản phẩm. Chất lượng dịch vụ khách hàng được quan tâm và nâng cao, đội ngũ cán bộ kinh doanh ngày càng chuyên nghiệp, các đơn vị thành viên triển khai đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính tích hợp, trọn gói nhằm đón đầu các xu hướng, cơ hội mới trên thị trường Tài chính – Bảo hiểm – Ngân hàng.







SẴN SÀNG CẤT CÁNH

Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động hợp lực trong toàn Tập đoàn nhằm khơi thông các nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, từ đó tạo nên sức mạnh mới và tạo đà cho Bảo Việt ***"Sẵn sàng cất cánh"*** với mục tiêu đạt vị trí dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ trong năm 2017, tiếp tục vươn cao hơn và xa hơn với mục tiêu "Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả".

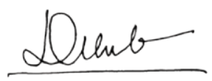
MỘT BẢO VIỆT ĐOÀN KẾT - ĐỒNG LÒNG

Với tinh thần ***"Vì một Bảo Việt"*** và phương châm hành động ***"Đoàn kết – Chia sẻ - Hợp lực – Đổi mới – Tiên phong"***, tập thể cán bộ, nhân viên, tư vấn viên sẽ chung sức, đồng lòng để hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh 2017; khẳng định là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu chiến lược phát triển 2016 - 2020 của Tập đoàn, hướng tới một "doanh nghiệp số" trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Bảo Việt đã chuẩn bị đầy đủ tâm thế, nguồn lực và sẵn sàng cho những phát triển mạnh mẽ hơn nữa để tiếp tục nâng cao các giá trị cốt lõi của Bảo Việt, tiếp tục lan tỏa trong các hoạt động kinh doanh và các hoạt động của cộng đồng. Hãy cùng Bảo Việt vững bước trên chặng đường phát triển mới với những thành công tiếp theo đang đón chờ phía trước!

Trân trọng cảm ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Đào Đình Thi







BAOVIET

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM VƯỢT MỐC DOANH THU 1 TỶ USD

THÔNG ĐIỆP

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

"1 tỷ Đô la Mỹ là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam như Bảo Việt. Chúng tôi sẽ tiếp tục bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, đẩy mạnh các hoạt động hợp lực, quyết tâm, đồng lòng thực hiện đồng bộ các giải pháp chiến lược trong toàn hệ thống, từ đó tạo nên sức mạnh mới, tạo đà cho Bảo Việt ***"Sẵn sàng cất cánh"*** *trong năm 2017 và phát triển bền vững trong dài hạn."*

VỊ THẾ TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM VƯỢT MỐC DOANH THU 1 TỶ USD

Thân gửi các Quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2016 chứng kiến rất nhiều biến động của nền kinh tế - chính trị thế giới với những sự kiện như Brexit, tỷ phú Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ cùng với xu hướng bảo hộ thương mại, sự suy giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, việc điều chỉnh lãi suất của ngân hàng trung ương các nước đặc biệt là của Fed... đã có những tác động không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam.

Trong nước, sau thành công của Đại hội Đảng lần thứ XII, bầu cử Quốc hội khóa XIV, Chính phủ mới đã nỗ lực triển khai những giải pháp quan trọng nhằm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Nền kinh tế đang bắt đầu hồi phục nhẹ trở lại, cho thấy khả năng quay lại chu kỳ tăng trưởng.

Đối với Tập đoàn Bảo Việt, năm 2016 là năm bản lề thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020. Với thông điệp ***"Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững"***, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường đầu tư vào phát triển sản phẩm, công nghệ thông tin, nhân sự - hệ thống, thương hiệu, quản trị, quản lý rủi ro, đầu tư xây dựng trụ sở,... để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó nổi bật nhất là việc triển khai mạnh mẽ Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, đẩy mạnh bán chéo giữa các đơn vị thành viên, giúp khơi thông và phát huy hiệu quả những thế mạnh sẵn có của Bảo Việt về con người, mạng lưới hệ thống và khả năng phát triển những sản phẩm tích hợp. Kết quả là rất nhiều sản phẩm mới hội tụ những đặc trưng riêng có của Bảo Việt đã được ra mắt và được đông đảo khách hàng ủng hộ tin dùng (BAOVIET Easy Car - cho vay mua ô tô với lãi suất ưu đãi và được tặng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay, BAOVIET Easy Life - sản phẩm cho vay thấu chi theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, K-Care - bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh Ung thư). Bên cạnh đó, quy mô mạng lưới của Bảo Việt cũng không ngừng mở rộng từ 167 công ty thành viên lên đến hơn 180 công ty thành viên, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trên khắp các tỉnh thành trong cả nước; hình ảnh thương hiệu Bảo Việt với màu sắc tươi mới, trẻ trung, khỏe khoắn cũng được triển khai nhất quán trên toàn hệ thống và được ghi nhận, đánh giá cao qua các giải thưởng danh giá trên thị trường khu vực.

Những thành công này sẽ tạo nền tảng vững chắc để Bảo Việt không ngừng lớn mạnh trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tăng trưởng bền vững, hiệu quả

Với việc triển khai quyết liệt và hiệu quả các giải pháp chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Tổng doanh thu Hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2016 đạt 25.675 tỷ đồng, hoàn thành vượt 14,1% kế hoạch, tăng trưởng 23,5% so với năm 2015. Với kết quả này, Bảo Việt là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu **1 tỷ USD**, khẳng định vị thế thương hiệu và năng lực tài chính mạnh của doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm tại Việt Nam.

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

3 TỶ USD

72.996 Tỷ đồng 24,7%

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

1 TỶ USD

25.675 Tỷ đồng 23,5%

BVH: GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

1,7 TỶ USD

tại thời điểm 31-12-2016

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU BẢO VIỆT

89 TRIỆU USD

tăng 10 triệu USD so với năm 2015

Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông giao với tổng doanh thu đạt 1.400 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch, tăng trưởng 6,3% so với năm 2015; lợi nhuận trước thuế đạt 1.043 tỷ đồng, vượt 3,8% kế hoạch, tăng trưởng 2,2% so với năm 2015; lợi nhuận sau thuế đạt 1.022 tỷ đồng, vượt 1,7% kế hoạch, tăng trưởng 1,9% so với năm 2015. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 15%.

Bứt phá mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ bứt phá ấn tượng, tăng trưởng hai con số, với tổng doanh thu đạt 7.669 tỷ đồng, tăng trưởng 12,2% so với năm 2015. Trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 6.565 tỷ đồng, tăng trưởng 12,6% so với 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 301 tỷ đồng, tăng trưởng 3,5% so với năm 2015. Với bề dày trên 50 năm phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn tự hào giữ vững vai trò doanh nghiệp dẫn dắt và kiến tạo thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, với nguồn lực mạnh mẽ và thực hiện đúng cam kết của mình trước khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ giữ đà tăng trưởng mạnh mẽ, tổng doanh thu đạt 17.117 tỷ đồng, tăng trưởng 30,9% so với năm 2015, trong đó doanh thu khai thác mới đạt 3.666 tỷ đồng, tăng trưởng 42% so với năm 2015. Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục là doanh nghiệp chiếm thị phần tổng doanh thu lớn trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Lĩnh vực Quản lý Quỹ phát triển mạnh mẽ với nhiều con số ấn tượng. Tính đến 31/12/2016, tổng tài sản quản lý của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 38.086 tỷ đồng, tăng trưởng 22,8% so với năm 2015. Tổng Doanh thu của Công ty đạt 89 tỷ đồng, tăng trưởng 49,9% so với 2015; Lợi nhuận sau thuế đạt 25 tỷ đồng, tăng trưởng 63,9% so với năm 2015. Bên cạnh đó, Công ty đã ra mắt 2 sản phẩm mới là Quỹ đầu tư trái phiếu (BVBF), Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng (BVPF) và vận hành thành công hệ thống Phần mềm Quản lý đầu tư chuyên nghiệp và theo tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã được Global Banking & Finance Review – Tạp chí uy tín hàng đầu về tài chính ngân hàng của Anh quốc bình chọn là "Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2016".

Giữ đà phát triển trong hoạt động dịch vụ tài chính

Lĩnh vực chứng khoán: với nhiều nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trên tất cả các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã đạt tổng doanh thu 294 tỷ đồng, tăng trưởng 2,3% so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 102 tỷ đồng, hoàn thành 104,2% kế hoạch. Mặc dù gặp phải sự cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác về lãi suất cũng như nhu cầu vay vốn biến động của khách hàng qua từng thời điểm nhưng BVSC vẫn kiểm soát tốt nguồn vốn, bảo toàn và hoạt động hiệu quả.

Lĩnh vực Quản lý và kinh doanh bất động sản: mặc dù năm 2016 là năm khó khăn, thách thức khi Công ty cổ phần Đầu tư Bảo Việt đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, ổn định bộ máy tổ chức, Công ty đã nỗ lực đạt tổng doanh thu 219 tỷ đồng, đóng góp vào kết quả kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Những kết quả đáng tự hào này khẳng định tính đúng đắn trong định hướng phát triển bền vững của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; là thành quả lao động miệt mài của toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên của Bảo Việt trên mọi miền đất nước và ghi một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Bảo Việt.

BẢO HIỂM BẢO VIỆT
Tổng doanh thu

7.669 Tỷ đồng 12,2%

BẢO VIỆT NHÂN THỌ
Doanh thu khai thác mới

3.666 Tỷ đồng 42%

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
Tổng tài sản quản lý

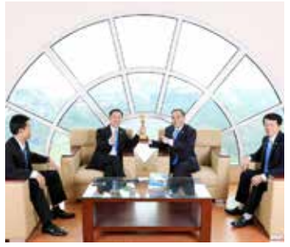
38.086 Tỷ đồng 22,8%

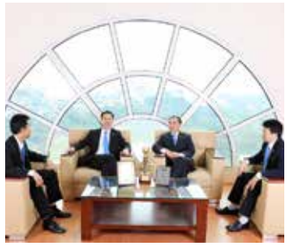
THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

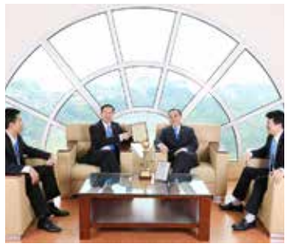
Năm 2017 - Sẵn sàng cất cánh

Năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam được dự báo có triển vọng tăng trưởng, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của những thay đổi khó lường đến từ các nền kinh tế thế giới.

Với thông điệp ***"Sẵn sàng cất cánh"***, Bảo Việt sẽ luôn bám sát định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp trọng tâm để chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cho phát triển bền vững. Cụ thể, Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt đảm bảo nâng cao hiệu quả về chất, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tích hợp bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng tạo nên thế mạnh riêng có của Bảo Việt; hoàn thiện hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động kinh doanh trong thời đại công nghệ số; tập trung đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường quảng cáo - truyền thông - nhận diện thương hiệu trên toàn quốc để hình ảnh Bảo Việt thực sự trở nên thân thiết, gần gũi hơn với khách hàng; nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.







Như một câu nói rất nổi tiếng *"Nếu muốn đi nhanh, bạn có thể đi một mình, nhưng để đi thật xa, hãy đi cùng nhau"*, với sự nỗ lực, đồng lòng, quyết tâm thực hiện đồng bộ những giải pháp này trong toàn hệ thống, tôi tin tưởng rằng Bảo Việt đã ***"Sẵn sàng cất cánh"*** trong năm 2017 nhằm khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn năm 2025 của Bảo Việt - *"Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả"*, không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành và hỗ trợ Bảo Việt trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để Bảo Việt luôn vững bước trên chặng đường phát triển.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Phi

BAOVIET

TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

NĂNG ĐỘNG
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới.

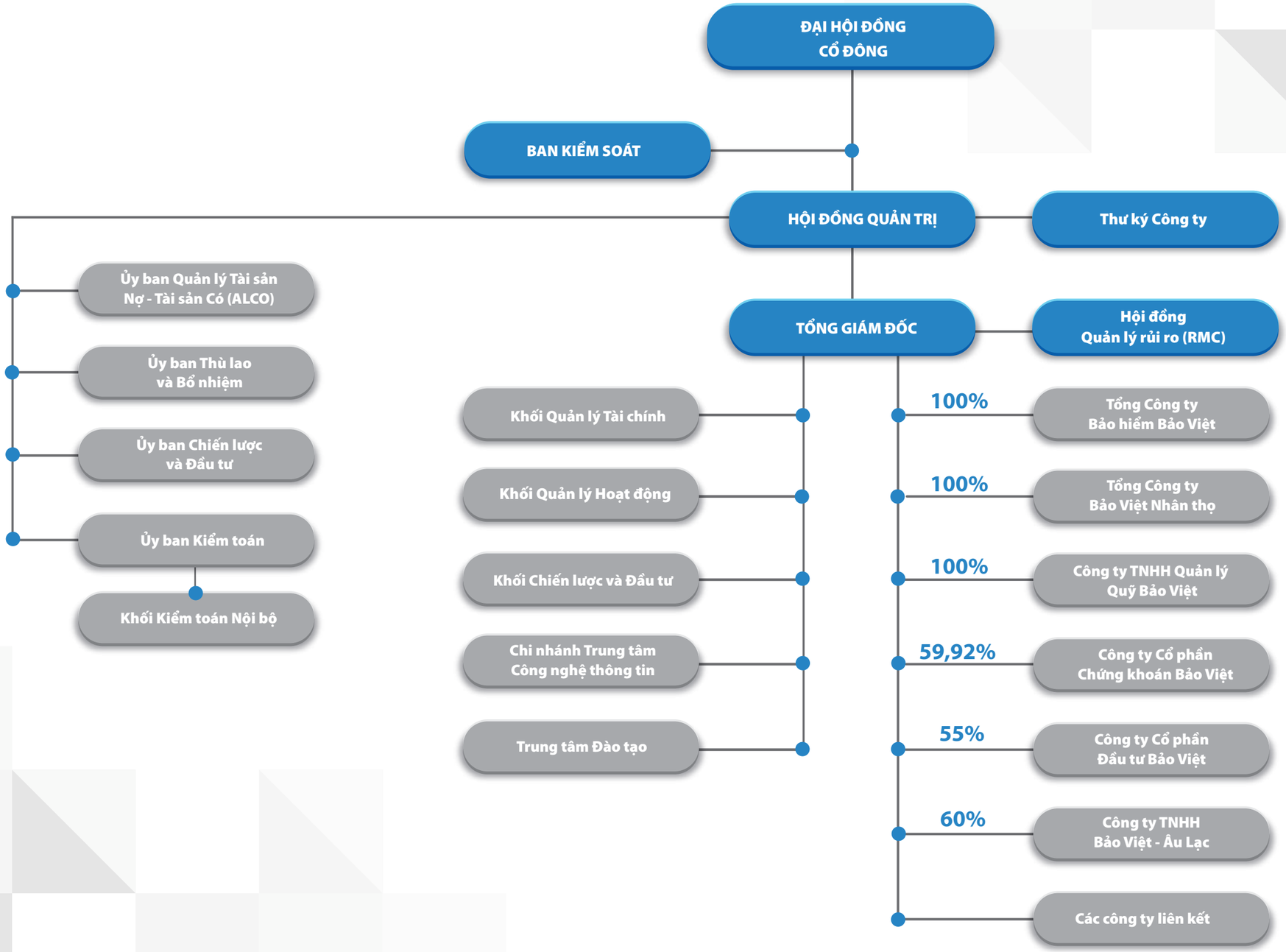
TINH THẦN HỢP TÁC
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp.

CHẤT LƯỢNG
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn.

DỄ TIẾP CẬN
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cận và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình.

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
Có tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng, đồng nghiệp và trung thực trong công việc.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN





Ông ĐẬU MINH LÂM
Thành viên HĐQT

Ông PHAN KIM BẰNG
Thành viên HĐQT

Bà THÂN HIỀN ANH
Thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN QUANG PHI
Thành viên HĐQT

Ông MUNEO SASAGAWA
Thành viên HĐQT

Ông SHUICHI SAKAI
Thành viên HĐQT

Ông ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch HĐQT

Ông NGUYỄN ANH TÙNG
Thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông PHẠM NGỌC TÚ
Phó Giám đốc phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc Khối Quản lý
Hoạt động

Ông NGUYỄN QUANG PHI
Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN MINH HOÀNG
Giám đốc Khối Chiến lược và
Đầu tư

Ông TRỊNH MINH HOÀNG
Phó Giám đốc phụ trách
Chi nhánh Trung tâm
Công nghệ thông tin

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng

Ông NGUYỄN THANH HẢI
Giám đốc Trung tâm Đào tạo



Ông NGUYỄN NGỌC THỤY
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà PHÍ THỊ QUỲNH NGA
Kiểm soát viên



Ông ÔNG TIẾN HÙNG
Kiểm soát viên

1



Bảo Việt trở thành Doanh nghiệp Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên đạt doanh thu 1 tỷ USD tại Việt Nam.

Năm 2016, Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD, khẳng định vị thế thương hiệu và năng lực tài chính mạnh của định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

2



Bảo Việt đạt Giải Đặc biệt tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên tốt nhất 2016.

Bảo Việt tiếp tục giành ngôi vị cao nhất - GIẢI NHẤT Báo cáo Tích hợp và GIẢI ĐẶC BIỆT Báo cáo Phát triển bền vững, Giải nhì Báo cáo quản trị doanh nghiệp tại cuộc bình chọn Báo cáo thường niên tốt nhất 2016; GIẢI ĐẶC BIỆT Báo cáo Phát triển bền vững châu Á (ASRA); 05 giải bạch kim dành cho Báo cáo xuất sắc nhất, Top 100 Báo cáo Tích hợp tốt nhất thế giới tại Cuộc bình chọn Vision Awards (Hoa Kỳ).

3



Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt được đẩy mạnh triển khai và đạt được những kết quả nổi bật.

Năm 2016, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt nhằm khơi thông mọi nguồn lực trong toàn hệ thống về con người, mạng lưới, khách hàng, thúc đẩy hợp tác nội bộ giữa các đơn vị thành viên, phát triển những sản phẩm tích hợp Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng ưu việt nhằm mang đến sự đa dạng, thuận tiện và lợi ích tối đa cho khách hàng.

4



Ra mắt chuỗi các sản phẩm tích hợp và chuyên biệt mang lại sự lựa chọn đa dạng và ưu đãi vượt trội cho khách hàng.

Năm 2016, các đơn vị thành viên của Bảo Việt đã ra mắt nhiều sản phẩm mới hội tụ những đặc trưng riêng có của Bảo Việt gồm: Sản phẩm tích hợp bảo hiểm - ngân hàng như Baoviet Easy Car; Baoviet Easy Life - sản phẩm cho vay thấu chi theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Bảo Việt K-Care - bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh Ung thư,...

5



Bảo Việt mở rộng mạng lưới hoạt động, vươn xa để đến gần hơn với khách hàng.

Năm 2016, Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm có hệ thống mạng lưới phân phối lớn nhất Việt Nam, thông qua việc thành lập thêm 6 công ty thành viên trong hệ thống bảo hiểm phi nhân thọ và 5 công ty thành viên trong hệ thống bảo hiểm nhân thọ, nâng tổng số công ty thành viên lên hơn 180 công ty bao phủ khắp 63 tỉnh, thành trên cả nước.

6



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt trở thành công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam.

Tổng tài sản quản lý của Baoviet Fund năm 2016 đã tăng 50% so với năm 2015, đạt gần 1,7 tỷ USD. Năm 2016, Công ty ra mắt 2 sản phẩm mới là Quỹ đầu tư trái phiếu, Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng; Vận hành thành công hệ thống Phần mềm Quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế. Baoviet Fund đã được Global Banking & Finance Review bình chọn là *"Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam năm 2016"*.

7



Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt năm thứ hai liên tiếp nhận được các giải thưởng danh giá.

Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt đã không ngừng củng cố hoạt động, hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ. Năm 2016 là năm thứ 2 liên tiếp Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt được bình chọn là "Best Brokerage House Vietnam 2016" và "Best Equity House Vietnam 2016" theo đánh giá của Tạp chí Global Banking & Finance Review.

8



Đổi mới hình ảnh thương hiệu năng động - chuyên nghiệp - hiện đại; Giá trị thương hiệu Bảo Việt đạt 89 triệu USD, xếp hạng A+ theo định giá của Brand Finance (UK).

Bảo Việt đẩy mạnh triển khai nhất quán hình ảnh thương hiệu trên toàn quốc mang đến hình ảnh Một Bảo Việt trẻ trung, năng động và hiện đại, chuyên nghiệp và gần gũi hơn với khách hàng.... Thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance (UK) - hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới đánh giá là một trong "Top 50 thương hiệu Việt Nam có giá trị lớn nhất năm 2016".

9



Đầu tư hơn 200 tỷ đồng cho hoạt động An sinh Xã hội và phát triển cộng đồng bền vững.

Tính đến năm 2016, Quỹ An sinh Xã hội của Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư hơn 200 tỷ đồng cho các hoạt động vì cộng đồng với 04 trọng tâm chính bao gồm: xóa đói giảm nghèo; đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; tri ân gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và khắc phục hậu quả thiên tai...

10



Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.

Năm 2016 với khẩu hiệu là năm công nghệ thông tin, Bảo Việt đã tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm (như dự án InsureJ, New Core, Core Fund, Trung tâm dự phòng thảm họa...) Hệ thống quản lý an toàn thông tin của Bảo Việt đã đạt được chứng nhận ISO/IEC 27001:2013.

1



TOP 5
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR) TỐT NHẤT NĂM 2016

2



TOP 10
DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM 2016

3



TOP 50
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT UY TÍN NHẤT TRÊN TTCK VIỆT NAM NĂM THỨ 4 LIÊN TIẾP

4



BẢO VIỆT ĐẠT VỊ TRÍ THỨ 17
VÀ ĐƯỢC ĐỊNH GIÁ THƯƠNG HIỆU 89 TRIỆU USD DO BRAND FINANCE (UK) BÌNH CHỌN

10 GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 2016









5



GIẢI ĐẶC BIỆT BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỐT NHẤT 2016 (CHÂU Á)

GIẢI NHẤT BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2016 (VIỆT NAM)

GIẢI BẠCH KIM BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2016 (LACP, HOA KỲ)

6



TOP 100 BÁO CÁO TÍCH HỢP TỐT NHẤT THẾ GIỚI 2016

TOP 11 BÁO CÁO TÍCH HỢP TỐT NHẤT CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG 2016

GIẢI ĐẶC BIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016 (VIỆT NAM)

7



BVF ĐẠT GIẢI THƯỞNG "**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016**" DO GLOBAL BANKING & FINANCE REVIEW BÌNH CHỌN

8



BVSC ĐẠT GIẢI THƯỞNG **BEST BROKERAGE HOUSE VIETNAM** VÀ **BEST EQUITY HOUSE VIETNAM 2016** DO GLOBAL BANKING & FINANCE REVIEW TRAO TẶNG

9



SẢN PHẨM "AN PHÁT TRỌN ĐỜI" ĐẠT **GIẢI THƯỞNG SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ TỐT NHẤT** VIỆT NAM NĂM 2016

10

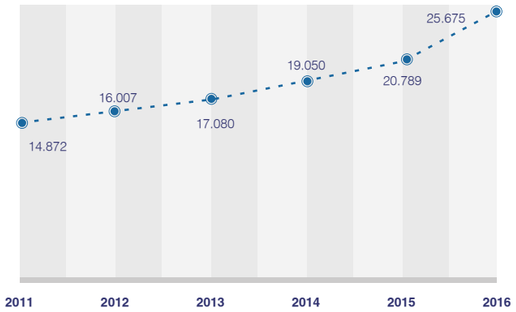


BAOVIET BANK NHẬN GIẢI THƯỞNG **NGÂN HÀNG VÌ CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU 2016**

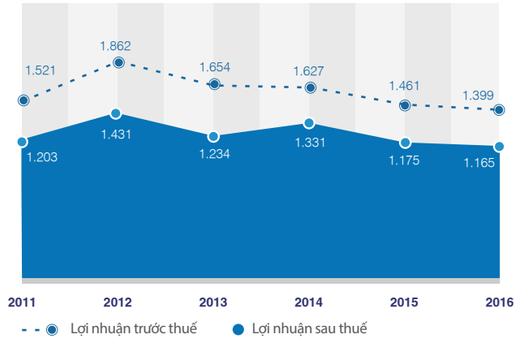
HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

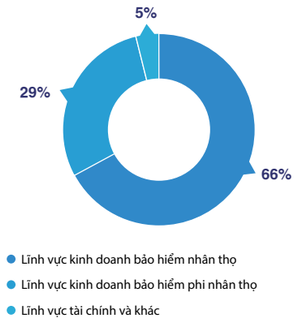
Tổng doanh thu



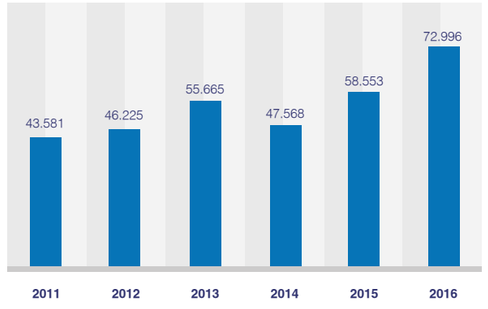
Lợi nhuận



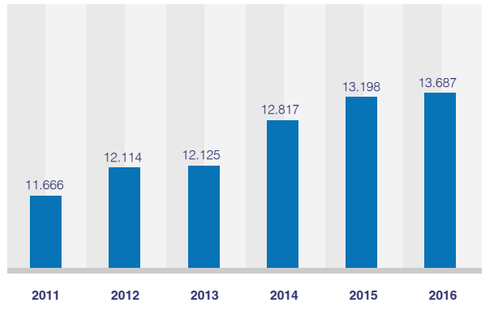
Cơ cấu Doanh thu hợp nhất theo các lĩnh vực năm 2016



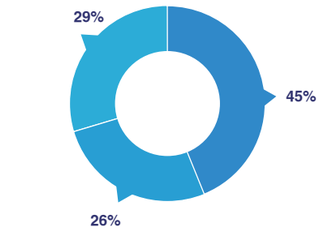
Tổng tài sản



Vốn chủ sở hữu



Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo các lĩnh vực năm 2016



Tổng doanh thu năm 2016



Tăng trưởng
23,5%

Lợi nhuận sau thuế năm 2016



Tổng tài sản tại 31/12/2016



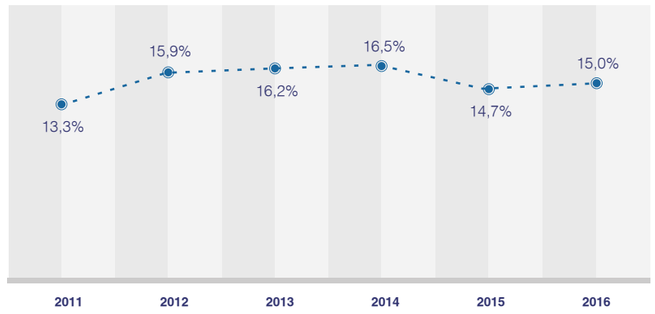
Tăng trưởng
24,7%

CÔNG TY MẸ NĂM 2016

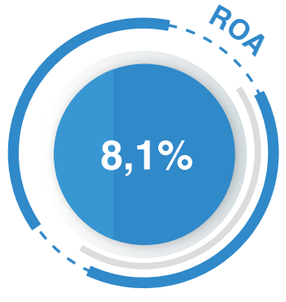
Đơn vị: Tỷ đồng

1.400 TỔNG DOANH THU	**12.636** TỔNG TÀI SẢN
1.043 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**1.022** LỢI NHUẬN SAU THUẾ
12.166 VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1.502** EPS (ĐỒNG)

Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ



Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản



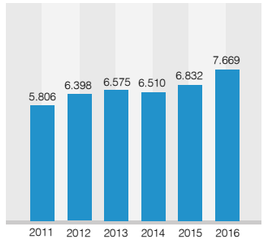
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ



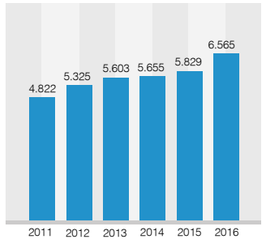
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Doanh thu phí Bảo hiểm gốc



372	301
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ

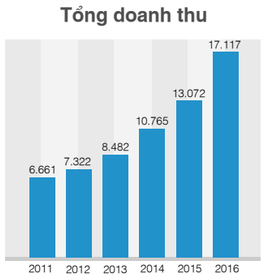
Tổng Tài sản tại 31/12/2016



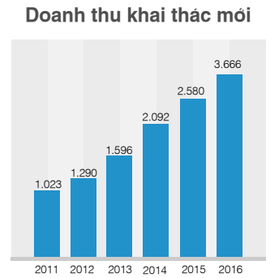
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Doanh thu khai thác mới



627	513
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ

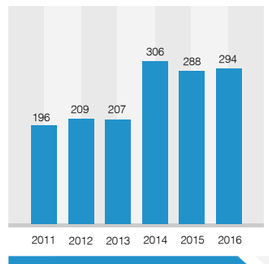
Tổng Tài sản tại 31/12/2016



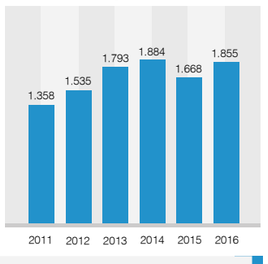
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Tổng tài sản



119	102
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ

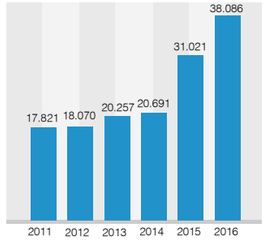
Tổng Tài sản tại 31/12/2016



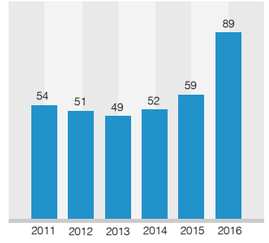
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng tài sản quản lý



Tổng doanh thu



31	25
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ

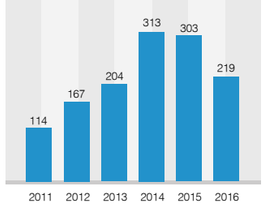
Tổng tài sản quản lý tại 31/12/2016



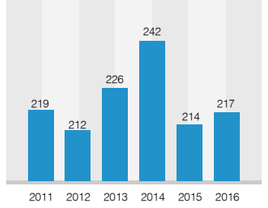
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Vốn Chủ sở hữu



4	3
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Tổng tài sản tại 31/12/2016





TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

BAOVIET

BẢO HIỂM • ĐẦU TƯ • TÀI CHÍNH • NGÂN HÀNG

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAOVIET

CHIA SẺ ĐỂ VƯƠN CAO

02 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
CHIA SẺ ĐỂ VƯƠN CAO



- LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG
- GẮN KẾT BÊN LIÊN QUAN VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU
- CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020



CHIA SẺ

Ông **NGUYỄN QUANG PHI**

Tổng Giám đốc

"Với kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2016 - trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên cán mốc doanh thu 1 tỷ USD, cùng với sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện đồng bộ những giải pháp trọng tâm trong toàn hệ thống, Bảo Việt đã chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực cho phát triển bền vững, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn năm 2025 của Bảo Việt - Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả, và không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan."

CHIA SẺ ĐỂ VƯƠN CAO

Gắn kết mục tiêu thiên niên kỷ trong chiến lược phát triển bền vững.

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025 LÀ "GIỮ VỮNG VỊ THẾ TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC TẾ, TIỀM LỰC TÀI CHÍNH MẠNH, TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ"

Năm 2017, kinh tế vĩ mô Việt Nam được đánh giá tiếp tục cải thiện, tạo cơ hội phát triển thị trường tài chính bảo hiểm ổn định.

Xây dựng và phát triển mối quan hệ đảm bảo lợi ích lâu dài giữa các bên, dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức.

Tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa **chiến lược phát triển bền vững**.

Gắn kết các bên liên quan trong xác định các vấn đề trọng yếu và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

CHIA SẺ GIÁ TRỊ CHO NHÀ ĐẦU TƯ, KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CỘNG ĐỒNG, 'SẴN SÀNG CẤT CÁNH' TRONG NĂM 2017

Năng lực tài chính vượt trội tạo cơ sở vững chắc trong hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ lớn nhất thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Phân bổ và tối ưu hóa các nguồn lực nhằm tạo ra giá trị.

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM - ĐẦU TƯ - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

BAOVIET

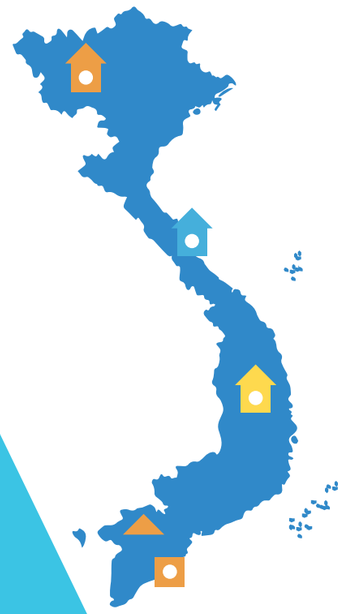
LỊCH SỬ

Thành lập ngày
15/01/1965

TRÊN
120.000
ĐẠI LÝ VÀ TƯ VẤN VIÊN

5.616
CÁN BỘ TOÀN HỆ THỐNG BẢO VIỆT

MẠNG LƯỚI



188
CHI NHÁNH & CTTV

700
PHÒNG GIAO DỊCH

63 TỈNH THÀNH TRONG CẢ NƯỚC

DANH MỤC SẢN PHẨM

- BẢO HIỂM (PHI NHÂN THỌ, NHÂN THỌ)
- ĐẦU TƯ
- TÀI CHÍNH
- NGÂN HÀNG

BAOVIET



VAI TRÒ TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam. Bảo Việt là thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều thành quả đổi mới toàn diện.
Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản…

VỊ THẾ KHÁC BIỆT VÀ VƯỢT TRỘI

Với hơn nửa thế kỷ phát triển, Bảo Việt là thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 120.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.
Mạng lưới phân phối quy mô lớn, với 188 chi nhánh và công ty thành viên, hơn 700 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG HIỆU QUẢ

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm – Đầu tư – Tài chính - Ngân hàng.
Năm 2016, Bảo Việt là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD, khẳng định vị thế thương hiệu và năng lực tài chính mạnh của doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm tại Việt Nam.
Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.
Là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài.
Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức cao và ổn định qua các năm.

1965
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965.

1989
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

1996
Thành lập Công ty Bảo hiểm Nhân thọ đầu tiên trên thị trường.

Trở thành Công ty Bảo hiểm hỗn hợp đầu tiên tại Việt Nam.

1999
Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường.

2005
Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

2007
IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt.

2008
Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2009
Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE.
Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.

HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%.

2010
Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

2011
Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu.

2012
Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2013
Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

2014
Tổ chức các hoạt động chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt.

2015
Hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011-2015.

2016
Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/8/2015.
Tập đoàn Bảo Việt hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện, trọn gói, bao gồm: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán, đầu tư, ngân hàng…

BẢO HIỂM

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm Y tế sức khỏe; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp...	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm hưu trí...	Kinh doanh tái bảo hiểm.

ĐẦU TƯ

Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, đầu tư kinh doanh bất động sản.	Quản lý ủy thác danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư...

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán.	Kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.	Tư vấn đầu tư chứng khoán.

NGÂN HÀNG

Huy động vốn: nhận tiền gửi; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác để huy động vốn.	Hoạt động tín dụng: cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính...	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.
Hiện nay, Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng.

MẠNG LƯỚI

Mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam với 188 chi nhánh và công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ tại 63 tỉnh thành, 400 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ, 300 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm dịch vụ phong phú, đa dạng với trên 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

ĐỊA BÀN KINH DOANH TRỌNG ĐIỂM

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương vẫn luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng, chiếm doanh thu lớn của Bảo Việt.

KHÁCH HÀNG

Phục vụ mọi đối tượng khách hàng trên khắp các tỉnh thành.

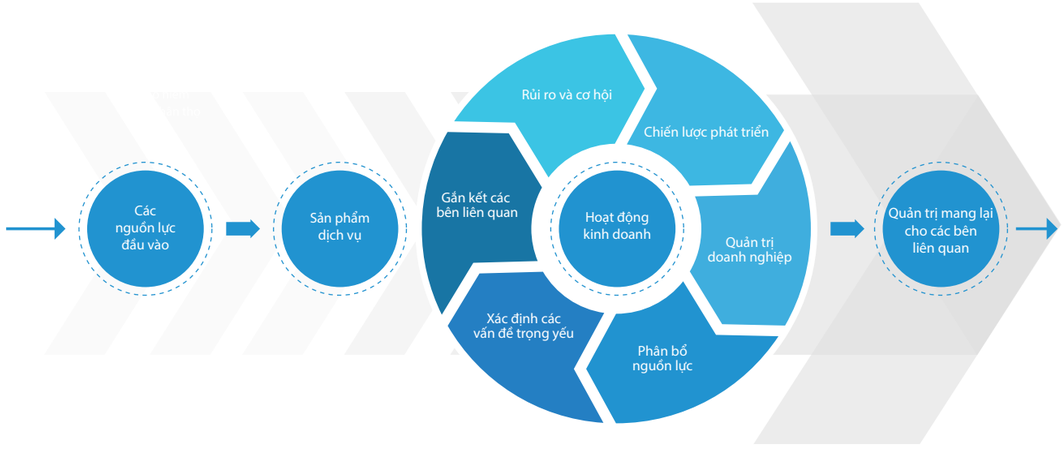
Môi trường kinh doanh là tổng hợp các yếu tố, các điều kiện có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực Bảo hiểm – Đầu tư - Dịch vụ Tài chính - Ngân hàng, trong quá trình hoạt động, Bảo Việt luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh, bao gồm môi trường bên trong và môi trường bên ngoài để hiểu rõ những yếu tố đang tạo ra cơ hội hay đe dọa đối với doanh nghiệp và các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Bảo Việt để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ RỦI RO TRONG NGẮN, TRUNG VÀ DÀI HẠN



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Trong bối cảnh kinh tế, thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam diễn biến phức tạp, Bảo Việt đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh, nhận diện các cơ hội và thách thức đối với Bảo Việt trong ngắn, trung và dài hạn.



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG DÀI HẠN (ĐẾN NĂM 2020)

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến năm 2020 bao gồm:

Yếu tố tác động chính	Các nhân tố ảnh hưởng	Bảo hiểm		Đầu tư	Dịch vụ tài chính
		BHPNT	BHNT		
Triển vọng kinh tế vĩ mô 2016-2020	Kinh tế vĩ mô phục hồi và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới	C	C	C	C
	Dòng vốn FDI gia tăng			C	C
	Thu nhập bình quân đầu người cải thiện		C	C	C
	Kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường	T	T	T	T
	Nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng			T	T
	Nợ xấu tiếp tục ở mức cao				T
Hội nhập quốc tế	Thúc đẩy hoạt động thương mại	C			
	Gia tăng dòng vốn FDI, ODA	C	C		
	Thị trường rộng lớn hơn	C	C	C	C
	Gia tăng cạnh tranh	T	T	T	T
	Yêu cầu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện	T	T	T	T
Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm	Thị trường phát triển ổn định lành mạnh và bền vững	C	C	C	C
	Khuôn khổ pháp lý càng hoàn thiện tiếp cận với thông lệ quốc tế			C	C
	Yêu cầu chuẩn hóa và tuân thủ các yêu cầu pháp lý	T	T	T	T
Yếu tố dân số- xã hội	Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP thấp		C		
	Cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng		C	C	C
	Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm ngày càng tăng		C		
	Áp lực nghiên cứu kỹ thị trường	T	T	T	T
Tốc độ phát triển công nghệ	Công nghệ phát triển mạnh mẽ	C	C	C	C
	Cạnh tranh phát triển sản phẩm sáng tạo	T	T	T	T
Biến đổi khí hậu	Xu thế chuyển giao rủi ro	C	C		
	Phát triển các sản phẩm tài chính vi mô	C	C	C	C
	Ảnh hưởng đến môi trường sống, gia tăng bệnh tật	T	T		

C Cơ hội T Thách thức

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn Bảo Việt luôn có sự chuẩn bị và chủ động trước các rủi ro. Năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý rủi ro chủ động, tham gia vào mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày. Các rủi ro được nhận dạng, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Ban quản trị, đảm bảo việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Tập đoàn. Các rủi ro được nhận diện và đánh giá là các rủi ro trọng yếu trong ngắn hạn, dài hạn và các rủi ro mới nổi tác động đến các lĩnh vực hoạt động của toàn Tập đoàn.

RỦI RO TRONG NGẮN HẠN

Hướng dẫn sử dụng ký hiệu:

Màu đỏ: Mức độ rủi ro cao
Màu vàng: Mức độ rủi ro trung bình
Màu xanh: Mức độ rủi ro thấp

↑ : Xu hướng rủi ro tăng lên
↔ : Xu hướng rủi ro ổn định
↓ : Xu hướng rủi ro giảm

RỦI RO BẢO HIỂM

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

Nhận diện

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tỷ lệ tử vong, tỷ lệ bệnh tật, tỷ lệ hủy hợp đồng, tỷ lệ bồi thường.
- Ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội, thiên tai.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro bảo hiểm:

- Được đo lường căn cứ vào dòng tiền trách nhiệm bảo hiểm
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng tuần, tháng, quý cho ban điều hành và hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các Công ty con.
- Được quản lý thông qua:
  - ✓ Áp dụng đầy đủ các quy trình trong tất cả các khâu của nghiệp vụ bảo hiểm;
  - ✓ Cập nhật, điều chỉnh phí bảo hiểm căn cứ trên tỷ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ);
  - ✓ Áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro;
  - ✓ Đánh giá rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm, từng địa phương.

RỦI RO TÍN DỤNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↓

Nhận diện

Rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay margin và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tín dụng:

- Được đo lường bằng số tiền mà khách hàng, đối tác không thể trả theo cam kết.
- Được giám sát, theo dõi việc tuân thủ hạn mức định kỳ hàng tháng trong báo cáo rủi ro cho Ban điều hành và báo cáo RMC hàng quý.
- Được quản lý bằng hạn mức, mô hình đánh giá tín nhiệm nội bộ được RMC Tập đoàn thông qua.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

Nhận diện

- Rủi ro thị trường phát sinh từ danh mục cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư ngắn hạn, danh mục ngoại tệ phục vụ nhu cầu thanh toán tái bảo hiểm.
- Danh mục chịu rủi ro thị trường chiếm tỷ trọng không đáng kể, tuy nhiên, tiềm ẩn rủi ro do nhân tố thị trường thường xuyên biến động.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường:

- Được đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1.
- Được giám sát bằng hệ thống báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo RMC và ALCO Tập đoàn hàng quý.
- Được quản lý bằng các thước đo, kết hợp với phương pháp phân tích kịch bản.

RỦI RO THANH KHOẢN

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↓

Nhận diện

- Rủi ro thanh khoản phát sinh từ vấn đề không cân đối dòng tiền của từng kỳ hạn giữa tài sản và trách nhiệm.
- Trong ngắn hạn có thể phát sinh từ việc duy trì không đủ nguồn tài sản thanh khoản cao, hoặc tài sản thanh hoán không đạt kỳ vọng do biến động xấu của thị trường.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro thanh khoản:

- Được đo lường bằng dự báo dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản cao.
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các công ty con.
- Được quản lý bằng hạn mức, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản.

RỦI RO TÍCH TỤ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

Nhận diện

- Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn gồm chứng khoán nợ, chứng khoán vốn; và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tích tụ:

- Được đo lường bằng cơ cấu tài sản, doanh thu, bồi thường theo đối tác khách hàng, theo lĩnh vực kinh doanh, theo địa bàn.
- Được giám sát bằng hệ thống báo cáo hàng tháng cho Ban điều hành và hàng quý tại RMC Tập đoàn và Công ty con.
- Được quản lý bằng hạn mức, quy trình, thủ tục phân quyền ra quyết định.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ⟷

Nhận diện

- Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ các hoạt động hàng ngày trong nội bộ, hoặc với bên ngoài, hoặc các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh.
- Rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, thất thoát tài sản thông tin.
- Rủi ro phát sinh từ bên ngoài, từ đại lý bảo hiểm, cơ sở y tế, chính quyền, địa phương…
- Rủi ro tuân thủ là một cấu phần của rủi ro hoạt động nhưng được xem xét thành nội dung cụ thể riêng (bên dưới).

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro hoạt động:

- Được đo lường bằng việc xem xét sự ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng về mặt tài chính, danh tiếng.
- Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, quý tùy từng lĩnh vực cho Ban lãnh đạo và RMC.
- Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, Quy chế An toàn thông tin, các quy định về an ninh bảo mật, các quy trình thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ.

RỦI RO TUÂN THỦ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ⟷

Nhận diện

- Rủi ro có thể phát sinh trong việc quản trị doanh nghiệp (tranh chấp quyền quản lý, điều hành doanh nghiệp, tranh chấp trong quá trình chào bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tranh chấp thẩm quyền quyết định, …).
- Rủi ro phát sinh trong việc giao kết, thực hiện Hợp đồng với các đối tác.
- Rủi ro phát sinh ngoài Hợp đồng (vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm quy định về việc cạnh tranh lành mạnh, …).
- Rủi ro liên quan tới các cơ quan quản lý nhà nước .
- Rủi ro liên quan tới việc vi phạm các quy định quản lý nội bộ trong doanh nghiệp .
- Rủi ro về chính sách pháp luật (Hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước còn thiếu, không đồng bộ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện).

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tuân thủ:

- Được đo lường bằng dự báo khả năng xảy ra tranh chấp và các tổn thất, thiệt hại mà doanh nghiệp có thể phải gánh chịu trong trường hợp xảy ra tranh chấp.
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các công ty con.
- Quản lý bằng việc xây dựng khung quản lý rủi ro tuân thủ, Sổ tay tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; xây dựng biểu đồ tuân thủ trong từng hoạt động của các Khối/ Trung tâm, Phòng, Ban chức năng.

RỦI RO DANH TIẾNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ⟷

Nhận diện

- Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh từ sự ảnh hưởng của các rủi ro khác, đặc biệt từ rủi ro tuân thủ.
- Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp, kỳ vọng, niềm tin của các bên liên quan.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro danh tiếng:

- Được đo lường bằng thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, báo chí, khách hàng, và người lao động.
- Được giám sát, theo dõi bằng các bài báo bởi cơ quan báo chí, các chỉ số từ trung tâm dịch vụ khách hàng.
- Được quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.

RỦI RO TRONG DÀI HẠN

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↓

Nhận diện

- Chiến lược giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 của Tập đoàn và kế hoạch triển khai chiến lược.
- Chiến lược vốn.
- Chiến lược Hợp lực.
- Năng lực cạnh tranh so với đối thủ.
- Việc tham gia vào lĩnh vực mới, thị trường mới.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro chiến lược:

- Được đo lường bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính của việc thực hiện chiến lược hàng năm.
- Giám sát, theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tuần, tháng, quý của các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện chiến lược cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị.
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm.

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ⟷

Nhận diện

- Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt.
- Các tác động của môi trường, xã hội đối với Bảo Việt.
- Các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường xã hội.

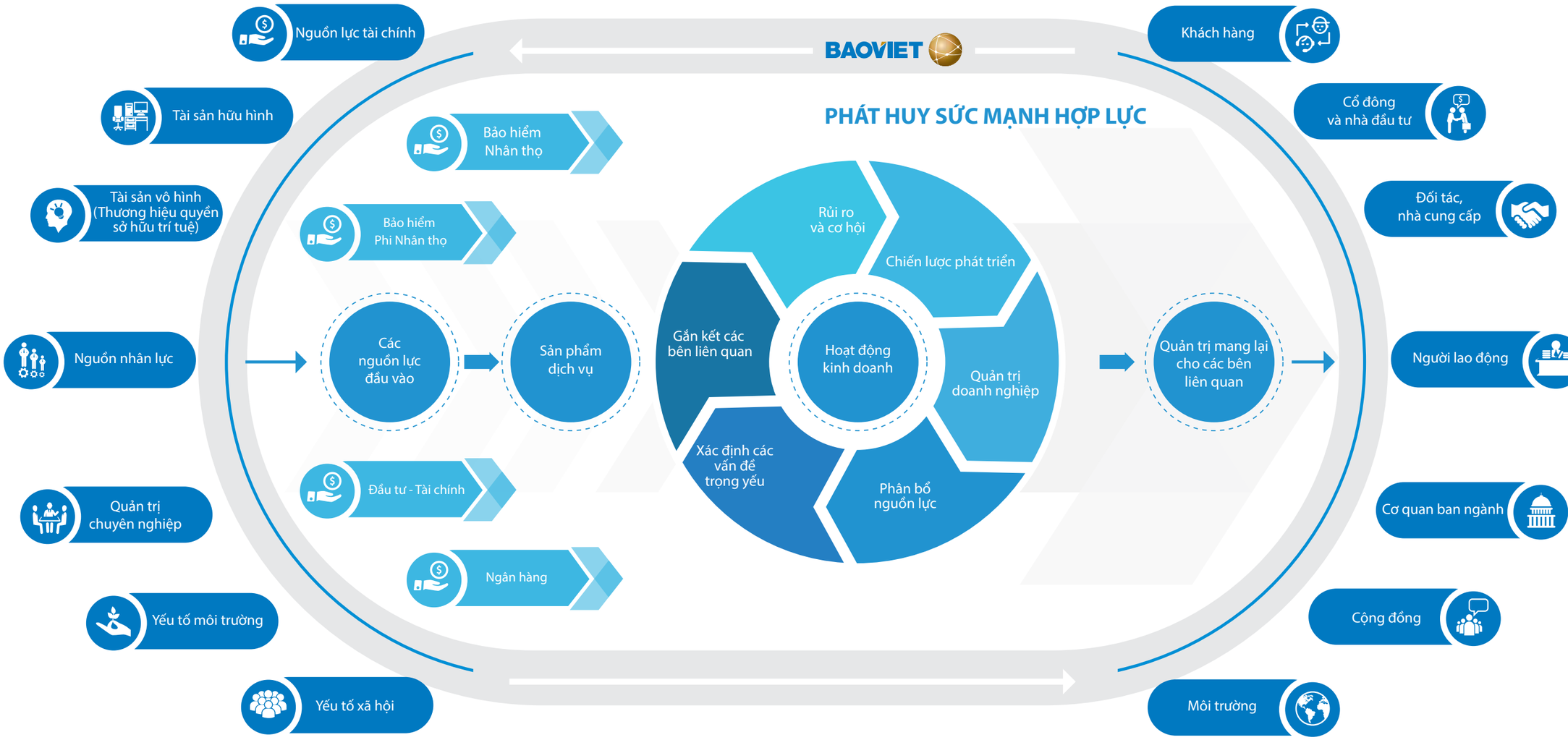
Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro phát triển bền vững:

- Được đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng.
- Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý tại RMC Tập đoàn.
- Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung phát triển bền vững bởi kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

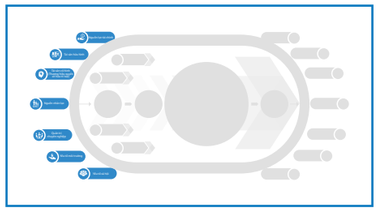
Bảo Việt luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh để hiểu rõ các yếu tố đang tạo ra cơ hội hay đe dọa đối với doanh nghiệp và các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Bảo Việt.



Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Yếu tố nội lực				Yếu tố bên ngoài	
Nguồn lực tài chính	Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình	Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ	Quản trị doanh nghiệp	Yếu tố xã hội	Yếu tố môi trường
Tiềm lực tài chính vững mạnh; Khai thác các cơ hội từ thị trường.	Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; Hệ thống phân phối quy mô lớn.	Năng lực phát triển sản phẩm; Hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược.	Năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.	Cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững và yếu tố nhân khẩu học.	Biến đổi khí hậu và xanh hóa hoạt động kinh doanh.

Việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.





CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (sản phẩm và dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường…).

Đối với Bảo Việt, chúng tôi xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các yếu tố nội lực (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) đã được Bảo Việt xây dựng và củng cố trong hơn nửa thế kỷ qua, cùng với việc nắm bắt và tận dụng các yếu tố bên ngoài như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững của Bảo Việt trong tương lai.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông)
- Vốn từ nguồn dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm)

- Nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp và đầy nhiệt huyết
- Lực lượng đại lý, tư vấn viên lớn, giàu kinh nghiệm, gắn bó
- Văn hóa doanh nghiệp vững mạnh

- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại
- Hệ thống phân phối quy mô lớn
- Hệ thống call-center 24/7
- Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam
- Sở hữu quỹ đất lớn tại các vị trí đắc địa

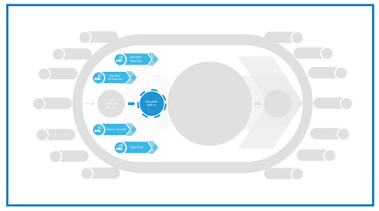
- Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm
- Giá trị thương hiệu được Brand Finance (UK) định giá 89 triệu USD
- Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài

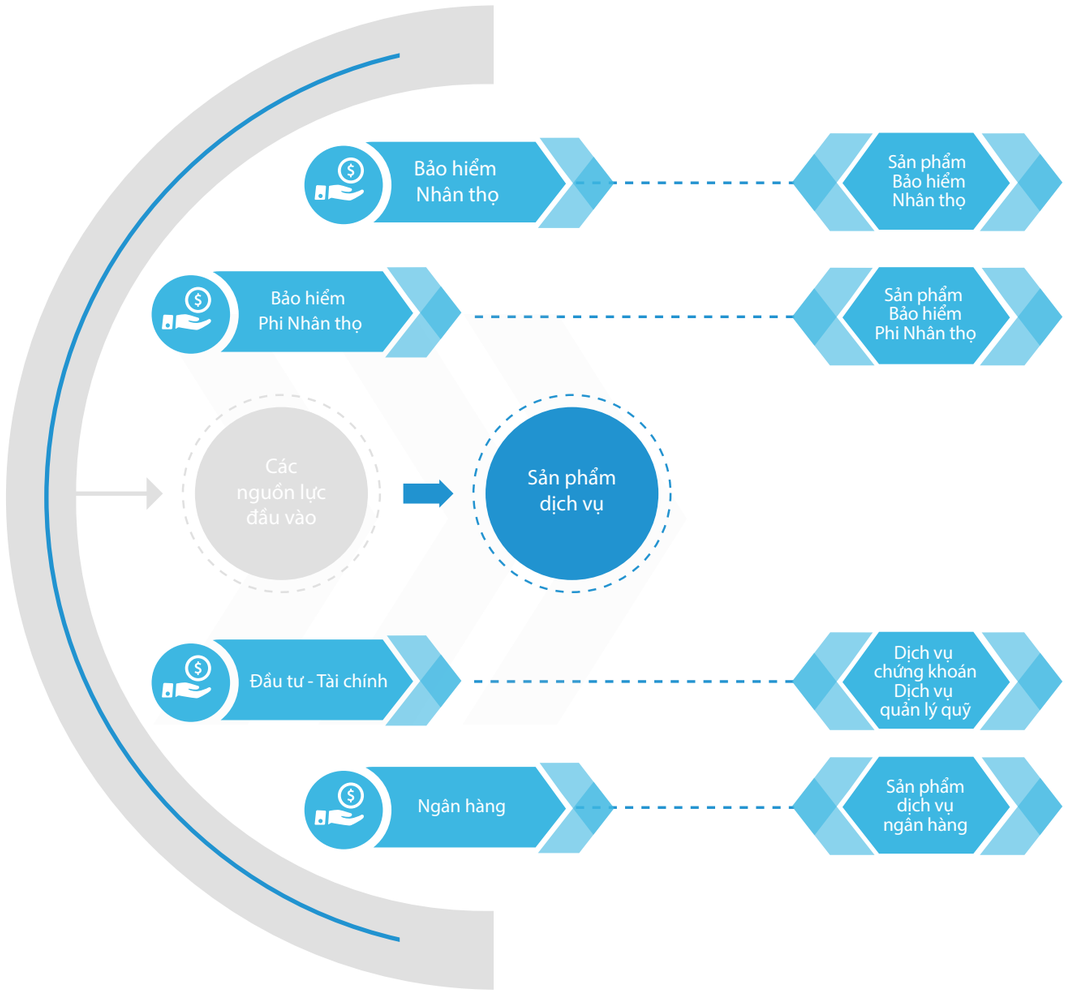
- Mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế
- Hệ thống quy trình quản trị nội bộ thống nhất, xuyên suốt toàn Tập đoàn
- Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ được chuẩn hóa
- Năng lực quản trị được nâng cao theo chuẩn mực quản trị quốc tế (chuẩn mực quản trị công ty của OECD, IFC, Thẻ điểm quản trị ASEAN)

- Các mối quan hệ xã hội
- Các yếu tố nhân khẩu học
- Xu hướng phát triển bền vững
- Trách nhiệm xã hội

- Biến đổi khí hậu
- Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính

Khi phát triển bền vững được cụ thể hóa trong mục tiêu của Bảo Việt thì các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: Kinh tế – xã hội – môi trường.







CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Với mô hình Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, hoạt động của Bảo Việt xét ở góc độ tổng thể tương đối phức tạp với sự tham gia của nhiều thành phần và quy trình hoạt động để ra sản phẩm dịch vụ cuối cùng. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi đưa ra mô hình đơn giản hóa để hình dung các yếu tố đầu vào, đầu ra và các ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp.

Thông qua vốn góp của các cổ đông tổ chức và cá nhân, Tập đoàn Bảo Việt đại diện cho vốn góp của cổ đông thực hiện đầu tư vào các công ty con (bao gồm công ty sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần chiếm vốn ưu thế), công ty liên doanh.

Các công ty này thông qua các quy trình nghiệp vụ để cung cấp sản phẩm dịch vụ Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng, đầu tư cho khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ tác động ít nhiều đến cộng đồng, môi trường.

Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lãi đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tiếp tục tái đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh để tạo ra các giá trị gia tăng mới.





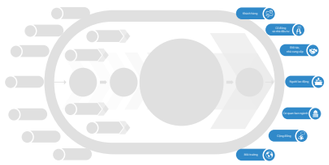
TỐI ƯU HÓA NGUỒN LỰC ĐỂ MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	CÁCH THỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ	CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA (KẾT QUẢ KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ…)	GIA TĂNG GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ■ Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông) ■ Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm)	■ Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư). ■ Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.	■ Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận, trở thành doanh nghiệp TC-BH đầu tiên cán mốc doanh thu vượt 1 tỷ USD năm 2016. ■ Đảm bảo chi trả quyền lợi cho chủ hợp đồng bảo hiểm theo mức lãi suất đã cam kết (năm 2015 - 2016 ở mức từ 7-9%). ■ Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp gần 17.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ sau cổ phần hóa.	■ Cổ đông/Nhà đầu tư ■ Chủ hợp đồng bảo hiểm ■ Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác ■ Cơ quan quản lý nhà nước
NGUỒN NHÂN LỰC ■ Nhân viên ■ Văn hóa doanh nghiệp	■ Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực. ■ Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm. ■ Tuyển dụng và thu hút nhân tài. ■ Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động. ■ Chính sách phúc lợi ưu việt.	■ Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp. ■ Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động gồm bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.	■ Người lao động
NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH ■ Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại ■ Hệ thống phân phối quy mô lớn ■ Hệ thống call-center 24/7 ■ Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam ■ Sở hữu quỹ đất lớn tại các vị trí đắc địa	■ Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế (InsureJ, SunAccount..). ■ Đa dạng hóa kênh phân phối: Online, bancassurance, digital… ■ Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7. ■ Vận hành hệ thống bảo lãnh viện phí hiệu quả, kiểm soát trục lợi bảo hiểm. ■ Đầu tư xây dựng tòa nhà tại các vị trí đắc địa theo mô hình siêu thị tài chính, thống nhất quy chuẩn thương hiệu.	■ Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. ■ Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh. ■ Chất lượng dịch vụ khách hàng vượt trội nhờ hệ thống call-center giúp giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác. ■ Tăng cường quản lý rủi ro, kiểm soát bồi thường. ■ Thống nhất quy chuẩn thương hiệu, tạo cho khách hàng cảm giác tin cậy, gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp.	■ Khách hàng ■ Đối tác

TỐI ƯU HÓA NGUỒN LỰC ĐỂ MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	CÁCH THỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ	CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA (KẾT QUẢ KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ…)	GIA TĂNG GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN
TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ ■ Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm ■ Giá trị thương hiệu được được Brand Finance (UK) định giá 89 triệu USD ■ Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài	■ Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. ■ Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín. ■ Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi.	■ Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm phi nhân thọ và 50 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt và ưu việt: K-Care, Easy Car, Easy Life… ■ Thương hiệu Bảo Việt được định giá 89 triệu USD, tăng 10 triệu USD so với 2015. ■ Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược.	■ Khách hàng ■ Đối tác ■ Cổ đông
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ■ Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế ■ Phát huy sức mạnh hợp lực	■ Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị OECD…). ■ Tăng cường vai trò KSNB, QLRR, tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.	■ Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.	■ Cổ đông ■ Người lao động
YẾU TỐ XÃ HỘI ■ Các mối quan hệ xã hội ■ Các yếu tố nhân khẩu học ■ Xu hướng phát triển bền vững ■ Trách nhiệm xã hội	■ Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới. ■ Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm xanh. ■ Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo.	■ Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già. ■ Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: K-Care sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư, giúp bảo vệ và giảm bớt gánh nặng cho người bệnh. ■ Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững.	■ Các bên liên quan (cơ quan quản lý) ■ Cộng đồng dân cư ■ Môi trường
YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG ■ Biến đổi khí hậu ■ Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính	■ Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh. ■ Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh. ■ Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc.	■ Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. ■ Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.	■ Môi trường kinh doanh ■ Môi trường sống

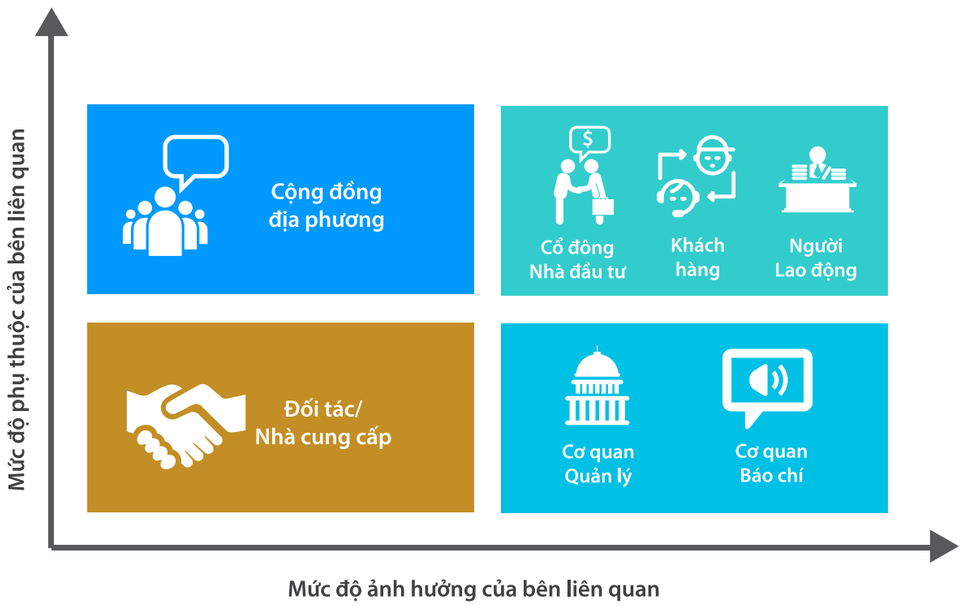
"Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp."



CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI BẢO VIỆT



"Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp."



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CỦA BẢO VIỆT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2016, Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội – môi trường. Chúng tôi cũng tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội và website của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững của Bảo Việt cho năm 2016 tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan.

"Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của công ty."

Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2016.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan



SỰ THAM GIA CỦA CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

CỔ ĐÔNG NHÀ ĐẦU TƯ



NỘI DUNG QUAN TÂM

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp (vốn đầu tư của cổ đông)

Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư

Năng lực quản trị doanh nghiệp, giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp được nâng cao

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư

Tăng cường tiếp đón nhà đầu tư trong và ngoài nước (gần 150 cuộc tiếp đón nhà đầu từ trong năm 2016); Thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn; Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả hoạt động

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận, trở thành doanh nghiệp TC-BH đầu tiên cán mốc doanh thu 1 tỷ USD năm 2016

Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế

Đóng góp gần 17.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ sau cổ phần hóa

KHÁCH HÀNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

Uy tín thương hiệu của doanh nghiệp

Sản phẩm đa dạng với nhiều tính năng và quyền lợi vượt trội, đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao

Địa điểm giao dịch thuận tiện

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Nâng cao uy tín thương hiệu Bảo Việt thông qua các giải thưởng uy tín, củng cố lòng tin của khách hàng

Nghiên cứu ra mắt nhiều sản phẩm tích hợp các tính năng bảo hiểm, đầu tư, tài chính, ngân hàng

Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7

Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm

Đầu tư xây dựng tòa nhà theo mô hình siêu thị tài chính tại các vị trí thuận lợi, thống nhất quy chuẩn thương hiệu hiện đại và hướng tới khách hàng

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Uy tín thương hiệu được nâng cao, thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance (UK) định giá 89 triệu USD, tăng 10 triệu USD so với năm 2015

Đảm bảo chi trả quyền lợi cho chủ hợp đồng bảo hiểm theo mức lãi suất đã cam kết (năm 2015 - 2016 ở mức từ 6,8 - 9%)

Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và 50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, ra mắt sản phẩm Easy-Car, Easy-Life...

Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh, mạng lưới 188 chi nhánh và đơn vị thành viên, trên 120.000 tư vấn viên; giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác qua hệ thống call-center.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

Cơ hội đào tạo và thăng tiến

Chính sách phúc lợi ưu việt, gia tăng lợi ích cho người lao động

Môi trường làm việc tốt, tăng cường sự gắn kết của người lao động

Những đóng góp của người lao động được ghi nhận

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt

Mở rộng các gói sản phẩm bảo hiểm dành cho cán bộ: bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư.

Triển khai các chương trình đào tạo theo Bản đồ học tập và các chương trình đào tạo chuyên môn dành riêng cho cán bộ

Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia trong các dự án cộng đồng

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới cho người lao động: Bảo hiểm hưu trí, An phát trọn đời…

Trong năm 2016, Bảo Việt đã dành ngân sách hơn 14 tỷ đồng (tăng hơn 2 tỷ đồng so với năm 2015) để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; tiến hành đào tạo cho 4.404 cán bộ, bằng 78,4% tổng số lao động.

Tổng số giờ đào tạo trong năm 2016 là 140.187 giờ (tăng 15% so với năm 2015), tương ứng bình quân 25 giờ/người/năm.

CƠ QUAN QUẢN LÝ



NỘI DUNG QUAN TÂM

Thực hiện các chủ trương của chính phủ

Tuân thủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Thực hiện đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm xanh

Các giải pháp của doanh nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Triển khai đầy đủ và nghiêm túc các chủ trương của chính phủ: chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình 30A, chương trình hỗ trợ ngư dân bám biển

Tiên phong trong việc triển khai các chủ trương lớn của chính phủ và nhà nước: Phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu dân sinh, giúp giảm bớt áp lực cho hệ thống phúc lợi xã hội nhà nước

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

Xây dựng các chương trình hành động và các sáng kiến mới nhằm chung tay cùng cơ quan quản lý tăng cường tính minh bạch trên thị trường.

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già

Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội

Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Lành mạnh hóa thị trường, nâng cao uy tín của Bảo Việt và uy tín của thị trường chứng khoán Việt Nam

CƠ QUAN BÁO CHÍ



NỘI DUNG QUAN TÂM

Minh bạch thông tin tài chính

Tăng cường các thông tin trao đổi với báo chí về hoạt động của doanh nghiệp

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Tăng cường số lượng và chất lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các bài viết phân tích chuyên sâu, các bài phỏng vấn lãnh đạo, chuyên gia.

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin thường xuyên với báo chí thông qua việc gửi thông cáo báo chí, phỏng vấn lãnh đạo

Gia tăng sự hiểu biết và gắn kết với doanh nghiệp thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do Bảo Việt tổ chức hoặc Bảo Việt tham gia

Năm 2016 đã có hơn 250 bài viết, hơn 20 lượt phỏng vấn có nội dung liên quan đến hoạt động PTBV của Bảo Việt được đăng tải trên 120 đầu báo tại Việt Nam

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho địa phương

Hỗ trợ người dân các điều kiện sống cơ bản

Đầu tư cho giáo dục, xây dựng các chương trình trao tặng học bổng

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động: đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; phát triển cộng đồng địa phương; tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo

Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt

Chú trọng đầu tư cho công tác giáo dục thông qua công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân hướng đến lợi ích lâu dài thông qua việc tạo điều kiện cho con em nghèo có cơ hội cắp sách tới trường

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Năm 2016, tổng ngân sách chi cho hoạt động cộng đồng từ nguồn tập trung của Bảo Việt và nguồn riêng của các Đơn vị thành viên là 77,5 tỷ đồng, trong đó Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ là 34,8 tỷ đồng; Xóa đói giảm nghèo là 15,2 tỷ đồng; Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước là 22,6 tỷ đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai là 4,4 tỷ đồng và hoạt động khác là 544 triệu đồng

Xây dựng cơ sở hạ tầng tại các địa phương còn nhiều khó khăn tại Pác Nặm (Bắc Kạn), Quế Phong (Nghệ An), Định Hóa (Thái Nguyên),... tập trung vào các công trình xây dựng trường học, trạm y tế

Trao tặng 1.500 xe đạp và 1.500 chiếc ba lô với tổng giá trị hơn 3 tỷ đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh thành

Đẩy mạnh các chương trình đến với bà con vùng cao bao gồm khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo cho các em học sinh

ĐỐI TÁC CUNG CẤP



NỘI DUNG QUAN TÂM

Các yêu cầu cụ thể cdự án đầu tư đối với vấn đề môi trường xã hội

Các tiêu chí đối với đơn vị cung cấp về trách nhiệm môi trường, xã hội

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội vào điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính

Bổ sung các tiêu chí đánh giá về Quản trị - môi trường và xã hội trong quy trình dự án đầu tư và góp vốn và các hoạt động khác của Bảo Việt

Ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Thực hiện rà soát thực hành lao động và môi trường đối với 14/19 nhà cung cấp

Bổ sung đánh giá về môi trường, xã hội trong các quy trình đầu tư góp vốn cổ phần và quy trình đầu tư dự án

Đưa điều khoản về môi trường và xã hội trong hợp đồng với các nhà thầu lớn











Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

Sau quá trình tìm hiểu và đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan với các vấn đề trọng yếu, kết hợp với các thông tin khuyến nghị bởi đơn vị kiểm toán độc lập sau quá trình đảm bảo với một số chỉ tiêu, trong năm 2016 Bảo Việt đã rà soát, phân tích và đối chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards và đã điều chỉnh một số thay đổi cụ thể như sau:

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành
- Phân tích thông tin báo chí
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng
- Thông tin từ các Hiệp hội ngành
- Các thảo luận nội bộ với người lao động
- Các buổi tiếp xúc với Lãnh đạo địa phương

Xây dựng Bộ tập hợp các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững trong năm 2016 (tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards)

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

Sàng lọc các vấn đề quan trọng cần được ưu tiên

Xác thực vấn đề trọng yếu từ Lãnh đạo cấp cao

Lựa chọn các vấn đề được coi là trọng yếu với Bảo Việt

Phân loại các vấn đề trọng yếu theo 3 nội dung:

- Kinh tế;
- Xã hội;
- Môi trường

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

Phân tích ảnh hưởng tới các bên liên quan

- Xác định trọng số của các bên liên quan
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của vấn đề lên các bên
- Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng lên các bên

Phân tích các ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt

- Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số, chi phí, các quy định, uy tín doanh nghiệp

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm



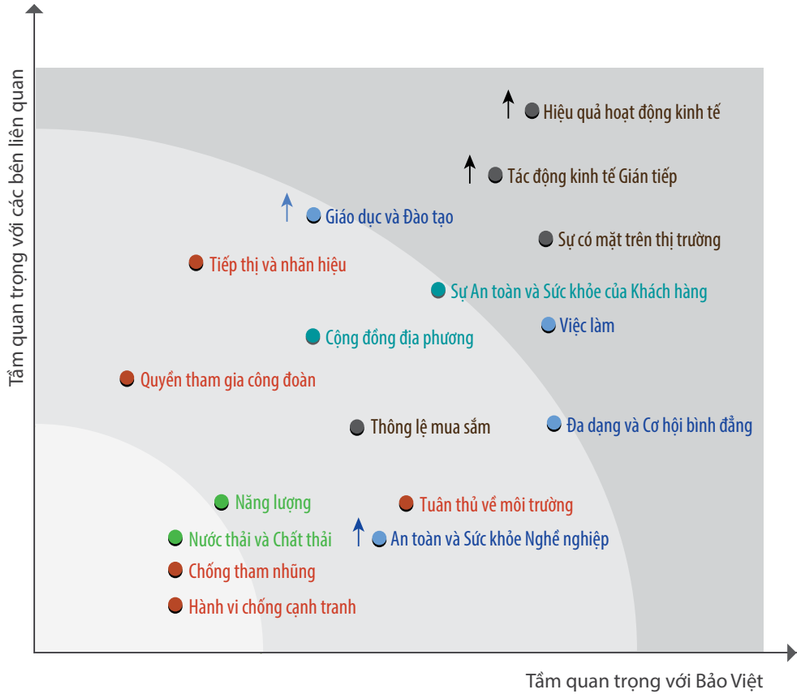
Đánh giá và Rà soát nội bộ



XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ VÀ CÁCH THỨC QUẢN LÝ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU NĂM 2016



BỔ SUNG CÁC VẤN ĐỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM

- *Đối với các vấn đề kinh tế,* sau khi tham vấn, các bên liên quan đề xuất bổ sung một số thông tin về hành vi chống tham nhũng và chống cạnh tranh trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng tăng đặc biệt với các mảng hoạt động Bảo Việt đang triển khai là bảo hiểm, đầu tư, tài chính và ngân hàng.
- *Đối với các vấn đề xã hội,* các bên liên quan và Bảo Việt đồng thuận trong việc bổ sung các chỉ tiêu liên quan tới quan hệ của lao động và quản lý, quyền tham gia của công đoàn. Đặc biệt với vấn đề tiếp thị và nhãn hiệu, trong năm vừa qua, Bảo Việt thực hiện được rất nhiều hoạt động nên mối quan tâm của các bên liên quan với vấn đề này có chiều hướng tăng.
- *Đối với các vấn đề môi trường,* việc tuân thủ môi trường ngày càng được quan tâm và đang là vấn đề nóng tại Việt Nam nên vấn đề này được bổ sung vào các vấn đề trọng yếu.

THAY ĐỔI SỰ QUAN TÂM THEO CHIỀU HƯỚNG TĂNG

Sau khi tham vấn các bên liên quan, có một số các vấn đề mới mà các bên liên quan quan tâm nên Bảo Việt đã bổ sung vào báo cáo của mình cụ thể như sau:

KINH TẾ

Sự có mặt trên thị trường
Hiệu quả hoạt động kinh tế
Tác động kinh tế Gián tiếp
Thông lệ mua sắm
Chống tham nhũng
Hành vi chống cạnh tranh

MÔI TRƯỜNG

Năng lượng
Nước thải và Chất thải
Tuân thủ về môi trường

XÃ HỘI

Nguồn nhân lực

Việc làm
Giáo dục và Đào tạo
Đa dạng và Cơ hội bình đẳng
An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
Quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể

Cộng đồng

Sự An toàn và Sức khỏe của Khách hàng
Cộng đồng địa phương
Tiếp thị và nhãn hiệu

Trên cơ sở xác định và bổ sung các vấn đề trọng yếu, Bảo Việt đã thay đổi sự quan tâm theo chiều hướng tăng đối với các nội dung sau:

- Đối với vấn đề kinh tế, hiệu quả hoạt động kinh tế và các tác động kinh tế gián tiếp đang nhận được sự quan tâm và gia tăng mức độ quan tâm.
- Đối với vấn đề xã hội, các vấn đề về giáo dục và đào tạo đang nhận được sự quan tâm tăng và việc đảm bảo an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cũng đang được quan tâm đặc biệt theo xu hướng tăng.
- Hai vấn đề đánh giá nhà cung cấp về môi trường và lao động được kết hợp trong phần thông lệ mua sắm.

Và một số chỉ tiêu đặc biệt quan tâm đã được Khối Kiểm toán nội bộ kiểm toán đánh giá và rà soát để đảm bảo đáp ứng nhu cầu thông tin với các bên liên quan.

ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Như vậy, các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 3 lĩnh vực: kinh tế, môi trường và xã hội nhằm thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các vấn đề được trình bày chi tiết trong các phần tiếp theo của báo cáo này.

"Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 – giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bước vào chu kỳ phát triển mới với những kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội".

GIAI ĐOẠN 2016-2020

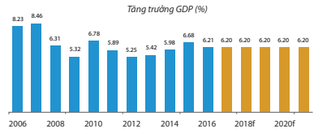
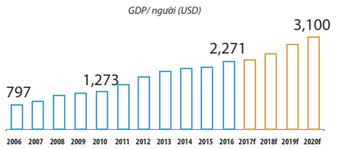
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ 2016 – 2020:

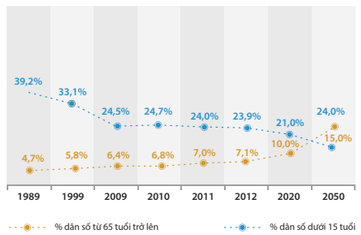


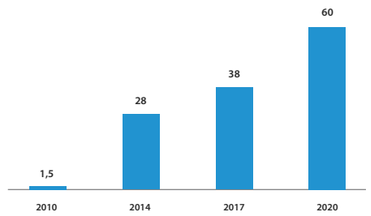
Giai đoạn 2016-2020, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam được định hướng tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng để đạt mục tiêu phát triển nhanh hơn, bền vững hơn giai đoạn trước, đặc biệt chú trọng chất lượng tăng trưởng. Trong bối cảnh thị trường toàn cầu có nhiều biến động, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp. Các xu hướng lớn như hội nhập khu vực và quốc tế, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, công nghệ số ngày càng phát triển, biến đổi khí hậu, thiếu hụt nguồn lực vốn, tài nguyên và nguồn nhân lực sẽ làm thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường tài chính – bảo hiểm.

Trong trung và dài hạn, Việt Nam vẫn được đánh giá là thị trường đang phát triển có nhiều tiềm năng với quy mô dân số lớn, lực lượng lao động dồi dào, tầng lớp trung lưu gia tăng, nhận thức của người dân về vai trò bảo hiểm và các công cụ bảo vệ, quản lý tài chính cá nhân ngày càng cải thiện.

Triển vọng kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh giai đoạn 2016-2020 mang đến không chỉ cơ hội mà cả thách thức đối với các doanh nghiệp, trong đó có Tập đoàn Bảo Việt. Trên cơ sở đánh giá 2016-2020 là giai đoạn quan trọng trong lộ trình hội nhập đầy đủ của Việt Nam vào thị trường khu vực và thế giới, tạo tiền đề bền vững cho giai đoạn phát triển sau năm 2020, chúng tôi đã thực hiện các nghiên cứu, đánh giá tổng thể kinh tế vĩ mô và thị trường ngành giai đoạn 2016-2020 và xác định các cơ hội và thách thức trong trung và dài hạn đối với Bảo Việt như sau:

NHÂN TỐ	CƠ HỘI – THÁCH THỨC
Triển vọng kinh tế vĩ mô  Nguồn: GSO (Việt Nam), IMF  Nguồn: GSO, IMF	**CƠ HỘI** Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020 dự báo phục hồi và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, với tốc độ tăng trưởng thấp hơn giai đoạn trước song chất lượng tăng trưởng được chú trọng hơn. Môi trường vĩ mô được kỳ vọng ổn định, lạm phát được kiểm soát, hoạt động SXKD tiếp tục hồi phục, dòng vốn FDI gia tăng, tạo điều kiện cho các thị trường ngành tăng trưởng. Thu nhập bình quân đầu người cải thiện, theo mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 đạt 3.200 -3.500 USD, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng gia tăng, nhờ đó thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm và dịch vụ tài chính. **THÁCH THỨC** Nền kinh tế thế giới vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tái cơ cấu nền kinh tế ở Việt Nam diễn ra chậm hơn kỳ vọng. Nợ công, thâm hụt ngân sách, nợ xấu vẫn là những thách thức lớn của nền kinh tế.
Hội nhập quốc tế WORLD TRADE ORGANIZATION FTAs asean	**CƠ HỘI** Hội nhập quốc tế sâu rộng giúp xóa bỏ rào cản thương mại và đầu tư, đem lại cơ hội to lớn cho nền kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn (gia tăng thu hút FDI, tăng cường xuất khẩu…). Các doanh nghiệp có cơ hội tận dụng được lợi thế từ các hiệp định FTA song phương và đa phương để mở rộng hợp tác, đa dạng hóa thị trường, phạm vi hoạt động không chỉ ở trong nước mà ngày càng mở rộng ra phạm vi khu vực và quốc tế. Môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch, bình đẳng hơn. **THÁCH THỨC** Hội nhập làm gia tăng cạnh tranh các doanh nghiệp đối mặt với sức ép đổi mới, cải cách, nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành... Hội nhập làm gia tăng rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và các rủi ro mang tính hiện hữu (thiên tai, dịch bệnh…), đặt ra yêu cầu phải xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để chủ động ứng phó với môi trường kinh doanh biến động.

NHÂN TỐ	CƠ HỘI – THÁCH THỨC
Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm	**CƠ HỘI** Thị trường tài chính – bảo hiểm ngày càng phát triển ổn định, lành mạnh và bền vững. Khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của thị trường tài chính ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở tiếp cận gần với thông lệ quốc tế. **THÁCH THỨC** Thách thức từ chuẩn hóa và tuân thủ các yêu cầu pháp lý về vốn (vốn dựa trên rủi ro - RBC, Basel II), quản trị, minh bạch thông tin… ngày càng tăng. Sức ép cạnh tranh gia tăng: Không chỉ cạnh tranh với các Tập đoàn tài chính lớn trong nước, các DNBH mới gia nhập thị trường và các tổ chức cung cấp các sản phẩm thay thế như ngân hàng, công ty tài chính cá nhân, quỹ đầu tư… mà còn cạnh tranh khốc liệt hơn với các tổ chức tài chính nước ngoài. Sức ép cạnh tranh về nguồn nhân lực cấp cao, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.
Yếu tố dân số - xã hội **Dân số già hóa nhanh, phát sinh các nhu cầu sau độ tuổi nghỉ hưu ngày càng nhiều**  Nguồn: IMF Tầng lớp trung lưu dự báo đạt >30 triệu người vào năm 2020	**CƠ HỘI** Tỷ lệ thâm nhập GDP của thị trường bảo hiểm Việt Nam thấp, khoảng 1,6% GDP, so với mức trung bình của khu vực Châu Á là khoảng 5,3% GDP (Swiss Re - 2016). Các yếu tố nhân khẩu học như dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính, bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm trong đó có bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế, hưu trí, bảo hiểm tài sản tư nhân và quản lý tài sản cá nhân. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Bảo Việt với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp với nhau. Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm và rủi ro ngày càng tăng, nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng, phong phú trong từng phân đoạn, đặc biệt là tầng lớp trung lưu. Đây là phân khúc quan trọng nhất, đem lại cơ hội phát triển các sản phẩm mới, mở rộng kinh doanh, do đó cần tập trung nguồn lực khai thác tối đa nhóm khách hàng này. **THÁCH THỨC** Thách thức đối với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư đặc biệt là tầng lớp trung lưu.

NHÂN TỐ	CƠ HỘI – THÁCH THỨC
Tốc độ phát triển công nghệ **Số người sử dụng smartphone tăng mạnh**  Nguồn: World Bank, eMarketer, VNG	**CƠ HỘI** Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến nhiều cơ hội mới, thay đổi toàn diện phương thức kinh doanh, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu quả công nghệ vào hoạt động kinh doanh, đem lại lợi thế cạnh tranh khác biệt. **THÁCH THỨC** Sức ép về thay đổi và hoàn thiện mô hình tổ chức, quản trị để đáp ứng yêu cầu kinh doanh mới. Áp lực cạnh tranh về phát triển sản phẩm sáng tạo, thay đổi nhận thức và trải nghiệm của khách hàng. Sức ép từ cải tiến chuỗi giá trị bảo hiểm, trong đó có việc cung cấp dịch vụ khách hàng trực tuyến và trên nền thiết bị di động.
Biến đổi khí hậu	**CƠ HỘI** Biến đổi khí hậu tạo ra nhiều thách thức và tác động sâu rộng, tuy nhiên cũng đem lại nhiều cơ hội cho ngành bảo hiểm. Xu thế chuyển giao rủi ro thông qua thúc đẩy sự tham gia của thị trường bảo hiểm, thị trường vốn nhằm ứng phó với rủi ro thiên tai. Cơ hội phát triển sản phẩm tài chính vi mô, bảo hiểm vi mô. **THÁCH THỨC** Gia tăng mức độ rủi ro đối với thiên tai và các thảm họa do con người gây ra. Biến đổi khí hậu tác động lớn đến khu vực nông nghiệp nông thôn và mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống, gia tăng bệnh tật của con người và làm trầm trọng việc thiếu hụt các nguồn lực cho phát triển.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020:

Trên cơ sở đánh giá tình hình và triển vọng thị trường giai đoạn 2016-2020, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt tại Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 18/05/2016 với các nội dung cụ thể như sau:

Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020

Tầm nhìn đến năm 2025 là ***"Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả"***.

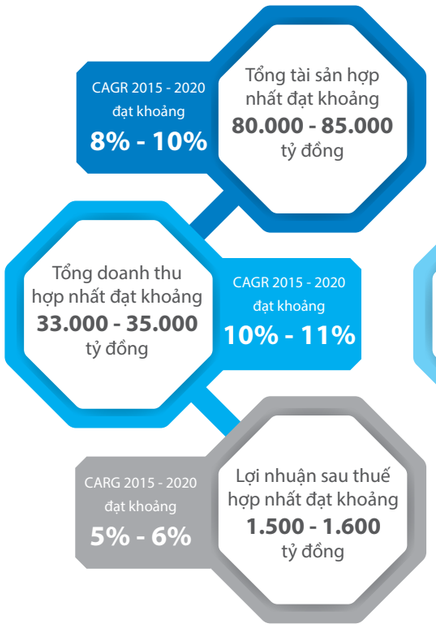
Phấn đấu vị trí số 1 thị trường trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ đến năm 2020.

Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước.

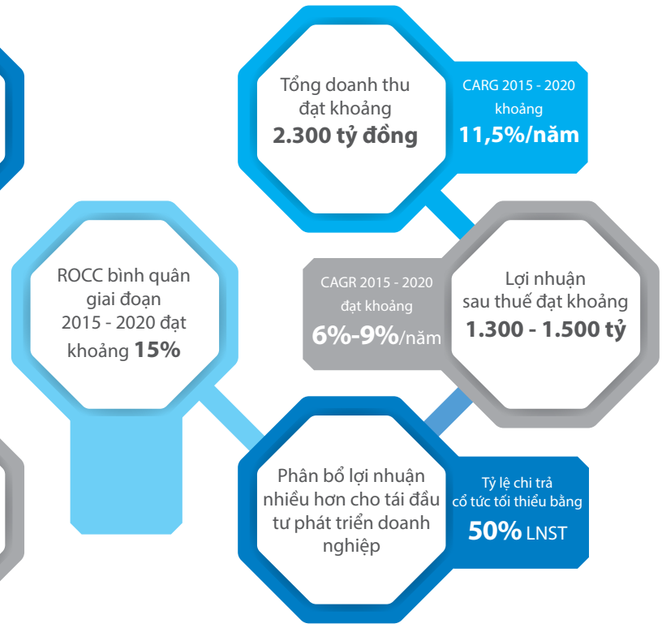
Có nền tảng, hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị, kinh doanh trong toàn hệ thống.

Các mục tiêu định tính:

HỢP NHẤT



CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



(*) Ghi chú:

CAGR: Tốc độ tăng trưởng bình quân

ROCC: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ

LNST: Lợi nhuận sau thuế

Các định hướng và giải pháp cơ bản thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020

Định hướng chiến lược đối với Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

- **Phát huy vai trò quản trị tập trung, điều phối nguồn lực của Công ty Mẹ** trong toàn Tập đoàn về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản; nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ; đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn;
- **Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ** để thực hiện tốt chức năng đầu tư vốn vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng thông qua nghiên cứu triển khai các phương án tăng cường năng lực tài chính như: tài trợ vốn thông qua nguồn lợi nhuận để lại; huy động vốn thông qua phát hành cổ phần (riêng lẻ/rộng rãi) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); vay vốn ngân hàng; phát hành trái phiếu doanh nghiệp...

Định hướng chiến lược hoạt động đối với các Công ty con:

- **Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt:** là các đơn vị nòng cốt, tiếp tục thực hiện sứ mệnh là trụ cột phát triển các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Tập đoàn;
- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt:** tiếp tục khai thác các cơ hội mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đầu tư;
- **Hoàn thiện mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung**, đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng;
- **Phát triển và khai thác các sản phẩm có tính cạnh tranh cao**, đem lại giá trị dài hạn cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng về sản phẩm dịch vụ tài chính, bảo hiểm trong từng giai đoạn khác nhau trong vòng đời của khách hàng;
- **Nâng cao năng lực các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ** truyền thống song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng các kênh, mô hình phân phối, khai thác mới tiên tiến, phát huy tối đa sức mạnh hợp lực hệ thống.

CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công nghệ thông tin: hoàn thiện xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, triển khai thành công các phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh;

Thương hiệu: hiện đại hóa hình ảnh thương hiệu Bảo Việt là một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, đảm bảo sự nhất quán, chuyên nghiệp và năng động;

Nguồn nhân lực: xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và có tính kế thừa bền vững;

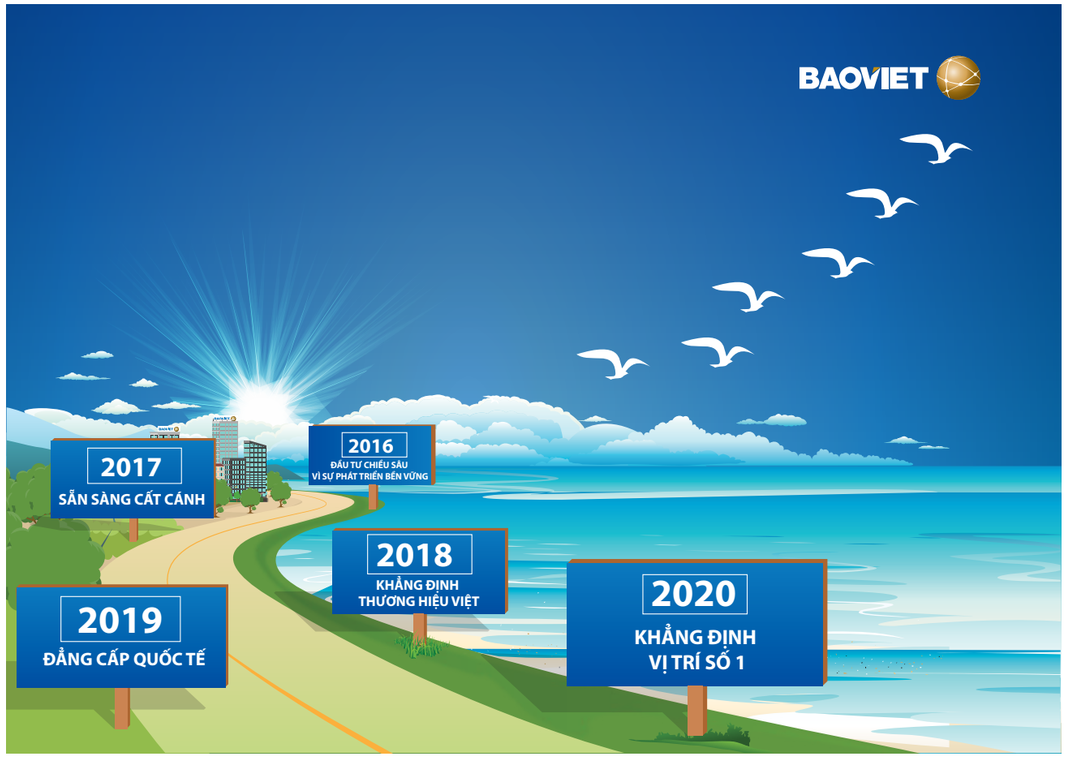
Quản lý rủi ro: xây dựng mô hình, hệ thống quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm quản lý toàn diện và phòng ngừa hiệu quả các rủi ro trong toàn Tập đoàn.

Lộ trình phát triển của Bảo Việt giai đoạn 2016 – 2020



Nền tảng hoạt động được Bảo Việt xây dựng trong hơn 50 năm qua là một trong những yếu tố cơ bản giúp Bảo Việt duy trì sự phát triển bền vững của mình. Để đạt được các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển nền tảng Một Bảo Việt đã được xây dựng trong giai đoạn 2011-2015 nhằm củng cố và tạo lợi thế cạnh tranh mới để khai thác các cơ hội trên thị trường, song song với tăng cường năng lực tài chính và củng cố năng lực quản trị để đáp ứng các yêu cầu hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh mới.

Ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho phát triển bền vững của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Việc thực hiện mục tiêu kinh tế nhằm đạt sự tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận, đóng góp vào ngân sách quốc gia qua nộp thuế, đảm bảo quyền lợi của cổ đông được kết hợp với việc thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảo bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC NĂM 2017

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC NĂM 2016

Các mục tiêu định tính

Năm 2016 – với định hướng xuyên suốt "Đầu tư chiều sâu, vì sự phát triển bền vững", là năm tiền đề thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt. Với quyết tâm hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đặt ra, Bảo Việt đã đưa ra những giải pháp chiến lược trọng tâm hàng năm cho Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt cùng các đơn vị thành viên triển khai thực hiện. Trong năm 2016, toàn Tập đoàn đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

01 NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản, quy chế, quy định nội bộ hướng đến các chuẩn mực quốc tế: Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung lần thứ bảy; các quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư, kiểm tra, kiểm soát nội bộ...

02 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2016 là năm công nghệ thông tin, Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên đã tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống các phần mềm lõi trong lĩnh vực nhân thọ, phi nhân thọ, quản lý quỹ nhằm phục vụ yêu cầu quản trị, yêu cầu kinh doanh.

03 PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Xây dựng và đẩy mạnh hình ảnh thương hiệu Bảo Việt là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam: Trong năm 2016 để thực hiện đẩy mạnh truyền thông quảng cáo và nâng cao công tác dịch vụ khách hàng, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện thống nhất hình ảnh, thương hiệu trên toàn quốc và hoàn thành 7 tòa nhà hợp khối. Các hình ảnh, thông điệp của Bảo Việt trong toàn hệ thống cũng được truyền thông thống nhất trong bộ lịch năm mới để gửi tặng đối tác/khách hàng trong dịp tết năm 2017.

04 HỢP LỰC TOÀN TẬP ĐOÀN

Trong năm 2016, Dự án bán chéo sản phẩm giữa BVGI-BVL đã được đẩy mạnh triển khai trên khắp các tỉnh thành trong cả nước; BVB đã phối hợp với BVL ra mắt sản phẩm BV Easy Life – cho vay thấu chi trên hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; BVB phối hợp với BVGI ra mắt sản phẩm BV Easy Car - chương trình Vay mua ô tô kết hợp Bảo hiểm Vật chất xe, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng; các Đơn vị trong hệ thống phối hợp triển khai chương trình khuyến mãi nhân dịp Tết cổ truyền, thu về trên 2.000 tỷ đồng doanh thu và huy động vốn, thu hút được 22.000 khách hàng tham gia.

05 SẢN PHẨM

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung phát triển/hoàn thiện nhóm sản phẩm truyền thống đồng thời triển khai nghiên cứu sản phẩm mới: Sản phẩm y tế cao cấp hướng tới nhóm khách hàng có thu nhập cao; ra mắt sản phẩm bảo hiểm ung thư, Eatna, Easy Car; Nâng cấp quyền lợi sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, thiết kế sản phẩm truyền thống mới; Ra mắt sản phẩm mới: An Tâm Học vấn, Hưu Trí An Khang. Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt triển khai thành công quỹ mở BVBF. Trong thời gian tới, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đưa ra nhiều sản phẩm đa dạng với mục tiêu phát huy thế mạnh toàn diện của một tập đoàn tài chính – bảo hiểm.

06 KÊNH PHÂN PHỐI

Để thực hiện phát triển mở rộng kênh phân phối theo chiến lược đã đặt ra, năm 2016 Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai củng cố những kênh phân phối cũ và đẩy mạnh phát triển kênh phân phối mới toàn tập đoàn. Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai đẩy mạnh kênh Banca thông qua việc ký hợp đồng hợp tác với các đối tác ngân hàng mới; Thí điểm thành công website bán hàng trực tuyến www.baovietonline.com.vn; Thành lập 16 công ty thành viên: Phú Quốc, Mỹ Đình, Hà Thành, Đình Vũ, Sơn Tây, Bến Thành, nâng tổng số lên 73 công ty thành viên; Thực hiện bán chéo sản phẩm qua hệ thống đại lý của Bảo Việt nhân thọ.
Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ tập trung phát triển kênh đại lý truyền thống, mạng lưới ngày càng mở rộng, số lượng tư vấn viên tăng lên 122.000 tư vấn viên chuyên nghiệp; thành lập thêm 5 công ty thành viên mới tại Bắc Kạn, Hậu Giang, Lai Châu, Phú Quốc, Đắk Nông, nâng tổng số công ty lên 65 công ty thành viên. Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt triển khai mở thêm kênh phân phối thông qua đại lý phân phối là ABCS. Đồng thời, tất cả các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt đều tận dụng khai thác hệ thống mạng lưới chi nhánh, đối tác, khách hàng hiện có, đội ngũ cán bộ bán hàng và tư vấn viên chuyên nghiệp của mỗi bên nhằm mang đến cho khách hàng những gói dịch vụ chất lượng tốt với nhiều giá trị gia tăng và lợi ích vượt trội so với việc sử dụng dịch vụ đơn lẻ.

Các mục tiêu định lượng:

✓ **Hợp nhất**: Tổng doanh thu hợp nhất năm 2016 đạt **25.675** tỷ đồng, hoàn thành 114,1% kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt **1.165** tỷ đồng. Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2016 đạt **72.996** tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2015.

Tổng doanh thu năm 2016



Lợi nhuận sau thuế năm 2016



Tổng tài sản tại 31/12/2016



✓ **Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt**: Tổng doanh thu năm 2016 đạt **1.400** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 1.022 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 15%.

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC NĂM 2017

Nối tiếp những nỗ lực đã được ghi nhận trong năm vừa qua, năm 2017 với thông điệp "Sẵn sàng cất cánh", Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cùng tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.



QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt sẽ xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình nhằm khẳng định vai trò là đầu mối quản trị tập trung, xuyên xuốt trong toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ hỗ trợ các đơn vị trong các lĩnh vực: (i) Đầu tư, xây dựng trụ sở; (ii) Nhân sự cấp cao, đào tạo, tiền lương; (iii) Truyền thông thương hiệu; (iv) Công nghệ thông tin.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tập đoàn sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án phần mềm lõi, các dự án quản lý/lưu trữ dữ liệu nhằm tạo ra nền tảng công nghệ thông tin liên thông, kết nối, hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức, đẩy mạnh công tác đào tạo, đồng thời tăng cường hỗ trợ đơn vị thành viên tại các vùng miền trong cả nước; xây dựng, hoàn thiện chế độ lương thưởng gắn với hiệu quả …

TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU

Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt sẽ hoàn thành phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc và tăng cường truyền thông/ quảng cáo qua các chương trình khuyến mại. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt sẽ gắn an sinh xã hội với kết quả kinh doanh, truyền thông thương hiệu và triển khai hiệu quả Quỹ học bổng Bảo Việt.

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG TRỤ SỞ

Tập đoàn Bảo Việt sẽ xây dựng các tòa nhà trụ sở hợp khối, dùng chung cho các đơn vị thành viên theo thiết kế thống nhất, gắn thương hiệu, đồng thời rà soát, thiết lập phòng sinh hoạt chung cho các đơn vị thành viên tại khu vực cấp quận/huyện.

SẢN PHẨM, KÊNH PHÂN PHỐI

Với tốc độ tăng trưởng cao của thị trường tài chính - bảo hiểm và sự tham gia mới của nhiều đối thủ cạnh tranh, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì giỏ sản phẩm đa dạng, đổi mới các sản phẩm gắn với từng kênh phân phối, phát triển thêm các sản phẩm mới, các sản phẩm tích hợp đầu tư – tài chính phù hợp với điều kiện thị trường, nhu cầu của khách hàng; tăng cường hiệu quả kênh phân phối truyền thống, đẩy mạnh phát triển kênh phân phối mới, trực tuyến, tele-sales, bancasurance, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng.

HỢP LỰC TẬP ĐOÀN

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các Dự án bán chéo, các Dự án hợp tác giữa các Đơn vị thành viên trong các lĩnh vực về truyền thông, phát triển sản phẩm, kênh phân phối, các chương trình bán hàng, khuyến mãi... nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống, đóng góp vào tăng trưởng doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế và thương hiệu của toàn Tập đoàn.

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT

Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.



THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động lớn đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội. Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện, sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, đòi hỏi mỗi quốc gia, lãnh thổ và từng địa phương phải có phương án ứng phó.

Theo báo cáo của Liên Hợp quốc, nguyên nhân của hiện tượng biến đổi khí hậu 90% là do con người gây ra, 10% là do tự nhiên. Những tác động từ biến đổi khí hậu đã khiến nhiệt độ toàn cầu tăng 2-5°C trong thế kỷ 21 kèm theo hậu quả tiêu cực cho con người và môi trường.

Hội nghị COP21 về phòng chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris vừa qua với sự tham gia của 196 quốc gia. Việt Nam - một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu - đã cam kết cắt giảm 8% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu

Theo thống kê rủi ro lâu dài do biến đổi khí hậu, Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra. Trung bình mỗi năm có hàng trăm người thương vong và thiệt hại về kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra khoảng 1,9 tỷ USD tương đương 1,3% GDP. Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Biến đổi khí hậu gây ngập úng và xâm nhập mặn, gây rủi ro cho bảo hiểm nông nghiệp và thủy sản

Lượng mưa tăng lên cùng với mức nước biển dâng gây ra hiện tượng ngập úng và xâm nhập mặn tại các vùng, đặc biệt là các vùng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc này ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp của bà con khi cây trồng ngập úng; sản lượng từ nuôi trồng thủy sản bị giảm sút do nhiễm mặn… Những thiệt hại này là nguy cơ lớn ảnh hướng đến sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản của Bảo Việt.

Thiên tai lũ lụt gia tăng, thiếu nước sạch, gia tăng dịch bệnh

Thiên tai lũ lụt với những cơn bão mạnh hơn nhiều lần gây ra thiệt hại tài sản và con người, điển hình là trận lũ lịch sử tại Miền Trung trong năm 2016 vừa qua. Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Trung bình mỗi năm Việt Nam có 392 người chết và thiệt hại hơn 1,3% GDP do các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới các Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.



Hạn hán và giá rét kéo dài làm thiệt hại cây trồng vật nuôi, gia tăng nguy cơ cháy nổ

Năm 2016, một số đợt nắng nóng gay gắt với nền nhiệt cao kỷ lục và các đợt giá rét kéo dài ở Bắc Bộ đến Nam Trung Bộ khiến hơn 160.000 ha diện tích hoa màu, rau màu bị thiệt hại, hơn 150.000 ha diện tích rừng hiện có bị ảnh hưởng và hơn 48.000 gia súc, gia cầm bị chết. Hạn hán kéo dài làm gia tăng các nguy cơ cháy rừng, cháy nổ các nhà máy. Đây cũng là rủi ro cho Bảo Việt khi thực hiện bảo hiểm về lâm nghiệp hay các bảo hiểm nhà xưởng cho doanh nghiệp.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu vào cuối thế kỷ này (năm 2100), nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng 2-3 độ C, sẽ có 10% dân số của Việt Nam sẽ chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu, thiệt hại hàng năm cũng mất khoảng 9% GDP. Với hơn 130 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ cung cấp cho 17 triệu khách hàng trên toàn quốc, Bảo Việt đối diện với các thách thức từ biến đổi khí hậu gây ra cho sức khỏe con người, biến đổi khí hậu có thể gián tiếp gây ra tử vong và bệnh tật cho người dân và gây thiệt hại tài sản của cá nhân và doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Biến đổi khí hậu đã là thách thức thực sự nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Nắm bắt vấn đề này, ngay từ năm 2011, Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Đây là cơ hội để mở ra việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, qua đó tiếp cận, hình thành các cơ chế mới để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

Để làm được điều này cần sự quyết tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của quốc tế và đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng xanh, thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.

PHÂN TÍCH CÁC TÁC ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phân tích các tác động của Bảo Việt liên quan đến phát triển bền vững



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, đến nay Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác. Sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính – bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với hơn 120.000 lao động hoạt động trên 188 chi nhánh và công ty thành viên và hơn 700 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Nắm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản…

TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Bảo Việt cũng ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

Tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các chính sách phát triển bền vững trong hệ thống

Bảo Việt hiện có gần 6.000 cán bộ và hơn 120.000 đại lý, tư vấn viên hoạt động trên khắp cả nước. Các hoạt động của Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời những định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt khi được triển khai xuống các đơn vị và thực hiện bởi các cán bộ sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.

Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng

Với cơ sở hơn 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm – tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Tính đến nay, Bảo Việt đầu tư hơn 200 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Tính đến cuối năm 2016, tỷ lệ nghèo cả nước còn 8,38 - 8,58%, giảm khoảng 1,3-1,5% so với cuối năm 2015; tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo còn 46,43%, giảm 4%. Năm 2017, Chính phủ đặt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước từ 1-1,5%/năm, riêng các huyện nghèo, xã nghèo là 4%/năm. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.



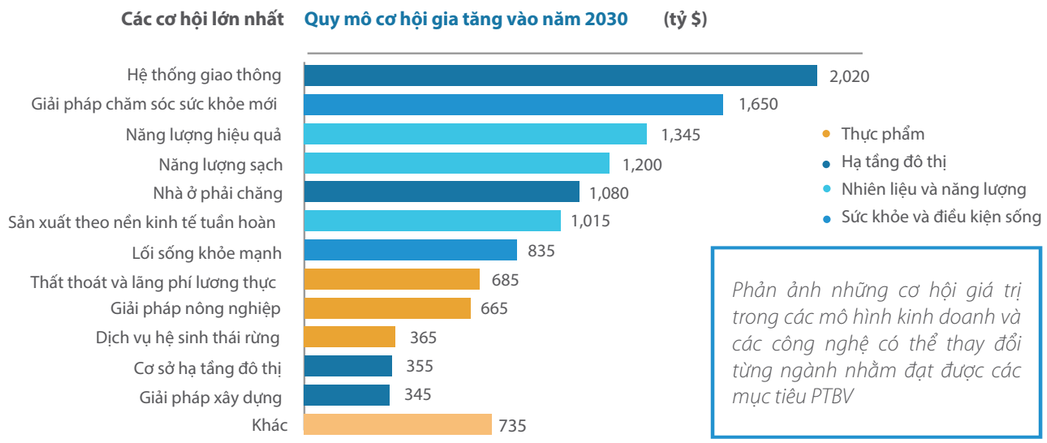
TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, đầu tư, tài chính, ngân hàng - những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại 188 chi nhánh và công ty thành viên cùng hơn 700 điểm giao dịch...

Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của Bảo Việt. Đề án này đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt từ năm 2014. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngày 16/01/2017 tại London, Anh Quốc, tại cuộc họp của Ủy ban Phát triển kinh doanh và Bền vững (BSDC) đã tiết lộ rằng các mô hình kinh doanh bền vững có thể mở ra các cơ hội kinh tế trị giá lên tới 12 nghìn tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. Các mục tiêu Phát triển bền vững hay các Mục tiêu Toàn cầu chính là trọng tâm của chiến lược kinh tế thế giới giai đoạn này và có thể mở ra sự thay đổi lớn về tăng trưởng và năng suất, với sự bùng nổ đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững. Tuy nhiên, điều này sẽ không xảy ra nếu không có thay đổi cơ bản trong cộng đồng doanh nghiệp.



Nguồn: Báo cáo "Better Business - Better World"

Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, rất cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.



NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN GIÚP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

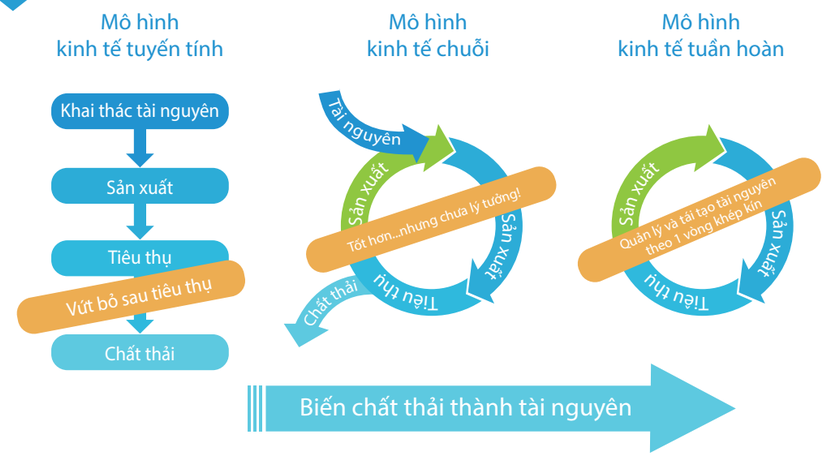
Trước những thách thức về sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường, khái niệm về một nền kinh tế mới, nền kinh tế tuần hoàn đang nhận được sự quan tâm và ủng hộ của nhiều tổ chức, chính phủ trên toàn cầu. Đây là mô hình phát triển nền kinh tế lấy tái sử dụng nguồn nguyên liệu, giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tối đa ảnh hưởng tới môi trường làm trọng tâm.

Nền kinh tế tuần hoàn vẫn là một khái niệm, cách tiếp cận rất mới ở Việt Nam. Thông qua một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người. Để làm được điều này đòi hỏi phải giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích môi trường và lợi ích xã hội.

Bảo Việt hiểu rằng quá trình xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đòi hỏi công nghệ và khả năng đổi mới nhằm tái sử dụng các nguồn lực hiệu quả, không chỉ tốt cho môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chung tay cùng Chính phủ và các cơ quan hữu quan nâng cao nhận thức của cộng đồng để khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý.



Biến chất thải thành nguồn lực



GẮN KẾT MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ (SDGS) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 27/9/2015 tại thành phố New York, Hoa Kỳ với mục đích thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 – 2030. Nói về vai trò của khối doanh nghiệp đối với việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc Ban Ki-moon nhấn mạnh: "Doanh nghiệp là một đối tác quan trọng trong việc hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hợp quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch".

17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC CHO GIAI ĐOẠN 2015 – 2030

Chương trình nghị sự 2030 (CTNS) bắt nguồn từ CTNS 21 về phát triển bền vững và các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs). Năm 1972, tại Hội nghị Liên Hợp quốc về môi trường và con người tại Stockholm, Thụy Điển, lần đầu tiên cộng đồng quốc tế bàn về các vấn đề môi trường toàn cầu cũng như các nhu cầu cần thiết cho phát triển. Năm 1983, thành lập Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển (WCED), được ghi nhận bởi những cống hiến rất giá trị cho việc đẩy mạnh sự phát triển bền vững. Năm 1992, tại Hội nghị thượng đỉnh Trái Đất về môi trường và phát triển, các nhà lãnh đạo thế giới lần đầu tiên cam kết thúc đẩy phát triển bền vững, nhất trí kế hoạch hành động – CTNS 21, một số nguyên tắc chính và thông qua 5 văn kiện quan trọng. Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững đã nhắc lại các mục tiêu xã hội và môi trường được phản ánh trong Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và CTNS 21. Năm 2012, Hội nghị cấp cao của Liên Hợp quốc về phát triển bền vững đã đảm bảo cam kết chính trị không ngừng cho phát triển bền vững, giải quyết những thách thức mới đang nổi lên, khởi động quá trình xây dựng mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu. Từ tháng 9/2013, các nước đặt ra một bộ mục tiêu và khởi động các cuộc đàm phán liên chính phủ về CTNS sau 2015, đưa ra bộ 17 mục tiêu phát triển bền vững, 169 chỉ tiêu. Ngày 25/9/2015, CTNS 2030 chính thức được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp quốc tại New York. CTNS 2030 có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn, toàn diện, vì lợi ích của mọi người dân trên toàn thế giới, cho các thế hệ hôm nay và mai sau với mục tiêu hoàn tất công việc dang dở của Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và CTNS 21 không để ai bị bỏ lại phía sau.



CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CẬP NHẬT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

Trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể của CTNS 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, khả năng, ưu tiên phát triển của Việt Nam trong từng giai đoạn, kế thừa các chiến lược, chính sách, chương trình kế hoạch phát triển hiện hành chủ yếu, quan trọng của quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xác định các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với Việt Nam và xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện CTNS 2030.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA

Kế hoạch hành động quốc gia gồm 5 phần:

- Quan điểm;
- Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030;
- Các nhiệm vụ chủ yếu và phân kỳ thực hiện;
- Giải pháp thực hiện;
- Tổ chức thực hiện.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT ĐẾN NĂM 2030

- Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ,
- Công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái,
- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên,
- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,
- Bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển, xây dựng xã hội hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững.



17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030:

01 Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi;

02 Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững;

03 Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi;

04 Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người;

05 Đạt được bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái;

06 Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người;

07 Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người;

08 Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục;

09 Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới; Giảm bất bình đẳng trong xã hội;

10 Tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người;

11 Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững;

12 Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu, đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn, phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng;

13 Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững;

14 Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất;

15 Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.

16 Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, bình đẳng, văn minh, xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và sự tham gia ở các cấp;

17 Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai;

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

NÂNG CAO NHẬN THỨC

Nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam;

GẮN KẾT SỰ THAM GIA CỦA XÃ HỘI

Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư, các đối tác phát triển trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

Tăng cường và huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia;

TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO,PHỐI HỢP

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị, xã hội, hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo tính tích hợp và lồng ghép của các mục tiêu;

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Tăng cường hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ quốc tế cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

GẮN KẾT CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁTTRIỂN BỀN VỮNG

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 của doanh nghiệp vào các hoạt động trong năm 2016, các hoạt động được báo cáo dựa theo các tiêu chuẩn GRI được liệt kê dưới đây:

KINH TẾ

8 Việc làm đàng hoàng và Tăng trưởng kinh tế

- GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ
- GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG
- GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

16 Hòa bình, Công bằng và Thể chế vững mạnh

- GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG
- GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH

MÔI TRƯỜNG

7 Năng lượng sạch và bền vững

- GRI 302: NĂNG LƯỢNG

13 Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

- GRI 305: CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ PHÁT THẢI
- GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

XÃ HỘI

8 Việc làm đàng hoàng và Tăng trưởng kinh tế

- GRI 401: VIỆC LÀM

3 Cuộc sống khỏe mạnh

- GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP
- GRI 416: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG

4 Chất lượng giáo dục

- GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

16 Hòa bình, Công bằng và Thể chế vững mạnh

- GRI 407: QUYỀN THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ
- GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU

10 Giảm bất bình đẳng

- GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ
- GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

12 Tiêu dùng và Sản xuất có trách nhiệm

- GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM
- GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC
- GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

5 Bình đẳng giới

- GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai trong năm 2016; phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn trên cơ sở gắn kết các mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc và các mục tiêu phát triển của Việt Nam trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 để từ đó xây dựng định hướng phát triển bền vững xuyên suốt cho giai đoạn 2016-2020.

MỤC TIÊU CHUNG

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt.Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Các nội dung từ các báo cáo trước của Bảo Việt cùng với quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội và cộng đồng thì "Quản trị doanh nghiệp" và "Phát triển nguồn nhân lực" cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, chúng tôi đã bổ sung thêm 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững của năm nay. Chúng tôi tin rằng những giá trị cốt lõi của Bảo Việt vẫn luôn được bảo tồn, phát huy; và các yếu tố góp phần tạo nên giá trị cốt lõi có thể thay đổi, đảm bảo sự thích ứng theo từng thời điểm.



MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 của doanh nghiệp bao gồm:



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG



Củng cố nền tảng Một Bảo Việt: Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh hoạt động truyền thông – thương hiệu, đẩy mạnh vai trò tư vấn chiến lược và quản lý chức năng ngành dọc xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ kinh doanh và đem lại giá trị gia tăng cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Ưu tiên nguồn lực để tạo bứt phá về hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tận dụng cơ hội tăng trưởng của các lĩnh vực đơn vị khác.

Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị.

Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI



Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.

Tập trung hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.

Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt.

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.

Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.

Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.

Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh"

Giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020



VÌ LỢI ÍCH BỀN VỮNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

MỤC TIÊU

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 15,1%, đảm bảo quyền lợi cổ tức cho cổ đông theo cam kết
- Quản lý rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Nâng cao giá trị thương hiệu, duy trì vị thế Top 20 doanh nghiệp có giá trị lớn nhất Việt Nam, định vị thương hiệu bền vững
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ

GIẢI PHÁP

- Củng cố hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân
- Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - tài chính – ngân hàng
- Đẩy mạnh hợp lực, bán chéo, nâng cao năng lực cạnh tranh



MỤC TIÊU

- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính
- Giảm 10% lượng xăng và điện tiêu thụ
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống.
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc

GIẢI PHÁP

- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng do Bảo Việt quản lý
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30
- Thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt – đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép
- Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng
- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư

MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN (GIAI ĐOẠN 2017-2020)



VÌ MỘT TƯƠNG LAI BỀN VỮNG

MỤC TIÊU

- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính – bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng.
- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn
- Đầu tư hỗ trợ các huyện nghèo xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước đem lại điều kiện sống tốt và cuộc sống khỏe mạnh hơn cho người dân.
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho tư vấn viên để tăng sự gắn bó lâu dài
- Đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ công tác khuyến học

GIẢI PHÁP

- Triển khai Bảo hiểm hưu trí tự nguyện; bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh hiểm nghèo, đẩy mạnh bảo hiểm thủy sản hỗ trợ ngư dân bám biển
- Triển khai các hoạt động xóa nghèo theo Nghị Quyết 30A của Chính phủ, đầu tư xây thêm các nhà bán trú dân nuôi, trạm y tế, trường học tại các địa phương khó khăn
- Dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả;
- Gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện đi bộ gây quỹ, mang hơi ấm tới vùng cao…





BAOVIET

HỢP LỰC ĐỂ BAY XA

03 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP LỰC ĐỂ BAY XA



- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



HỢP LỰC

Ông **NGUYỄN MINH HOÀNG**

Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư

"Đẩy mạnh các hoạt động ***hợp lực*** nhằm tối ưu hóa nguồn lực là một trong những định hướng chiến lược của Bảo Việt để chuẩn bị cho những thay đổi mang tính đột phá trong giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng và các cơ hội, thách thức trong hoạt động kinh doanh, Bảo Việt đã xây dựng các giải pháp chiến lược nhằm phân bổ nguồn lực hợp lý, đón đầu cơ hội, đảm bảo **tăng trưởng nhanh và bền vững** trong dài hạn."

HỢP LỰC ĐỂ BAY XA

Tăng cường hợp tác với cổ đông chiến lược, gia tăng lợi ích các bên.

TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM ĐẦU TIÊN VƯỢT MỐC DOANH THU TRÊN 1 TỶ USD TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Phát huy hiệu quả những **thế mạnh sẵn có** về con người, mạng lưới hệ thống và khả năng phát triển sản phẩm tích hợp, vươn xa hơn trên hành trình chiến lược 2016 - 2020.

Cổ phiếu BVH có vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thuộc nhóm các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

Thực hiện các **giải pháp chiến lược** nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp, khẳng định thương hiệu Bảo Việt và chất lượng dịch vụ hàng đầu.

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc trong các lĩnh vực hoạt động bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng.

ĐỀ ÁN HỢP LỰC LÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ ĐỂ ĐẠT CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Đầu tư phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng.

Lồng ghép các yếu tố ESG (Quản trị - Xã hội và Môi trường) trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng, đầu tư dự án.

Các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ:
Bảo hiểm Phi nhân thọ giữ vị trí **số 1** thị trường;
Bảo hiểm Nhân thọ **dẫn đầu** thị trường về thị phần doanh thu khai thác mới.

VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG 2016

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM NĂM 2016

Trong năm 2016, Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng nhằm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, nâng cao chất lượng và tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhưng tăng trưởng GDP chỉ đạt mức 6,21%, thấp hơn so với mức 6,68% của năm 2015. Nguyên nhân một phần bên ngoài tình hình kinh tế thế giới không mấy khả quan, trong nước thiên tai trong suốt cả năm và sự cố thảm họa môi trường khiến khu vực nông lâm thủy sản gặp khó khăn cùng với sự suy giảm của công nghiệp khai khoáng. Tuy nhiên, nhìn tổng thể cả năm 2016, sau nửa đầu năm suy giảm mạnh, nền kinh tế bắt đầu hồi phục nhẹ trở lại vào 2 quý cuối năm, kỳ vọng sẽ tạo đà phục hồi mạnh mẽ và là nền tảng cho sự phát triển của giai đoạn đến 2020.

Tăng trưởng GDP thấp hơn mục tiêu do nông nghiệp và khai khoáng sụt giảm thấp nhất trong vòng 6 năm trở lại đây

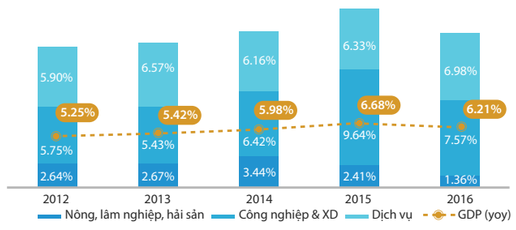
Tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, được phục hồi theo từng quý, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Mức tăng 6,21% như trên thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng từ 6,3-6,5% mà Chính phủ đặt ra trong cuộc họp vào cuối quý III. Đặc biệt suy giảm thấy rõ trong ngành nông nghiệp và khai khoáng.

Khu vực nông nghiệp chiếm 11-13% GDP, ước tính chỉ tăng 0,72% trong cả năm 2016. Trong khi đó, tăng trưởng lâm nghiệp và thủy sản cũng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước khiến cả khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ tăng 1,36%, thấp nhất trong vòng sáu năm trở lại đây.

Ngành khai khoáng có mức sụt giảm -4%, làm giảm 0,33 điểm phần trăm trong mức tăng trưởng GDP chung. Đây cũng là mức giảm sâu nhất của ngành khai khoáng kể từ năm 2011. Tuy nhiên sự sụt giảm của ngành khai khoáng năm 2016 chủ yếu do yếu tố khách quan khi giá xuất khẩu dầu thô và than đá sụt giảm, kéo theo sản lượng khai thác trong nước sụt giảm theo.

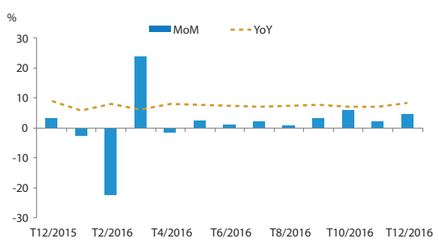
Như vậy, sau nửa đầu năm suy giảm mạnh, nền kinh tế bắt đầu hồi phục nhẹ trở lại, cho thấy khả năng nền kinh tế quay lại chu kỳ tăng trưởng.

TĂNG TRƯỞNG GDP (YOY)



Nguồn: GSO

Chỉ số sản xuất công nghiệp



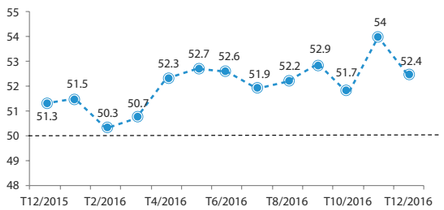
NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ

Tổng cung suy giảm vào nửa đầu năm và phục hồi vào nửa cuối năm

Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm dần so với mức tăng của năm 2015. Tính chung cả năm 2016, chỉ số này chỉ tăng 7,5%, thấp hơn 9,8% cùng kỳ năm 2015. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,2% - nhóm ngành này vẫn là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

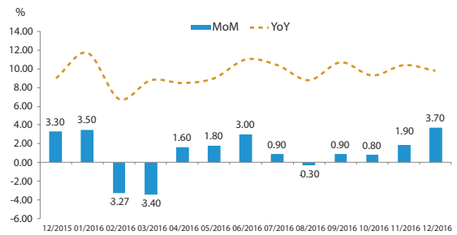
Dù tăng trưởng suy giảm so với năm 2015, hoạt động của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực chế biến chế tạo vẫn được coi là điểm sáng của kinh tế năm 2016.

Chỉ số PMI



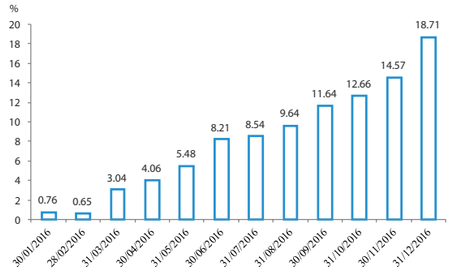
Nguồn: Bloomberg, GSO, HSBC, Nikkei

Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng



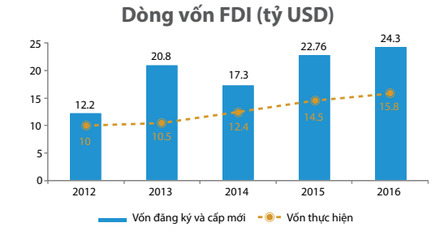
Nguồn: GSO

Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: NHNN

Dòng vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO

PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong cả năm cho thấy sự phục hồi trong khu vực sản xuất của Việt Nam, đáng chú ý chỉ số này đạt đỉnh tại 54 điểm vào tháng 11- mức cao nhất trong vòng 18 tháng qua. Ba chỉ số phụ quan trọng của PMI là số đơn đặt hàng mới, sản lượng và việc làm đều có sự khởi sắc.

Bên cạnh đó, tình hình đăng ký doanh nghiệp trong cả năm 2016 cũng có nhiều cải thiện đáng kể. Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký hoạt động mới đạt 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015, với 891,1 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký, tăng 48,1%.

Nhìn chung, tổng cung suy giảm trong nửa đầu năm 2016 và phục hồi vào cuối năm. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn giữ vai trò trụ cột, đồng thời là đầu tàu kéo cả khu vực sản xuất đi lên.

TỔNG CẦU

Tiêu dùng cải thiện về giá trị

Trái ngược với xu hướng năm 2015, tiêu dùng năm 2016 có cải thiện về giá trị nhưng lại suy giảm về lượng. Mặc dù tăng nhẹ trong quý 4, nhưng tổng giá trị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2016 nếu loại trừ yếu tố giá chỉ tăng 7,8%, thấp hơn mức tăng 8,4% trong năm 2016. Về xu hướng, kỳ vọng tiêu dùng hộ gia đình sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ thu nhập của người lao động ngày càng cải thiện, giá cả các mặt hàng thiết yếu không có quá nhiều biến động.

Tín dụng và huy động vốn đều tăng trưởng mạnh

Tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2016 đạt 18,7%, cao hơn mức 17,3% của năm 2015, đồng thời cũng vượt mục tiêu 18% mà NHNN đặt ra ngay từ đầu năm. Trong khi đó, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 18,3%; tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 17,8% (năm 2015 tăng 16,2%).

FDI duy trì tốc độ tăng trưởng, FDI giải ngân cao nhất từ trước đến nay

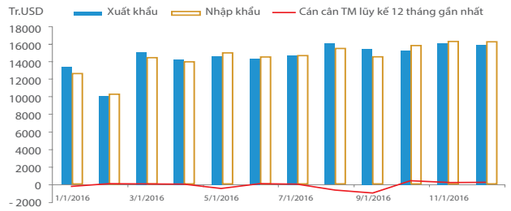
Tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần trong năm 2016 đạt 24.372,7 triệu USD, tăng 7,1% so với năm trước. Về cơ cấu, vốn FDI đăng ký tiếp tục tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 63,8%); hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 10%; các ngành còn lại chiếm 26,2%. Vốn FDI thực hiện trong năm 2016 ước đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015, đồng thời cũng là mức giải ngân cao nhất từ trước tới nay.

Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng khá năm 2016 Việt Nam tiếp tục xuất siêu 2,68 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2016 ước đạt 176 tỷ USD, tăng 8,6% so với năm 2015 (năm 2015 tăng 7,9% so với năm 2014); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 173,3 tỷ USD, tăng 4,6% so với năm 2015 (thấp hơn nhiều mức tăng 12% trong năm 2015). Mặc dù vẫn giữ được mức tăng khá nhưng tốc độ tăng của xuất khẩu trong năm 2016 vẫn ở mức thấp , thể hiện sự khó khăn của kinh tế thế giới vẫn đang có những tác động tiêu cực nhất định tới xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt ở khía cạnh giá các mặt hàng nguyên liệu thô và nông sản. Kim ngạch nhập khẩu cũng tăng thấp phần nào phản ánh nhu cầu phục vụ cho xuất khẩu cũng như tiêu dùng trong nước năm 2016 có xu hướng chậm lại so với năm 2015.

Tính chung cả năm 2016, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam tiếp tục xuất siêu (2,68 tỷ USD).

Cán cân thương mại



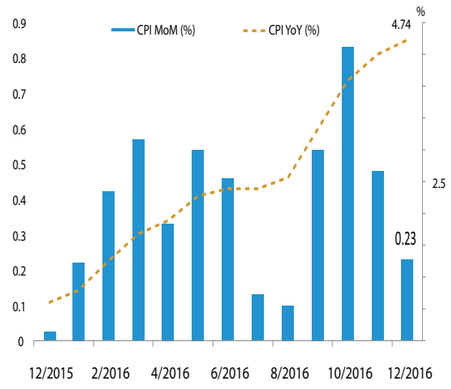
Nguồn: GSO

Lạm phát đạt mục tiêu

CPI năm 2016 tăng 4,74% so với cùng kỳ năm 2015 - đạt mục tiêu đề ra của Chính phủ; CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Nếu loại trừ biến động giá của nhóm lương thực – thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục thì lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 chỉ tăng 1,83% so với năm 2015, thấp hơn so với mức tăng của chỉ số lạm phát bình quân (2,66%).

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tăng do (i) lộ trình điều chỉnh giá hai nhóm hàng y tế và giáo dục do Nhà nước điều chỉnh; (ii) giá dầu trên thế giới hồi phục rõ nét đặc biệt trong quý II và quý IV.

Diễn biến chỉ số CPI năm 2016



Nguồn: GSO

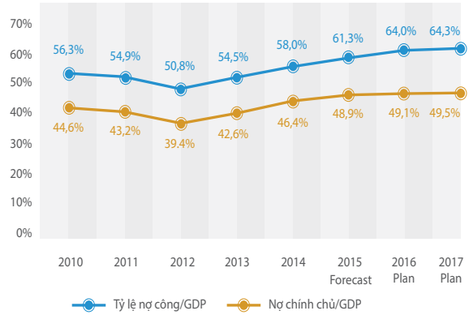
Khó khăn và thách thức

Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn, một mặt do tác động khó lường từ kinh tế thế giới, mặt khác do yếu tố trong nước như nợ công, nợ xấu, rủi ro thâm hụt ngân sách và cả tác động khó lường của biến đổi khí hậu.

Chi thường xuyên tăng, bội chi NSNN cao nên áp lực nợ công vẫn còn lớn

Bội chi ngân sách năm 2016 dù giảm so với năm 2015, nhưng vẫn còn vượt xa mức kế hoạch đưa ra hồi đầu năm. Theo đó, bội chi ngân sách năm 2016 ước tính ở mức 5,64% GDP, tương đương 254 nghìn tỷ đồng. Thu ngân sách ước đạt 1.039 nghìn tỷ đồng và bằng 102,4% so với dự toán. Trong khi đó, chi ngân sách lên tới 1.293 nghìn tỷ đồng, tương đương 106,3% dự toán. Việc sụt giảm nguồn thu do ảnh hưởng của giá dầu thô đã khiến cơ cấu thu ngân sách của Việt Nam có sự thay đổi đáng kể.

Tỷ lệ nợ công và nợ chính phủ/GDP



Nguồn: Bản tin nợ công của Bộ Tài chính

Trong cơ cấu chi ngân sách, tỷ trọng chi dành cho đầu tư phát triển đang có xu hướng giảm, từ mức trung bình 29% chi NSNN giai đoạn 2001-2010 xuống còn 25,6% giai đoạn 2011- 2015 và 20,1% ước tính năm 2016. Trong khi đó, chi thường xuyên duy trì trên 70% chi NSNN kể từ 2011 cho tới nay. Điều này dẫn tới tình trạng thu ngân sách chỉ đủ cho các khoản chi thường xuyên. Do vậy, nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển buộc phải sử dụng các nguồn vốn vay, dẫn tới tình trạng nợ công gia tăng nhanh trong những năm gần đây.

Tỷ lệ nợ công/GDP của Việt Nam có xu hướng tăng liên tục với tốc độ khá nhanh ước tính sẽ đạt mức 64,3% trong năm 2017 (áp sát mức trần 65% mà Quốc hội cho phép) sẽ ảnh hưởng tới ngân sách.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Năm 2016, kinh tế thế giới không thuận lợi, kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên với nhiều nỗ lực và giải pháp được triển khai của Chính phủ, tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiềm chế. Thị trường tài chính - tiền tệ ổn định, tỷ giá được kiểm soát hiệu quả, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh như vậy, thị trường bảo hiểm Việt Nam duy trì mức tăng trưởng khả quan. Nhân tố thúc đẩy thị trường tăng trưởng là các yếu tố tích cực của nền kinh tế, các điều kiện thuận lợi về dân số, xã hội cùng nỗ lực khai thác và phát triển kinh doanh của các DNBH. Bên cạnh đó, trong năm 2016, cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách có tác động đến thị trường, trong đó, nổi bật nhất là Nghị định 73/2016/NĐ-CP. Theo số liệu của Cục QLGSBH – Bộ Tài Chính, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2016 ước đạt 86.433 tỷ đồng, tăng 22,9% so với năm 2015..

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2016 tiếp tục tăng trưởng khả quan

Theo số liệu ước tính của Cục QLGSBH, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2016 là 36.756 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2015. Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm sức khỏe con người tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm toàn thị trường, lần lượt là 32,5% và 26,1%. Nghiệp vụ tài sản thiệt hại tiếp tục gặp khó khăn khi tăng trưởng âm trong nhiều tháng của năm 2016, chỉ chiếm 15,3% tỷ trọng của thị trường.

Nhóm 5 doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) dẫn đầu là Bảo Việt, Bảo hiểm PVI, Bảo Minh, PJICO và PTI tiếp tục cạnh tranh gay gắt.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng hồi phục so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2016, Bảo Việt đạt mục tiêu tăng trưởng, từng bước khẳng định vị thế doanh nghiệp dẫn đầu thị trường.

PVI là DN duy nhất trong Top 5 giảm tăng trưởng (-0,3%) trong năm 2016, dẫn đến sụt giảm gần 3% thị phần so với 2015. Bảo Minh lấy lại đà tăng trưởng sau một thời gian tăng trưởng âm, tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong nhóm 5 DNBH dẫn đầu, PTI đã vượt qua Bảo Minh để đứng vị trí thứ 3 về thị phần.

Nhóm doanh nghiệp khác trong nước còn lại đạt tốc độ tăng trưởng cao nhờ khai thác mạng lưới của ngân hàng mẹ để phát triển sản phẩm bảo hiểm cá nhân như VBI, ABIC… Trong nhóm này, BIC và MIC tăng trưởng chậm lại trong năm 2016 do một số nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn của 2 DN này có tốc độ tăng trưởng thấp như: nghiệp vụ bảo hiểm tài sản thiệt hại của BIC, nghiệp vụ bảo hiểm thân tàu P&I của MIC.

Nhóm DN nước ngoài tiếp tục có tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng bình quân thị trường. Nguyên nhân là do các nghiệp vụ chính của DNBH nước ngoài như tài sản thiệt hại, hàng hóa vận chuyển tiếp tục gặp khó khăn trong những năm gần đây. Một số doanh nghiệp trong nhóm này đang mở rộng tiếp cận, khai thác các nghiệp vụ bán lẻ - là động lực tăng trưởng chính của thị trường trong những năm gần đây.

Bồi thường bảo hiểm gốc năm 2016 giảm so với năm 2015

Theo Cục QLGSBH, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc toàn thị trường 2016 ước tính là 35,4%, giảm đáng kể so với 43,3% của năm 2015 do tỷ lệ bồi thường tại phần lớn các DNBH đều giảm. Điều này thể hiện sự nỗ lực của các DNBH trong quản lý rủi ro, giám sát bồi thường và kiểm soát trục lợi.

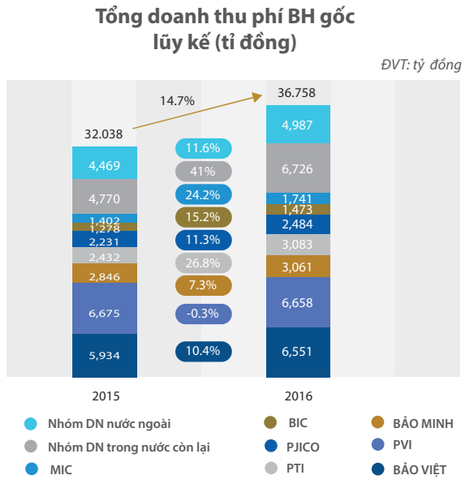
Cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm xe cơ giới ngày càng phức tạp và chủ yếu là cạnh tranh về phí. Tuy nhiên, với Thông tư 22/2016/TT-BTC được ban hành quy định mức trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cao hơn trong khi mức phí không tăng nhiều, đòi hỏi các DNBH phải quản trị rủi ro tốt hơn để đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, hiện tượng trục lợi ngày càng tinh vi, phức tạp, có tính hệ thống, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Trong khi đó, chi phí thuốc men, điều trị ngày càng tăng, rủi ro liên quan đến tai nạn, bệnh tật ngày càng phức tạp, nhưng khi tái tục, khách hàng thường không đồng ý tăng phí. Điều này cũng là một thách thức đối với các DNBH trong việc phát triển các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân .

Các DNBH phi nhân thọ cạnh tranh mở rộng mạng lưới, ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển sản phẩm

Việc phát triển mạng lưới luôn được coi là một nhiệm vụ quan trọng của các DNBH. Trong năm 2016, các DNBH đã liên tục mở rộng thị trường thông qua việc khai trương văn phòng mới như: Bảo Việt, PVI, PTI, Bảo Minh… Năm 2016, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã đưa vào hoạt động thêm 6 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 73. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đang đẩy mạnh kinh doanh bán lẻ, duy trì là doanh nghiệp bảo hiểm có mạng lưới rộng lớn nhất toàn ngành, ở tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc.

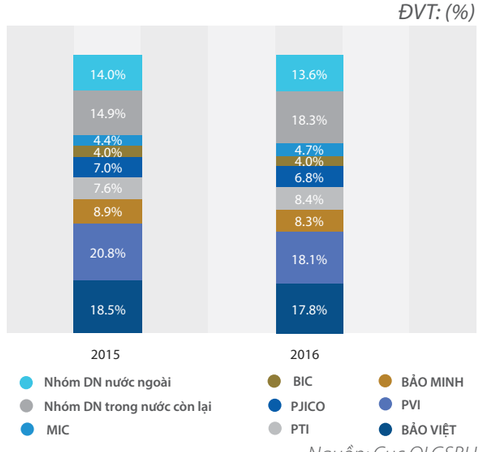
Về kênh phân phối, các DNBH tiếp tục đẩy mạnh phát triển và khai thác kênh phân phối truyền thống song song với khai thác kênh mới như kênh bancassurance, bán hàng trực tuyến, mạng xã hội, mở rộng hợp tác bán

Tổng doanh thu phí BH gốc lũy kế (tỉ đồng)



Nguồn: Cục QLGSBH

Thị phần tổng doanh thu phí BH (%)

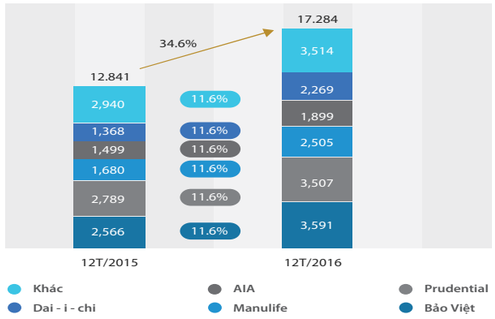


Nguồn: Cục QLGSBH

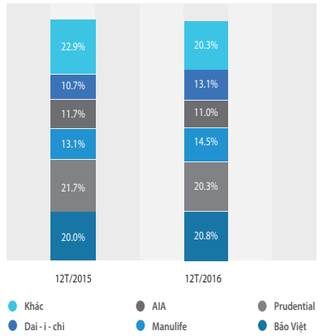
chéo sản phẩm với các đối tác như các hiệp hội doanh nghiệp, công ty tài chính, công ty dịch vụ chăm sóc sức khỏe… Các DNBH ngày càng chú trọng áp dụng công nghệ số vào khai thác kênh phân phối mới và chăm sóc khách hàng. Một số DNBH nổi bật trong việc áp dụng công nghệ số như: Bảo Việt, BIC, MIC….

Phát triển sản phẩm mới cũng là điểm đáng chú ý của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2016. Một số sản phẩm tiêu biểu là Bảo Việt K- Care, sản phẩm tích hợp (banca) BAOVIET Easy Car của Bảo Việt, bảo hiểm trách nhiệm luật sư, công chứng viên và bảo hiểm cháy nổ sạp chợ của MIC…

Doanh thu phí khai thác mới (tỉ đồng)



Thị phần doanh thu phí KTM (%)



Nguồn: AWG

Hoạt động M&A cũng là điểm nhấn trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2016: Bảo hiểm Bảo Minh thoái vốn tại Bảo hiểm PTI, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đang xem xét thời điểm thoái vốn khỏi Bảo hiểm Bảo Minh, PJICO đã lựa chọn được cổ đông chiến lược nước ngoài và thực hiện tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng… Bên cạnh đó, các DNBH cũng chịu sức ép tăng vốn và tham gia xếp hạng tín nhiệm quốc tế để tăng cường năng lực tài chính và nâng cao vị thế trên thị trường

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Theo số liệu của Cục QLGSBH, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2016 ước đạt 49.677 tỷ đồng, tăng trưởng 29,8%.

Doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (KTM) tiếp tục tăng trưởng bứt phá. Bảo Việt Nhân thọ dẫn đầu thị trường doanh thu KTM trong cả năm 2016.

Theo số liệu của Nhóm chuyên gia Actuary (AWG), doanh thu KTM toàn thị trường năm 2016 ước đạt 14.903 tỷ đồng, tăng 34,6% so với năm 2015, thấp hơn mức 43,4% của 2015. Tuy nhiên, năm 2016 vẫn được nhiều chuyên gia nhận định là năm thành công của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

Năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ liên tục dẫn đầu thị trường về doanh thu KTM với mức tăng trưởng 40%, cao hơn mức tăng của thị trường là 34,6%, ước đạt 3.591 tỷ đồng, chiếm 20,8% thị phần.

Prudential và Manulife duy trì ở vị trí thứ 2 và 3 của thị trường với thị phần doanh thu KTM đạt 20,3% và 14,5%. Dai-i-chi đã vượt AIA vươn lên vị trí thứ 4 thị trường. Từ đầu năm 2016, AIA liên tục có tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng toàn thị trường, chỉ đạt 27,8%. Tính chung, nhóm 5 DN dẫn đầu thị trường chiếm 79,7% thị phần doanh thu KTM năm 2016, so với 77,2% của năm 2015.

Trong cả năm 2016, hầu hết các DNBH nhân thọ nhỏ đều sụt giảm tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ khiến thị phần các DNBH nhỏ giảm từ 22,9% xuống còn 20,3%. Trong số đó, một số DN liên tục có tăng trưởng âm trong cả năm 2016 là PVI Sunlife, Prevoir và Fubon, dẫn đến giảm tốc độ tăng trưởng chung của nhóm DN nhỏ. Tuy nhiên, nhóm các DNBH nhỏ bắt đầu tập trung khai thác kênh đại lý song song với việc tăng cường đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm chăm sóc sức khỏe. Điều này phản ánh mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường bảo hiểm nhân thọ trong thời gian tới.

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục thu hút dòng vốn ngoại, các DNBH tập trung cạnh tranh mở rộng mạng lưới, đẩy mạnh kênh truyền thống đại lý song song với phát triển các kênh phân phối mới, đồng thời chú trọng thiết kế sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục thu hút vốn đầu tư từ các tập đoàn nước ngoài. Một vài thương vụ tiêu biểu như: FWD thuộc Tập đoàn Pacific Century đã mua lại Great Eastern Việt Nam; Tập đoàn Sunlife (Canada) đã mua lại toàn bộ cổ phần của PVI Holdings trong liên doanh PVI Sunlife và chính thức đổi tên thành Công ty TNHH bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam (Sun Life Việt Nam)…

Năm 2016, nắm bắt cơ hội tăng trưởng của thị trường, các DNBH nhân thọ đều đẩy mạnh phát triển mạng lưới. Tính riêng, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ trong năm 2016 đã thành lập thêm 5 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 65 công ty, hoạt động trên 63 tỉnh thành cả nước. Các DNBH nhân thọ vẫn cạnh tranh chủ yếu thông qua kênh truyền thống đại lý, tập trung phát triển và nâng cao chất lượng đại lý qua đào tạo, chính sách thưởng hoa hồng... Một số DN nhỏ trước đây chưa khai thác kênh đại lý cũng bắt đầu xây dựng mạng lưới như: Generali Việt Nam, FWD Việt Nam... Đồng thời, các DNBH cũng đẩy mạnh kênh phân phối mới như bancasurance và telesales kết hợp với phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng quyền lợi khách hàng. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm của các doanh nghiệp BHNT qua các kênh phân phối mới, đặc biệt là bancassurance cũng đang tăng dần. Nổi bật ở kênh phân phối bancassurance trên thị trường nhân thọ năm 2016 là sản phẩm BAOVIET Easy Life của Bảo Việt Nhân thọ.

Tiếp nối xu hướng từ 2 năm trở lại đây, ngày càng nhiều DNBH nhân thọ cạnh tranh ứng dụng công nghệ vào khai thác và chăm sóc khách hàng. Nhiều DNBH cũng đã phát triển những phần mềm để khách hàng có thể kết nối và tra thông tin hợp đồng trực tuyến.

Trong năm 2016, cạnh tranh sản phẩm cũng diễn ra mạnh mẽ trên thị trường bảo hiểm nhân thọ. Sức ép cạnh tranh và tăng trưởng buộc các doanh nghiệp phải chú trọng thiết kế lại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm mới của các DNBH nhân thọ được giới thiệu từ đầu năm là: An tâm học vấn, An Hưng Thịnh Vượng (Bảo Việt Nhân thọ), Bảo Gia An Thịnh (Generali)…

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ ngân hàng năm 2016 được điều hành chủ động, linh hoạt và chặt chẽ. NHNN vẫn theo sát mục tiêu ổn định lạm phát.

Tỷ giá và thị trường ngoại tệ được điều hành linh hoạt, ổn định

Năm 2016, NHNN chính thức áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm linh hoạt, xác định dựa trên cung, cầu ngoại tệ trên thị trường và giá trị của đồng nội tệ so với 8 đồng tiền tham chiếu. Về cơ bản, cơ chế mới giúp tỷ giá có một năm tương đối ổn định, hạn chế ảnh hưởng tối đa từ bên ngoài. Theo đó, tỷ giá trung tâm và tỷ giá liên ngân hàng đến cuối năm chỉ tăng gần 1,2% so với đầu năm 2016.

Dự trữ ngoại hối tiếp tục được bổ sung, nâng tổng mức dự trữ ước tính lên tới 41 tỷ USD, đồng thời duy trì mức dự trữ đạt trên 2,8 tháng nhập khẩu. Dự trữ ngoại hối gia tăng tạo điều kiện về nguồn lực giúp NHNN có thể thực hiện các can thiệp bình ổn tỷ giá trên thị trường ngoại hối, từ đó góp phần hạ hoặc ít nhất kìm giữ không tăng lãi suất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Huy động vốn và tín dụng đều tăng trưởng cao, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào.

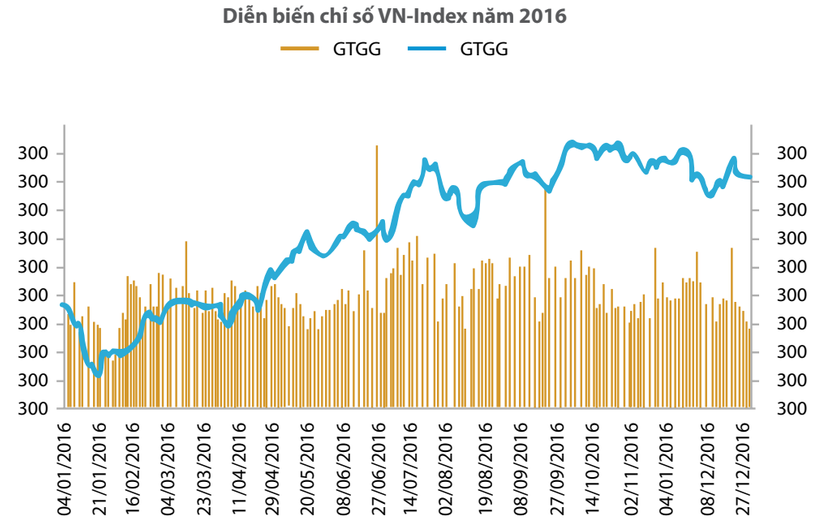
Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2016 ở mức 18,71% trong khi tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán M2 thấp hơn một chút (ở mức 17,88%). Cung tiền được điều hành phù hợp, thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá dồi dào trong phần lớn thời gian của năm 2016. Biểu hiện rõ nhất của hiện tượng này là lãi suất liên ngân hàng xuống mức thấp kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây, đặc biệt trong thời điểm quý III ngoại trừ những ngày cuối năm sau sự kiện FED tăng lãi suất.

Mặt bằng lãi suất trên thị trường duy trì khá ổn định

NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện các biện pháp cân đối vốn duy trì ổn định lãi suất huy động, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh để có điều kiện giảm lãi suất cho vay, điều chỉnh tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn giảm dần theo lộ trình góp phần giảm áp lực lãi suất cho các TCTD. Mặt bằng lãi suất được duy trì khá ổn định trong năm 2016. Mặt bằng lãi suất huy động sau khi tăng 0,2-0,3%/năm trong 3 tháng đầu năm thì từ tháng 4 đã ổn định, đặc biệt giữa tháng 4 và từ cuối tháng 9/2016, một số TCTD đã giảm 0,3-0,5%/năm lãi suất huy động, giảm khoảng 0,5-1%/năm lãi suất cho vay đối với sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Lãi suất cho vay hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn; khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4-5%/năm.

Nợ xấu trong toàn hệ thống ngân hàng tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn 2,46% vào cuối 2016 so với mức 2,72% của một năm trước đó. Nợ xấu ở mức thấp cùng với tín dụng hồi phục và mặt bằng lãi suất ổn định đang có sự hỗ trợ quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU



Nguồn: HNX

Năm 2016 đánh dấu một năm tăng trưởng vượt bậc của chỉ số VN-index và giao dịch ổn định quanh mức 650-680 trong phần lớn thời gian nửa cuối năm. Mức tăng trưởng trên đạt được nhờ sự ổn định và thuận lợi về mặt chính sách vĩ mô trong nước, cũng như các tác động tích cực từ thị trường quốc tế cùng với đà hồi phục của giá hàng hóa cơ bản. Đây cũng là năm có nhiều sự kiện quan trọng diễn ra, cả trong nước như việc bán vốn nhà nước ở VNM, các doanh nghiệp lớn lên sàn như SAB, BHN và việc ra mắt chỉ số chung VNX-Allshare…, hay các sự kiện quốc tế có tầm ảnh hưởng lớn như Brexit, bầu cử Tổng thống Mỹ và OPEC đạt thỏa thuận cắt giảm sản lượng…

Tính cả năm 2016, chỉ số VN-index có mức tăng trưởng mạnh cả về điểm số và giá trị giao dịch, trong khi biến động ở chỉ số HNX-index là không đáng kể. Cụ thể, so với cuối năm 2015, chỉ số VN-index chốt năm ở 664,87 điểm tăng +14,8% về điểm số và +25,7% về giá trị giao dịch trong khi mức tăng/giảm tương ứng của chỉ số HNX-index (80,12 điểm) lần lượt là +0,2% và -4%.

Thanh khoản bình quân năm 2016 đạt 2.936 tỷ/phiên, tăng 18,34% so với thanh khoản bình quân năm 2015. Thanh khoản thị trường chủ yếu tăng mạnh trong khoảng quý II và III, và có phần suy yếu trong quý cuối năm. Xu hướng rút ròng của khối ngoại cũng làm suy yếu thanh khoản thị trường cũng như tâm lý giao dịch của những tháng cuối năm.

Tính đến hết tháng 12/2016, quy mô vốn hóa của hai sàn đạt 1.642 tỷ đồng, tương đương 37,34% GDP và tăng 26,83% so với năm 2015.

Xét về diễn biến các nhóm ngành (theo phân ngành ICB) trong 12 tháng, các nhóm ở top đầu có mức tăng trưởng vượt bậc, trong khi các nhóm ở top dưới giảm nhẹ, phù hợp với diễn biến tăng điểm của 2 chỉ số. Trong đó, tăng trưởng nổi bật nhất thuộc về 2 nhóm thép (+156%) và dược (+72%). Trong đó, cổ phiếu thép tăng trưởng trên diện rộng ở hầu hết các mã trong ngành nhờ sự cải thiện ở kết quả kinh doanh, cũng như các tác động tích cực từ mặt chính sách, thuế bảo hộ. Ngành dược bên cạnh sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, còn đến từ kỳ vọng mở room ngoại ở các doanh nghiệp trong ngành. Các ngành giảm điểm mạnh là ngành thiết bị dịch vụ y tế, dệt may và đầu tư đa ngành có mức giảm sâu nhất, lần lượt là -23,71%, -13,12% và -12,39% do những kỳ vọng hưởng lợi từ TPP không còn và áp lực cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu tăng.

Khối nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên có năm bán ròng trên HOSE từ 2006 đến nay

Năm 2016, trước những biến động từ tình hình kinh tế thế giới, áp lực từ việc Fed tăng lãi suất khiến dòng vốn ngoại rút khỏi những thị trường biên, và sẽ còn là xu hướng chủ đạo trong giai đoạn sắp tới. Mặc dù vẫn duy

trì mua ròng trên sàn HNX, tuy nhiên khối ngoại đã có năm bán ròng đầu tiên trên sàn HoSE với giá trị ở mức cao. Cụ thể, khối ngoại mua vào 89,1 nghìn tỷ đồng và bán ra 97,1 nghìn tỷ đồng trên sàn HoSE, giá trị bán ròng đạt hơn 7,9 nghìn tỷ đồng, nhiều hơn giá trị mua ròng của 2 năm 2014 và 2015 cộng lại. Thực tế kể từ 2013 đến năm 2015, xu hướng mua ròng của khối ngoại đã giảm dần theo các năm, tương ứng diễn biến tăng dần của chỉ số VN-index. Nguyên nhân do chỉ số VN-index sau giai đoạn tăng điểm mạnh, đã không còn nằm trong vùng mua thực sự hấp dẫn, ngoài ra, động lực bán ròng trong nửa cuối năm còn đến từ làn sóng rút vốn ra khỏi thị trường mới nổi, đón đầu xu hướng tăng lãi suất của Mỹ và việc mạnh lên của đồng USD.

Xét theo nhóm ngành trong năm 2016 đối với giao dịch khớp lệnh trên HSX, khối ngoại mua ròng với giá trị lớn ở 2 ngành công nghiệp, dầu khí và dịch vụ công cộng, trong khi bán ròng mạnh ở ngành bất động sản, tài chính và hàng tiêu dùng. Các mã được mua ròng mạnh qua giao dịch khớp lệnh có CII, HPG và GAS trong khi VIC, MSN, CTD và HSG… bị bán ròng với giá trị lớn.

Dòng vốn ngoại đầu tư vào TTCK Việt Nam giảm sút mạnh trong năm 2016 cũng là xu thế chung đối với các thị trường khác trong khu vực cũng như các thị trường biên khác.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2016 ước đạt 48,5 tỷ USD vào tương đương khoảng 24% GDP. Trong đó: TPCP, CPBL, CQĐP vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo, phần còn lại là TPDN.

Thị trường trái phiếu sôi động

Trong năm có 336.000 tỷ đồng (+19,76% yoy) trái phiếu và tín phiếu được huy động. Cụ thể, lượng phát hành của trái phiếu Kho Bạc Nhà Nước, tín phiếu Kho Bạc Nhà Nước, trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trái phiếu Ngân hàng Chính sách Xã hội và trái phiếu của các chủ thể khác lần lượt đạt 281.720 tỷ đồng, 19.600 tỷ đồng, 21.479 tỷ đồng, 13.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng. Tỷ lệ đặt thầu trên gọi thầu bình quân đạt 3,4 lần, trong khi tỷ lệ trúng thầu bình quân đạt khoảng 97,4%. Năm 2016 được chia ra làm 3 giai đoạn: (1) Thị trường sôi động trong 6 tháng đầu năm; (2) Và sau đó chững lại trong Quý 3 trước khi hoạt động trầm lắng trong Quý 4. Tuy nhiên, lượng trái phiếu kỳ hạn 30 năm bất ngờ tăng đột biến trong giai đoạn này và trở thành điểm sáng trên thị trường.

Năm 2016, tỷ trọng phát hành trái phiếu kỳ hạn ngắn (dưới 5 năm) vẫn duy trì mức lớn nhất với gần 80%, còn lại 20% là trái phiếu các kỳ hạn dài: 10 năm, 15 năm, 20 năm, và 30 năm. Các nhà đầu tư tiếp tục có xu hướng chuyển dịch nhiều hơn sang các trái phiếu kỳ hạn dài.

Trong cả năm 2016, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 281.750 tỷ đồng trái phiếu chính phủ qua đấu thầu tại HNX, đạt 100,3% kế hoạch điều chỉnh lần 2 của năm nay (281.000 tỷ đồng). Trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm phần lớn tổng giá trị trái phiếu lưu hành. Tại thời điểm cuối tháng 12 năm 2016, Tổng giá trị lưu hành của Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương là 930.528 tỷ đồng. Giá trị lưu hành của Trái phiếu Chính phủ đạt 758.937 tỷ đồng, chiếm 82.08%, của Trái phiếu chính phủ bảo lãnh là 144.284 tỷ đồng, chiếm 15,60% và của trái phiếu chính quyền địa phương là 21.400 tỷ đồng, chiếm 2,31%.

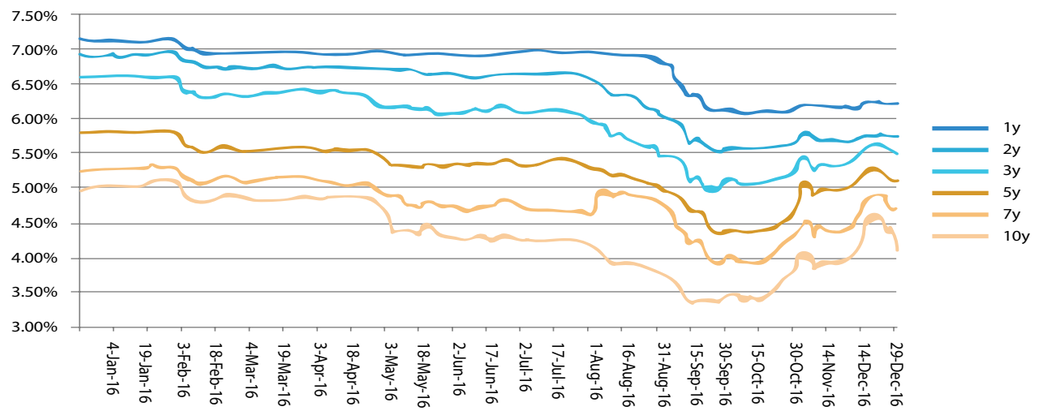
Biến động của lãi suất trúng thầu có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm kỳ hạn. Các kỳ hạn dài (20 năm và 30 năm) dao động trong biên hẹp, đi ngang đến cuối Quý 3 sau đó giảm nhẹ và tương đối ổn định đến hết năm. Trái phiếu 5 năm có biên độ dao động rộng hơn khi giảm nhẹ từ Quý 1 sau đó giảm mạnh tạo đáy vào cuối Quý 3 rồi bật tăng trở lại đầu Quý 4. Kỳ hạn 7 năm dao động tăng nhẹ vào Quý 2 và sau đó giảm mạnh dần về cuối năm do thu hút được lực cầu tốt hơn.

Kinh tế vĩ mô, tỷ giá ổn định, lãi suất không có nhiều biến động đột biến, các NHTM đã chuyển hướng sang kỳ hạn dài hơn để hưởng chênh lệch lãi suất cao hơn, tạo áp lực giảm lãi suất ở kỳ hạn dài (10 năm trở lên). Các Công ty bảo hiểm và các Quỹ đầu tư đang dần khẳng định vai trò ở phân khúc kỳ hạn dài, đặc biệt kỳ hạn từ 10 năm trở lên.

Trên thị trường trái phiếu thứ cấp giá trị giao dịch tăng tại cả Outright và repo, lợi suất giảm.

Năm 2016 có 1.594.000 tỷ đồng (+75,92% yoy) được giao dịch trên thị trường thứ cấp. Cụ thể, giá trị giao dịch outright nhảy vọt 991.000 tỷ đồng (+63,42%yoy) trong khi giá trị giao dịch repo cũng tăng mạnh lên 603.000 tỷ đồng (+101,1% yoy). Lợi suất trái phiếu dao động trong biên độ hẹp vào nửa đầu năm 2016. Nhờ lượng thanh khoản dồi dào trong hệ thống mà lợi suất đã giảm mạnh tạo đáy trong tháng 10 và đầu tháng 11, lợi suất trái phiếu đã tăng trở lại vào cuối tháng 12, tuy nhiên so với đầu năm 2016 lợi suất giao dịch TPCP đã giảm tương đối mạnh trong năm 2016 đặc biệt là kỳ hạn 5 năm và 7 năm.

Mặt bằng lãi suất trên thị trường thứ cấp năm 2016



Nguồn: NHNN, VBMA

Thị trường trái phiếu hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài

Sau 3 năm bán ròng liên tục, khối ngoại bán ròng 12.687 tỷ đồng trong năm 2016. Thị trường trái phiếu đã trở nên hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài do: (1) Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi 36/2014/TT-NHNN đã giúp các nhà đầu tư nước ngoài có thêm dư địa để đầu tư, kinh doanh trái phiếu Chính phủ (TPCP) bằng cách hướng tới việc tăng tỷ lệ mua, đầu tư vào TPCP so với nguồn vốn ngắn hạn của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (từ 15% đến 35%); (2) tỷ giá ổn định và (3) thanh khoản dồi dào.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản năm 2016 đã vượt qua giai đoạn khó khăn và bước vào giai đoạn phục hồi với nhịp cung cầu có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Hàng hóa bất động sản phát triển đa dạng ở mọi phân khúc đặc biệt nở rộ phân khúc nhà ở cao cấp phát triển mạnh mẽ cả nguồn cung lẫn nguồn cầu. Cùng với đó, niềm tin vào thị trường tăng trở lại, người tiêu dùng không còn chờ đợi giảm giá và quyết định mua theo nhu cầu sử dụng. Theo Tổng cục Thống kê hoạt động kinh doanh bất động sản được cải thiện hơn với mức tăng 4%, cao hơn mức tăng 2,96% của năm trước, Về số lượng giao dịch bất động sản thành công, theo số liệu của Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng, năm 2016 có sự sụt giảm, tính chung cả 2 thành phố Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có khoảng 30.565 giao dịch, chỉ bằng 80% của 2015. Tuy nhiên động thái cho thấy thị trường đang phát triển tốt và hướng tới nhu cầu thực của người dân mua là để ở chiếm phần lớn giao dịch trên thị trường. Chất lượng, giá trị các giao dịch tăng lên đáng kể do nguồn cung phần lớn tập trung vào phân khúc cao cấp và bất động sản du lịch. Trong năm 2016, mặt bằng giá cả bất động sản tương đối ổn định, sự biến động giá tăng trong năm khoảng 2% đến 7%. Trong một số dự án đặc thù có sự tăng giá đến 12% song không phải là trào lưu phổ biến. Tồn kho bất động sản cũng giảm mạnh tính đến cuối tháng 12 giá trị hàng tồn kho bất động sản còn khoảng 31.842 tỷ đồng, so với quý 1/2013 giảm 96.706 tỷ đồng (giảm 75,23%) so với tháng 12/2015 giảm 19.047 tỷ đồng (giảm 37,43%). Về đầu tư nước ngoài, bất động sản vẫn là một trong những lĩnh vực được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhất tại Việt Nam khi chiếm đến 10% tổng vốn. Ngoài ra số doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có tỷ lệ thành lập tăng cả về chất (tăng 234,2% về vốn đăng ký) và lượng (tăng 83,9% về số doanh nghiệp) so với năm 2015. Đây là tín hiệu tích cực thể hiện rõ ràng sự tự tin của các doanh nghiệp về triển vọng kinh doanh BĐS trên cả nước.

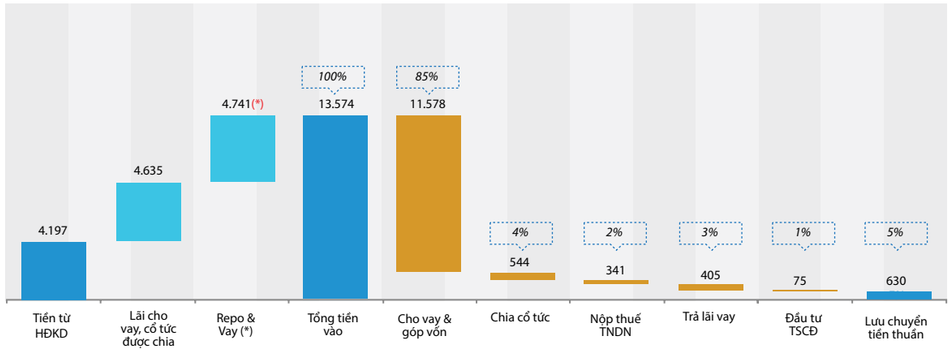
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, với định hướng "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", thông qua việc tập trung thực hiện những nhóm giải pháp tối ưu hóa nguồn lực, bằng sự đồng lòng và nỗ lực của toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, doanh thu hợp nhất xuất sắc cán đích hơn 1 tỷ USD, tạo tiền đề vững chắc để "sẵn sàng cất cánh" trong năm 2017, tiến tới thực hiện thành công chiến lược giai đoạn 2016-2020.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ DÒNG TIỀN NĂM 2016

Tại 31/12/2016, tổng nguồn vốn của Tập đoàn Bảo Việt đạt 72.996 tỷ đồng, tăng 14.444 tỷ so với năm 2015, chủ yếu do quy mô của Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng cũng như hoạt động repo được mở rộng (Quỹ dự phòng nghiệp vụ và nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu là hai nguồn chính, chiếm 78% tổng nguồn vốn). Tận dụng nguồn lực tài chính mạnh mẽ này, năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã thu về gần 4.200 tỷ đồng thu về từ hoạt động kinh doanh chính, hơn 4.700 tỷ đồng từ hoạt động repo và vay (chủ yếu là hoạt động repo); và hơn 4.600 tỷ đồng lãi hoạt động đầu tư, góp vốn. Với tổng giá trị hơn 13.500 tỷ đồng thu về trong năm, Tập đoàn đã dành trên 11.500 tỷ đồng để đầu tư tài chính dưới hình thức cho vay (trái phiếu, tiền gửi) và góp vốn vào các đơn vị khác. Các khoản đầu tư này đã góp phần không nhỏ mang lại hơn 4.600 tỷ đồng doanh thu từ lãi cho vay, trái tức và cổ tức được chia trong năm 2016. Ngoài ra, trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã chi 544 tỷ đồng để thanh toán cổ tức, đảm bảo quyền lợi lâu dài cho các cổ đông.

Đơn vị: tỷ đồng



(*): Chủ yếu là hoạt động repo.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

Doanh thu

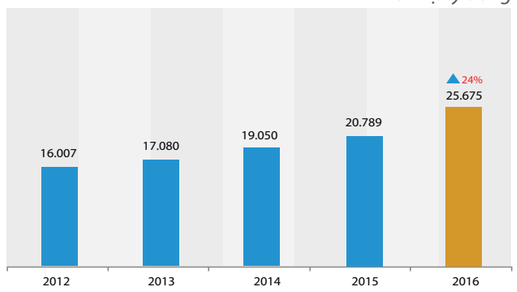
Doanh thu hợp nhất chinh phục vượt mốc 1 tỷ USD

Năm 2016, tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trưởng mạnh 24% so với cùng kỳ, vượt 14,1% kế hoạch đề ra, đạt 25.675 tỷ đồng. Thông qua việc tập trung thực hiện các nhóm giải pháp mở rộng thị trường, tối ưu hóa nguồn lực trong toàn hệ thống, chủ động ứng phó với biến động thị trường, các lĩnh vực đều ghi nhận kết quả ấn tượng, cụ thể:

- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ tăng trưởng mạnh về doanh thu, và đặc biệt trong năm 2016 đã chiếm lĩnh vị trí số 1 thị phần doanh thu khai thác mới. Tổng doanh thu tăng trưởng mạnh 31% so với năm 2015, đạt 17.117 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch 17,6%. Doanh thu phí bảo hiểm gốc nhân thọ tăng trưởng vượt bậc, đạt 10.402 tỷ đồng, tăng 33,2% so với cùng kỳ. Doanh thu khai thác mới thực thu đạt 3.056 tỷ đồng, tăng trưởng 32,3% so với cùng kỳ. Lĩnh vực này tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn (66%).

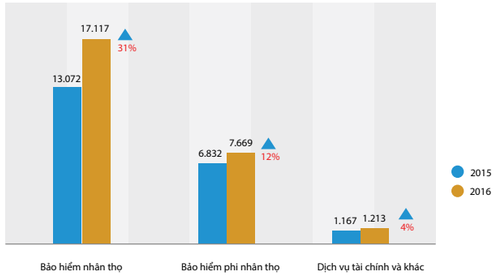
Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: tỷ đồng



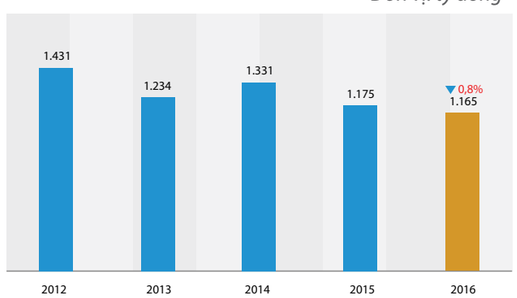
Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2015-2016

Đơn vị: tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: tỷ đồng



- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ bứt phá với tổng doanh thu đạt 7.669 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2015, vượt 6,3% kế hoạch đề ra, đóng góp 29% vào doanh thu toàn Tập đoàn. Doanh thu phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ đạt 6.565 tỷ đồng, vươn lên giữ vị trí số 1 thị trường.
- Kết thúc năm 2016, lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác đã đóng góp 5% tổng doanh thu toàn Tập đoàn với 1.213 tỷ đồng, trong đó: hoạt động kinh doanh chứng khoán đạt 294 tỷ đồng, bám sát kế hoạch năm 2016; lĩnh vực quản lý quỹ có kết quả đáng ghi nhận với tổng doanh thu đạt 89 tỷ đồng, tăng trưởng 50% so với năm 2015; hoạt động quản lý,cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản doanh thu đạt 219 tỷ đồng. Trong bối cảnh thị trường bất động sản vẫn còn nhiều khó khăn, với mục tiêu ổn định, bền vững, các hoạt động kinh doanh thiết bị và thương mại với tỷ suất sinh lời thấp đã được chủ động cắt bỏ; chú trọng đến chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực quản lý tòa nhà và thi công công trình nhằm đem lại hiệu quả trong các năm tới.

Lợi nhuận

Tập trung đầu tư chiều sâu, hướng tới hiệu quả kinh doanh bền vững

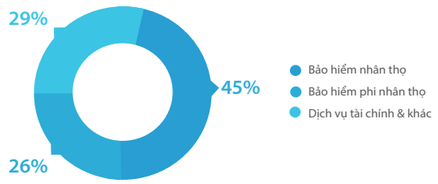
Toàn Tập đoàn về đích năm 2016 với Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.165 tỷ đồng. Hoạt động bảo hiểm từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược dẫn đầu thị trường và khẳng định thương hiệu Việt với tốc độ tăng trưởng doanh thu vượt bậc. Với định hướng "đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", trong năm 2016, toàn Tập đoàn đã tập trung mở rộng mạng lưới, kênh phân phối, đào tạo, truyền thông thương hiệu, nâng cấp cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ, chuẩn bị mọi nguồn lực tạo đà phát triển bền vững trong tương lai. Chi phí thực hiện do đó tăng so với năm 2015, đây là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận hợp nhất giảm nhẹ so cùng kỳ. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

- Lợi nhuận sau thuế lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ đạt 513 tỷ đồng. Chi phí dự phòng nghiệp vụ tăng, trong đó dự phòng toán học tăng 37% so cùng kỳ nhằm đảm bảo tính thận trọng và quyền lợi cao nhất cho khách hàng. Trong năm 2016, chi phí bán hàng và quản lý thực hiện tăng so với cùng kỳ do đẩy mạnh khai thác mới, mở rộng kinh doanh. Việc này phù hợp với định hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020, mặc dù các yếu tố này làm lợi nhuận lĩnh vực này năm 2016 giảm nhưng hướng tới mục tiêu phát triển mạnh trong các năm tới.

- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ tiếp tục khẳng định những thành công trong việc chuyển đổi mô hình quản trị, tái cấu trúc, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016, đạt 301 tỷ đồng, tăng trưởng 4% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế từ lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác đạt 338 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ luôn duy trì tỷ trọng lớn nhất, năm 2016 chiếm 45% lợi nhuận hợp nhất; lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ chiếm 26%; lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác là 29%.

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo các lĩnh vực năm 2016



Tổng tài sản

Năm 2016, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng mạnh 14.444 tỷ đồng, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn và tăng tiền gửi từ nguồn repo trái phiếu. Chất lượng tài sản được nâng cao, trách nhiệm dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm được bảo đảm.

Quy mô tài sản hợp nhất

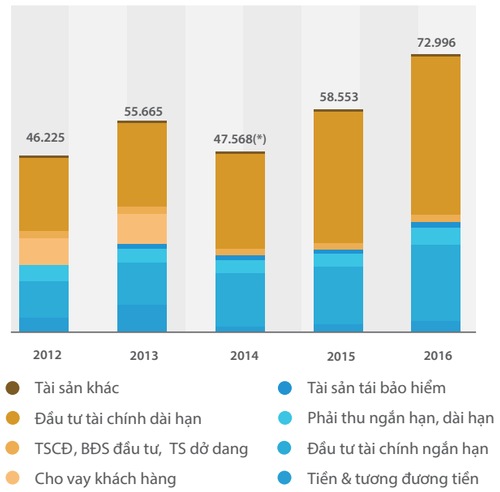
Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng 14.444 tỷ đồng tương ứng 24,7% so với cùng kỳ, đạt 72.996 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2016.

Nguyên nhân chính khiến tổng tài sản tăng mạnh là do các khoản đầu tư trái phiếu tăng đáng kể 6.942 tỷ đồng (23%), tập trung chủ yếu tại Bảo Việt Nhân thọ (tăng hơn 6 nghìn tỷ đồng), vào các trái phiếu có kỳ hạn dài lên đến 30 năm để cân đối giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm. Việc tăng cường đầu tư vào trái phiếu dài hạn là phù hợp với sự sôi động của thị trường trái phiếu đồng thời tận dụng được các cơ hội lãi suất tốt khi cung trái phiếu dài hạn tăng, đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2016.

Tiền gửi cũng tăng 4.221 tỷ đồng (28%) chủ yếu do tăng nguồn từ repo trái phiếu hơn 4 nghìn tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại Bảo Việt Nhân thọ. Năm 2016 cũng chứng kiến sự tăng trưởng của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết khi Tập đoàn Bảo Việt đầu tư thêm 705 tỷ đồng (tăng trưởng 34%) vào các lĩnh vực hứa hẹn triển vọng phát triển cao như du lịch khách sạn, logistic. Tiền và tương đương tiền tăng 627 tỷ đồng (28%). Đầu tư cổ phiếu cũng tăng nhẹ 139 tỷ đồng (8%).

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2012-2016

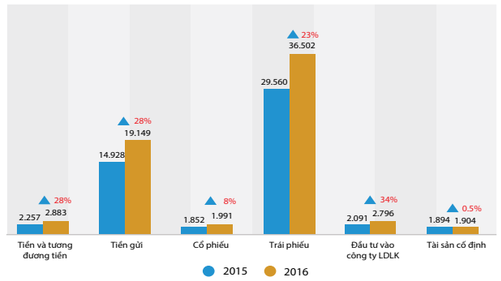
Đơn vị: tỷ đồng



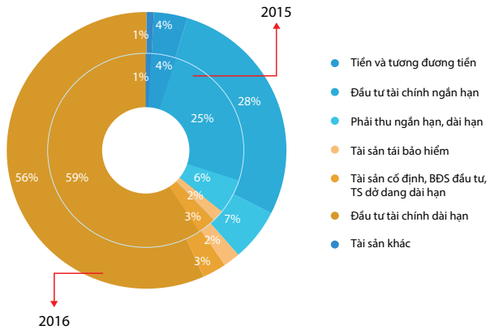
(*) : Năm 2014, do sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt nên các khoản mục Tài sản và Nguồn vốn của Ngân hàng Bảo Việt không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn, dẫn đến tổng tài sản toàn Tập đoàn giảm.

Tài sản hợp nhất theo các khoản mục chính

Đơn vị: tỷ đồng

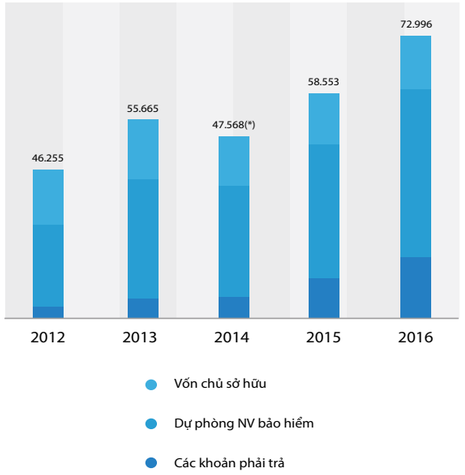


Cơ cấu tài sản hợp nhất



Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2012 - 2016

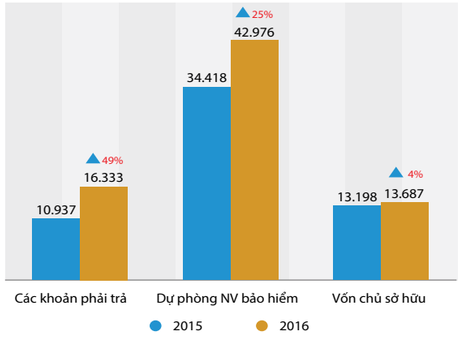
Đơn vị: tỷ đồng



(*) : Năm 2014, do sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt nên các khoản mục Tài sản và Nguồn vốn của Ngân hàng Bảo Việt không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn, dẫn đến tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn giảm.

Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính

Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu tài sản hợp nhất

Cơ cấu tài sản hợp nhất ổn định với sự dẫn đầu của các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tỷ trọng 56%), đầu tư tài chính ngắn hạn đứng thứ hai (tỷ trọng 28%), tiếp đến là các khoản phải thu (tỷ trọng 7%). Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng tỷ trọng từ 25% lên 28% do tăng đầu tư tiền gửi từ nguồn repo trái phiếu. Đầu tư tài chính dài hạn mặc dù tăng về giá trị (6.220 tỷ đồng) nhưng vẫn giảm tỷ trọng (từ 59% xuống 56%) do tổng tài sản toàn Tập đoàn tăng.

Tổng nguồn vốn

Quy mô nguồn vốn hợp nhất

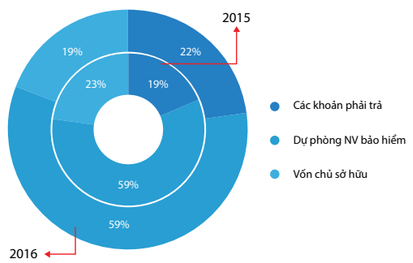
Tương tự, tổng nguồn vốn hợp nhất năm 2016 tăng 24,7% so với năm 2015, đạt 72.996 tỷ đồng, chủ yếu do tăng quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm 8.559 tỷ đồng (25%) – trong đó quỹ dự phòng toán học tại Bảo Việt Nhân thọ tăng 7.818 tỷ đồng (27,5%), đảm bảo sự chủ động của Tập đoàn Bảo Việt trong việc giảm thiểu tác động của các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

Ngoài ra, các khoản phải trả tăng 5.397 tỷ đồng (49%) chủ yếu do Tập đoàn Bảo Việt tận dụng hoạt động repo (tăng 4.661 tỷ) để tăng cường hiệu quả kinh doanh, mang lại hiệu quả và lợi ích cho doanh nghiệp.

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất

Cơ cấu nguồn vốn có sự biến động trong năm 2016. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 59% tổng nguồn vốn, thể hiện năng lực tài chính vững mạnh cũng như cam kết đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt. Các khoản phải trả ở vị trí thứ hai, tăng từ 19% lên 22% do tăng phải trả các hợp đồng của hoạt động repo trái phiếu. Nguồn vốn chủ sở hữu mặc dù tăng giá trị (488 tỷ đồng) nhưng lại giảm tỷ trọng (từ 23% xuống 19%) do tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn tăng mạnh trong năm.

Cơ cấu Nguồn vốn hợp nhất



Khả năng thanh toán và khả năng sinh lời

Khả năng thanh toán các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đảm bảo

Hệ số thanh toán của các đơn vị được duy trì ở mức cao. Hệ số thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt và Công ty Chứng khoán Bảo Việt cao hơn nhiều so với mức yêu cầu tối thiểu. Tuy hệ số thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt có giảm nhẹ so với năm 2015 song các chỉ số này của năm 2016 vẫn ở mức cao, đảm bảo khả năng chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao và tuân thủ quy định của Pháp luật.

Tại ngày 31/12/2016, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ đều ở mức an toàn, tuân thủ quy định của Bộ Tài chính (tối thiểu đạt 100%). Khả năng thanh toán dự kiến sẽ được nâng cao hơn nữa khi các quy định mới thuận lợi hơn về cách tính Biên khả năng thanh toán của Bộ Tài chính được áp dụng trong năm 2017.

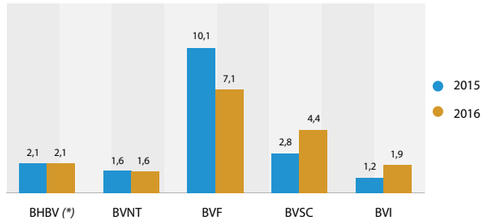
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt và Công ty Chứng khoán Bảo Việt tại ngày 31/12/2016 đạt lần lượt là 338% và 678% cao hơn rất nhiều so với quy định (180%).

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, khả năng sinh lời vẫn duy trì ở mức khả quan

Tập đoàn Bảo Việt là tập đoàn duy nhất trên thị trường Việt Nam có ngành nghề kinh doanh đa dạng, từ bảo hiểm tới tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản. Trong từng lĩnh vực kinh doanh, Bảo Việt luôn nằm trong nhóm các công ty dẫn đầu thị trường về hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời.

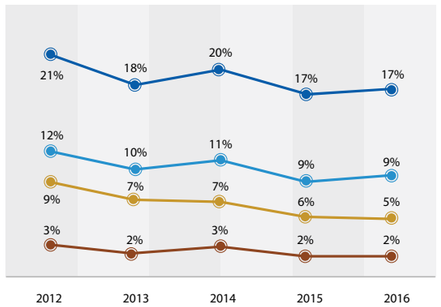
Trong bối cảnh thị trường tài chính năm 2016 có nhiều biến động, Tập đoàn Bảo Việt vẫn khẳng định được vị thế với các chỉ tiêu sinh lời duy trì ổn định ở mức tốt. Các chỉ tiêu ROA, ROE, ROCC không thay đổi nhiều so với năm 2015, chỉ tiêu LNST/TDT có thay đổi nhẹ qua các năm do ảnh hưởng từ mức tăng cao của doanh thu hợp nhất.

Hệ số thanh toán (lần)



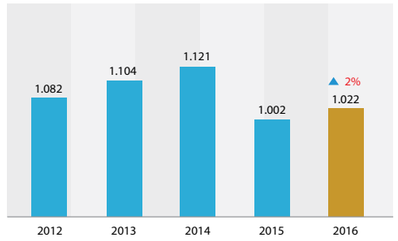
(*) Đối với Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

Khả năng sinh lời (%)



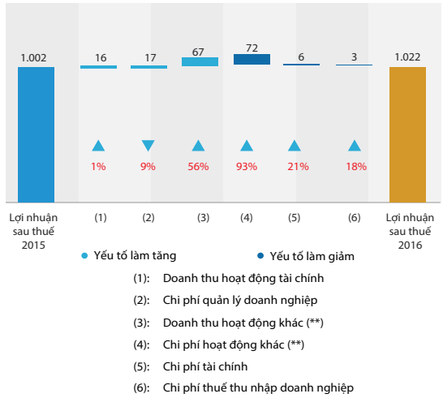
Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: tỷ đồng



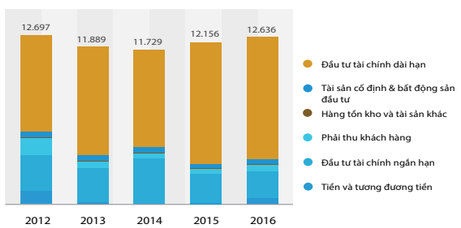
Biến động lợi nhuận sau thuế 2016 so với 2015

Đơn vị: tỷ đồng



Tổng tài sản công ty mẹ giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: tỷ đồng



KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Lợi nhuận

Hoàn thành vượt mức kế hoạch Lợi nhuận sau thuế

Công ty Mẹ hoàn thành vượt kế hoạch Lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng Cổ đông giao, đạt 1.022 tỷ đồng, tăng trưởng 2% so với năm 2015. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 15%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Một trong các yếu tố chính giúp tăng lợi nhuận sau thuế năm 2016 là kết quả khả quan từ hoạt động đầu tư trực tiếp của Tập đoàn nhờ bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp. Doanh thu tài chính tăng so với cùng kỳ và đạt 1.213 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí quản lý năm 2016 giảm 9% so với năm 2015.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương đầu tư chiều sâu hướng tới phát triển lâu dài, trong năm 2016, Tập đoàn đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh cũng như tăng cường năng lực quản trị điều hành tập trung, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin tăng mạnh so với cùng kỳ(*). Chi phí hoạt động khác cũng tăng tương ứng.

(*) Từ năm 2015, Tập đoàn thực hiện đăng ký và tách biệt hoạt động Công nghệ thông tin, qua đó mang lại thêm doanh thu cho Tập đoàn.
(**) Hoạt động khác bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ Công nghệ thông tin, Đào tạo, cho thuê văn phòng.

Tổng tài sản

Năm 2016, tổng tài sản Công ty Mẹ tăng nhẹ so với năm 2015. Đầu tư tài chính dài hạn được chú trọng với mục tiêu tập trung tăng cường sức mạnh tài chính cho các công ty thành viên, hướng đến các kênh đầu tư an toàn, bền vững.

Quy mô tài sản Công ty Mẹ

Tổng tài sản năm 2016 đạt 12.636 tỷ đồng, tăng 480 tỷ đồng (3,9%) so với năm 2015. Trong đó đầu tư tài chính dài hạn được tăng cường với 500 tỷ tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ để thực hiện chiến lược tập trung gia tăng sức mạnh tài chính cho các công ty thành viên có hoạt động kinh doanh cốt lõi; đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tăng 431 tỷ đồng cho dự án mới. Tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm tạm ở mức cao để chuẩn bị cho các giao dịch đầu tư dài hạn hơn.

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ

Theo kỳ hạn, tài sản dài hạn vẫn duy trì tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản (chiếm 76%).

Theo khoản mục đầu tư, việc tăng đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết từ nguồn trái phiếu khiến cơ cấu tài sản Công ty Mẹ chuyển dịch theo hướng: giảm mạnh tỷ trọng trái phiếu (16% xuống 9%), giảm nhẹ tỷ trọng tiền gửi (13% xuống 12%); tăng mạnh tỷ trọng đầu tư vào Công ty con, liên doanh liên kết (58% lên 64%).

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu ổn định, đảm bảo phát triển bền vững

Tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt được duy trì ổn định trong nhiều năm qua. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn luôn ở mức cao (hơn 96%) từ năm 2013 và đạt mức 96,3% tại cuối năm 2016, thể hiện tiềm lực tài chính nội tại của Tập đoàn.

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ ở mức thấp từ năm 2013 - dưới 5%. Tại thời điểm cuối năm 2016 tỷ lệ này là 3,7%, tăng nhẹ so với năm 2015 do số dư các khoản phải trả của hoạt động repo.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có các khoản nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài.

Khả năng thanh toán & Khả năng sinh lời

Khả năng thanh toán luôn ở mức cao

Hệ số thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức cao và tại 31/12/2016 đạt 6,52 lần, cao hơn nhiều so với mức tối thiểu thông thường là 1 lần, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty Mẹ.

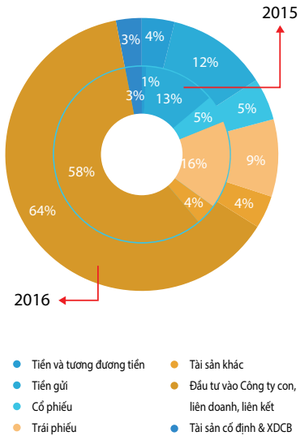
Khả năng sinh lời

Tại thời điểm cuối năm 2016, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty Mẹ duy trì ở mức tốt.

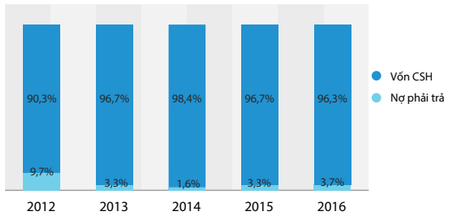
Tỷ suất ROE và ROCC trong 5 năm qua được duy trì tương ứng quanh mức 15% và 8% cho thấy mức sinh lời trên vốn của Công ty Mẹ qua các năm khá hiệu quả và có tính chất ổn định lâu dài.

Năm 2016, trước thách thức chung của nền kinh tế, Bảo Việt đã nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị nhằm bảo toàn và phát huy nguồn vốn doanh nghiệp, tối đa hóa lợi nhuận, duy trì mức sinh lời ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.

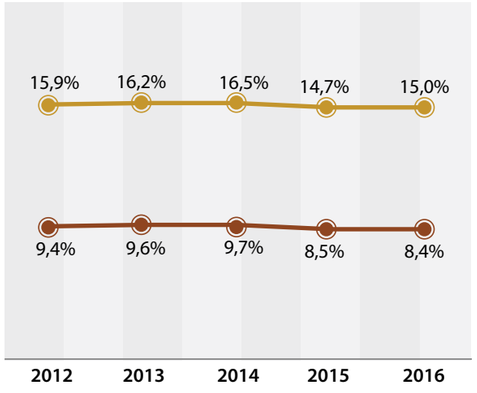
Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ



Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2012-2016



Khả năng sinh lời của Công ty Mẹ giai đoạn 2012-2016



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Căn cứ dự báo lãi suất có xu hướng ổn định ở mức thấp, để tăng cường hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cân đối dòng tiền với các nghĩa vụ nợ của đơn vị, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Tập đoàn, năm 2016 Tập đoàn Bảo Việt đã tiếp tục điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng gia tăng đầu tư vào các tài sản tăng trưởng có tiềm năng mang lại giá trị cao hơn trong tương lai, mang lại hiệu quả cao hơn cho danh mục đầu tư của Tập đoàn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TOÀN TẬP ĐOÀN 2016

Năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tái cơ cấu danh mục lãi suất cố định theo hướng giảm đầu tư tiền gửi, tăng đầu tư trái phiếu, đồng thời dịch chuyển một phần danh mục đầu tư lãi suất cố định sang đầu tư vào kênh cổ phần, góp vốn.

Tại 31/12/2016, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 64.402 tỷ đồng, tăng 25% so với thời điểm 31/12/2015. Đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 58.295 tỷ đồng, chiếm 91% tổng nguồn vốn đầu tư. Việc duy trì danh mục lãi suất cố định với tỷ lệ cao như trên là nhằm đảm bảo cơ cấu danh mục đầu tư theo cam kết của các sản phẩm bảo hiểm. Bên cạnh đó, đối với nguồn vốn đầu tư còn lại, trong năm 2016, Tập đoàn đã dịch chuyển gần 1.000 tỷ đồng sang kênh cổ phần, góp vốn theo đúng định hướng đầu tư.

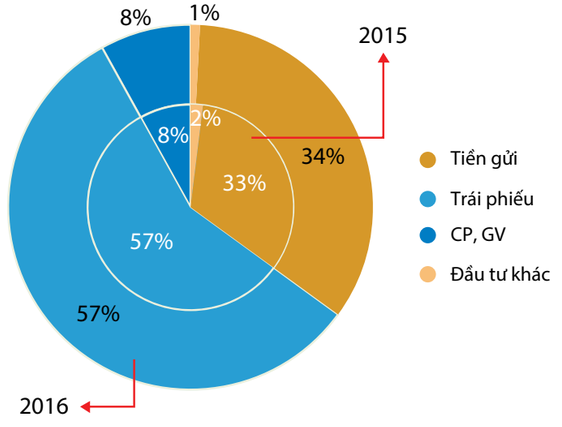
Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2016

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TẠI 31/12/2016		TẠI 31/12/2015		SO SÁNH 2016/2015
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I. Đầu tư lãi suất cố định	58.295	91%	46.648	90%	25%
1. Tiền gửi	21.793	34%	17.088	33%	28%
2. Trái phiếu	36.502	57%	29.560	57%	23%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	5.171	8%	4.235	8%	22%
III. Đầu tư tài chính khác	936	1%	803	2%	17%
Tổng cộng	**64.402**	**100%**	**51.686**	**100%**	**25%**

Ghi chú: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn



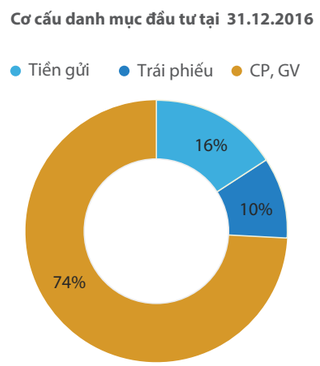
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ 2016

Tại 31/12/2016, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.987 tỷ đồng, tăng 3% so với 31/12/2015. Khoảng 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2016 đạt 1.210 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2016.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2016

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TẠI 31/12/2016		TẠI 31/12/2015		2016/ 2015
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
Đầu tư lãi suất cố định	3.144	26%	3.664	32%	-14%
Tiền gửi	1.957	16%	1.721	15%	14%
Trái phiếu	1.186	10%	1.943	17%	-39%
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	8.843	74%	7.930	68%	12%
Tổng cộng	**11.987**	**100%**	**11.594**	**100%**	**3%**

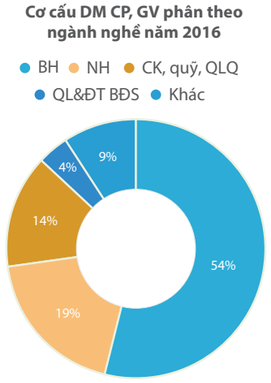


Ghi chú: BCTC riêng kiểm toán năm 2016

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2016

Đơn vị: tỷ đồng

NGÀNH	VỐN GÓP		TỶ TRỌNG	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
Bảo hiểm	4.717	4.223	54%	53%
Ngân hàng	1.708	1.739	19%	22%
CK, QLQ	1.260	1.240	14%	16%
BĐS	350	359	4%	5%
Khác	808	370	9%	5%
Tổng cộng	**8.843**	**7.930**	**100%**	**100%**



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO 3 CÔNG TY CON TẬP ĐOÀN SỞ HỮU 100% VĐL

Năm 2016, phần lợi nhuận thu về từ các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ đạt 814 tỷ đồng – đạt 92% kế hoạch do Tập đoàn chủ động giảm tỷ lệ thu về nhằm tăng cường năng lực tài chính, phục vụ hoạt động kinh doanh của các Công ty nói trên.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH:

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định:

Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp và tăng cường đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2016 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định cả năm 2016 đạt 257 tỷ đồng, vượt 22% kế hoạch năm.

Hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các doanh nghiệp:

Doanh thu cổ phiếu, góp vốn tự doanh đạt 141 tỷ đồng, vượt 21% kế hoạch năm. Nhiều dự án đạt tỷ lệ cổ tức, lãi chia trên vốn điều lệ ở mức cao như BVTM (17%), Vinare (15%), Vietcombank (10% cổ tức bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 100:35)….

Danh mục một số dự án góp vốn của Bảo Việt

STT	Tên dự án	Năm bắt đầu góp vốn	Vốn góp (tỷ đồng)		Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ
			31/12/2016	31/12/2015	
1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	2004	2.500	2.000	100%
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	2005	2.000	2.000	100%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	2006	100	100	100%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	1999	695	695	59,92%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	2009	110	110	55,00%
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	2008	1.560	1.560	49,52%
7	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	1996	147	153	49,00%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba	2009	54	54	30,00%
9	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	2005	70	70	9,18%

(Chi tiết tình hình hoạt động của các dự án lớn được trình bày tại phần Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên)

Năm 2016, nhằm tăng cường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp cốt lõi, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện tăng VĐL cho TCty Bảo Việt Nhân thọ từ 2.000 tỷ lên mức 2.500 tỷ đồng.

Trong năm 2016, Tập đoàn đã tích cực tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính, thanh toán một số khoản đầu tư và thu được lãi cao. Ngoại trừ một số dự án đang trong quá trình triển khai, các dự án trong danh mục Liên doanh, Liên kết còn lại đều có kết quả hoạt động tốt, đem lại nguồn thu từ cổ tức/lãi vốn đều đặn hàng năm cho Tập đoàn (năm 2016 Bảo Việt Tokio Marine chia lãi với tỷ lệ 24,5%/Vốn điều lệ, Vigeba trả cổ tức với tỷ lệ 15%/Vốn điều lệ).

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách quản lý rủi ro, xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

GẮN KẾT YẾU TỐ ESG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tại Bảo Việt, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảm sự phát triển bền vững của Tập đoàn, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi – lĩnh vực dịch vụ tài chính với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính – những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi – vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

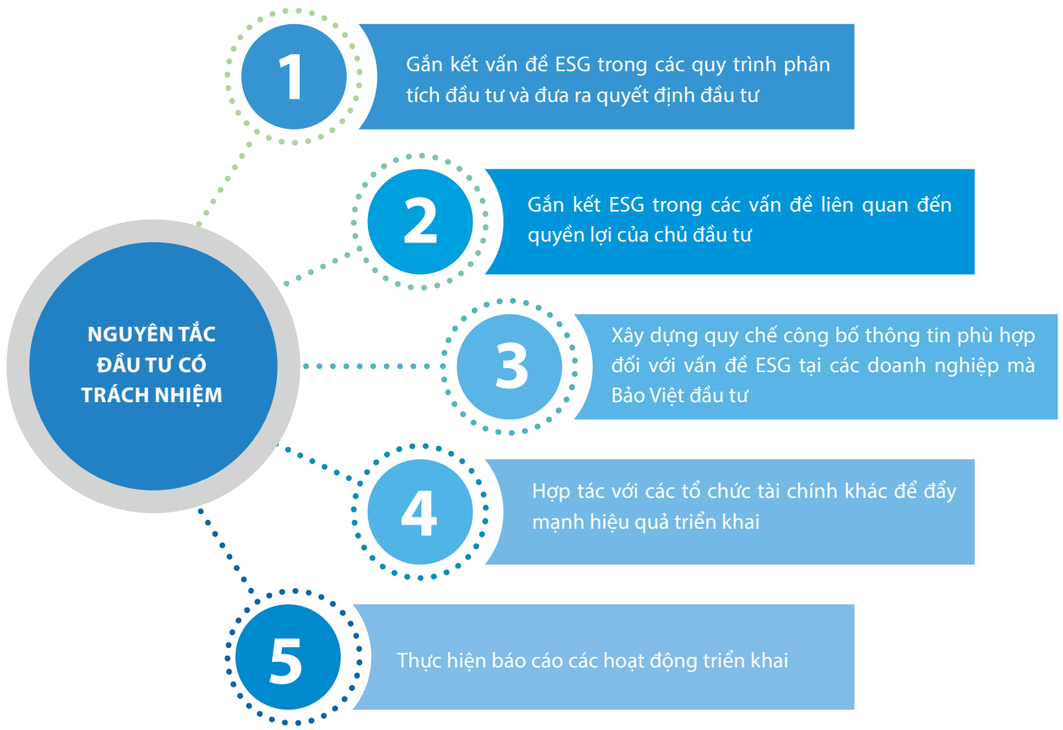
Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, các xem xét về vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án.

Là một doanh nghiệp niêm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt – với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.

Như vậy, việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các đối tác tham gia.

05 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

HỢP LỰC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC – KHỞI ĐẦU MỚI CHO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN 2016-2020

Con người là yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển bền vững



Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Năm 2016, Năm khởi đầu thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 của Bảo Việt, với phương châm hoạt động "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", Bảo Việt tập trung nguồn lực, chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách Quản trị nguồn nhân lực theo hướng tập trung, với Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt là hạt nhân định hướng, điều phối các hoạt động Quản trị nguồn nhân lực trong toàn Tập đoàn. Nhiều quy chế, quy định về công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, tiền lương, quản lý hiệu quả làm việc và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ dành cho người lao động của Tập đoàn đã được Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ban hành, góp phần thu hút, gìn giữ nhân tài, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Mục tiêu chiến lược của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có thái độ, động cơ làm việc tích cực và có khả năng tiếp cận các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến. Để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược, Bảo Việt đề ra các giải pháp chiến lược xây dựng, hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy; mô hình quản trị doanh nghiệp; đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, động cơ, thái độ làm việc đúng đắn, tích cực; gắn quản lý hiệu quả làm việc với công tác trả lương, thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo cán bộ; gia tăng lợi ích, phúc lợi cho người lao động gắn với hiệu quả làm việc và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo lập kỷ cương, nền nếp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tích cực lắng nghe, tôn trọng nhân viên; xây dựng môi trường làm việc cởi mở, thân thiện để gắn kết người lao động của Bảo Việt.

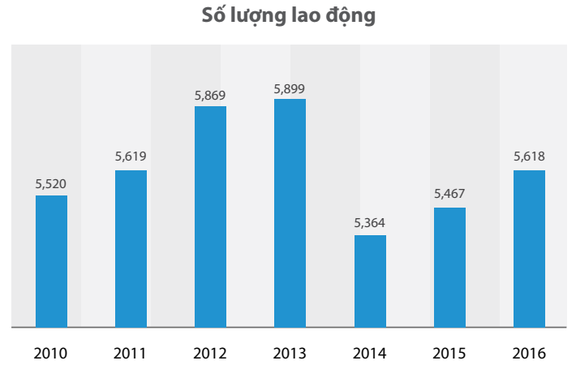
Với những thay đổi đáng kể trong công tác quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị nguồn nhân lực nói riêng, yếu tố sức mạnh nguồn lực con người đã góp phần đáng kể vào thành công đưa Bảo Việt lần đầu tiên, năm đầu tiên trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 đạt mức doanh thu trên 1 tỷ USD, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu tài chính mà Đại hội đồng cổ đông giao.

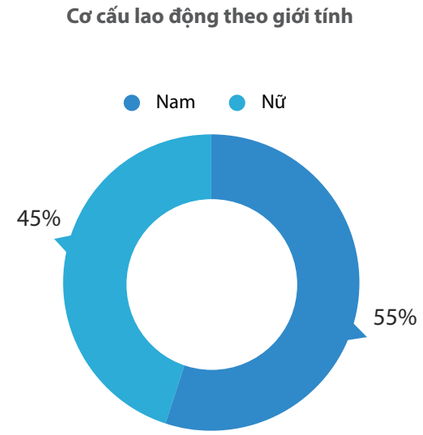
Nguồn nhân lực của Bảo Việt

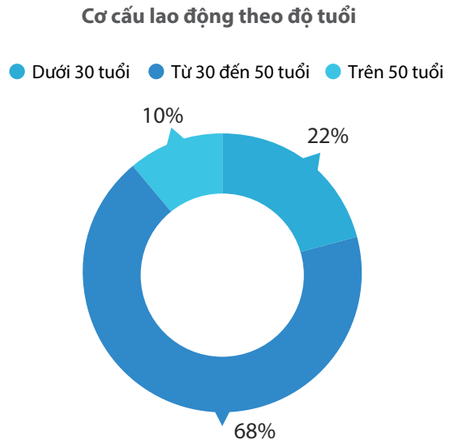
Năm 2016, tổng số lao động của Bảo Việt là 5.618 người (tăng 3% so với năm 2015); tổng số đại lý, tư vấn viên bảo hiểm, môi giới chứng khoán/chứng chỉ quỹ là trên 120.000 người. Về cơ cấu lao động năm 2016 ít có sự thay đổi so với năm 2015. Cụ thể, tỉ lệ lao động là người Việt Nam/người nước ngoài không thay đổi so với năm 2015, ở mức 99,96% và 0,04%; tỉ lệ lao động Nam chiếm 55% so với lao động Nữ 45%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được Bảo Việt duy trì trong những năm gần đây, năm 2016, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 22%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 68%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gắn bó lâu năm với Bảo Việt chiếm 10%. Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2016 lao động của Bảo Việt tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm 86% (tăng 1% so với năm 2015), riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 8,6%, lao động có trình độ cao đẳng trở xuống không có sự thay đổi so với năm trước, giữ ở mức 14% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 3,8%). Về cơ cấu cán bộ quản lý, Bảo Việt tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2016, tổng số cán bộ quản lý của Bảo Việt là 515 người, chiếm tỉ lệ 9,2% trong tổng số lao động; trong đó, cán bộ quản lý cấp cao là 48 người, chiếm 0,9% và cán bộ quản lý cấp trung là 467 người, chiếm 8,3%.

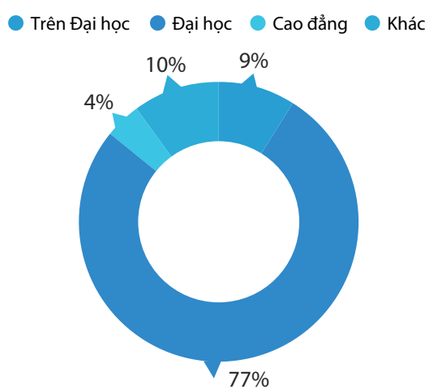
Trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt đặt mục tiêu tăng trưởng về số lượng lao động dự kiến khoảng 5%/năm; đến năm 2020, Bảo Việt ước đạt 7.300 người, tăng 30% so với năm 2016.

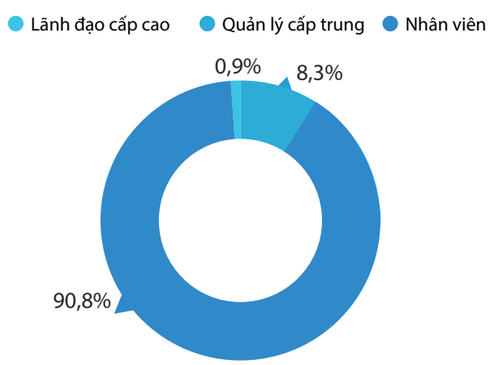
Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng cán bộ	Tỷ lệ trên tổng số cán bộ Bảo Việt
Quốc gia:		
- Việt Nam	5.616	99,96%
- Nước ngoài	2	0,04%
Dân tộc:		
- Kinh	5.545	98,7%
- Dân tộc Thiểu số	73	1,3%
Giới tính:		
- Nam:	3.085	55%
- Nữ	2.533	45%
Độ tuổi:		
- Dưới 30 tuổi	1.260	22%
- 30-50 tuổi	3.794	68%
- Trên 50 tuổi	564	10%
Trình độ đào tạo		
- Trên Đại học	483	8,6%
- Đại học	4.357	77,6%
- Cao đẳng	215	3,8%
- Khác	563	10%
Cấp quản lý		
- Cấp cao	48	0,9%
- Cấp trung	467	8,3%
- Nhân viên	5.103	90,8%











CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ CỦA BẢO VIỆT

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn lực con người trong việc thực hiện thành công mục tiêu kinh doanh hằng năm và chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt, Bảo Việt không ngừng hoàn thiện cơ chế chính sách, đầu tư nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện thu nhập, gia tăng các lợi ích, phúc lợi tài chính và phi tài chính cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng cường sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động thông qua nhiều chính sách nhân sự:

Chính sách tuyển dụng

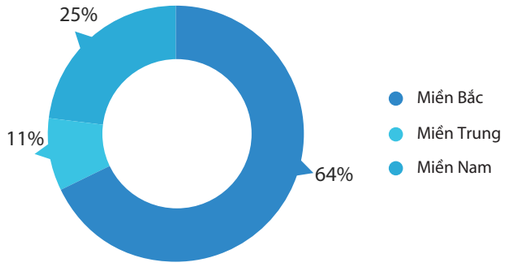
Để chinh phục được mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD và thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020, năm 2016, Bảo Việt chú trọng đầu tư chiều sâu trên nhiều lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, trong đó có chính sách tuyển dụng. Không ngừng cải thiện thương hiệu Nhà tuyển dụng Bảo Việt để thu hút các ứng viên xuất sắc, tiềm năng trên thị trường bằng các giải pháp đồng bộ, toàn diện như thống nhất hình ảnh Một Bảo Việt trên cả nước; gia tăng niềm tin cho khách hàng bằng cam kết chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tăng cường hợp tác chiến lược, cấp học bổng cho các sinh viên xuất sắc của 02 trường đại học danh tiếng của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm là Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính để tạo nguồn, nuôi dưỡng các tài năng sinh viên phục vụ cho nhu cầu nhân lực chất lượng cao của Bảo Việt trong tương lai; chương trình "Thực tập sinh tiềm năng" được Bảo Việt triển khai mạnh tại 02 đơn vị thành viên Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ đã thu hút hàng trăm sinh viên tham gia học tập, rèn luyện kỹ năng, trau dồi kinh nghiệm thực tế, và Bảo Việt cũng đã thu hút, tuyển dụng được nhiều ứng viên trong số này để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các đơn vị trên cả nước. Bảo Việt cũng nghiên cứu, đổi mới và ban hành các quy chế, quy định tuyển dụng phù hợp với điều kiện thực tế của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Hoạt động tuyển dụng được Bảo Việt triển khai thống nhất, minh bạch, đảm bảo sự công bằng và tạo cơ hội việc làm cho tất cả các ứng viên.

Năm 2016, Bảo Việt tuyển dụng được 519 ứng viên, tăng 31% so với năm 2015. Trong đó, riêng 02 đơn vị thành viên Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ tuyển dụng được 418 ứng viên, chiếm 81% tổng số ứng viên được tuyển dụng mới trong năm và bằng 106% tổng số ứng viên được tuyển dụng vào Bảo Việt trong năm 2015. Trong tổng số ứng viên được tuyển dụng, ứng viên Nam chiếm 61%, Nữ chiếm 39%; ứng viên trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi được Bảo Việt tuyển dụng chiếm tỉ trọng cao nhất là 66%, tiếp đến là ứng viên trong độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi chiếm 33%, ứng viên trên 50 tuổi chỉ chiếm 1%; theo vùng miền, các đơn vị thuộc miền Bắc có nhu cầu nhân lực cao nhất với 64% ứng viên được tuyển dụng, tiếp đến là miền Nam 25% và miền Trung là 11%.

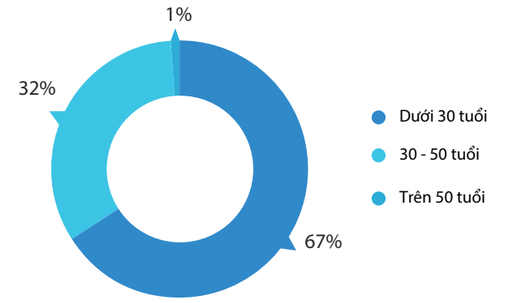
Chỉ tiêu tuyển dụng		Độ tuổi			Giới tính		Tổng cộng
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	
Tuyển dụng 2016	Số lượng (người)	346	169	4	319	200	519
	Tỷ lệ (%)	6,2%	3,0%	0,1%	5,7%	3,6%	9,2%
Tuyển dụng 2015	Số lượng (người)	287	106	2	226	169	395
	Tỷ lệ (%)	5,2%	1,9%	0,04%	4,1%	3,1%	7,2%



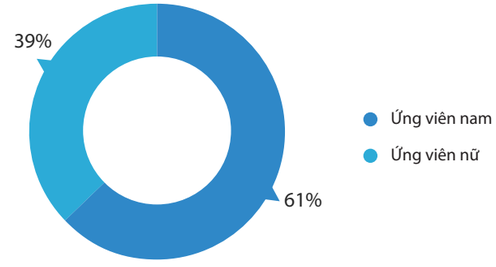
Cơ cấu tuyển dụng theo vùng miền



Cơ cấu tuyển dụng theo độ tuổi



Cơ cấu tuyển dụng theo giới tính



Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo là một trong những giải pháp xuyên suốt được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn chỉ đạo thực hiện trong suốt những năm qua và đặc biệt là trong năm 2016, nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, sẵn sàng đối mặt và vượt qua những thách thức lớn trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn, mà trong đó Tiểu dự án Hợp lực Đào tạo phát triển nguồn nhân lực đã được Tập đoàn triển khai hiệu quả bằng những giải pháp hết sức cụ thể như: đổi mới, ban hành đồng bộ hệ thống quy chế, quy định đào tạo từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên; Công ty mẹ là đầu mối định hướng, xây dựng kế hoạch, lộ trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thành viên; tiếp tục đào tạo cán bộ theo 2 hệ thống chương trình bản đồ học tập chung và bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ; hoàn thiện, đổi mới khung năng lực, bản đồ học tập đối với các vị trí chức danh tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên; đẩy mạnh đào tạo, cấp chứng chỉ quốc tế để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn theo chuẩn quốc tế cho đội ngũ cán bộ làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, tài chính, đầu tư, kế toán, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và công nghệ thông tin.

Với đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020, Đề án hợp lực, định hướng quản lý cán bộ tập trung và quy định phân cấp quản lý cán bộ của Tập đoàn, năm 2016, cùng với phương châm hoạt động "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", Bảo Việt đẩy mạnh hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp tại Công ty mẹ Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên. Đặc biệt trong năm, Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt chỉ đạo quyết liệt Khối Quản lý Hoạt động phối hợp với Trung tâm Đào tạo Bảo Việt để xây dựng kế hoạch tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp toàn diện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thành viên thuộc phạm vi quản lý của Tập đoàn. Chương trình đã được triển khai từ quý I năm 2017 trên địa bàn cả nước.

Kết quả đào tạo năm 2016, Bảo Việt đã dành ngân sách hơn 14 tỷ đồng (tăng hơn 2 tỷ đồng so với năm 2015) để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực. Trong năm, tiến hành đào tạo cho 4.404 cán bộ, với 8.358 lượt

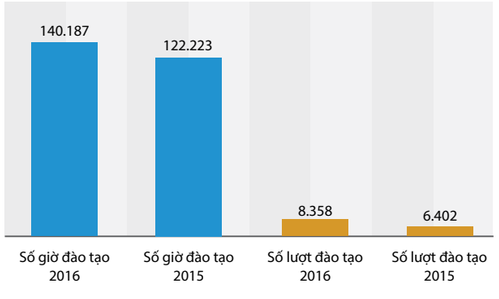
tham gia, tương ứng 1,5 lượt đào tạo/người/năm (tăng 33% so với năm 2015); tổng số giờ đào tạo trong năm là 140.187 giờ (tăng 15% so với năm 2015), tương ứng 25 giờ/người/năm. Đào tạo cho 484 cán bộ quản lý trong toàn Tập đoàn, số giờ đào tạo bình quân là 71 giờ/người/năm. Tổng số nhân viên tham gia đào tạo trong năm là 3.920 người, chiếm 77,6% tổng số lao động, số giờ đào tạo bình quân là 20,3 giờ/nhân viên/năm. Về chương trình đào tạo, năm 2016, Bảo Việt đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đào tạo theo BĐHT chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Cụ thể, toàn Tập đoàn tổ chức 6.474 lượt đào tạo, tăng 123% so với năm 2015; tổng số giờ đào tạo là 97.551 giờ, tăng 267% so với năm 2015.

Mục tiêu chiến lược của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là quản trị đào tạo theo mô hình tập trung – Công ty mẹ Tập đoàn định hướng, chủ trì thực hiện công tác đào tạo đẩy mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý do Tập đoàn quản lý; tiếp tục hoàn thiện hệ thống Bản đồ học tập và cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực, đồng bộ và theo thông lệ quốc tế; không ngừng nâng cao tỉ lệ cán bộ được tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, phấn đấu mục tiêu đến năm 2020, tỉ lệ cán bộ được tham gia đào tạo là 95%, nâng số cán bộ đạt chuẩn theo chỉ tiêu đào tạo của Tập đoàn là 100%.

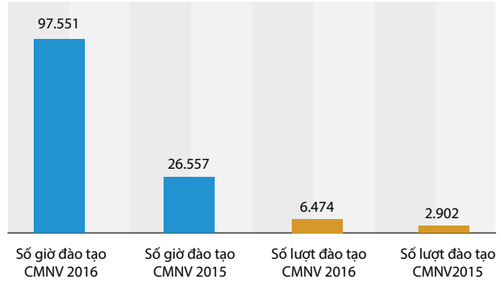
Kết quả đào tạo

Chỉ tiêu	Năm 2015					Năm 2016				
	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên		Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên	
Số giờ đào tạo	74.654	47.569	40.904	81.319	122.223	77.582	62.605	36.521	103.666	140.187
Theo bản đồ học tập chung	58.204	37.462	28.686	66.980	95.666	22.577	20.059	18.920	23.716	42.636
Theo chuyên môn nghiệp vụ	16.450	10.107	12.218	14.339	26.557	55.005	42.546	17.601	79.950	97.551
Số lượt đào tạo	2.906	3.496	1.582	4.820	6.402	4.476	3.882	2.422	5.936	8.358
Theo bản độ học tập chung	1.853	1.647	1051	2.449	3.500	989	895	885	999	1.884
Theo chuyên môn nghiệp vụ	1.053	1849	531	2.371	2.902	3.487	2.987	1.537	4.937	6.474

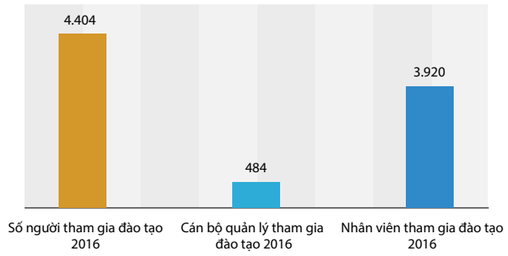
Tổng số giờ/lượt đào tạo năm 2016 so với năm 2015



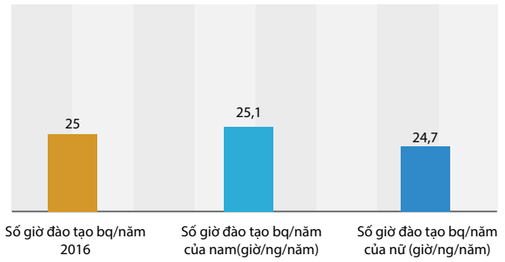
Giờ/lượt đào tạo CMNV 2016 so với 2015



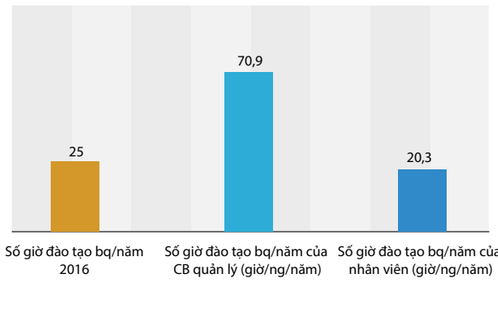
Số người tham gia đào tạo theo chức danh năm 2016



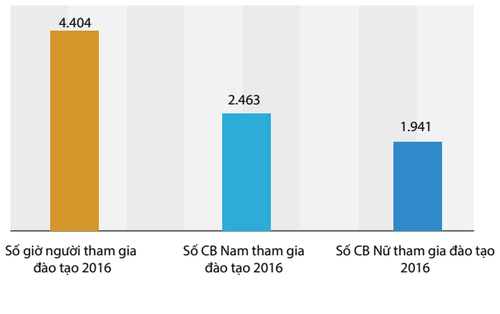
Số giờ đào tạo bình quân theo giới tính năm 2016



Số giờ đào tạo bình quân theo chức danh năm 2016



Cơ cấu Nam - Nữ tham gia đào tạo năm 2016

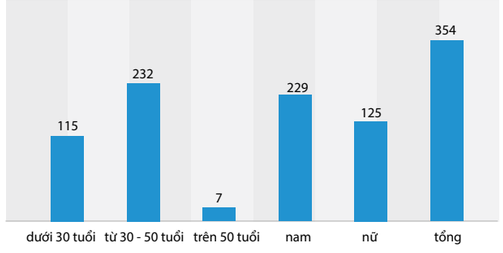


Chính sách điều động, luân chuyển cán bộ

Bảo Việt chú trọng thực hiện giải pháp phát triển nguồn nhân lực thông qua điều động, luân chuyển cán bộ để đảm nhận các vị trí công việc khác nhau trong nội bộ Tập đoàn, các đơn vị thành viên và giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên trong hệ thống Bảo Việt. Điều động, luân chuyển là một trong những giải pháp làm giàu công việc, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, khả năng giải quyết công việc của cán bộ ở nhiều vị trí khác nhau trong tổ chức; để rèn luyện, thử thách bản lĩnh, khả năng thích nghi của cán bộ trong những môi trường/điều kiện làm việc khác nhau; phát huy tối đa khả năng, tiềm năng vốn có của cán bộ, tạo nhân tố mới để thúc đẩy sự phát triển của đơn vị, tổ chức. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ được Bảo Việt cụ thể hoá thành quy chế, quy định do Hội đồng Quản trị ban hành và tiến hành dựa trên kế hoạch cụ thể và nhu cầu công việc thực tế của mỗi đơn vị.

Năm 2016, Bảo Việt thực hiện điều động, luân chuyển vị trí làm việc, đơn vị công tác đối với 354 cán bộ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, quản lý của các Khối/Trung tâm Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Bảo Việt. Trong đó, số cơ cấu cán bộ được điều động theo độ tuổi từ 30-50 chiếm tỉ lệ cao nhất (232 người, chiếm 66%), tiếp đến là cán bộ dưới 30 tuổi (115 người, chiếm 32%), số cán bộ Nam được điều động là 229 người, chiếm 65% và số cán bộ Nữ được điều động là 125 người, chiếm 35%. Mỗi cán bộ được điều động, luân chuyển đều đã thể hiện được khả năng của mình, có thái độ, hành vi, hiệu quả làm việc tích cực, góp phần tạo nên thành công chung cho đơn vị mà cán bộ được điều động và được đơn vị ghi nhận, tưởng thưởng xứng đáng.

Cơ cấu điều động cán bộ theo tuổi và giới tính

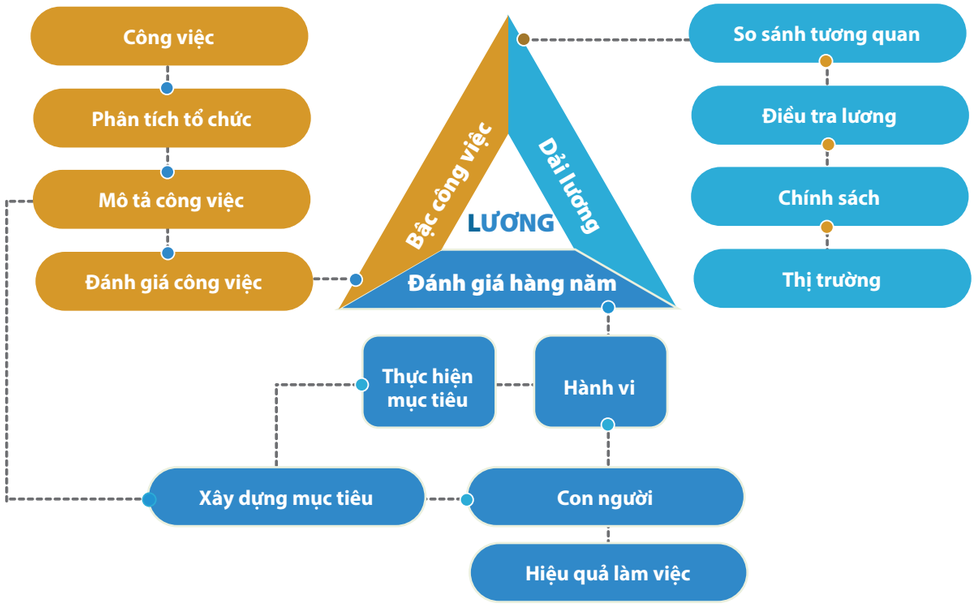


Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc

Năm 2016, Bảo Việt ban hành Quy chế trả lương mới và hệ thống thang bảng lương linh hoạt hơn với thị trường, phù hợp với tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, dễ dàng thu hút, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2016, Bảo Việt tiếp tục triển khai chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Mô hình nền tảng cơ bản hình thành chính sách tiền lương của Bảo Việt:



Tiền lương và các khoản tiền thưởng từ quỹ lương của người lao động tại Bảo Việt trong năm 2016 bao gồm:

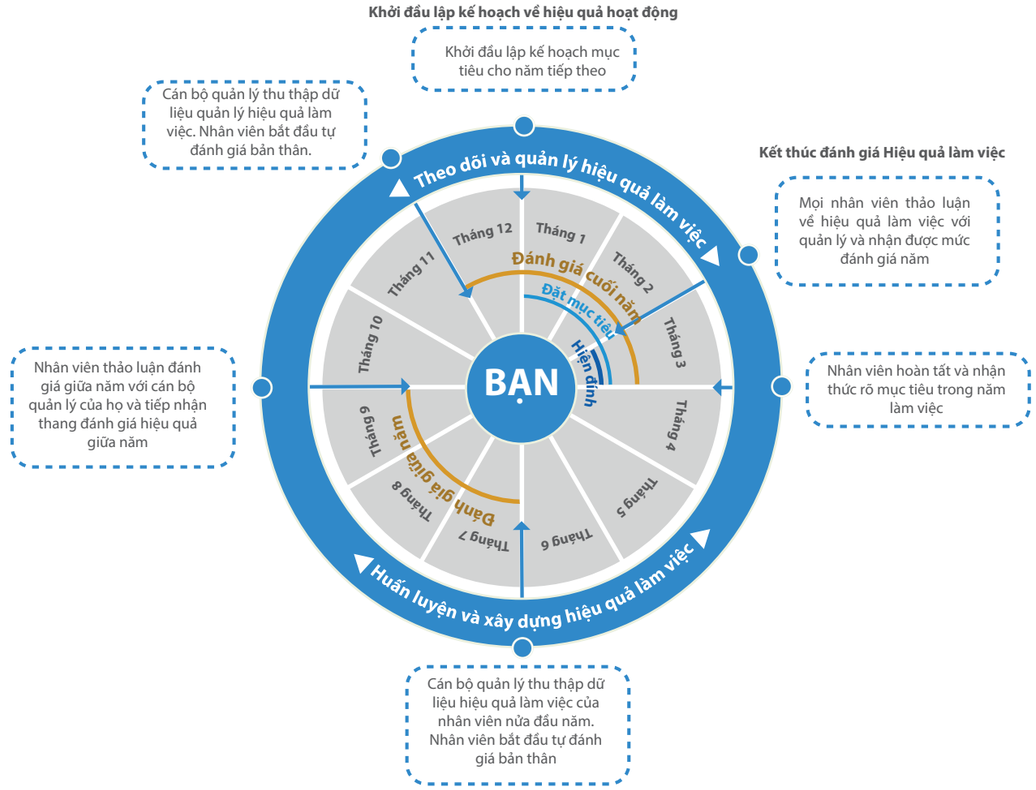
- **Tiền lương:**
  - » Mức lương theo công việc/vị trí chức danh và các khoản phụ cấp lương;
  - » Mức lương bổ sung;
  - » Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ;
- **Thưởng tháng lương thứ 13;**
- **Thưởng theo hiệu quả làm việc của cá nhân trong năm.**

Chính sách quản lý hiệu quả làm việc

Năm 2016, Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý hiệu quả làm việc nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của Bảo Việt.

Năm 2016, để đáp ứng yêu cầu thực tế, Bảo Việt đã ban hành quy định quản lý hiệu quả làm việc mới trên cơ sở nghiên cứu, đổi mới quy định hiện nay. Quy định mới bổ sung cơ chế thưởng chỉ tiêu phân loại hiệu quả làm việc mức 1, mức 2 cho các đơn vị, bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/mục tiêu hoạt động trong năm; qua đó, những cá nhân xuất sắc và có đóng góp lớn cho tổ chức sẽ được ghi nhận thêm và tưởng thưởng xứng đáng. Điều này góp phần tạo ra tính cạnh tranh giữa các đơn vị, bộ phận; tạo động lực làm việc, thúc đẩy tăng năng suất lao động của cá nhân và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Bảo Việt.

Quy trình quản lý hiệu quả làm việc của Bảo Việt:



Chính sách phúc lợi gắn kết người lao động

Kết quả khảo sát năm 2016 của Bảo Việt về sự hài lòng của nhân viên cho thấy trên 90% người lao động cảm thấy rất hài lòng với các chế độ phúc lợi ngoài tiền lương mà Bảo Việt đang áp dụng. Hiểu được mong muốn, nhu cầu của người lao động, Bảo Việt đã không ngừng cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động để họ yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Bảo Việt.

Cơ cấu thu nhập trong năm của người lao động gồm tiền lương (bao gồm mức lương theo công việc, vị trí chức danh phụ cấp lương và khoản tiền lương bổ sung); thưởng từ quỹ lương gồm: thưởng tháng lương thứ 13 và thưởng theo hiệu quả làm việc; thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế; chế độ phúc lợi nhân dịp ngày thành lập Bảo Việt, ngày thành lập Tập đoàn, nhân các ngày Lễ, Tết; chi trả các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí nội vùng, chế độ khoán phương tiện đi lại, đồng phục, ăn ca, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ; chi phí mua hiểm sức khỏe toàn diện (Bảo Việt An Gia), bảo hiểm sinh mạng (An nghiệp thành công, Bảo hiểm kết hợp con người), bảo hiểm Hưu trí vững nghiệp, bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời, bảo hiểm bệnh ung thư K-Care và người lao động được Bảo Việt hỗ trợ gói bảo hiểm sức khoẻ và bảo hiểm kết hợp con người ưu đãi dành cho người thân trong gia đình.

Năm 2016, Bảo Việt triển khai áp dụng thêm hình thức bảo hiểm mới - bảo hiểm bệnh ung thư K-Care để gia tăng giá trị, lợi ích cho người lao động. Loại hình bảo hiểm mới được thiết kế gồm 03 chương trình có mức trách nhiệm bảo hiểm khác nhau để người lao động lựa chọn, thời hạn đóng phí 10 năm và có thể tái tục tối đa đến tuổi 65. Đây là sản phẩm mới được Bảo Việt triển khai đầu tiên trên thị trường và mang đến quyền lợi bảo vệ rất lớn cho người lao động trong trường hợp không may mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm hoặc/và giai đoạn trễ, giúp người lao động yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Bảo Việt.

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với Bảo Việt. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của Bảo Việt đều hướng tới các mục tiêu chính:

1 Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.

2 Trả lương công bằng cho nhân viên theo thành tích

3 Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển Bảo Việt.

4 Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động đào tạo, phát triển và thăng tiến.

5 Bảo Việt khuyến khích và tạo điều kiện thời gian, kinh phí để các bộ nữ tham gia các khóa đào tạo theo bản đồ học tập chung, bản đồ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Việt.

Năm 2016, số lao động nữ tham gia đào tạo là 1.941 người (bằng 44% tổng số lao động), số lượt đào tạo là 3.829 lượt (tăng 10% so với năm 2015) và số giờ đào tạo 62.605 giờ (tăng 32% so với năm 2015). Ngoài ra, lao động nữ cũng được Bảo Việt hỗ trợ kinh phí để tham gia ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế các chương trình bảo hiểm nhân thọ (LOMA), bảo hiểm phi nhân thọ (ANZIIF), kế toán-kiểm toán-tài chính (ACCA, CPA, CFA), quản lý dự án (PMP) và một số chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Cùng với tổ chức Công đoàn, "Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ" của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách nhân sự tại Bảo Việt; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp. Trong cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị điều hành của Bảo Việt đều có sự tham gia của cán bộ nữ.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của Bảo Việt đều có sự tham gia của nữ cán bộ

Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp trung Trên tổng số cán bộ quản lý cấp trung của Bảo Việt	25,7%	120 người
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp cao Trên tổng số cán bộ quản lý cấp cao của Bảo Việt	12,5%	6 người
Tỷ lệ lao động nữ giữ chức vụ quản lý năm 2016	24%	126 người
Tỷ lệ nữ được tuyển dụng năm 2016	39%	200 người
Tỷ lệ lao động nữ tại Bảo Việt	45 %	2.533 người



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT VĂN HÓA VỮNG MẠNH

Những con người Bảo Việt với nhiệt huyết, đam mê, lòng yêu nghề và những tháng ngày cống hiến không mệt mỏi cho sự phát triển của Bảo Việt nói riêng và tinh thần Việt Nam nói chung, vẫn đang tiếp tục thể hiện tinh thần tiên phong trên những chặng đường mới. Cùng với niềm tin, sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên sẽ tạo nên sức mạnh hợp lực toàn hệ thống, tạo đà phát triển nhanh hơn, bền vững hơn cho Bảo Việt trên những chặng đường sắp tới.

ĐOÀN KẾT TẠO NÊN SỨC MẠNH

Bất kỳ một tổ chức, một doanh nghiệp nào, để phát triển bền vững lâu dài ngoài các yếu tố khách quan về nhân tài, vật lực và thời cơ thì một yếu tố then chốt khác là tinh thần đoàn kết: đó là sự đồng tâm hiệp lực trong bộ máy lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ người làm công tác quản lý đến người lao động trong doanh nghiệp.



Chính vì vậy, Đoàn kết là yếu tố đầu tiên và tiên quyết cho mọi quá trình phát triển và để mở lối đến thành công, bởi nếu không có sự đoàn kết, đồng lòng và nhất trí chung thì sẽ không thể phát triển cũng như không thể nghĩ đến những mục tiêu cao và xa hơn. Tinh thần đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh, giúp Bảo Việt cùng nhau vượt qua mọi gian khó, tạo động lực cho phát triển và củng cố niềm tin, hỗ trợ nhau tiến xa hơn.

HỢP SỨC ĐỂ VƯƠN XA

Một cá nhân mạnh sẽ tiến xa hơn trong một tập thể mạnh và một tập thể mạnh sẽ phát triển nhanh hơn trong một cộng đồng mạnh. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi phát huy được lợi thế sẵn có cũng như khai thác được sức mạnh của sự đồng lòng, tinh thần đoàn kết và văn hóa sẻ chia để kiến tạo những giá trị bền vững hơn cho doanh nghiệp.



Bảo Việt đang tiếp tục khẳng định vị thế của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam thông qua các sản phẩm bảo hiểm – đầu tư và dịch vụ tài chính. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi tận dụng và phát huy những ưu thế sẵn có của các đơn vị về mạng lưới, nguồn lực sẽ giúp Bảo Việt tạo nên những sản phẩm chung, ưu việt, có giá trị cạnh tranh tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và khai thác hiệu quả hơn về nguồn lực và chi phí của Bảo Việt để chúng tôi có thể phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững.

CHIA SẺ LÀ VĂN HÓA

Chia sẻ là yếu tố cần thiết để gắn kết một tập thể, để hiểu nhau hơn và tạo sự đồng thuận, bền vững, lâu dài. Hơn 70.000 con người cùng chung sống dưới mái nhà Bảo Việt là những cá thể độc lập với những tính cách khác nhau, tư tưởng khác nhau, mục tiêu sự nghiệp và hạnh phúc cuộc sống khác nhau. Chất keo gắn kết chúng tôi với nhau chính là sự chia sẻ và cùng chung một niềm tin rằng Bảo Việt sẽ luôn phát triển và giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



Khi có sự sẻ chia và sự trao đổi cởi mở, thẳng thắn sẽ tạo ra nhận thức chung và kiến tạo sự đồng thuận bền vững, tinh thần đoàn kết một lòng sẽ được củng cố và cùng đi theo một hướng, cùng xác định một mục tiêu và cùng nỗ lực vì "MỘT BẢO VIỆT".

TIÊN PHONG DẪN LỐI



Bản lĩnh của Người Tiên phong của Bảo Việt đã được khẳng định trong suốt 50 năm qua tại Việt Nam từ một doanh nghiệp được biết đến trong việc tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ và thị trường chứng khoán; một trong những doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa thành công; cũng như tiên phong thực hiện các chương trình bảo hiểm thí điểm của Chính phủ nhằm bảo vệ quyền lợi cho bà con các vùng khó khăn; Bảo Việt cũng tự hào là doanh nghiệp niêm yết tiên phong trong việc thực hiện báo cáo thường niên tích hợp, báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế.

ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh đất nước chuyển mình hội nhập, yếu tố đổi mới, sáng tạo trở thành then chốt quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trên thị trường. Với lịch sử hơn 50 năm phát triển, Bảo Việt cũng trải qua nhiều thời kỳ đổi mới, chuyển đổi mô hình và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu thị trường.



Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và dưới áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp như hiện nay, đổi mới là yếu tố tiên quyết để Bảo Việt có thể gia tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển lâu dài. Chúng tôi thực hiện đổi mới trong tư duy; phát huy tư duy đột phá để tiếp tục ghi dấu cho chặng đường tiếp theo với những dấu ấn mới trong lịch sử phát triển của Bảo Việt.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường, chính vì vậy thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của Bảo Việt.

Năm 2016, Ban điều hành đã bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt.

Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.

Về các hoạt động bảo vệ môi trường:

Năm 2016, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng; đầu tư dự án và đánh giá rủi ro hoạt động thông qua việc gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính; các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, Bảo Việt đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2016

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.







Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2014) tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

Ngày 17/9/2016, gần 300 cán bộ nhân viên, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cùng gia đình đã tham gia sự kiện "Ngày làm sạch hồ Hà Nội" tại Công viên Thống Nhất, Hà Nội. Đồng hành cùng chương trình, Bảo Việt mong muốn chung sức cùng các doanh nghiệp lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam tươi đẹp hơn.

Về các hoạt động vì cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội:

Đầu tư phát triển sản phẩm hướng vì lợi ích cộng đồng: Xuất phát từ ý nghĩa nhân văn của sản phẩm bảo hiểm đó là cùng chia sẻ gánh nặng về tài chính với khách hàng khi gặp rủi ro, Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhằm đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Bảo Việt cũng san sẻ gánh nặng tài chính với cộng đồng khi phát triển sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư đầu tiên tại Việt Nam (Bảo Việt K-care). Là sản phẩm bảo hiểm được thiết kế dành riêng cho bệnh ung thư, Bảo Việt K-Care mang đến bốn quyền lợi chi trả bảo hiểm đa dạng và hấp dẫn cho người mua bảo hiểm bao gồm: quyền lợi bảo hiểm ung thư (giai đoạn sớm và giai đoạn trễ), quyền lợi trợ cấp nằm viện, quyền lợi khi tử vong do bệnh ung thư và quyền lợi khi tử vong do tai nạn. Đặc biệt, quyền lợi bảo hiểm ung thư sẽ được chi trả một khoản tiền cố định lên đến 1 tỷ đồng, nhằm giúp người mua bảo hiểm có thể chủ động tài chính điều trị ung thư sớm.

Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng: Bảo Việt đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc tập trung vào các lĩnh vực cụ thể, khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống. Bảo Việt ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi: Xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; Khắc phục hậu quả thiên tai và các hoạt động khác

Chỉ tính riêng trong năm 2016, Bảo Việt đã đầu tư trên 77 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng, trong đó gần 49 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn chi phí hoạt động kinh doanh và hơn 28 tỷ đồng được từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Bảo Việt đã đầu tư cho hoạt động giáo dục và thế hệ trẻ bao gồm các chương trình trao tặng học bổng cho học sinh sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các em học sinh nghèo vượt khó. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đầu tư xây dựng 02 trường học tại Định Biên (Thái Nguyên) và Cao Tân (Bắc Kạn) nhằm hỗ trợ địa phương có thêm cơ sở dạy học cho các em học sinh, cùng với trang thiết bị dạy học và phòng chức năng đầy đủ, hỗ trợ các thầy cô giáo trong công tác giảng dạy.

Ghi chú: Thông tin chi tiết về các hoạt động đầu tư cho cộng đồng, môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội của Tập đoàn Bảo Việt được trình bày tại Chương V Báo cáo này và Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2017

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định trong năm 2017. Trong nước, những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế được dự báo sẽ rõ nét hơn so với năm 2016. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế (WB, IMF, ADB...), tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2017 ở mức từ 6-6,5%.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

Tăng trưởng GDP 2017

Mục tiêu của Chính Phủ

6,7%

Dự báo

6,4-6,6%

Lạm phát bình quân 2017 (yoy)

Mục tiêu của Chính Phủ

4%

Dự báo

4 - 5%

CƠ HỘI

KINH TẾ VĨ MÔ

Theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 của Chính phủ, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6-7%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%…Năm 2017 tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt mức cao hơn so với năm 2016 do nhận được một số yếu tố hỗ trợ như: tăng trưởng khu vực nông lâm thủy sản hồi phụ do hiện tượng Elnino bớt căng thẳng, Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, kết quả bước đầu của quá trình tái cơ cấu kinh tế và xung lực từ tiến trình hội nhập với các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

Lạm phát năm 2017 có thể sẽ tiếp tục neo ở mức tương đương năm 2016 do một số rủi ro tiềm ẩn như giá dầu thế giới hồi phục, tiếp tục lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục và độ trễ của chính sách nới lỏng tiền tệ..

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2017

Trong năm 2017, kinh tế vĩ mô Việt Nam dù còn nhiều khó khăn song được đánh giá tiếp tục cải thiện, cùng với các điều kiện thuận lợi về dân số - xã hội và nhất là nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm được nâng cao, là những động lực cơ bản cho thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của thị trường tài chính – bảo hiểm được các cơ quan quản lý tập trung hoàn thiện trên cơ sở tiếp cận gần với thông lệ quốc tế được kỳ vọng tạo môi trường minh bạch, bình đẳng cho các DNBH. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bảo hiểm cũng kỳ vọng những chính sách mới của Nhà nước về bảo hiểm (như bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm thiên tai…) sớm được ban hành, mở ra những phân khúc thị trường mới và trở thành yếu tố tích cực thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ.

Năm 2017, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng của năm 2016 nhờ vào kỳ vọng ổn định kinh tế vĩ mô và nhu cầu bảo hiểm tiếp tục gia tăng từ cả người dân và khối doanh nghiệp. Với tiềm năng của mảng bán lẻ, các DNBH phi nhân thọ tiếp tục tập trung khai thác và phát triển các dòng sản phẩm bảo hiểm cá nhân. Xe cơ giới dự báo tiếp tục là mảng nghiệp vụ tăng trưởng khả quan trong năm 2017 nhờ tiềm năng của thị trường và lộ trình cắt giảm thuế xe ôtô từ năm 2017. Đối với bảo hiểm sức khỏe, trong bối cảnh xã hội người dân ngày càng quan tâm tới vấn đề sức khỏe, chi phí y tế tăng cao, nhu cầu bảo hiểm sức khỏe dự báo tiếp tục tăng mạnh, các DNBH tập trung nguồn lực để phát triển sản phẩm mới, khai thác nhu cầu thị trường.

Sau thời gian tái cơ cấu, tập trung củng cố nền tảng, để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, các DNBH tập trung hơn vào các mục tiêu tăng trưởng để mở rộng thị phần. Tối ưu hóa kênh phân phối, đa dạng hóa quan hệ hợp tác và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin là chiến lược cạnh tranh chính của các DNBH. Các DNBH tiếp tục chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để mở rộng kênh phân phối, phát triển sản phẩm, kiểm soát bồi thường, và nhất là nâng cao chất lượng sản phẩm/ dịch vụ khách hàng. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh và tham gia vào các phân khúc thị trường mới (bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm thiên tai…) đòi hỏi các DNBH tăng cường năng lực tài chính, nâng cao vị thế trên thị trường. Dự báo năm 2017, doanh thu phí gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng khoảng 15-17%.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Những động lực bền vững về dân số, xã hội và nhận thức tăng cao sẽ giúp thị trường bảo hiểm nhân thọ sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trong năm 2017. Các DNBH nhân thọ tiếp tục cạnh tranh phát triển sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, hỗ trợ viện phí.

Mở rộng mạng lưới hoạt động, chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối truyền thống và kênh bancassurance và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số tiếp tục là chiến lược cạnh tranh chủ chốt của các DNBH nhân thọ trong năm 2017. Kênh bancasurance trở thành 1 kênh phân phối quan trọng của các doanh nghiệp bên cạnh việc mở rộng chi nhánh và các công ty thành viên trên khắp cả nước. Các DNBH triển khai phát triển các sản phẩm dành riêng cho kênh phân phối qua ngân hàng. Bên cạnh đó, việc bùng nổ công nghệ kỹ thuật số cũng được các DNBH khai thác để phát triển dịch vụ khách hàng, mang lại nhiều tiện ích hơn cho khách hàng.

Dự báo: thị trường bảo hiểm nhân thọ duy trì đà tăng trưởng cao với tổng doanh thu phí của thị trường bảo hiểm nhân thọ tăng 22%- 25%, doanh thu khai thác mới tăng khoảng 30%.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Thị trường ngoại hối sẽ có diễn biến phức tạp do sức ép giảm giá VND đến từ nhiều phía, đặc biệt là các yếu tố khách quan khó lường như việc FED tiếp tục lộ trình tăng lãi suất đồng USD và các động thái của Trung Quốc đối với tỷ giá USD/NDT. VND được dự báo sẽ mất giá thêm 3-5% so với USD trong năm 2017.

Về mặt bằng lãi suất, mặt bằng lãi suất dự báo sẽ có mức tăng khoảng 0,5-1% trong năm 2017 do (1) cạnh tranh huy động trong hệ thống ngân hàng; (2) những biến động trên thị trường thế giới, đặc biệt là lộ trình tăng lãi suất của FED đi cùng rủi ro tỷ giá và (3) tăng trưởng tín dụng tiếp tục ở mức cao (17-18%) cùng với lạm phát dự kiến cao hơn khiến cho việc duy trì sức hấp dẫn tương đối của VND so với USD..

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường cổ phiếu 2017 có nhiều yếu tố thuận lợi như triển khai chứng khoán phái sinh và cơ chế giao dịch T0 đối với cổ phiếu nằm trong danh mục ký quỹ của UBCK, mở room ngoại, lộ trình thoái vốn nhà nước và lộ trình niêm yết của các doanh nghiệp lớn... sẽ thúc đẩy VN-index tăng trưởng tốt trong năm 2017, dự báo chỉ số này có thể tăng thêm 5-10% trong kịch bản trung bình. Giá trị giao dịch trung bình phiên được dự báo tăng thêm 5% trong kịch bản trung bình.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Nguồn cung dự báo dồi dào trong năm 2017 khi kế hoạch phát hành TPCP năm 2017 là 183.300 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành đa dạng dự kiến sẽ tiếp tục được KBNN duy trì từ 3 – 30 năm. Khẩu vị nhà đầu tư tiếp tục xu hướng dịch chuyển sang TPCP kỳ hạn trung và dài hạn. Thị trường sơ cấp dự báo sẽ sôi động hơn trong năm tới, đặc biệt ở phân khúc kỳ hạn 1 – 2 năm đối với các Công ty chứng khoán (CTCK), kỳ hạn 3 – 7 năm đối với các DN và 3 – 10 năm đối với các NHTM.

Trong Dự thảo Quyết định "Phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu (TTTP) giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến 2030", dư nợ TTTP phấn đấu đạt 45% GDP năm 2020, trong đó dư nợ TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương đạt 38% GDP, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt 7% GDP. Phấn đấu kỳ hạn bình quân của TPCP trong nước giai đoạn 2017-2020 đạt 6-7 năm. Tăng tỷ trọng TPCP do các công ty bảo hiểm, bảo hiểm

xã hội, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính phi ngân hàng nắm giữ lên mức 50% năm 2020. Như vậy, với định hướng của Chính phủ, thị trường trái phiếu năm 2017 kỳ vọng sẽ tiếp tục diễn ra sôi động, tăng quy mô thị trường, thanh khoản, đối tượng tham gia, ….

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Dự báo về thị trường năm 2017, tiếp tục sự ổn định của năm 2016 và có phần mạnh mẽ hơn, những chính sách hiệu quả của Nhà nước giúp cho tình hình kinh tế vĩ mô có được những điều kiện tốt để phát triển lâu dài và bền vững. Trong 2017, mức độ quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài đối với thị trường Việt Nam ngày càng tăng. Sự quan tâm này tới từ nhiều đối tượng khác nhau, từ những cá nhân tìm mua nhà mong muốn tận dụng Luật Nhà ở sửa đổi, cho tới quỹ đầu tư tư nhân cũng như quỹ tài chính lớn trong khu vực tìm kiếm những thương vụ lớn. Về nguồn vốn cho phát triển bất động sản, FDI vẫn chiếm tỷ trọng cao, vốn tín dụng trong nước là nguồn lực chủ yếu, vốn trong dân, kiều hối sẽ được huy động nhiều hơn, nhất là đầu tư vào phân khúc du lịch, nghỉ dưỡng. Bên cạnh đó, tính thanh khoản tốt cũng đã thúc đẩy thị trường bất động sản giao dịch tốt hơn trong năm 2017.

THÁCH THỨC

KINH TẾ VĨ MÔ

Tình hình kinh tế thế giới năm 2017 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới dự báo có thể tăng cao hơn năm 2016 nhưng vẫn phục hồi chậm và không đồng đều. Giá một số hàng hóa cơ bản và dầu thô vẫn ở mức thấp. Ngoài ra những vấn đề như Brexit, chính sách điều hành của Tổng thống Donald Trump, sự suy giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, việc điều chỉnh lãi suất của các ngân hàng trung ương các nước đặc biệt là của Fed... sẽ tác động nhiều chiều đến kinh tế Việt Nam. Sức ép đối với tỷ giá và lãi suất vẫn lớn trong năm 2017 cùng với áp lực nợ công gia tăng hạn chế khả năng giảm thuế cũng như tăng chi đầu tư của NSNN.



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Bên cạnh cơ hội, thị trường bảo hiểm năm 2017 cũng sẽ đối mặt với không ít thách thức ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của thị trường. Những thách thức chung của thị trường bảo hiểm Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục là cạnh tranh không lành mạnh giữa các DNBH, hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao, khung pháp lý còn chưa hoàn thiện để đáp ứng các cam kết hội nhập. Diễn biến thiên tai không thuận lợi cũng là một trong số các yếu tố cần các DNBH quan tâm để tính toán, phòng ngừa rủi ro. Tình trạng trục lợi bảo hiểm, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe không dễ kiểm soát. Đối với lĩnh vực nhân thọ, việc cạnh tranh phát triển dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe cũng làm tăng nguy cơ các DNBH đối mặt với vấn đề trục lợi bảo hiểm gia tăng. Bên cạnh đó việc thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh của ngành bảo hiểm cũng khiến việc kiểm soát tình trạng bồi thường gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, làn sóng mua bán và sát nhập doanh nghiệp (M&A) gia tăng sự thâm nhập ngày càng sâu rộng của các DNBH nước ngoài, cũng gây sức ép không nhỏ đến các DNBH trong nước, buộc các DNBH phải liên tục đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý để đạt được mục tiêu tăng trưởng hiệu quả, bền vững.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Các yếu tố hỗ trợ cho chính sách điều hành tiền tệ hiện tại của NHNN đang trở nên khó khăn hơn (rủi ro lạm phát tăng, tăng trưởng tín dụng cao hơn, sức ép tỷ giá lớn hơn…). Mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng năm 2017 sẽ chịu nhiều áp lực tăng trong bối cảnh đã giảm mạnh trong quý 2 năm 2016 và tiếp tục phụ thuộc vào các nhân tố chính như biến động tỷ giá, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, nhu cầu mua trái phiếu của các NHTM.

Việc ổn định mặt bằng lãi suất năm 2017 như năm 2016 sẽ gặp thách thức: (i) lạm phát 2017 có khả năng tăng khi giá hàng hóa thế giới phục hồi; (ii) lãi suất USD trên thị trường thế giới tăng; áp lực từ tỷ giá; (iii) nợ xấu và tái cơ cấu tại một số ngân hàng yếu kém ảnh hưởng đến mặt bằng lãi suất; (iv) ảnh hưởng của việc áp dụng quy định của Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi 36/2014/TT-NHNN về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn kể từ 1/1/2017.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2017 thị trường chứng khoán vẫn tiếp tục chịu những tác động từ các rủi ro vĩ mô của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước (xung đột địa chính trị, FED tăng lãi suất đồng USD, tốc độ cung tiền chậm lại, rủi ro thâm hụt ngân sách…). Dòng tiền khối ngoại có thể sẽ bị co hẹp. Mặt bằng lãi suất trong xu hướng tăng gây áp lực suy giảm dòng tiền vào TTCK. Biến động tỷ giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá lớn đến diễn biến TTCK Việt Nam trong các năm gần đây. Khối ngoại thường có động thái giao dịch theo chiều hướng tiêu cực khi tỷ giá có xu hướng điều chỉnh tăng.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Khối lượng trái phiếu chính phủ đáo hạn sẽ suy giảm từ 166.000 tỷ đồng trong năm 2016 xuống 134.000 tỷ đồng trong năm 2017, áp lực phát hành sẽ không lớn như năm 2016. Nhu cầu phát hành thực tế trong năm tới sẽ phục thuộc rất lớn vào nhu cầu thị trường.

Các hoạt động của thị trường trái phiếu có thể sẽ suy giảm do: (1) Tỷ giá có khả năng sẽ dao động vì (i) quyết định tăng lãi suất 3 lần trong năm 2017 của FED so với 1 lần duy nhất trong năm 2016; (ii) rủi ro tiềm ẩn từ những quy định mới của Tổng thống Donald Trump; (iii) rủi ro từ "Brexit" và khả năng các quốc gia khác có thể tiếp bước nước Anh và rời khỏi liên minh Châu Âu. (2) Dự báo mức tăng trưởng tín dụng và GDP của 2017 được giữ ở mức tương tự như năm 2016.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản dự báo chưa thể có sự đột phá trong bối cảnh kinh tế chung năm 2017 vẫn còn tiềm ẩn rủi ro. Nguy cơ xảy ra bong bóng bất động sản vẫn ở mức cao. Mất cân đối nguồn cung khi thị trường đang có sự tăng trưởng nguồn cung rất lớn ở phân khúc bất động sản cao cấp nhưng lại thiếu nguồn cung nhà ở xã hội, nhà ở thương mại quy mô vừa và nhỏ với giá bán hợp túi tiền, căn hộ cho thuê giá rẻ… đáp ứng nhu cầu thật đang rất lớn của những người thu nhập trung bình, thấp ở đô thị.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017 (*)

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH TOÀN TẬP ĐOÀN NĂM 2017

Năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam được dự báo có triển vọng tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của những thay đổi khó lường đến từ các nền kinh tế thế giới. Trong đó, thách thức lớn với các doanh nghiệp trong nước nói chung và Tập đoàn Bảo Việt nói riêng là sức ép cạnh tranh ngày càng tăng của thị trường về nguồn nhân lực cấp cao, nguồn vốn, năng lực quản trị, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, nhận thức rõ những khó khăn, thách thức, đánh giá đúng điểm mạnh yếu, tiềm năng phát triển của Bảo Việt, Tập đoàn tiếp tục bám sát định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020, nỗ lực khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm, và từng bước hiện thực hóa tầm nhìn năm 2025 của Bảo Việt - "Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả".

Tiếp nối thành công của năm 2016 trong việc cán mốc doanh thu 1 tỷ USD, trong năm 2017, Tập đoàn đặt mục tiêu Doanh thu hợp nhất đạt 28.876 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.195 tỷ đồng, tăng trưởng 2,6% so với thực hiện năm 2016.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2017 dự kiến đạt 1.533 tỷ đồng, tăng 9,5% so với thực hiện 2016. Lợi nhuận sau thuế phấn đấu đạt mức 1.025 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ so với 2016, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ Công ty Mẹ dự kiến ở mức 15,1%. Với tỷ suất lợi nhuận này, Tập đoàn Bảo Việt hướng tới đầu tư cho nền tảng nhằm phát triển doanh nghiệp cũng như mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho các cổ đông.

CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2017

Với thông điệp "Sẵn sàng cất cánh", năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp trọng tâm để chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cho phát triển bền vững, cụ thể:

Quản trị hệ thống

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên nhằm củng cố và phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn trong các lĩnh vực then chốt là nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin, nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Quản trị nguồn nhân lực

Đẩy mạnh công tác tổ chức cán bộ trên toàn hệ thống gắn với đào tạo phát triển năng lực cán bộ; tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường năng lực tài chính

Tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn và các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng nhằm mở rộng quy mô, nâng cao khả năng cạnh tranh và năng lực kinh doanh của toàn hệ thống.

Công nghệ thông tin

Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm nhằm xây dựng và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của Tập đoàn đảm bảo liên thông, kết nối, hiện đại nhằm hướng tới mục tiêu là doanh nghiệp thời đại kỹ thuật số.

Truyền thông thương hiệu

Phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc; Tăng cường truyền thông, thường xuyên liên tục, kết nối đồng bộ trên toàn hệ thống.

Xây dựng tòa nhà Trụ sở

Đẩy mạnh việc xây dựng các tòa nhà hợp khối, trụ sở dùng chung cho các đơn vị thành viên tại các tỉnh/thành phố theo thiết kế thống nhất, đảm bảo nhất quán hình ảnh thương hiệu Bảo Việt.

Sản phẩm

Rà soát, thường xuyên đánh giá, đổi mới sản phẩm hiện hữu gắn với từng phân khúc khách hàng, các kênh phân phối và địa bàn cụ thể nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn cho khách hàng; nghiên cứu, phát triển sản phẩm tích hợp đầu tư – tài chính mang những đặc trưng riêng có của Bảo Việt để tối ưu hóa lợi ích cho khách hàng.

Kênh phân phối

Tiếp tục tăng cường hiệu quả của kênh phân phối truyền thống, phát triển hệ thống đại lý, tư vấn viên chuyên nghiệp; Đẩy mạnh khai thác, phát triển kênh phân phối mới.

Dịch vụ khách hàng

Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng, luôn bám sát tôn chỉ "phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển".

Thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội

Hướng tới phát triển bền vững, Bảo Việt thực hiện các hoạt động cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội như triển khai Quỹ học bổng Bảo Việt để đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; phát triển cộng đồng địa phương, tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo thông qua việc thực hiện các công trình an sinh xã hội gắn kết trong hoạt động kinh doanh.

Với quyết tâm thực hiện đồng bộ những giải pháp này trong toàn hệ thống, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã và đang chuẩn bị các nguồn lực để Bảo Việt "Sẵn sàng cất cánh" trong năm 2017 và phát triển bền vững trong tương lai.



(*) Ghi chú: Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 sẽ cập nhật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2016

Năm 2016 là năm bản lề quan trọng thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt. Dưới sự lãnh đạo của Ban Điều hành, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông đề ra, và trở thành Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD.



Năm 2016 là năm bản lề quan trọng thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Với sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành trong việc thực hiện quyết liệt các giải pháp chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông đề ra, và trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD.

Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2016, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2016 đạt 25.675 tỷ đồng, vượt kế hoạch 14,1%, tăng trưởng 23,5% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu doanh thu, đóng góp lớn nhất là lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ với tổng doanh thu đạt 17.117 tỷ đồng trong năm 2016, chiếm tỷ trọng 66%; Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ với tổng doanh thu đạt 7.669 tỷ đồng, đóng góp 29% vào doanh thu hợp nhất; Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác đã đóng góp 5% tổng doanh thu hợp nhất với 1.213 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.399 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.165 tỷ đồng.

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng mạnh, đạt 72.996 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016, tăng 14.444 tỷ đồng (24,7%) so với thời điểm cuối năm 2015 nhờ các khoản đầu tư trái phiếu tăng 6.942 tỷ đồng (23%). Đây là kênh đầu tư an toàn, đảm bảo cân đối nguồn tiền dài hạn để thực hiện cam kết với khách hàng, đồng thời cũng là kênh có lợi suất đầu tư khá cao trong năm 2016.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Năm 2016, Công ty Mẹ đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao với mức lợi nhuận sau thuế đạt 1.022 tỷ đồng, bằng 101,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 1,9% so với năm 2015. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của Công ty Mẹ đạt 15% đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

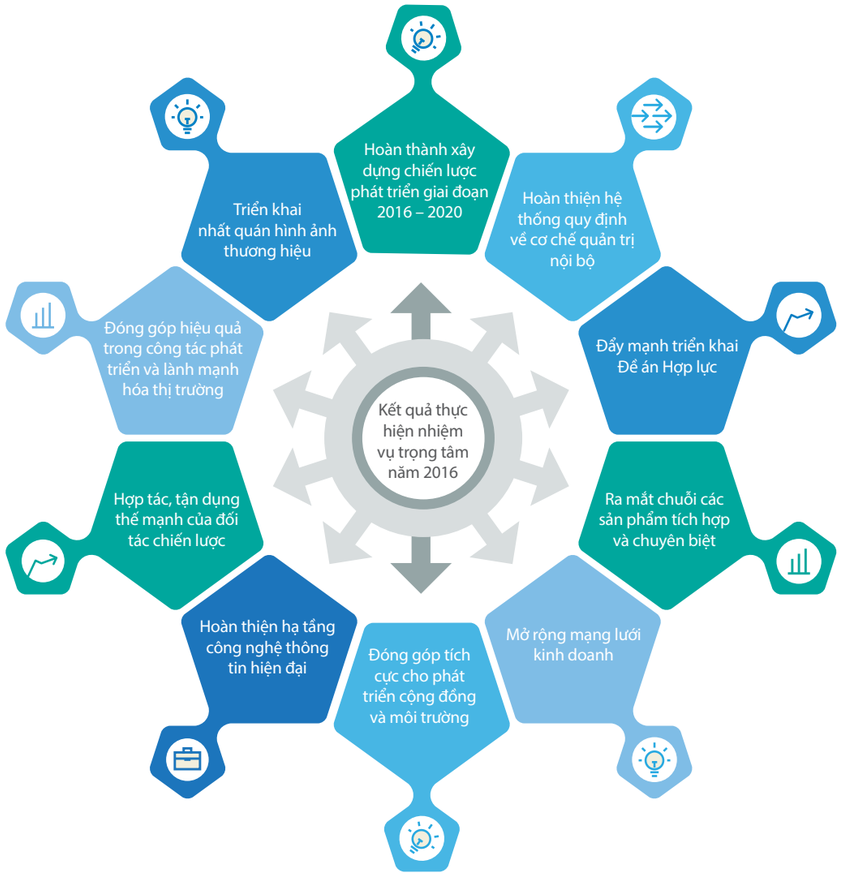
Đây là kết quả đáng được ghi nhận trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính – bảo hiểm vẫn còn nhiều thách thức.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2016

Bên cạnh những kết quả khả quan đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2016, với phương châm "đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp và khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt.

Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016 như sau:

- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt bám sát diễn biến thị trường và tổ chức triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên, đảm bảo phát huy vai trò quản lý của Công ty Mẹ

- Đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, nhằm khơi thông mọi nguồn lực, phát huy thế mạnh của các đơn vị thành viên và sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, phát huy vai trò quản lý xuyên suốt của Tập đoàn đến các đơn vị thành viên trong các lĩnh vực then chốt là nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, tối ưu hóa lợi thế mạng lưới, tính đa dạng trong các lĩnh vực kinh doanh và tính chuyên nghiệp của từng đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn. Đặc biệt dự án hợp lực bán chéo sản phẩm giữa BHBV và BVNT đã đạt kết quả khả quan, đã triển khai trên 63 cặp đơn vị thành viên của BHBV và BVNT trên toàn quốc, tạo nên hiệu ứng thi đua bán chéo sôi nổi trên toàn hệ thống. Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt chính là giải pháp đột phá để đạt các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.

- Ra mắt chuỗi các sản phẩm tích hợp và chuyên biệt mang lại sự lựa chọn đa dạng và ưu đãi vượt trội cho khách hàng như: Sản phẩm tích hợp bảo hiểm - ngân hàng như Baoviet Easy Car - cho vay mua ô tô với lãi suất ưu đãi và được tặng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay; Baoviet Easy Life - sản phẩm cho vay thấu chi theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với thủ tục nhanh chóng, hạn mức cho vay cao và lãi suất ưu đãi hấp dẫn 10%/năm; Bảo Việt K-Care - là bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh Ung thư, hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho khách hàng với tổng quyền lợi chi trả lên đến gần 1,2 tỷ đồng... Các sản phẩm mới này được đông đảo khách hàng hài lòng khi sử dụng.

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh: năm 2016, Bảo Việt đã không ngừng mở rộng mạng lưới, phạm vi hoạt động đến tất cả các địa bàn, địa phương trên cả nước, cụ thể: Bảo hiểm Bảo Việt đã thành lập thêm 6 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 73 công ty trên toàn quốc. Bảo Việt Nhân thọ cũng khai trương 5 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 65 công ty. Với việc phát triển mạng lưới mạnh mẽ trong năm 2016, Bảo Việt trở thành doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất có hệ thống bao phủ khắp 63 tỉnh, thành phố trên cả nước trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, đảm bảo phục vụ tận tâm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Truyền thông – thương hiệu: Tập đoàn Bảo Việt đã tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhất quán hình ảnh thương hiệu trên toàn quốc từ hệ thống quảng cáo biển tấm lớn, biển hiệu trụ sở tòa nhà của các đơn vị đến đồng bộ các ấn phẩm, tài liệu bán hàng trên toàn hệ thống, mang đến hình ảnh Một Bảo Việt trẻ trung, năng động và hiện đại, chuyên nghiệp và gần gũi hơn với khách hàng... Thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance (UK) - hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới đánh giá là một trong "Top 50 thương hiệu Việt Nam có giá trị lớn nhất năm 2016" với giá trị thương hiệu đạt 89 triệu USD, tăng hơn 10 triệu USD so với năm 2015, xếp hạng A+;

- Công nghệ thông tin: Năm 2016 với khẩu hiệu là năm công nghệ thông tin, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm (như dự án InsureJ, New Core, Core Fund, Trung tâm dự phòng thảm họa...) góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng của công tác quản trị điều hành tập trung và thúc đẩy hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống, tạo điều kiện cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tài chính trực tuyến trọn gói.

- Hợp tác với đối tác chiến lược: Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông chiến lược Sumitomo Life (SML) đã ký Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giai đoạn 4 nhằm tiếp tục hợp tác, tận dụng những kinh nghiệm thế mạnh của SML để hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Bảo Việt.

- Về công tác hợp tác, tham mưu chính sách cho các cơ quan, ban ngành Nhà nước: trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bảo hiểm, tài chính, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục có những tham mưu, đề xuất hiệu quả với Bộ Tài chính trong công tác phát triển và lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm, triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới như: sản phẩm bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm bảo lãnh…; tham mưu xây dựng và hoàn thiện Thông tư hướng dẫn Nghị định 73 nhằm phù hợp với thực tế và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh. Về công tác an sinh xã hội: Bảo Việt tiếp tục triển khai tốt chương trình An sinh xã hội theo Nghị quyết 30A của Chính phủ. Tính đến năm 2016, Quỹ An sinh xã hội của Tập đoàn đã đầu tư hơn 200 tỷ đồng cho các hoạt động vì cộng đồng với 04 trọng tâm chính bao gồm: xóa đói giảm nghèo; đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; tri ân gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và khắc phục hậu quả thiên tai. Chỉ tính riêng trong năm 2016, Bảo Việt đã đầu tư trên 70 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng như xây dựng Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia xã Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên; xây dựng trường trạm y tế thị trấn Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An; xây dựng trường Mầm non Cổ Linh, Pác Nặm, Bắc Kạn, hỗ trợ xây dựng Trạm y tế tại huyện Gia Viễn, Ninh Bình; xây dựng Trường Tiểu học Sủng Trái, Đồng Văn, Hà Giang; xây dựng nhà tiếp đón khách tại Thành cổ Quảng Trị. Bên cạnh đó là các Chương trình Hướng về miền Trung ruột thịt, ủng hộ hơn 1 tỷ đồng cho đồng bào lũ lụt tại hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình; Chương trình Mang hơi ấm tới vùng cao, suất cơm từ thiện...

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

01 Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2017 và bám sát chiến lược giai đoạn 2016-2020

02 Tiếp tục củng cố và phát huy những nền tảng đã đạt được với mục tiêu "Sẵn sàng cất cánh", trong đó tập trung: (i) Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin chuyên nghiệp, hiện đại; (ii) Đầu tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và quy hoạch nguồn cán bộ cao cấp của Bảo Việt; (iii) Thực hiện các dự án hợp lực truyền thông nhằm hiện đại hóa và nhất quán hình ảnh thương hiệu Bảo Việt trên toàn hệ thống.

03 Phát huy mạnh mẽ vai trò của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt là đầu mối, quản lý tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên trong các lĩnh vực then chốt là nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin.

04 Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

05 Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

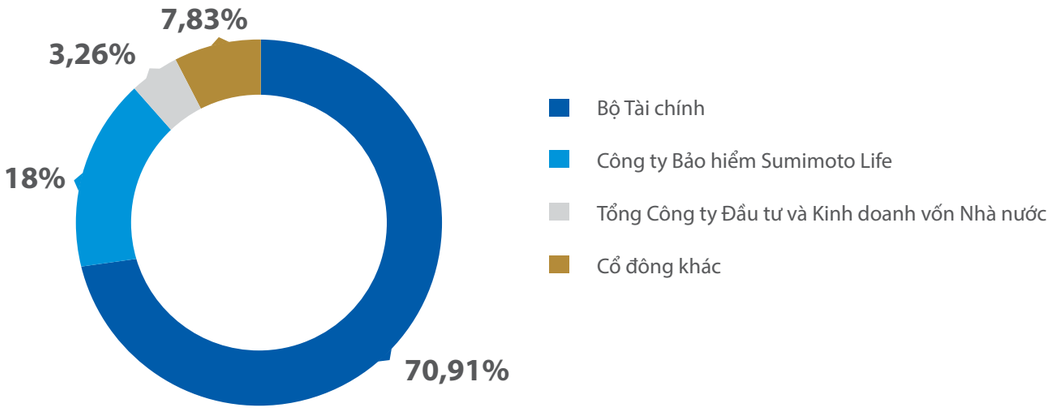
- Vốn điều lệ của Công ty: 6.804.714.340.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 680.471.434 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Phổ thông
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 680.471.434 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

(Tính đến ngày 31.12.2016)

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU BVH NĂM 2016

Tổng số phiên	**251** phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh	80.845.950 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	384.818 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (16/12/2016)	1.888.300 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (12/12//2015)	42.970 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Cổ đông sáng lập	3	0,06%	627.173.291	92,17%
- Bộ Tài chính	1	0,02%	482.509.800	70,91%
- Sumitomo Life	1	0,02%	122.509.091	18,00%
- SCIC	1	0,02%	22.154.400	3,26%
Cổ đông khác	5.796	99,94%	53.298.143	7,83%
TỔNG CỘNG	**5.799**	**100%**	**680.471.434**	**100%**

THÔNG ĐIỆP CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE



ÔNG MASAHIRO HASHIMOTO

Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Năm thành lập: Tháng 5 năm 1907

Trụ sở chính: Tokyo/Osaka, Japan

Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng

11.001 nhân viên, 31.244 đại lý bán hàng

Mạng lưới (*Tại thời điểm 31/12/2016*)

Tại Nhật Bản:

77 chi nhánh, 1.404 văn phòng giao dịch

Trên toàn cầu:

01 Công ty con tại Mỹ, các công liên kết tại Việt Nam, Indonesia, Trung Quốc

04 Văn phòng Đại diện tại New York, London, Bắc Kinh và Hà Nội

Tổng tài sản: 245,3 tỷ USD

Tổng tài sản ròng: 14,8 tỷ USD

Tổng doanh thu phí bảo hiểm: 26,8 tỷ USD

Số lượng hợp đồng: 11,3 triệu hợp đồng

Xếp hạng tín nhiệm

Moody's A1
S&P A

Sau khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Sumitomo Life, tôi luôn thấy tự hào khi được chứng kiến quá trình xây dựng mối quan hệ hợp tác khăng khít giữa Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life, mang lại những giá trị đặc biệt và mối quan hệ không thể tách rời đối với cả hai công ty. Nhờ vậy, mối quan hệ hợp tác giữa hai bên đang phát triển ngày càng bền chặt.

Năm 2013, đồng thời với việc mua lại 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt, Sumitomo Life đã tham gia thỏa thuận hợp tác hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA). Qua đó chúng tôi đã tiến hành cung cấp cho Tập đoàn Bảo Việt những bí quyết kinh doanh độc đáo và đa dạng trong ngành bảo hiểm mà Sumitomo Life đã tích lũy được trong suốt hơn 100 năm lịch sử kinh doanh tại Nhật Bản, từ đó đóng góp vào việc nâng cao giá trị doanh nghiệp của Bảo Việt.

Trong năm vừa qua, với mục tiêu "Trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam có năng lực cạnh tranh quốc tế cao", Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch quản trị trung hạn cho giai đoạn 2016-2020 nhằm nâng cao kết quả tăng trưởng kinh doanh. Dưới sự lãnh đạo và quản trị, hợp tác từ các Đơn vị thành viên, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những thành công vang dội trong năm 2016. Đặc biệt, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt chỉ tiêu 1 tỷ đô la Mỹ về doanh thu hợp nhất và khẳng định được vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ với những chỉ số ấn tượng về doanh thu khai thác mới và tổng doanh thu phí. Sumitomo Life mong rằng sẽ được đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt trên nền tảng hợp tác vững chắc, hướng tới những phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Sumitomo Life cam kết sẽ tiếp tục cộng tác cùng Tập đoàn Bảo Việt nhằm nâng cao hơn nữa kết quả kinh doanh trong năm 2017. Tôi thực sự mong rằng Bảo Việt và Sumitomo Life sẽ cùng tiếp tục phát triển dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Hơn nữa, với định hướng nâng cao giá trị doanh nghiệp dựa trên hình ảnh thương hiệu mạnh mẽ của Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life, chúng tôi tin tưởng rằng năm 2017 sẽ là một năm thắng lợi cho cả hai công ty, tạo đà phát triển, vươn xa hơn cho một tương lai vững chắc. Sumitomo Life mong chờ những thành tựu vượt bậc sắp tới trong năm 2017.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 30/03/2017:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
2	Cổ đông sáng lập	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Trong nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	605.018.891	88,91%	02	02	0
	- Trong nước	482.509.800	70,91%	01	01	0
	- Nước ngoài	122.509.091	18%	01	01	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	53.298.143	7,83%	5.796	148	5.648
	- Trong nước	7.066.332	1,04%	5.398	50	5.348
	- Nước ngoài	46.231.811	6,79%	398	98	300
TỔNG CỘNG (1+3+4+5+6+7)		**680.471.434**	**100%**	**5.799**	**152**	**5.648**
Trong đó: - Trong nước		511.730.535	75,2%	5.400	53	5.348
- Nước ngoài		168.740.902	24, 8%	399	99	300

(Nguồn: danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2017)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LÀ CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (NGƯỜI)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên không phải là NĐTCKCN)	605.018.891	88,9%	02	02	0
	Trong nước	482.509.800	70.90%	01	01	0
	Nước ngoài	122.509.091	18,0%	01	01	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	0	0%	0	0	0
	Trong nước	0	0%	0	0	0
	Nước ngoài	0	0%	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu <5% vốn CP	53.810.883	7,91%	128	128	0
	- Trong nước	23.316.087	3,43%	45	45	0
	- Nước ngoài	30.494.796	4,48%	83	83	0
TỔNG CỘNG		**658.829.774**	**96,86%**	**130**	**130**	**0**

(Nguồn: danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2017)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt không thực hiện phát hành tăng vốn do vậy số vốn góp của cổ đông tại thời điểm 31/12/2016 không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2015, cụ thể như sau:

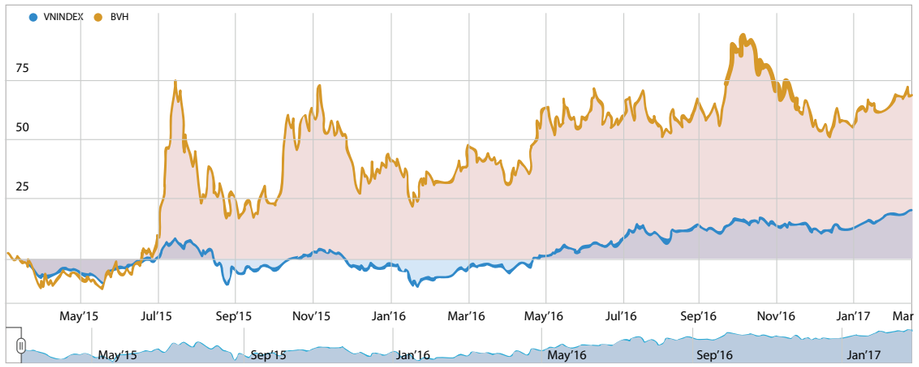
	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197
TỔNG CỘNG	**9.989.046.721.197**	**-**	**9.989.046.721.197**

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Năm 2016, cổ phiếu BVH duy trì diễn biến tích cực với mặt bằng thanh khoản được giữ ở mức khá tốt, đạt bình quân gần 400 nghìn đơn vị cổ phiếu khớp lệnh mỗi phiên.

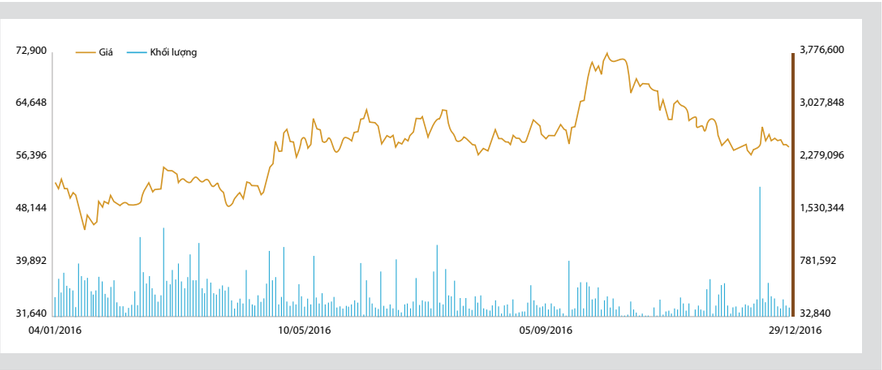
Biểu đồ Diễn biến BVH và VN-Index năm 2016



Từ giữa Quý II/2016, BVH có sự hồi phục mạnh mẽ và là một trong những bluechip có mức tăng điểm dẫn đầu thị trường. Cùng với thông tin kết quả kinh doanh quý II khởi sắc, khẳng định vị trí số 1 thị trường trên cả hai lĩnh vực Nhân thọ và phi nhân thọ, cùng với sự hồi phục của thị trường chung sau một đợt điều chỉnh đã tạo điểm tựa cho đà tăng điểm của BVH.

Quý III/2016, tốc độ tăng trưởng tốt trong hoạt động kinh doanh cùng với những nỗ lực mở rộng mạng lưới kinh doanh, khai thác các kênh phân phối mới đã tạo điểm nhấn trong hoạt động kinh doanh Quý III và Quý IV/2016, góp phần tạo sức hấp dẫn dòng tiền đầu tư cho BVH trong giai đoạn cuối năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của 2 kỳ tái cơ cấu danh mục từ 2 quỹ ETFs vào cuối Quý III và Quý IV và áp lực sụt giảm của thị trường chung sau một đợt tăng trưởng nong đã tác động đến giá cổ phiếu BVH, khiến giá cổ phiếu bước vào một giai đoạn đi ngang.

Diễn biến khối lượng và giá giao dịch BVH



Hiện nay, BVH là một trong 10 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường và là 1 trong 30 cổ phiếu hàng đầu niêm yết trên Sở GDCK TPHCM, đáp ứng tiêu chuẩn nằm trong rổ chỉ số VN30. Với kết quả kinh doanh ổn định, bền vững và duy trì tính thanh khoản tốt đã góp phần duy trì sức hấp dẫn của cổ phiếu BVH đối với quỹ đầu tư quốc tế, quỹ ETF tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

BAOVIET
Forbes 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT HÀNG ĐẦU
89 TRIỆU USD
THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
THÔNG TIN MINH BẠCH THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ
TẬP ĐOÀN
TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
BAOVIET Insurance BẢO HIỂM BẢO VIỆT
BAOVIET Life BẢO VIỆT NHÂN THỌ
BAOVIET Fund QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
BAOVIET Securities CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
BAOVIET Invest ĐẦU TƯ BẢO VIỆT
BAOVIET Bank NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET



Ông Phan Kim Bằng

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Ông Đỗ Trường Minh

Q. Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) là đơn vị thành viên được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn. Với bề dày trên 50 năm phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn khẳng định là Doanh nghiệp bảo hiểm số 1, dẫn dắt, bao phủ thị trường phi nhân thọ. Riêng trong năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt có tốc độ tăng trưởng cao 12,6%, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 6.565 tỷ đồng. Không những là doanh nghiệp bảo hiểm số 1 đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình mà còn là nhà bảo hiểm hàng đầu cung cấp các giải pháp bảo hiểm trọn gói, tổng thể, chương trình quản lý rủi ro, cho các khách hàng tổ chức và doanh nghiệp. Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng đầu tư, phát triển hệ thống mang lại tối đa sự thuận tiện cho khách hàng. Với trên 70 công ty thành viên, trên 300 phòng bảo hiểm khu vực và hơn 30.000 đại lý, khẳng định mạng lưới tiếp xúc và phục vụ khách hàng lớn nhất hiện nay.

Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt trong thời gian tới là chú trọng hoạt động nghiên cứu thị trường; xây dựng và triển khai các sản phẩm mới, cấu trúc lại sản phẩm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; xây dựng các giải pháp để tăng trưởng doanh thu tại các địa bàn trọng điểm; tiếp tục tận dụng lợi thế và phát triển các kênh đối tác bán chéo sản phẩm; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng online, chương trình thi đua khen thưởng cho cán bộ nhân viên nhằm tạo động lực và khích lệ hoạt động kinh doanh.

Năm 2016, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đạt mức tăng trưởng ấn tượng 2 con số, giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về doanh thu, thị phần và lợi nhuận đóng góp vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

Kết quả hoạt động kinh doanh 2016

Về doanh thu

Tổng doanh thu đạt 7.669 tỷ đồng, tăng trưởng 12,2% so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động bảo hiểm đạt 7.196 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

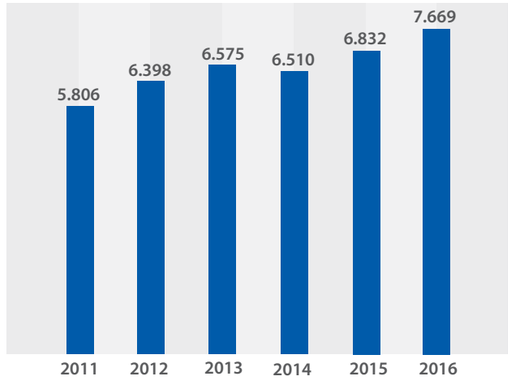
- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 6.565 tỷ đồng, tăng trưởng 12,6% so với cùng kỳ.
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 301 tỷ.
- Thu hoa hồng nhượng tái và thu khác đạt 331 tỷ đồng, tăng trưởng 44,1% so với cùng kỳ do trong năm bổ sung tái bảo hiểm xe cơ giới.

Doanh thu hoạt động đầu tư đạt 467 tỷ.

Đóng góp vào tăng trưởng chung của tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm là tăng trưởng của tất cả các nghiệp vụ, trong đó một số nghiệp vụ tăng trưởng cao như:

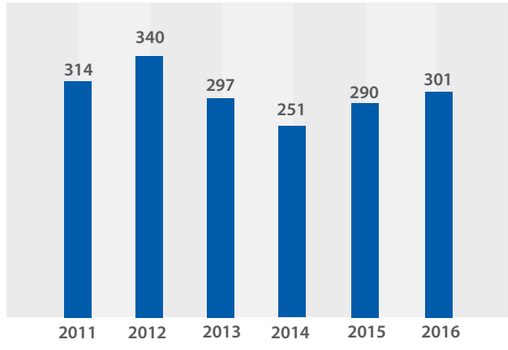
Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



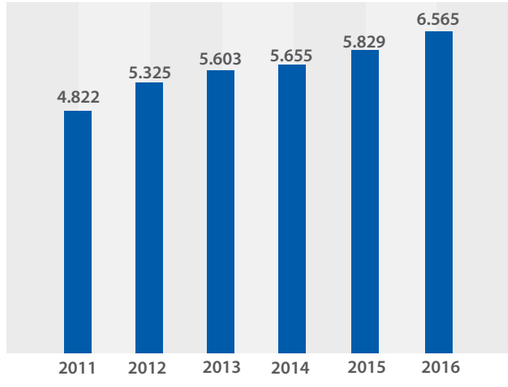
Lợi nhuận sau thuế

ĐVT: Tỷ đồng



Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc

ĐVT: Tỷ đồng



- Bảo hiểm Cháy và tài sản tăng trưởng 11,6%.
- Bảo hiểm kỹ thuật tăng trưởng 28,1%.
- Bảo hiểm Xe cơ giới tăng trưởng 14,4%.
- Bảo hiểm Y tế tăng trưởng 9,7%.
- Bảo hiểm Con người tăng trưởng 11,7%.
- Bảo hiểm Tàu thủy tăng trưởng 8,7%.

Các nghiệp vụ đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm là:

- Bảo hiểm xe cơ giới: 32,9%.
- Bảo hiểm con người: 19,5%.
- Bảo hiểm y tế sức khỏe: 17,0%.

Về lợi nhuận

Trong điều kiện kinh doanh năm 2016 còn nhiều khó khăn, bằng nhiều biện pháp đẩy mạnh khai thác, kiểm soát tốt rủi ro và các khoản chi phí nên Bảo hiểm Bảo Việt đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh cùng tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 372 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 301 tỷ, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Lợi nhuận trước thuế của hoạt động bảo hiểm đạt 29 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hoạt động đầu tư (chưa phân bổ chi phí hoạt động cho hoạt động đầu tư) đạt 339 tỷ đồng, bằng 105,2% so với kế hoạch và tăng 11,0% so với năm 2015.
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh khác đạt: 4 tỷ đồng, bằng 127,7% so với kế hoạch và tăng 11,5% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 12,3%. Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 2,9%.

Năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện việc kiểm soát chi bồi thường hiệu quả, tỷ lệ chi bồi thường/doanh thu bảo hiểm gốc giảm đáng kể, khoảng 3,39% so với cùng kỳ nhờ công tác giám định và kiểm soát bồi thường chặt chẽ, có hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh doanh chung.

Các yếu tố chính làm tăng doanh thu, lợi nhuận:

Bảo hiểm Bảo Việt giữ vị thế số 1 thị trường về thị phần, doanh thu và lợi nhuận đối với nhóm bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình ở các nghiệp vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn con người và bảo hiểm xe cơ giới, đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt, đồng thời có tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước.

Đạt được mức tăng trưởng ấn tượng năm 2016, cao nhất trong vòng 5 năm qua, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện một số chính sách:

- Nhiều sản phẩm bảo hiểm cá nhân mới được triển khai trong năm 2016 như: Bảo Việt An Gia, K-Care, Bảo An Gia Đình Việt.
- Quản lý tập trung đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm các sản phẩm bảo hiểm cháy và tài sản, bảo hiểm tàu thủy
- Áp dụng cơ chế, chính sách tài chính linh hoạt và tập trung vào các địa bàn trọng điểm.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, điều hành.

Tiến bộ đơn vị đã đạt được trong năm 2016

Tăng trưởng ấn tượng 2 con số

Trước tình hình thị trường bảo hiểm trong nước chỉ tăng trưởng khiêm tốn, một số doanh nghiệp bảo hiểm còn có dấu hiệu giảm tăng trưởng, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc vượt bậc là 12,6%, tổng doanh thu đạt 7.669 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 301 tỷ đồng. Với bề dày trên 50 năm phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn giữ vững vai trò doanh nghiệp bảo hiểm dẫn dắt và kiến tạo thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam, với nguồn lực mạnh mẽ và thực hiện đúng cam kết của mình trước khách hàng.

Ra mắt hàng loạt các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng

Trong năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt đã cho ra mắt nhiều sản phẩm tiên phong, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng nên nhận được phản hồi tích cực từ thị trường ngay trong những tháng đầu tiên ra mắt.

- Sản phẩm "Bảo An Gia Đình Việt" là sản phẩm sức khỏe toàn diện được phát triển dành riêng cho các khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ. Sản phẩm "Bảo Việt An Gia" là sản phẩm chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho các hộ gia đình và có nhu cầu tăng cường thêm sự bảo vệ cho bản thân, cũng như những người thân trong gia đình trước những rủi ro bất ngờ trong cuộc sống như tai nạn, ốm đau, bệnh tật.
- Sản phẩm K-Care là sản phẩm bảo hiểm bệnh ung thư chuyên biệt trên thị trường, giàu tính nhân văn, vì cộng đồng, lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Đây là sản phẩm cung cấp cho khách hàng nhiều thông tin bổ ích về tình hình ung thư, cũng như giải pháp tài chính hiệu quả khi căn bệnh hiểm nghèo không may ập đến.
- Sản phẩm BaoViet Easy Car là sản phẩm tích hợp bảo hiểm - ngân hàng (bancassurance) – mang lại cho khách hàng ưu đãi lãi suất và tặng bảo hiểm hấp dẫn, có tính cạnh tranh trên thị trường.

Những sản phẩm mới cho ra mắt của Bảo hiểm Bảo Việt được thiết kế sát nhất với nhu cầu bảo hiểm ngày một cao của khách hàng và do đó đã nhận được phản hồi rất tích cực khi ra mắt thị trường.

Mở rộng mạng lưới công ty thành viên, tiếp cận gần hơn với khách hàng

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu kinh doanh "Phục vụ khách hàng tận tâm, cung cấp sản phẩm tận nơi theo yêu cầu", Bảo hiểm Bảo Việt đã liên tiếp đưa vào hoạt động thêm 5 chi nhánh mới tại Hà Nội, Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh, nâng tổng số lượng công ty thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt trên cả nước lên con số 73, tiếp tục khẳng định là đơn vị duy nhất có mạng lưới bao phủ rộng khắp 63 tỉnh thành trải dài từ Bắc đến Nam.

Việc thành lập các chi nhánh nằm trong chủ trương thúc đẩy hoạt động bán lẻ trên toàn hệ thống. Các công ty thành viên hoạt động theo mô hình chuyên biệt, hiện đại, lấy khách hàng làm trọng tâm để phục vụ đảm bảo hiệu quả hoạt động và tăng trưởng kinh doanh theo mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Mở rộng quan hệ hợp tác nhằm gia tăng tối đa lợi ích cho khách hàng

Năm 2016 cũng là năm đánh dấu việc Bảo hiểm Bảo Việt ký kết thỏa thuận hợp tác với hàng loạt các đối tác có tiềm lực và uy tín lớn như: các hãng xe (Toyota, Ford, Mazda, Thaco,…), ngân hàng (Vietcombank, TPBank, Techcombank, Martime Bank,..), công ty Giải pháp phần mềm Audatex nhằm đưa ra các sản phẩm có quyền lợi và chi phí ưu đãi cùng với chất lượng dịch vụ tốt nhất dành cho khách hàng. Việc đẩy mạnh hợp tác với các đối tác uy tín là minh chứng cho sự chuyển mình mạnh mẽ, sẵn sàng đổi mới và hợp tác của Bảo hiểm Bảo Việt luôn luôn đặt khách hàng vào trung tâm của mọi hoạt động. Qua đó tiếp tục chứng minh sự nỗ lực không ngừng nhằm mang tới sự trải nghiệm cùng sự hài lòng cao nhất về sản phẩm và chất lượng dịch vụ tốt nhất cùng nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tổng doanh thu 2017

8.458 tỷ đồng ↑ 10%

Lợi nhuận sau thuế 2017

310 tỷ đồng ↑ 3%

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ 2017

15,5%

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2017

Năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đưa ra mục tiêu khẳng định vị trí số 1, với thông điệp: "Không ngừng Sáng tạo - Nâng cao Năng suất" tìm kiếm và áp dụng các giải pháp mới, ứng dụng các phương pháp kỹ thuật, công nghệ để rút ngắn thời gian xử lý công việc, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong kinh doanh, đảm bảo thực hiện tốt cam kết với người lao động, chủ sở hữu, khách hàng.

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 8.458 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3% so với năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế: 310 tỷ đồng, tăng trưởng 3,2% so với năm 2016
- Tỷ suất LNST/VĐL: 15,5%

Giải pháp trọng tâm năm 2017

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới: thành lập thêm các chi nhánh, phòng giao dịch tại các địa bàn tiềm năng.
- Ứng dụng triệt để phần mềm trong quản lý để nâng cao năng suất lao động, định hướng mô hình quản lý tập trung trên nền tảng công nghệ thông tin.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: Quản lý tập trung bồi thường, mở rộng hệ thống bệnh viện, phòng khám bảo lãnh trên toàn quốc, hội thảo với khách hàng, cẩm nang hướng dẫn khách hàng, dịch vụ hỗ trợ tay lái.
- Đa dạng hóa sản phẩm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục cho ra mắt các sản phẩm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Triển khai kế hoạch marketing tổng thể để hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**5.737**	**5.448**
Tiền	185	524
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.240	2.549
Các khoản phải thu	1.525	1.027
Hàng tồn kho	15	12
Tài sản ngắn hạn khác	457	328
Tài sản tái bảo hiểm	1.316	1.007
TÀI SẢN DÀI HẠN	**4.594**	**3.823**
Các khoản phải thu dài hạn	25	23
Tài sản cố định & xây dựng dở dang	818	811
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.689	2.939
Tài sản dài hạn khác	63	49
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**10.331**	**9.270**
NỢ PHẢI TRẢ	**7.886**	**7.073**
Nợ ngắn hạn	2.785	2.646
Nợ dài hạn	2	6
Dự phòng nghiệp vụ	5.099	4.420
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.445**	**2.197**
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.000	2.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	120	105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	326	93
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**10.331**	**9.270**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015
Tổng doanh thu	**7.669**	**6.832**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	7.196	6.397
Doanh thu hoạt động tài chính	467	430
Doanh thu khác	6	5
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.611)	(1.180)
Doanh thu thuần	6.057	5.652
Tổng chi phí	**(5.685)**	**(5.283)**
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.764)	(4.545)
Chi phí hoạt động tài chính	(127)	(125)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(791)	(611)
Chi phí khác	(2)	(2)
Lợi nhuận trước thuế	**372**	**369**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(71)	(79)
Lợi nhuận sau thuế	**301**	**290**





Bà Thân Hiền Anh

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Ông Phạm Ngọc Sơn

Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) liên tục khẳng định là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và là doanh nghiệp có tiềm lực tài chính ổn định và vững mạnh.

Là doanh nghiệp Việt duy nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT luôn duy trì mức tăng trưởng nhanh về tổng doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới. Đặc biệt, năm 2016, với tốc độ tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn thị trường BVNT vươn lên giữ vị trí số 1 về thị phần doanh thu khai thác mới.

Với lực lượng hơn 1.800 cán bộ và gần 114.000 tư vấn viên, BVNT có mạng lưới 70 Công ty thành viên và hơn 300 văn phòng khu vực rộng khắp 63 tỉnh thành của cả nước. Đến nay, BVNT đã hoạch định kế hoạch bảo vệ tài chính cho gần 17 triệu lượt khách hàng với tổng số tiền bảo vệ lên tới gần 500.000 tỷ đồng.

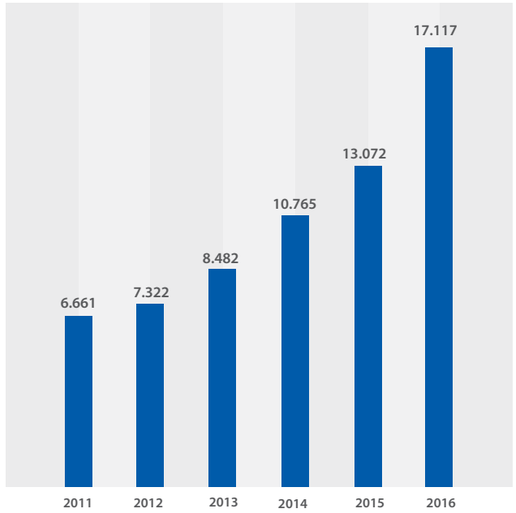
Bảo Việt Nhân thọ cũng liên tục được các cơ quan nhà nước ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về đóng thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước cũng như thực thi định hướng phát triển chiến lược của Chính phủ trong việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội thông qua phát triển bảo hiểm nhân thọ.

Năm 2016 - năm kỷ niệm 20 năm thành lập đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Bảo Việt Nhân thọ. Trải qua 20 năm phát triển và khai mở thị trường, liên tục phát triển và tăng trưởng, với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, cùng với việc phát huy sức mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững, song hành với nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ tự hào được bình chọn là công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín nhất thị trường, vượt qua các đối thủ ngoại tầm cỡ. Đây là kết quả nghiên cứu độc lập các các đơn vị đánh giá uy tín – Việt Nam Report (Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam) với sự đánh giá của các chuyên gia trong nước, quốc tế và người tiêu dùng dựa trên 3 tiêu chí chính: năng lực tài chính, uy tín truyền thông và mức độ hài lòng của người tiêu dùng. Đồng thời, Sản phẩm "An phát trọn đời" của Bảo Việt Nhân thọ vinh dự đón nhận giải thưởng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam năm 2016 từ Tạp chí quốc tế uy tín – Tạp chí Tài Chính và Ngân hàng toàn cầu của Anh Quốc (Global Finance & Banking Review). Giải thưởng này góp phần khẳng định uy tín và chất lượng của sản phẩm Bảo Việt Nhân thọ cũng như làm động lực để Công ty không ngừng phát triển và cải tiến sản phẩm nhằm đáp lại niềm tin yêu của khách hàng.

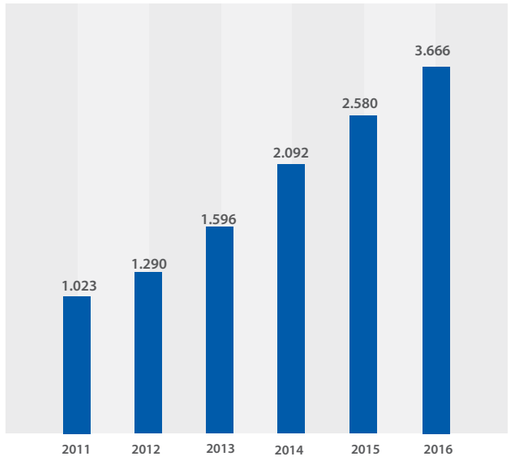
Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



Doanh thu khai thác mới

ĐVT: Tỷ đồng



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

Kết quả hoạt động kinh doanh 2016

Năm 2016, với định hướng chiến lược phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan, với mức tăng trưởng cao về doanh thu so với năm 2015, tạo tiền đề cho việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể các mức tăng trưởng như sau:

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2016 đạt 17.117 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2015, trong đó:

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 13.456 tỷ đồng, tăng trưởng 33% so với năm 2015. Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục là doanh nghiệp chiếm thị phần tổng doanh thu lớn trên thị trường.
- Doanh thu tài chính đạt 3.647 tỷ đồng tăng trưởng 24% so với năm 2015. Định hướng chung và xuyên suốt trong hoạt động đầu tư của Bảo Việt Nhân thọ là đảm bảo an toàn, hiệu quả, chú trọng quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản, đảm bảo quyền lợi cho chủ hợp đồng. Theo đó trong năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư trái phiếu chính phủ với tổng số vốn đầu tư mới trái phiếu chính phủ trong năm lên đến gần 8,800 tỷ đồng, và hơn một nửa trong số đó là trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 30 năm.
- Doanh thu khai thác mới đạt 3.666 tỷ đồng, tăng trưởng 42% so với năm 2015. BVNT luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới cao qua nhiều năm liền.

Đặc biệt, với việc đạt tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu (cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn thị trường), BVNT đã vươn lên dẫn đầu thị trường về thị phần doanh thu khai thác mới. Là doanh nghiệp bảo hiểm nội địa duy nhất trên thị trường, BVNT đã khẳng định vị trí là doanh nghiệp Việt hàng đầu của thị trường. Thành công từ kết quả kinh doanh giúp BVNT tăng cường tiềm lực tài chính với tổng tài sản 53.800 tỷ đồng, tăng trưởng 34% so với năm 2015.

Tốc độ tăng trưởng cao của Bảo Việt nhân thọ trên là kết quả của các giải pháp tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tiếp tục định hướng tăng trưởng và phát triển

thông qua mở rộng mạng lưới kinh doanh, đổi mới sản phẩm và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, tăng cường tập trung hóa các mặt hoạt động, nâng cao năng suất lao động, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao chất lượng của tư vấn viên.

Tổng số lượng tư vấn viên

Tổng số tư vấn viên trong toàn hệ thống liên tục tăng đạt gần 114.000 người tại thời điểm 31/12/2016, tăng 48% so với thời điểm cuối năm 2015 (76.965 người). Tư vấn viên được tuyển dụng, đào tạo tăng về lượng, mạnh về chất, chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo tư vấn đúng, đủ nhu cầu khách hàng, luôn hướng tới nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2016

Phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh

Với định hướng chiến lược mở rộng và phát triển, BVNT thực hiện chủ trương đầu tư, mở rộng thị trường để phục vụ khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, năm 2016 BVNT thành lập thêm 5 Công ty thành viên mới tại Lai Châu, Bắc Kạn, Đắc Nông, Phú Quốc, Hậu Giang, những ngày đầu năm 2017 tiếp tục thành lập thêm 5 Công ty thành viên mới tại Hà Nội, TP HCM và Nghệ An, nâng tổng số Công ty thành viên lên 70 Công ty trên 63 tỉnh/thành của cả nước, trở thành Công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường sở hữu một mạng lưới công ty thành viên vững chắc rộng khắp trên toàn quốc.

Phát triển kênh phân phối mới, tăng cường hợp tác

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, Bảo Việt Nhân thọ cũng tiếp tục đẩy mạnh triển khai kênh phân phối mới: bancassurance, telesales... đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Kênh Telesales, bên cạnh nhiệm vụ hỗ trợ khai thác sản phẩm, thông qua các cuộc gọi tới khách hàng, còn đóng vai trò quan trọng là cầu nối, là kênh giao tiếp hiệu quả từ BVNT trực tiếp tới khách hàng, thăm hỏi, lắng nghe ý kiến khách hàng, hỗ trợ giải quyết thông tin, thắc mắc, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.

Trải qua giai đoạn xây dựng hình thành, khai thác qua kênh banccasurance đã có nhiều bước tiến rõ rệt về phát triển mạng lưới, xây dựng hệ thống và mô hình kinh doanh với kết quả doanh thu khai thác mới liên tục tăng trưởng.

Đặc biệt, bộ phận chuyên trách Khách hàng doanh nghiệp mới được thành lập trong năm 2016, cung cấp những giải pháp về bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí cho khách hàng là các tổ chức, Tập đoàn lớn, giúp lưu giữ và thu hút nhân tài, thông qua áp dụng chính sách phúc lợi tốt hơn cho cán bộ nhân viên, gắn kết người lao động, gia tăng năng suất lao động và hiệu quả làm việc cho doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp và nhân viên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cho các khoản đóng góp trong các chương trình bảo hiểm nhân thọ.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao và có sự tiến bộ rõ rệt, với những ứng dụng công nghệ hiện đại, bắt kịp xu thế phát triển và văn hóa tiêu dùng của người dân. Với việc triển khai sản phẩm hưu trí nhóm và hưu trí cá nhân, trang web riêng về sản phẩm đã được xây dựng và đưa vào sử dụng, giúp khách hàng dễ dàng truy cập, tra cứu thông tin về hợp đồng bảo hiểm, thông tin đóng phí bảo hiểm, tình hình giải quyết quyền lợi bảo hiểm…

Đặc biệt ngày 01/07/2016, Bảo Việt Nhân thọ chính thức ra mắt Tổng đài miễn phí 18006966, thể hiện nỗ lực của BVNT trong việc phục vụ khách hàng, gia tăng các dịch vụ mới đến khách hàng, thực hiện triết lý "Khách hàng là trung tâm" trong hoạt động kinh doanh. Năm 2016, tổng đài chăm sóc khách hàng thực hiện gần 620.000 cuộc gọi tới khách hàng, tiếp nhận và giải đáp gần 37.000 ý kiến của khách hàng, tư vấn viên với nhiều chương trình đa dạng, phong phú ... đáp ứng tối đa và kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Năm 2016, tiếp theo việc ra mắt các gói sản phẩm hưu trí dành cho doanh nghiệp, Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai bán sản phẩm "Hưu trí An Khang" là sản phẩm Hưu trí tự nguyện dành cho cá nhân, là một sản phẩm mang tính chiến lược lâu dài, phù hợp với định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ Tài chính trong việc phát triển một hệ thống hưu trí đa trụ cột tại Việt Nam. Sản phẩm hưu trí của Bảo Việt Nhân thọ đảm bảo là sản phẩm tích hợp nhiều quyền lợi linh hoạt vượt trội, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế song đã được nội địa hóa cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, là sản phẩm Việt dành cho người dân Việt.

Tổng doanh thu 2017

19.959
tỷ đồng

↑ 17%

Doanh thu Khai thác mới 2017

↑ **25%**

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục phát triển, cải thiện dòng sản phẩm liên kết đầu tư, là dòng sản phẩm thế mạnh của Bảo Việt Nhân thọ với nhiều quyền lợi hấp dẫn, linh hoạt dành cho khách hàng. Đặc biệt, tháng 11/2016, Sản phẩm "An phát trọn đời" của Bảo Việt Nhân thọ vinh dự đón nhận giải thưởng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam năm 2016 từ Tạp chí quốc tế uy tín – Tạp chí Tài Chính và Ngân hàng toàn cầu của Anh Quốc (Global Finance & Banking Review). Giải thưởng này góp phần khẳng định uy tín và chất lượng của sản phẩm Bảo Việt Nhân thọ cũng như làm động lực để Công ty không ngừng phát triển và cải tiến sản phẩm nhằm đáp lại niềm tin yêu của khách hàng.

Hiện tại, giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho khách hàng lựa chọn phong phú với hơn 40 sản phẩm các loại.

Các hoạt động cộng đồng xã hội

BVNT luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội – ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của BVNT.

Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, BVNT nhận thức rõ vai trò tiên phong trong bảo vệ môi trường, đảm bảo sự bình an và phát triển cộng đồng, luôn tích cực triển khai các hoạt động vì cộng đồng, xã hội. Thông qua nhiều chương trình như: chương trình khám chữa bệnh từ thiện cho các gia đình chính sách, gia đình nghèo tại các tỉnh miền Trung, chương trình gây quỹ "Gắn kết yêu thương – Vui bước tới trường" phối hợp với Qũy bảo trợ trẻ em Việt Nam, chương trình đi bộ gây quỹ, chương trình "Chung tay cùng miền Trung vượt lũ"… Bảo Việt Nhân thọ một lần nữa khẳng định vai trò của doanh nghiệp đi đầu hoạt động kinh doanh vì lợi ích của người Việt.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2017

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2017

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, song hành với gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu trên thị trường, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 19.959 tỷ đồng, , tăng trưởng 17% so với năm 2016, trong đó doanh thu khai thác mới tăng trưởng 25% so với năm 2016.

Giải pháp trọng tâm năm 2017

Để đạt các mục tiêu trên, Bảo Việt Nhân thọ sẽ có các giải pháp đồng bộ và xuyên xuốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam, nền tảng Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược Nhật bản Sumitomo Life, cụ thể:

Mở rộng mạng lưới, phát triển hệ thống phân phối đa kênh, gia tăng năng lực cạnh tranh

Năm 2017, BVNT tiếp tục phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường, thành lập thêm các Công ty thành viên mới tại các địa bàn phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, BVNT cũng chú trọng tới công tác tuyển dụng, đào tạo cho cán bộ, tư vấn viên, đảm bảo lực lượng đông về lượng, mạnh về chất, chuyên nghiệp, hiện đại, mang sản phẩm bảo hiểm tới mọi đối tượng khách hàng trên toàn quốc. Việc hợp tác với các ngân hàng, các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu cũng tiếp tục được đẩy mạnh triển khai.

Phát triển sản phẩm mới

BVNT liên tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường, thiết kế và phát triển các gói sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường và các phân khúc khách hàng, có tính cạnh tranh cao đồng thời phù hợp với các định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ Tài chính trong cải cách hệ thống an sinh xã hội. Trong năm 2017, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới, sản phẩm hợp lực trong nội bộ Tập đoàn để tạo thêm sự phong phú cho giỏ sản phẩm của BVNT.

Chiến lược đầu tư hiệu quả

Để mang lại các quyền lợi cao nhất cho khách hàng, Bảo Việt Nhân thọ sẽ có chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam bằng việc tích cực đầu tư trở lại cho nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ. Bên cạnh đó, chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Các chương trình khuyến mại, chương trình chăm sóc khách hàng cũng được đẩy mạnh trong hình thức hợp lực mới với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn

Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế

Trong năm 2017, thỏa thuận chuyển giao năng lực kỹ thuật với Công ty bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Nhật bản sẽ tiếp tục được thực hiện. Bên cạnh đó, quan hệ hợp tác, kết nối được tăng cường xây dựng và thắt chặt với các doanh nghiệp, đối tác danh tiếng trong nước và nước ngoài. Việc học tập những kinh nghiệm quý báu trong các lĩnh vực phát triển các sản phẩm nhân thọ mới, triển khai các sản phẩm qua các loại hình kênh phân phối đa dạng, chiến lược quản lý tài sản, quản trị doanh nghiệp tiên tiến, công nghệ thông tin, đào tạo, quản lý rủi ro, quản lý tài sản…cũng đã và sẽ góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng, phát triển và chiếm lĩnh thị trường trong nước.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**7.712**	**5.668**
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.588	644
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.629	3.434
Các khoản phải thu	2.402	1.550
Hàng tồn kho	20	25
Tài sản ngắn hạn khác	73	15
TÀI SẢN DÀI HẠN	**46.088**	**34.362**
Phải thu dài hạn	25	17
Tài sản cố định	620	629
Bất động sản đầu tư	23	23
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	45.346	33.660
Tài sản dài hạn khác	74	33
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**53.800**	**40.030**
NỢ PHẢI TRẢ	**50.535**	**37.539**
Nợ ngắn hạn	12.559	7.469
Nợ dài hạn	98	73
Dự phòng nghiệp vụ	37.878	29.997
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.265**	**2.491**
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.500	2.000
Lợi nhuận để lại và các quỹ	765	491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**53.800**	**40.030**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015
Tổng doanh thu	**17.117**	**13.072**
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	13.458	10.116
Doanh thu hoạt động tài chính	3.647	2.949
Doanh thu từ hoạt động khác	12	7
Tổng chi phí	**(16.490)**	**(12.263)**
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(12.972)	(9.848)
Chi phí hoạt động tài chính	(1.050)	(733)
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	(2.468)	(1.679)
Chi phí khác	-	(3)
Lợi nhuận trước thuế	**627**	**809**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(114)	(171)
Lợi nhuận sau thuế	**513**	**638**



Ông Đậu Minh Lâm

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Ông Nguyễn Đình An

Q. Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Được thành lập từ năm 2005, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã và đang khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Năm 2016, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vinh dự được Tạp chí Global Banking & Finance bình chọn là Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam. Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 38.086 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đang quản lý 6 danh mục, 3 quỹ mở và 1 quỹ thành viên. Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) là quỹ thành viên với số vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Riêng trong năm 2016, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã ra mắt thành công 02 quỹ mở là Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF) và Quỹ đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF).

"Năm 2016 đánh dấu sự tăng trưởng ấn tượng của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt với kết quả kinh doanh đầy khả quan. Cùng với sự ra đời liên tiếp của hai quỹ mở BVBF và BVPF, Công ty được đánh giá là một trong những công ty quản lý quỹ năng động nhất trên thị trường năm qua."

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

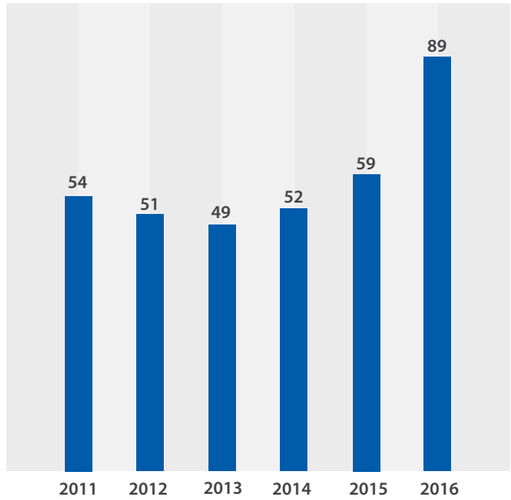
Kết quả hoạt động kinh doanh 2016

Với việc áp dụng những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các mảng hoạt động, trong năm 2016, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đạt được một số thành quả trong công tác phát triển sản phẩm mới, xây dựng nền tảng công nghệ thông tin v.v... Đặc biệt, kết quả đầu tư cho các danh mục của khách hàng đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng ấn tượng của Công ty Quản lý Quỹ so với năm trước.

- *Tổng tài sản quản lý:* Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản quản lý của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 38.086 tỷ đồng, tăng trưởng 22,8% so với năm 2015.
- *Tổng doanh thu:* đạt 89 tỷ đồng, vượt 14% so với kế hoạch năm 2016 và tăng trưởng 49,9% so với năm trước.
- *Lợi nhuận sau thuế:* đạt 25 tỷ đồng, vượt 24,1% so với kế hoạch năm 2016, và tăng trưởng 63,9% so với năm 2015.
- *Các chỉ tiêu tài chính khác:* Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 24,8%.

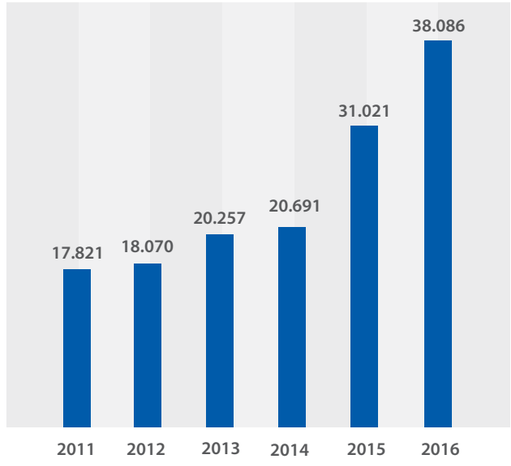
Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



Tổng tài sản quản lý

ĐVT: Tỷ đồng



- *Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng:* tại thời điểm 31/12/2016 đạt 338,2%, gấp đôi chỉ tiêu do Bộ Tài chính quy định.

Tất cả các danh mục quản lý đầu tư cho khách hàng đều vượt mức kỳ vọng của khách hàng.

Tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2016

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận của các danh mục đầu tư đều đáp ứng và vượt kỳ vọng của khách hàng.

Hoạt động đầu tư năm 2016 đạt được hiệu quả tốt thông qua việc lựa chọn đúng thời điểm để tái cấu trúc danh mục, cùng với công tác dự báo chính xác xu hướng thị trường. Tất cả các danh mục có điều khoản quy định về thưởng hiệu quả hoạt động trên cơ sở so sánh lợi nhuận đầu tư thực tế so với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng, đều đáp ứng yêu cầu và được khách hàng ghi nhận phí thưởng. Tăng trưởng NAV của tất cả các danh mục cổ phiếu do công ty quản lý đều có mức tăng trưởng ấn tượng khi so sánh với mức chuẩn hoặc thị trường tương ứng. Với các kết quả đạt được cho các danh mục đầu tư của khách hàng, Baoviet Fund đã và đang khẳng định vai trò trụ cột trong hoạt động đầu tư của Bảo Việt.

Phát triển thành công 02 sản phẩm quỹ mới, hoạt động phát triển kinh doanh, mở rộng kênh phân phối có nhiều bước tiến

02 quỹ mở được thành lập trong năm 2016 được đánh giá là rất thành công về quy mô huy động cũng như số lượng nhà đầu tư tham gia khi so sánh với nhiều quỹ khác trên thị trường và là dấu ấn đậm nét trong công tác phát triển sản phẩm của Baoviet Fund năm 2016. Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF) thành lập từ tháng 4/2016 với tổng số tiền huy động đạt 77 tỷ đồng, thu hút sự tham gia của hơn 190 nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Tiếp theo thành công đó, đến tháng 12/2016, Quỹ đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF) được chính thức ra đời với sự tham gia của hơn 170 nhà đầu tư và thu hút được 85,3 tỷ đồng vốn huy động. Cùng với việc nỗ lực tạo dựng kết quả đầu tư tốt, để thu hút thêm nhiều nhà đầu tư, Công ty chú trọng vào hoạt động nghiên cứu triển khai hệ thống kênh phân phối, hoàn thành việc xây dựng chính sách phát triển kênh phân phối, chạy thử nghiệm và thu được hiệu quả khả quan. Đây được coi là những yếu tố nền tảng để tạo đà cho sự phát triển hệ thống phân phối quỹ trong tương lai.

Công tác dịch vụ khách hàng ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng

Công ty đã chú trọng nâng cao chất lượng của mảng dịch vụ khách hàng thông qua việc áp dụng các chính sách dịch vụ khách hàng một cách đồng bộ và phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Do công tác dịch vụ khách hàng được triển khai tốt, cùng với những hiệu quả đầu tư đã đạt được, Công ty đã tiếp tục nhận được sự tín nhiệm của khách hàng và thu hút được thêm nhiều nguồn vốn đầu tư ủy thác mới.

Xây dựng nền tảng công nghệ thông tin vững chắc, chính thức đưa vào sử dụng thành công phần mềm quản lý đầu tư chuyên nghiệp (IMS)

Hệ thống phần mềm quản lý đầu tư (IMS) chính thức được vận hành thành công từ tháng 11/2016, đảm bảo khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro đối với các tài sản đầu tư có tính phức tạp cao của Baoviet Fund. Việc sở hữu một hệ thống phần mềm chuyên nghiệp là lợi thế cho Baoviet Fund trong việc thu hút thêm nhiều khách hàng là các tổ chức chuyên nghiệp trong nước và quốc tế, đồng thời tạo điều kiện cho Công ty có thể triển khai các sản phẩm, cung cấp các dịch vụ tài chính cá nhân có độ phức tạp cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để Baoviet Fund từng bước phát triển mạnh mẽ và chuyên nghiệp trên thị trường quản lý quỹ trong thời gian tới.

Hoạt động giám sát tuân thủ, quản lý rủi ro được triển khai thường xuyên và hiệu quả

Với việc ban hành chiến lược Quản lý rủi ro, quy chế quản lý rủi ro và thành lập Hội đồng Quản lý rủi ro, Baoviet Fund đã nâng cao khả năng giảm thiểu các rủi ro được nhận diện. Có thể thấy công tác quản lý rủi ro đã được Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt thực hiện tốt trong năm 2016, góp phần đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như kết quả đầu tư của các danh mục ủy thác.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2017

Nhiều cơ hội tăng trưởng đang chờ đón ngành quản lý quỹ Việt Nam trong năm 2017. Không nằm ngoài xu thế đó, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tập trung nâng cao hiệu quả của tất cả các mảng hoạt động, đặc biệt trong ba mảng đầu tư, phát triển sản phẩm và phát triển kênh phân phối bán lẻ để sẵn sàng nắm bắt những cơ hội mới.

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017

Năm 2017 được đánh giá sẽ mang lại nhiều cơ hội tăng trưởng cho ngành quản lý tài sản tại Việt Nam. Các chuyên gia kinh tế dự báo, quỹ mở sẽ vẫn tiếp tục là dòng sản phẩm phát triển nhất trong số các loại hình quỹ nhờ tính ưu việt về thanh khoản, tăng trưởng lợi nhuận tốt và đa dạng hóa sản phẩm đầu tư. Các loại hình phân phối của quỹ mở sẽ trở nên đa dạng hơn với sự tham gia của các ngân hàng như xu hướng trên thế giới. Với triển vọng khả quan của ngành quản lý quỹ, cùng những định hướng hợp lực được triển khai mang tính đồng bộ từ Tập đoàn Bảo Việt, năm 2017 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đặt ra mục tiêu về kinh doanh cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu dự kiến đạt 99 tỷ đồng, tăng trưởng 11,7% so với năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 30 tỷ đồng, tăng 20,9% so với năm 2016

Giải pháp trọng tâm năm 2017

Dựa trên mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá về thị trường và thế mạnh của mình, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đề ra nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm trong năm 2017 như sau:

Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư, liên tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, chú trọng công tác nghiên cứu

Nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư cho các danh mục của khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tiếp tục theo sát diễn biến thị trường, đưa ra các giải pháp đầu tư kịp thời, đúng với xu hướng. Đồng thời, chủ động tìm kiếm các giải pháp, cơ hội đầu tư mới để mở rộng sự lựa chọn, sẵn sàng cho hoạt động đầu tư, phù hợp với tiêu chí lựa chọn của các danh mục ủy thác. Đặc biệt nghiên cứu chuyên sâu hơn về bất động sản nhằm chuẩn bị cho các kế hoạch đầu tư và kế hoạch triển khai quỹ REITs.

Triển khai các sản phẩm quỹ mới, xây dựng và triển khai việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vào hệ thống

Định hướng chính đối với công tác phát triển sản phẩm mới đó chính là tìm kiếm các cơ hội để đưa ra các sản phẩm, dịch vụ có tính hợp lực toàn diện, phát huy thế mạnh tổng thể trong toàn hệ thống, tạo ra các chuỗi sản phẩm dịch vụ tài chính, có tính tích hợp cao cũng như khả năng cung cấp sản phẩm có tính đa dạng cho các khách hàng của Bảo Việt.

Triển khai thành công các sản phẩm đã nằm trong chiến lược 2016-2020 được duyệt.

Bên cạnh việc phát triển các sản phẩm mới, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng và triển khai hiệu quả kênh bán lẻ, lấy Baoviet Life làm lõi để triển khai, tận dụng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược để từng bước tiếp cận, mở rộng mạng lưới khách hàng, qua đó thực hiện mục tiêu gia tăng tổng tài sản quản lý.

Chú trọng hoạt động giám sát tuân thủ, thông qua việc xây dựng chính sách rủi ro cho từng khách hàng

Liên tục rà soát và cập nhật các quy trình nhằm nhận dạng, nắm bắt và quản lý hiệu quả các rủi ro có thể xảy ra. Triển khai xây dựng Khung quản trị rủi ro phù hợp với hướng dẫn của COSO/ISO31000, xây dựng chiến lược, chính sách rủi ro cho từng khách hàng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào từng hoạt động theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào tất cả các mảng hoạt động. Vận hành và quản trị hệ thống phần mềm quản lý đầu tư (IMS) để tận dụng tối đa hiệu quả cho hoạt động đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt nói riêng và Tập đoàn Bảo Việt nói chung.

Tăng cường công tác đào tạo, chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao trên cơ sở định hình rõ yêu cầu trình độ, chuyên môn...cho từng vị trí cụ thể cũng như lựa chọn các tổ chức đào tạo có uy tín để triển khai.



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	**115,5**	**106,5**
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,1	2,8
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87,2	87,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	26,7	15,4
Tài sản lưu động khác	0,6	0,5
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**17,6**	**14,3**
Tài sản cố định	17,6	1,1
Đầu tư dài hạn	-	13
Tài sản dài hạn khác	-	0,2
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**133,1**	**120,8**
NỢ PHẢI TRẢ	**16,3**	**10,6**
Nợ ngắn hạn	16,3	10,6
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**116,8**	**110,2**
Vốn điều lệ	100,0	100
Các quỹ	5,2	2,7
Lợi nhuận chưa phân phối	11,6	7,5
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**133,1**	**120,8**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	80,5	54,1
Chi phí hoạt động kinh doanh	(0,9)	(0,8)
Doanh thu hoạt động tài chính	7,7	4,9
Chi phí hoạt động tài chính	-	0,4
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(56,5)	(39,7)
Thu nhập khác	0,4	0,1
Chi phí khác	(0,1)	(0,1)
Lợi nhuận trước thuế	**31,0**	**18,9**
Lợi nhuận sau thuế	**24,8**	**15,1**

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

GLOBAL BANKING & FINANCE REVIEW
BEST FUND MANAGEMENT COMPANY VIETNAM 2016
AWARDS

Baoviet Fund
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TỐT NHẤT VIỆT NAM
2016

GIẢI THƯỞNG BÌNH CHỌN BỞI TẠP CHÍ GLOBAL BANKING & FINANCE



Ông Nhữ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Năm 2016, với nhiều nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trên tất cả các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã hoàn thành 104,2% kế hoạch lợi nhuận sau thuế đã đề ra.

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài. Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

Trải qua 17 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường. Năm 2016, Tạp chí Global Banking and Finance Review của Vương quốc Anh vinh danh BVSC đồng thời cả hai giải thưởng "Best Equity House Vietnam 2016" và "Best Brokerage House Vietnam 2016".

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Kết quả kinh doanh 2016

BVSC đã đạt tổng doanh thu 294 tỷ đồng, bằng 93,7% so với kế hoạch và bằng 102,3% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế cả năm là 102 tỷ đồng, bằng 104,2% so với kế hoạch.

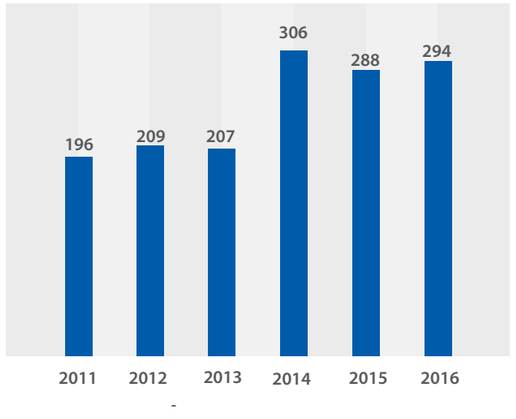
Doanh thu tăng trưởng chủ yếu trong các mảng Môi giới, cho vay và phải thu, tư vấn, lưu ký chứng khoán.

- Đối với hoạt động môi giới, năm 2016 là 1 năm cố gắng nỗ lực không ngừng, mặc dù quy mô vốn của BVSC còn hạn chế so với đối thủ trong ngành, ảnh hưởng tới khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Bên cạnh đó vượt lên sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, BVSC vẫn cố gắng đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu môi giới. Cuối năm, doanh thu môi giới đạt 100 tỷ đồng, hoàn thành 90,8% kế hoạch và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước.



Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



Tổng doanh thu 2016

294
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 2016

102
tỷ đồng

- Đối với hoạt động tư vấn, doanh thu năm 2016 đạt 9,5 tỷ đồng, hoàn thành 103,8 % so với kế hoạch và tăng nhẹ 0,6 % so với năm 2015.
- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 4,4 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 75,1% so với kế hoạch và tăng 17,5% so với năm trước.
- Doanh thu hoạt động cho vay – phải thu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chủ trương cơ cấu lại hoạt động tự doanh để tập trung nguồn lực hỗ trợ các hoạt động môi giới, nhờ đó lãi từ cho vay và phải thu đã đạt 137 tỷ đồng, bằng 102% với kế hoạch và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù gặp phải sự cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác về lãi suất cũng như nhu cầu vay vốn của khách hàng biến động qua từng thời điểm nhưng BVSC vẫn bảo toàn và kiểm soát tốt nguồn vốn, hoạt động hiệu quả, đóng góp không nhỏ vào kết quả kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Tiến bộ đơn vị đã đạt được trong năm 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên trong chiến lược hoạt động 2016 - 2020, là năm bản lề để BVSC củng cố mọi mặt hoạt động cũng như các dịch vụ của mình, sẵn sàng cho những dự định lớn hơn trong thời gian tới.

Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

Mặc dù trong năm vừa qua thị trường chứng khoán có sự tăng trưởng khá mạnh mẽ, nhưng những nhân tố tác động từ bên ngoài như sự kiện thị trường chứng khoán Trung Quốc ngắt giao dịch, sự kiện Brexi, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ … đã dẫn đến tình trạng bán tháo chứng khoán, ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường. Trong bối cảnh đó, BVSC đã nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch. Kết thúc năm 2016, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt 102 tỷ đồng, đạt 104,2 % kế hoạch.

Tăng cường hợp tác quốc tế

Một điểm sáng trong năm 2016 vừa qua là việc tham gia Hội nghị công ty chứng khoán Asean lần thứ 3 (Asean Brokerage Network), trong đó BVSC đã thực hiện giới thiệu và quảng bá hình ảnh tới hàng trăm khách mời đến từ lãnh đạo các sở Giao dịch Chứng khoán Asean, các công ty chứng khoán và các định chế tài chính lớn trong khu vực. Tại Hội nghị này, BVSC đã thực hiện

7 cuộc tiếp xúc song phương với các công ty chứng khoán trong khu vực, và đặc biệt BVSC là công ty chứng khoán duy nhất thực hiện ký kết MOU với Công ty chứng khoán MNC đến từ Indonesia. Đây được xem là một trong những sự kiện thành công nhất không chỉ trong khuôn khổ 2 doanh nghiệp, mà là kết quả đáng ghi nhận trong nỗ lực thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khu vực của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các Sở Giao dịch Chứng khoán Asean.

Thương hiệu uy tín được tôn vinh qua những giải thưởng lớn:

- BVSC đạt giải thưởng Thương hiệu mạnh năm thứ 3 liên tiếp
- BVSC là một trong 10 doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo thường niên tốt nhất toàn thị trường năm thứ 3 liên tiếp
- BVSC đạt danh hiệu "Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất, hạng mục tư vấn hợp nhất sáp nhập" tại diễn đàn M&A thường niên năm 2016
- BVSC nhận danh hiệu "Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu 2015 – 2016" lần thứ 5 liên tiếp do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao tặng
- BVSC đạt TOP30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất tại HNX lần thứ 4 liên tiếp
- BVSC đạt "cú đúp" giải thưởng Best Brokerage House Vietnam và Best Equity House Vietnam 2016 do Global Banking & Finance Review trao tặng.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 324 tỷ đồng, tương đương 110% so với năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế: 102 tỷ đồng, tương đương 100,4% so với năm 2016
- Tỷ suất LNST/VĐL: 10,3% (tính trên vốn điều lệ bình quân theo kế hoạch tăng vốn dự kiến trong năm 2017)

Giải pháp trọng tâm năm 2017

Về dịch vụ khách hàng:

Một trong những giải pháp trọng điểm của BVSC trong năm 2017 là nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Theo đó, Công ty sẽ triển khai hệ thống Front-office hoàn toàn mới nhằm cung cấp dịch vụ một cách trực tiếp, chủ động, đầy đủ và hiệu quả nhất thông qua các kênh giao dịch trực tuyến bao gồm web, phiên bản chuyên dụng trên PC và trên các thiết bị mobile.

Đầu tư mạnh mẽ về công nghệ và tăng cường đào tạo nhân sự để tham gia thị trường phái sinh:

Hệ thống lõi phái sinh sẽ là cơ sở nền tảng để BVSC cung cấp các dịch vụ, nghiệp vụ tổng hợp liên quan đến các sản phẩm phái sinh cho khách hàng là một trong những ưu tiên hàng đầu trong năm 2017. Song song, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo cho đội ngũ môi giới bao gồm đào tạo cấp chứng chỉ về chứng khoán phái sinh, đào tạo nội bộ về sản phẩm phái sinh, hệ thống... để sẵn sàng cho việc cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

Giải pháp về vốn

Việc tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng các điều kiện pháp lý để tham gia TTCK Phái sinh và nâng cao năng lực tài chính của công ty là một trong những giải pháp quan trọng để triển khai kế hoạch kinh doanh trong năm 2017.

Về nguồn nhân lực:

Tập trung vào tuyển dụng nhân viên làm việc tại các Phòng giao dịch và tiếp tục hoàn thiện các chính sách dành cho nhân viên môi giới phù hợp với điều kiện thị trường là một trọng tâm trong công tác nhân sự năm 2017. Song song với công tác tuyển dụng nhân sự mới, Công ty sẽ kết hợp tổ chức các đợt đào tạo kỹ năng cho đội ngũ môi giới, IB và đội ngũ hỗ trợ kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời tổ chức các chương trình thi đua nội bộ để thúc đẩy tăng trưởng doanh số.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**1.441**	**1.389**
Tài sản tài chính	1.438	1.387
Tài sản ngắn hạn khác	3	2
TÀI SẢN DÀI HẠN	**414**	**279**
Tài sản tài chính dài hạn	381	246
Tài sản cố định	5	3
Tài sản dài hạn khác	28	30
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.855**	**1.668**
NỢ PHẢI TRẢ	**307**	**217**
Nợ phải trả ngắn hạn	307	217
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**1.548**	**1.451**
Vốn điều lệ đã góp	722	722
Thặng dư vốn cổ phần	610	610
Các quỹ dự trữ	48	38
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	168	81
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**1.855**	**1.668**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015
Tổng doanh thu	**294**	**288**
Chi phí hoạt động kinh doanh	(109)	(106)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65)	(61)
Chi phí khác	(0,8)	(0,4)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**119**	**120**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**102**	**116**



Ông Nguyễn Minh Hoàng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

"2016 là năm đánh dấu sự tăng trưởng với kết quả kinh doanh đầy khả quan của Tập đoàn Bảo Việt nói chung và của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt nói riêng. Bước sang năm 2017, Công ty đặt mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, quản lý bất động sản cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để khai thác có hiệu quả các tài sản là Bất động sản trong hệ thống Bảo Việt"

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVI) là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn hàng đầu về tài chính và bảo hiểm, được thành lập nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy tối đa vị thế của Tập đoàn Bảo Việt trong nền kinh tế Việt Nam. Những hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt gồm có: kinh doanh dịch vụ bất động sản, đầu tư và xây dựng dự án bất động sản, hoạt động xây lắp.

BVI đã xác định rõ lĩnh vực khai thác và quản lý bất động sản là một trong những mục tiêu kinh doanh chính nằm trong đinh hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới và sẽ đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch để đạt được mục tiêu này. Đồng thời BVI luôn tập trung gia tăng giá trị doanh nghiệp tại "Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt" cũng như đầu tư trọng tâm vào cơ sở hạ tầng; sử dụng hiệu quả quỹ đất; Khai thác – Hợp tác với các đối tác bán lẻ dịch vụ.

Với sự chuyên nghiệp, năng lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm phong phú, nguồn nhân lực tinh nhuệ và tinh thần trách nhiệm cao với các cam kết, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt tin rằng sẽ luôn đáp ứng được nhu cầu về đầu tư bất động sản và các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với tất cả các đối tác trong và ngoài nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

- Tổng doanh thu đạt 219 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 215 tỷ đồng, trong đó chi phí hoạt động là 202 tỷ đồng, chi phí quản lý là 13 tỷ đồng.

Công ty thảo luận định hướng lại chiến lược kinh doanh trong đó có việc cơ cấu lại hoạt động xây lắp do các công trình xây dựng hiệu quả không cao. Theo đó, tập trung vào thi công các công trình, các dự án trong nội bộ Tập đoàn và thực hiện thi công các dự án ngoài Bảo Việt do Công ty tham gia trực tiếp và triển khai cải tạo , sửa chữa , xây mới các trụ sở của Công ty thành viên Tập đoàn. Ngoài ra Công ty định hướng tập trung vào hoạt động kinh doanh bất động sản như tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư, tham gia đầu tư mua lại các căn hộ tại các dự án đầu tư tiềm năng nhằm tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn cho BVI và tiếp tục triển khai phân phối các dự án đang thực hiện.



Ngoài ra, việc Công ty chủ động không tiếp tục thực hiện hoạt động kinh doanh thiết bị trong năm 2016 do hoạt động này có tỷ suất sinh lời thấp, rủi ro về pháp lý và tài chính cũng khiến doanh thu giảm.

Tiến bộ đơn vị đã đạt được trong năm 2016

Tính đến 31/12/2016, BVI đã và đang khai thác, quản lý có hiệu quả các tòa nhà thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trên cả nước như: Toà nhà Tập đoàn Bảo Việt: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, HN; 71 Ngô Sĩ Liên; Trung tâm Tài chính Bảo Việt: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh; Toà nhà Bảo Việt Thái Nguyên: Số 51, Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Toà nhà Bảo Việt Nhân thọ Bắc Giang: Số 211, Đường Nguyễn Thị Lưu, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang và Toà nhà Bảo Việt Nhân thọ Long An: Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

Qua thời gian dịch vụ quản lý tòa nhà do BVI cung cấp đã đạt được một số hiệu quả sau:

- Phát triển đúng định hướng về lĩnh vực kinh doanh quản lý hệ thống tài sản cố định của Tập đoàn Bảo Việt.
- Nâng cao vị thế của Công ty Đầu tư Bảo Việt trong hệ thống thành viên trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý nội bộ hệ thống Toà nhà Bảo Việt, cũng là định hướng phát triển của BVI trong tương lai.
- Đảm bảo nguồn thu kinh doanh hiệu quả và ổn định trong tổng thể kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Đầu tư Bảo Việt.
- BVI cũng ngày càng hoàn thiện các quy trình quản lý, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xanh sạch đẹp cho toàn thể Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên thuộc Tập đoàn và đơn vị thành viên của Tập đoàn khi làm việc trong môi trường toà nhà do Công ty Đầu tư Bảo Việt quản lý.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017

Kế hoạch Sản xuất kinh doanh

Bước sang năm 2017, cùng với định hướng chung của Tập đoàn về việc cung cấp chéo các sản phẩm của các đơn vị thành viên, BVI tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên các giải pháp quản lý tài sản là Bất động sản, trụ sở, văn phòng làm việc tại các tỉnh thành trên cả nước. Đồng thời, BVI sẽ tiếp tục tư vấn đầu tư, tham gia đầu tư cùng Tập đoàn và các đơn vị thành viên tại các dự án trọng điểm tại Hà Nội như dự án Thanh Trì, số 7 Lý Thường Kiệt, Đông Đô…

Với hướng đi dài hạn như vậy, BVI đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, với các chỉ tiêu tài chính như sau:

- Tổng doanh thu: 276 tỷ đồng bằng 126% năm 2016.
- Tổng chi phí: 266 tỷ đồng, trong đó chi phí quản lý là 14 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 11 tỷ đồng

Kế hoạch triển khai đầu tư các dự án

- Tập trung triển khai các dự án tại Hà Nội theo đề án hợp lực các dự án đầu tư BĐS, như: Số 7 Lý Thường Kiệt, xây dựng các trụ sở dùng chung tại Trà Vinh, Vĩnh Long, Quảng Ninh, Đông Đô, Phú Quốc các dự án BĐS tại Thanh Trì, Hà Nội…
- Đối với các dự án do BVI tự thực hiện hoặc hợp tác với Đối tác bên ngoài, BVI đồng triển khai chuẩn bị các thủ tục chuẩn bị đầu tư, như dự án lô đất D27 – khu đô thị Cầu Giấy – Hà Nội và lô đất CT3 – khu Khu đô thị Thành phố Giao lưu

Giải pháp trọng tâm năm 2017

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra, Công ty CP Đầu tư Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Giải pháp về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy thông qua việc xây dựng và áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001; Nâng cao hiệu quả quản lý trên cơ sở phân cấp, phân quyền hợp lý; Tăng cường tính

chủ động, sự liên kết giữa các bộ phận, đơn vị trong Công ty; Xây dựng chiến lược nhân sự dài hạn, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty;

- Hoạt đông kinh doanh: Tiếp tục duy trì hoạt động quản lý kinh doanh tòa nhà, tăng cường mở rộng khai thác hoạt động kinh doanh đối với các đơn vị trong và ngoài BVH; Đẩy mạnh hoạt động đầu tư kinh doanh tại các dự án trên cơ sở an toàn vốn, … Tiến tới xây dựng thương hiệu BVI trong lĩnh vực đầu tư - khai thác bất động sản (chung cư, khu đô thi vệ tinh…).
- Đầu tư bất động sản: Đẩy mạnh đầu tư các khu đô thị, văn phòng cho thuê trên cơ sở quỹ đất của Tập đoàn Bảo Việt; tìm kiếm, hợp tác đầu tư, mua lại các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản có lợi thế; xây dựng, đề xuất phương án hợp tác với các đơn vị trong Đề án hợp lực của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu: Hợp tác để tối ưu hóa nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng thể.
- Quản trị doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực: Tái cấu trúc và nâng cáo chất lượng quản trị doanh nghiệp; tổ chức công tác quy hoạch nguồn nhân lực theo định hướng chung của Tập đoàn; tập trung đào tạo, xây dựng Nguồn Nhân Lực có chất lượng; Nâng cao tính chủ động, phát huy sáng tạo của người lao động, đảm bảo quyền lợi gắn liền với trách nhiệm trong công việc, gắn liền việc trả lương/thưởng với hiệu quả làm việc.

Tổng doanh thu 2017

276

tỷ đồng

26%



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**468,1**	**290,1**
Tiền và các khoản tương đương tiền	114,9	86,6
Các khoản phải thu ngắn hạn	264,4	133,6
Hàng tồn kho	83,3	66,6
Tài sản ngắn hạn khác	5,5	3,2
TÀI SẢN DÀI HẠN	**2,0**	**169,4**
Các khoản phải thu dài hạn	0,2	166,9
Tài sản cố định	1,5	1,9
Tài sản dài hạn khác	0,3	0,6
TỔNG TÀI SẢN	**470,0**	**459,4**
NỢ PHẢI TRẢ	**253,5**	**245,4**
Nợ ngắn hạn	253,5	245,4
Nợ dài hạn	0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**216,5**	**214,0**
Vốn điều lệ đã góp	200	200
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	17	14
TỔNG NGUỒN VỐN	**470,0**	**459,4**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015
Doanh thu bán hàng	214,6	299,2
Giá vốn hàng bán	(201,3)	(267,3)
Doanh thu hoạt động tài chính	4,2	3,5
Chi phí tài chính	(0,1)	(0,5)
Chi phí bán hàng	(0,2)	(0,3)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13,0)	(30,0)
Thu nhập khác	0,5	-
Chi phí khác	(0,7)	(0,5)
Lợi nhuận trước thuế	**3,9**	**4,0**
Lợi nhuận sau thuế	**3,0**	**0,3**



BAOVIET

Forbes Vietnam
50
CÔNG TY NIÊM YẾT
TỐT NHẤT

DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT HÀNG ĐẦU

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAOVIET

ĐỔI MỚI ĐỂ BỨT PHÁ

04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
ĐỔI MỚI ĐỂ BỨT PHÁ

- GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
- TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN
- KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- QUẢN LÝ RỦI RO
- PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ





ĐỔI MỚI

Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

"Phát huy sức mạnh cộng hưởng từ các nguồn lực và ***đổi mới*** hệ thống quản trị theo thông lệ quốc tế được Bảo Việt xác định là yếu tố cốt lõi để tạo ra các giá trị mới, lớn hơn và bền vững hơn cho chính doanh nghiệp, cổ đông và các bên liên quan. Thông qua việc phát huy vai trò chỉ đạo, định hướng từ Công ty mẹ để cải thiện chức năng quản trị rủi ro, tuân thủ, thúc đẩy công tác bán chéo, hợp tác nội bộ giữa các đơn vị thành viên, Bảo Việt có thể tăng cường sức mạnh hệ thống, tạo đà **bứt phá** hơn, bền vững hơn cho Bảo Việt trên những chặng đường sắp tới."

ĐỔI MỚI ĐỂ BỨT PHÁ

Tiên phong triển khai đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo thông lệ quốc tế.

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỘNG HƯỞNG TỪ CÁC NGUỒN LỰC NHẰM XÂY DỰNG VÀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG QUẢN TRỊ THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ.

Nâng cao hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị nhằm tư vấn, hỗ trợ cho các hoạt động của Hội đồng Quản trị.



Đảm bảo quyền, lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư và đối xử công bằng giữa các cổ đông.



Chủ động áp dụng công cụ **Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN** trong doanh nghiệp.

Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ để vận hành hiệu quả mô hình quản trị doanh nghiệp.

KIỂM SOÁT TỐT HƠN TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, THỰC HIỆN XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tăng cường hệ thống **quản lý rủi ro** doanh nghiệp trên toàn hệ thống Bảo Việt.



Gia tăng sức mạnh của hệ thống **kiểm soát nội bộ** - lá chắn phòng vệ của doanh nghiệp.

TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH CỦA 3 TẦNG PHÒNG THỦ TRÊN TOÀN HỆ THỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO, PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu của Tập đoàn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ.

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN. Các nguyên tắc quản trị liên quan đến: (i) Quyền của cổ đông, (ii) Đối xử bình đẳng với cổ đông, (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, (iv) Công bố thông tin và minh bạch, và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, đã được Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
- Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
- Đảm bảo Hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:



CÔNG BẰNG	Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.
MINH BẠCH	Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác
TRÁCH NHIỆM	Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt
TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH	Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông
BỀN VỮNG	Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

NỀN TẢNG CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY VỮNG CHẮC	Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành…)
CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ QUỐC TẾ	Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài
PHÙ HỢP THÔNG LỆ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM	Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam
ÁP DỤNG THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN TẬP ĐOÀN	Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.




02
Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT
•Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
•Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)
•Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
•Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
•Ủy ban Kiểm toán
(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)
01
Thành phần & Cơ cấu của HĐQT
•Thành phần và tổ chức
•Hướng dẫn và đào tạo
•Thù lao cho HĐQT
•Kế hoạch kế nhiệm
(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)
03
Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát
• Tầm nhìn và sứ mệnh
• Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
• Giám sát hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và hiệu quả quản trị
• Chiến lược CNTT
• Quản lý nhân lực
(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)
KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
06
Trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt (xã hội, đạo đức & môi trường)
• Quy tắc ứng xử
• Đạo đức kinh doanh
• Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
• Trách nhiệm xã hội
(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)
04
Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả
• Hệ thống quản lý rủi ro
• Hệ thống kiểm soát nội bộ
(Tham chiếu nội dung Chương IV: Hệ thống kiểm soát nội bộ)
05
Minh bạch & Công bố thông tin
• Báo cáo tài chính
• Tăng cường công tác báo cáo
(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)





Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế .

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:
Trên 19 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Viglacera;
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Quang Phi
Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng, Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Marketing, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện;
- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Đức Tuấn
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 30 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Phan Kim Bằng
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh kế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 28 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Con người, Trưởng Phòng Quản lý Đại lý, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm khu vực, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Bảo hiểm Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Đậu Minh Lâm
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên15 năm trong lĩnh vực đầu tư tài chính

Chức vụ công tác đã qua:
- Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng Đầu tư trực tiếp, Trung tâm Đầu tư, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam



Bà Thân Hiền Anh
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngân hàng, Cử nhân bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:
Trên 19 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro;
- Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược;
- Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) ;
- Trưởng phòng Phát triển và hỗ trợ Kinh doanh, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVFMC).

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Anh Tùng
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;

Chánh Văn phòng điều hành Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam

Kinh nghiệm:
Trên 13 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Chánh Văn phòng điều hành Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
- Trưởng phòng Tổng hợp – Thư ký – Văn phòng Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Phó phòng Tổng hợp – Thư ký – Văn phòng Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Sasagawa Muneo
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật,
Cử nhân Luật.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
Giám đốc Khối Kinh doanh Quốc tế, Sumitomo Life, Nhật Bản.

Kinh nghiệm:
Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế, Sumitomo Life;
- Giám đốc Chi nhánh Shiga;
- Phó Giám đốc Khối Kế hoạch;
- Phó Giám đốc Khối hỗ trợ Kinh doanh;
- Phó Tổng Giám đốc PICC Life (Công ty liên doanh tại Trung Quốc);
- Trưởng phòng Kế hoạch;
- Phó Trưởng phòng Kế hoạch;
- Phó Trưởng phòng Phát kinh doanh cá nhân;
- Sumitomo Life America (Công ty thành viên Sumitomo Life tại Mỹ)

Quốc tịch: Nhật Bản



Ông Shuichi Sakai
Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Chức vụ:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:
28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế;
- Phó Giám đốc Khối Kinh doanh Quốc tế;
- Phó Giám đốc Khối Kế hoạch Quản lý hoạt động;
- Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro;
- Phó Trưởng đại diện Văn phòng đại diện Sumitomo Life Nhật Bản tại New York.
- Thư ký Tổng Giám đốc Sumitomo Life, Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản



Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng, Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Marketing, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện;
- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính - Tín dụng
Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt,
Kiểm soát viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt,
Thành viên HĐTV Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine,
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long,
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVFED.

Kinh nghiệm:
Trên 17 năm trong lĩnh vực đầu tư

Chức vụ công tác đã qua:
- Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Đầu tư dự án Tập đoàn Bảo Việt;

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Minh Hoàng
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Cử nhân ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt; Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVIF.

Kinh nghiệm:
Trên 18 năm trong lĩnh vực tài chính.

Chức vụ công tác đã qua:
- Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy
- Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính Vinashin, Công ty cho thuê tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Giám đốc, Công ty Chứng khoán Vinashin.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế,
Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, cử nhân Luật.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 15 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc phụ trách Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN);
- Kế toán trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty VIWASEEN
- Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng Công ty VIWASEEN

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Kinh nghiệm:
Trên 17 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Ban Tài chính, Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Trịnh Minh Hoàng
Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân công nghệ thông tin.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt.
- Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Trung tâm thông tin Bảo Việt Nhân thọ
- Phó Giám đốc Trung tâm thông tin Bảo Việt Nhân thọ
- Trưởng phòng Phát triển ứng dụng, Trung tâm tin học, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bảo Việt

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ công tác đã qua:
- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt ;
- Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Nguyễn Ngọc Thụy
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 30 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ công tác đã qua:
- Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng;
- Chuyên viên tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam



Ông Ông Tiến Hùng
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ và quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Kinh nghiệm:
Trên 26 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ công tác đã qua:
- Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



Bà Phí Thị Quỳnh Nga
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật học, Luật sư

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt, Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:
Trên 15 năm trong lĩnh vực pháp chế, kiểm toán

Chức vụ công tác đã qua:
- Phó Trưởng phòng Tổng hợp phụ trách bộ phận pháp chế, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Quốc tịch: Việt Nam



BÁO CÁO CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2016 và chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 với trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, sẵn sàng cất cánh trong năm 2017.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã kiện toàn Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, theo đó:

Tháng 03/2016, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ông Shuichi Sakai là thành viên HĐQT thay thế ông Yukihira Yoshiharu (Do ông Yukihira Yoshiharu không còn là người đại diện vốn của cổ đông Sumitomo Life tại Tập đoàn Bảo Việt và đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt).

Tháng 05/2016, Hội đồng Quản trị Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tùng là thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Quốc Huy có đơn từ nhiệm.

Theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, việc bổ nhiệm này đã được HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt ngày 18/5/2016 chấp thuận theo hình thức bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT.



Như vậy, danh sách HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm 31/12/2016 gồm các ông/bà có tên sau:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2012 – 2017 (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016)

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**25,82%** (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 175.707.452 cổ phần)	Không có
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT	Điều hành	**16,27%** (Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 111.410.384 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 1.194 cổ phần)	Không có
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**7,18%** (Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần)	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	**7,18%** (Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phần)	Không có
5	Bà Thân Hiển Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**7,18%** (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	Không có
6	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**7,18%** (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	• Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt • Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
7	Ông Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**9%** (Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 61.254.545 cổ phần)	Không có
8	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**9%** (Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 61.254.546 cổ phần)	Không có
9	Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**3,26%** (Đại diện sở hữu phần vốn SCIC: 22.154.400)	• Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam – VIID; • Thành viên HĐQT tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Hiện tại, số lượng thành viên HĐQT chuyên trách và không điều hành của Tập đoàn Bảo Việt đang là 08 thành viên trên tổng số 09 thành viên HĐQT. Điều này giúp đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị trong việc xem xét, phê chuẩn và ra quyết định đối với các vấn đề Ban Điều hành đề xuất.

Do yêu cầu tiêu chuẩn về thành viên HĐQT độc lập quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 chặt chẽ và cao hơn quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, theo đó Thành viên HĐQT độc lập không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty, vì vậy hiện tại Tập đoàn Bảo Việt chưa có thành viên HĐQT độc lập. Thực tế này xuất phát từ việc Tập đoàn Bảo Việt là Doanh nghiệp niêm yết hiện Nhà nước đang nắm giữ cổ phần chi phối đến 70,91%. Tập đoàn Bảo Việt đã báo cáo cổ đông lớn – Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện theo đúng quy định này, đồng thời xây dựng lộ trình và giải pháp cụ thể để đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo luật định.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016

TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN VÀ BÁO CÁO XIN Ý KIẾN ĐHĐCĐ VỀ CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ:

Năm 2016, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/5/2016. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề như sau :

- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016;
- Báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch kinh doanh năm 2016;
- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2015 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt;
- Thông qua Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy);
- Thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính 2015 và dự kiến mức thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính 2016;
- Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo về tình hình triển khai kế hoạch tăng vốn Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt;
- Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Chấp thuận việc từ nhiệm của Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt;
- Chấp thuận thay thế thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc thông báo chốt danh sách cổ đông; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

HỌP HĐQT ĐỊNH KỲ NHẰM ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐƯA RA CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT:

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2016, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 05 (năm) cuộc họp trong đó có 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý và 01 (một) cuộc họp mở rộng để thực hiện việc tạm giao Kế hoạch kinh doanh năm 2017 cho Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của hội đồng quản trị trong năm 2016

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 25/6/2014	05/05	100%	
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 04/10/2007	05/05	100%	
5	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
6	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	05/05	100%	
7	Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 17/5/2016	04/04	100%	Bắt đầu là t/v HĐQT từ ngày 17/5/2016
8	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 02/7/2015	05/05 (04 buổi tham dự trực tiếp, 01 buổi tham dự qua video conference)	100%	
9	Ông Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 28/3/2016	05/05	100%	
10	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là t/v HĐQT 17/5/2016	01/01	100%	Không còn là thành viên HĐQT từ ngày 17/5/2016

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2016 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2016, HĐQT đã giải quyết hơn 90 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển

nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2016

(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản)

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
01/2016/NQ-HĐQT	02/3/2016	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Tập đoàn Bảo Việt (Dự kiến ngày họp 21/4/2016)
02/2016/NQ-HĐQT	28/3/2016	Bổ nhiệm ông Shuichi Sakai giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 28/3/2016 đến khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông tiếp theo của Tập đoàn.
03/2016/NQ-HĐQT	04/4/2016	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Tập đoàn Bảo Việt (Dự kiến ngày họp 28/4/2016)
04/2016/NQ-HĐQT	13/4/2016	• Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2015 của Tập đoàn Bảo Việt theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; • Ghi nhận Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt; • Ghi nhận phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2015 và kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 của Tập đoàn Bảo Việt; • Thống nhất định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
05/2016/NQ-HĐQT	13/4/2016	• Thông qua kết quả các công việc đã thực hiện từ tháng 11/2015 đến hết Quý I/2015 và thống nhất các công việc trọng tâm cần tiếp tục triển khai trong Quý II/2016 của HĐQT; • Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết HĐQT tại kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý III/2015 và Quý IV/2015; • Thông qua kết quả kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn; • Thông qua Kết quả thực hiện các giải pháp trọng tâm năm 2015 và Kế hoạch triển khai các giải pháp trọng tâm năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn; • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh đến hết tháng 02/2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt; • Thống nhất định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt;Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt.
06/2016/NQ-HĐQT	25/4/2016	Phê duyệt việc thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Tập đoàn Bảo Việt (Ngày họp: 18/5/2016)
07/2016/NQ-HĐQT	17/5/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tùng giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 17/5/2016 cho đến khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
08/2016/NQ-HĐQT	03/6/2016	• Thông qua kết quả các công việc đã thực hiện trong tháng 4, tháng 5 năm 2016 và thống nhất một số công việc trọng tâm trong Quý II, Quý III năm 2016 của Hội đồng Quản trị; • Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị tại kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý I/2016; • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh đến hết tháng 4 năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con; • Ghi nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đến hết tháng 4 năm 2016; • Thông qua kế hoạch lao động tiền lương năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; • Thông qua Kế hoạch thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2015 của Tập đoàn Bảo Việt; • Thông qua Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.
09/2016/NQ-HĐQT	15/6/2016	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm tài chính 2015 của Tập đoàn Bảo Việt
10/2016/NQ-HĐQT	29/6/2016	• Ông Kenji Yoneda thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ ngày 04/7/2016; • Bổ nhiệm ông Tatsuya Satsuma giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ ngày 05/7/2016.
11/2016/NQ-HĐQT	29/6/2016	Nghị quyết về phê duyệt Quy chế đầu tư của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
12/2016/NQ-HĐQT	30/6/2016	Nghị quyết về nội dung phiên họp Đại hội đồng cổ đông 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt.
13/2016/NQ-HĐQT	30/6/2016	Phê duyệt việc ủy quyền cho ông Bùi Tuấn Trung làm người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Bảo Việt Âu Lạc thay thế ông Nguyễn Anh Tuấn.
14/2016/NQ-HĐQT	01/7/2016	Chấp thuận bổ nhiệm lại cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
15/2016/NQ-HĐQT	08/7/2016	Thông qua phân phối tiền thưởng từ quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015
16/2016/NQ-HĐQT	08/7/2016	Nghị quyết về chủ trương đầu tư vào lĩnh vực thẻ
17/2016/NQ-HĐQT	20/7/2016	Nghị quyết về kế hoạch chuyển đổi trụ sở kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt
18/2016/NQ-HĐQT	21/7/2016	Phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) Quý I/2016

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
20/2016/NQ-HĐQT	29/8/2016	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên 2016 đã soát xét của Tập đoàn Bảo Việt
21/2016/NQ-HĐQT	24/8/2016	• Thông qua kết quả các công việc đã thực hiện từ kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý II/2016 và kế hoạch công tác Quý III, Quý IV năm 2016 của Hội đồng Quản trị; • Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị tại kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý II/2016; • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con; • Ghi nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng đầu năm 2016 và Kế hoạch triển khai 06 tháng cuối năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; • Ghi nhận báo cáo về danh mục đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt; • Ghi nhận kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Khối kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt 08 tháng đầu năm 2016 và Kế hoạch 04 tháng cuối năm 2016.
22/2016/NQ-HĐQT	29/8/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Hoàng – Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt làm người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và làm thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
23/2016/NQ-HĐQT	07/9/2016	Nghị quyết Kiện toàn nhân sự Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
24/2016/NQ-HĐQT	14/9/2016	Nghị quyết Phê duyệt kế hoạch đầu tư mua sắm Tài sản cố định, công nghệ thông tin, xây dựng cơ bản và bất động sản năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt
25/2016/NQ-HĐQT	16/9/2016	Nghị quyết chấp thuận việc bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
26/2016/NQ-HĐQT	27/9/2016	Nghị quyết Tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
27/2016/NQ-HĐQT	28/9/2016	Nghị quyết về vấn đề bồi thường thương mại của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
28/2016/NQ-HĐQT	28/9/2016	Nghị quyết về vấn đề bồi thường thương mại của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
29/2016/NQ-HĐQT	28/9/2016	Nghị quyết về Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Bảo Việt Âu Lạc
30/2016/NQ-HĐQT	04/10/2016	Nghị quyết Thông qua nội dung Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
31/2016/NQ-HĐQT	04/10/2016	Nghị quyết Phân công nhiệm vụ của các Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt
32/2016/NQ-HĐQT	06/10/2016	Nghị quyết Điều chỉnh lương đối với các Lãnh đạo quản lý cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt năm 2016

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
33/2016/NQ-HĐQT	13/10/2016	Nghị quyết Thông qua mức thù lao hàng tháng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt năm 2016
34/2016/NQ-HĐQT	13/10/2016	Nghị quyết Phê duyệt các nội dung cơ bản của Hợp đồng K care giữa Tập đoàn Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
35/2016/NQ-HĐQT	24/10/2016	Nghị quyết liên quan đến tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ
36/2016/NQ-HĐQT	27/10/2016	• Thông qua kết quả các công việc Hội đồng Quản trị đã thực hiện từ kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý III/2016 đến kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý IV/2016 và Kế hoạch công tác Quý IV năm 2016 của Hội đồng Quản trị; • Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tại kỳ họp Hội đồng Quản trị Quý III/2016; • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016 Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con; • Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2016 Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con; • Ghi nhận Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 9 tháng đầu năm 2016 và Kế hoạch triển khai Quý IV năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; • Ghi nhận Định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; • Thông qua kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt 9 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch Quý IV/2016.
37/2016/NQ-HĐQT	04/11/2016	Nghị quyết Phê duyệt Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life giai đoạn 4
38/2016/NQ-HĐQT	09/11/2016	Nghị quyết về phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2016 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)
39/2016/NQ-HĐQT	18/11/2016	Nghị quyết về Ủy quyền phê duyệt các nội dung liên quan đến Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng - trụ sở làm việc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tại số 7 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
40/2016/NQ-HĐQT	21/11/2016	Kiện toàn nhân sự Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt
41/2016/NQ-HĐQT	21/11/2016	Kiện toàn nhân sự Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
42/2016/NQ-HĐQT	28/11/2016	Quy hoạch các chức danh Lãnh đạo Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giai đoạn 2016-2018
43/2016/NQ-HĐQT	02/12/2016	Thông qua việc thành lập Quỹ Khuyến học Bảo Việt
44/2016/NQ-HĐQT	5/12/2016	Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành Dự án "Bổ sung máy phát điện dự phòng cho khối văn phòng tại Tòa nhà Bảo Việt - 71 Ngô Sỹ Liên"

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
45/2016/NQ-HĐQT	9/12/2016	Nghị quyết phê duyệt đầu tư vào Quỹ Đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt
46/2016/NQ-HĐQT	14/12/2016	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III/2016
47/2016/NQ-HĐQT	21/12/2016	Nghị quyết về phê duyệt chủ trương tham gia sản phẩm Bảo hiểm Nhân thọ "An phát Hưng Gia" đối với nhân sự cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt
48/2016/NQ-HĐQT	23/12/2016	Ghi nhận báo cáo về tình hình thực hiện HĐUT Quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty quản lý quỹ Bảo Việt với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả lại (PPC)
49/2016/NQ-HĐQT	27/12/2016	Chấp thuận việc giao dịch mua, bán trái phiếu giữa Tập đoàn Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Với chính sách đa dạng về thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT của Tập đoàn Bảo Việt có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác nhau của Bảo Việt, đóng góp cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt.

Bên cạnh các Quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, HĐQT đã thống nhất xây dựng bảng phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT để triển khai kịp thời và có hiệu quả các công việc của HĐQT, cụ thể:

T/v HĐQT	Nhiệm vụ
Ông Đào Đình Thi - Chủ tịch HĐQT	• Lãnh đạo, quản lý toàn diện mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. • Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau đây: - Xây dựng, trình phê duyệt và giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con. - Xây dựng, trình phê duyệt và giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm và kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn của Tập đoàn Bảo Việt. - Quản trị công ty và nâng cao thực hành quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt theo quy định và theo thông lệ tốt trên thế giới. - Xây dựng và phê duyệt chương trình công tác, kế hoạch hoạt động hàng năm của HĐQT. • Theo dõi và chỉ đạo hoạt động các Ủy ban trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.
Ông Nguyễn Quang Phi - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt	• Trực tiếp triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác sau: - Xây dựng, trình HĐQT xem xét quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy chế nội bộ có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt. - Xây dựng, trình HĐQT xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. - Xây dựng, trình HĐQT xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, trung hạn, dài hạn của Tập đoàn Bảo Việt. - Hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt. - Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt. • Là Chủ nhiệm Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Chủ tịch Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt.

T/v HĐQT	Nhiệm vụ
Ông Nguyễn Đức Tuấn – Thành viên HĐQT	Phối hợp với các thành viên HĐQT thực hiện các công tác sau: - Quản trị công ty và nâng cao thực hành quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt theo quy định và theo thông lệ tốt trên thế giới. - Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt thuộc thẩm quyền của HĐQT.
Ông Phan Kim Bằng – T/v HĐQT	Trực tiếp theo dõi, giám sát, quản lý phần vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
Bà Thân Hiền Anh – Thành viên HĐQT	- Trực tiếp theo dõi, giám sát, quản lý phần vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine. - Là Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
Ông Đậu Minh Lâm – Thành viên HĐQT	- Trực tiếp theo dõi, giám sát, quản lý phần vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. - Là Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT	- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến Kế toán - Kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con. - Theo dõi và thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển kinh doanh giữa Tập đoàn Bảo Việt và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). - Là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
Ông Shuichi Sakai – Thành viên HĐQT	• Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, cho ý kiến về: (i) Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giữa Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo và Tập đoàn Bảo Việt; (ii) Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Tập đoàn Bảo Việt và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo. • Phối hợp với thành viên HĐQT thực hiện các công tác sau: - Tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán, công tác xây dựng chiến lược đầu tư và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. - Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. • Là Uỷ viên Ủy ban Kiểm toán và Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trực thuộc HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
Ông Muneo Sasagawa – Thành viên HĐQT	Phối hợp với thành viên HĐQT thực hiện các công tác sau: - Theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giữa Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo và Tập đoàn Bảo Việt. - Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Tập đoàn Bảo Việt và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo.

NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT NĂM 2016 THEO CÁC THÔNG LỆ TỐT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Nhằm nâng cao công tác đánh giá hoạt động của HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực, năm 2016, HĐQT đã nghiên cứu và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất, trong đó đặt trọng tâm xây dựng Quy trình và các Tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể như sau:

- Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT bao gồm 40 tiêu chí đánh giá về: (i) Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT; (ii) Cơ cấu HĐQT; (iii) Quy trình của HĐQT; (iv) Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT; và (v) Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm.

- Tiêu chí đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT bao gồm 17 tiêu chí đánh giá về: (i) Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT; (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT; (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT; và (iv) Vai trò của Chủ tịch HĐQT.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá.

Các Tiêu chí đánh giá nêu trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực tại Phần E - Trách nhiệm của HĐQT tại Bộ câu hỏi cấp 1 - Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT ở các nước phát triển trên thế giới.

Trong Quý I/2017, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động năm 2016 của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT với một số kết quả cụ thể như sau:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT

Các mức đánh giá như sau:

1	YẾU	2	TB/ CẦN CẢI THIỆN	3	KHÁ	4	TỐT	5	RẤT TỐT

STT	Nội dung đánh giá	Điểm trung bình đánh giá
1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT	**4.94**
2	Thành phần và cơ cấu HĐQT	**4.94**
2.1	Tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn	**4.89**
2.2	Thành viên HĐQT không nắm giữ tổng cộng hơn 5 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết	**5.00**
3	Quy trình HĐQT *Bao gồm: Họp và tham dự họp HĐQT, Khả năng chia sẻ và tiếp cận thông tin, Lấy ý kiến t/v HĐQT bằng văn bản, bầu/bổ nhiệm t/v HĐQT*	**4.81**
4	Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT	**4.53**
5	Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm	**4.91**
5.1	Chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Kết quả kinh doanh của năm tài chính so với Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	**4.78**
5.2	Kết quả doanh thu	**5.00**
5.3	Kết quả lợi nhuận	**5.00**
5.4	Mức chi trả cổ tức	**5.00**
5.5	Đánh giá kết quả triển khai và thực hiện các giải pháp trọng tâm của HĐQT trong năm tài chính	**4.78**

Về cơ bản, kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT đạt mức trên 4,5 điểm so với mức tối đa là 5 điểm, đạt mức đánh giá RẤT TỐT. Căn cứ kết quả đánh giá nêu trên, HĐQT tổng hợp báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ 17 tiêu chí đánh giá về 4 nhóm vấn đề: (i) Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT; (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT; (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT; và (iv) Vai trò của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm của của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

Kết quả đánh giá: 9/9 thành viên HĐQT đạt từ 4,72 đến 4,96 điểm trên điểm tối đa là 5 điểm – đạt mức RẤT TỐT.

Đối với các tiêu chí đánh giá riêng cho hoạt động của Chủ tịch HĐQT, các thành viên Hội đồng Quản trị đánh giá cao vai trò của Chủ tịch HĐQT trong năm 2016 với điểm trung bình đạt 4.95, xếp loại "RẤT TỐT".

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

- HĐQT đã phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn.
- HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 và kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: chiến lược, đầu tư, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thù lao lương thưởng, kiểm toán và quản lý tài sản nợ - tài sản có...
- Các thành viên HĐQT có mức độ chia sẻ thông tin rất tốt, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.
- Chủ tịch HĐQT phát huy vai trò trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trước năm tài chính và gửi tài liệu họp, tài liệu lấy ý kiến t/v HĐQT tối thiểu 5 ngày trước ngày họp/ngày cho ý kiến.

Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về Trách nhiệm của HĐQT tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN, HĐQT cần tiếp tục đẩy mạnh các công tác sau:

- Cần tăng cường truyền thông sứ mệnh/tầm nhìn của Tập đoàn, xem xét chiến lược kinh doanh hàng năm để phù hợp diễn biến mới.
- Xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành tại Quy chế Quản trị/Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Đảm bảo thời hạn lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản không ít hơn 5 ngày làm việc kể từ ngày gửi phiếu lấy ý kiến;
- Tăng cường tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn qua việc bầu các thành viên HĐQT độc lập tham gia hoạt động của HĐQT, và tham gia vào hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- Nâng cao chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- Tăng cường hơn nữa việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên HĐQT qua việc tăng cường cung cấp, cập nhật các thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, về tình hình thị trường và các cơ hội phát triển kinh doanh; khuyến khích thành viên HĐQT có những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi đối với các vấn đề trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Với thông điệp "Sẵn sàng cất cánh" và tinh thần quyết tâm vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh, HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm Ban Điều hành cần tích cực triển khai thực hiện trong năm 2017 như sau:

- Quản trị hệ thống: tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên nhằm củng cố và phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn trong các lĩnh vực then chốt là nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin, nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Quản trị nguồn nhân lực: Đẩy mạnh công tác tổ chức cán bộ trên toàn hệ thống bao gồm quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ gắn với đào tạo phát triển năng lực cán bộ; Tăng cường sự hiện diện của Tập đoàn tại các khu vực, vùng miền để hỗ trợ các

đơn vị thành viên trong việc triển khai Đề án Hợp lực và triển khai công tác quản trị điều hành của Tập đoàn đến các đơn vị thành viên.

- Tăng cường năng lực tài chính cho Tập đoàn và các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng như bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí, công ty thẻ... nhằm mở rộng quy mô, nâng cao khả năng cạnh tranh và năng lực kinh doanh của toàn hệ thống.
- Công nghệ thông tin: Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm nhằm xây dựng và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của Tập đoàn, đảm bảo liên thông, kết nối, hiện đại nhằm hướng tới mục tiêu là doanh nghiệp thời đại kỹ thuật số.
- Truyền thông thương hiệu: Phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc; Tăng cường truyền thông, quảng cáo qua các chương trình khuyến mại lớn (Mega Sale) do Tập đoàn chủ trì nhằm hỗ trợ kinh doanh cho các đơn vị thành viên.
- Xây dựng tòa nhà Trụ sở: đẩy mạnh việc xây dựng các tòa nhà hợp khối, trụ sở dùng chung cho các đơn vị thành viên tại các tỉnh/thành phố theo thiết kế thống nhất, đảm bảo nhất quán hình ảnh thương hiệu Bảo Việt.
- Sản phẩm: Rà soát, đổi mới sản phẩm hiện hữu gắn với các kênh phân phối cụ thể như kênh bancassurance, kênh bán chéo.... nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn cho khách hàng; nghiên cứu, phát triển sản phẩm tích hợp đầu tư – tài chính mang những đặc trưng riêng có của Bảo Việt để tối ưu hóa lợi ích cho khách hàng.
- Dịch vụ khách hàng: Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng, luôn bám sát tôn chỉ "phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển".
- Thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội hướng tới phát triển bền vững thông qua việc thực hiện các hoạt động cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội như triển khai Quỹ học bổng Bảo Việt để đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; phát triển cộng đồng địa phương, rò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt, xây dựng và củng cố những nền tảng quan trọng để tạo đà phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn 2017 – 2020.



BÁO CÁO CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

ỦY BAN KIỂM TOÁN

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

- Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Năm 2016, UBKT tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT– đại diện của Cổ đông SCIC, 01 Ủy viên Thường trực, 01 Ủy viên là đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Nhân sự ủy ban kiểm toán tại thời điểm 31/12/2016



Ông Nguyễn Anh Tùng
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:

Thành viên HĐQT TĐBV; Thành viên HĐQT CTCP Điện tử và tin học Việt Nam; Thành viên HĐQT CTCP Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

13 năm (từ năm 2004)



Ông Nguyễn Quang Vinh
Ủy viên thường trực

Chức vụ hiện tại:

Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

28 năm (từ năm 1989)



Ông Shuichi Sakai
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:

Đại diện vốn SML tại TĐBV; Thành viên HĐQT TĐBV; Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

28 năm (từ năm 1989)

UBKT CÓ CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH LÀ:

- Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (KTNB), bao gồm: Việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán chiến lược và Kế hoạch kiểm toán hàng năm; Các vấn đề về nghiệp vụ của Khối KTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Giám đốc Khối chức năng của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.

- Đề xuất với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo Khối Kiểm toán nội bộ có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.

- Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và Kiểm toán độc lập.Thành phần của Ủy ban Kiểm toán

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2016

Năm 2016, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Tham gia chỉ đạo việc lập Kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Khối KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2016 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 22 cuộc kiểm toán, gồm 01 cuộc kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt, 10 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 09 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, và 02 cuộc tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (01 cuộc kiểm toán, 01 cuộc tư vấn). Đặc biệt, năm 2016 là năm đầu tiên Khối KTNB thực hiện chức năng tư vấn theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế: tư vấn hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp ERM cho Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ Pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Thực hiện đánh giá các Báo cáo tài chính: trong năm 2016 UBKT đã có 8 Báo cáo đánh giá, trình HĐQT thông qua các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tập đoàn, bao gồm các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các báo cáo theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS). UBKT chú trọng đánh giá việc tuân thủ quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, tuân thủ các quy định về thuyết minh và công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết, đảm bảo báo cáo tài chính công bố phù hợp với quy định pháp luật.

- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT và Khối KTNB với các bộ phận liên quan trong Tập đoàn và các công ty con, đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tham gia Dự án hợp tác chuyển giao kỹ thuật giữa Tập đoàn Bảo Việt và SML - cấu phần KTNB: Tích cực phối hợp với cổ đông chiến lược Sumitomo Life trao đổi kinh nghiệm của Nhật Bản và quốc tế, triển khai dự án; Chú trọng về xây dựng mô hình phù hợp, tăng cường mối liên hệ giữa các bộ phận trong hệ thống kiểm soát, đồng thời trao đổi cụ thể về các vấn đề kỹ thuật (phương pháp xây dựng kế hoạch kiểm toán chiến lược, hàng năm; quy trình KTNB; cách thức lập báo cáo KTNB hiệu quả...) nhằm nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao vị thế của hoạt động kiểm toán nội bộ.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, UBKT đã triển khai họp, thảo luận, tham gia ý kiến về các Báo cáo định kỳ cũng như các Báo cáo đánh giá Báo cáo tài chính của Ủy ban trước khi trình HĐQT. Trong năm 2016 UBKT đã tiến hành 9 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản các Ủy viên Ủy ban về các vấn đề quan trọng như: Lập Kế hoạch KTNB; Công tác đôn đốc xử lý thực hiện khuyến nghị; Công tác triển khai kiểm toán thực địa phù hợp với thực tế kinh doanh của đơn vị; Công tác đánh giá Báo cáo tài chính và các vấn đề quan trọng khác trước khi trình HĐQT quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

UBKT sẽ tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2017 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của UBKT trong việc đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2017 của Tập đoàn.

- Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
- Chỉ đạo công tác chuyên môn của Khối Kiểm toán nội bộ đảm bảo hoàn thành kế hoạch do HĐQT giao;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
- Tăng cường phối hợp với các bộ phận của Tập đoàn và các công ty con;
- Tăng cường hợp tác với cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong việc trao đổi các kinh nghiệm về tổ chức, triển khai hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.



ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về: Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp; Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn; Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.

THÀNH PHẦN ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Năm 2016, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục duy trì các hoạt động của Ủy ban với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT và 02 Ủy viên Ủy ban. Nhân sự của Ủy ban có năng lực, kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về quản trị nguồn nhân lực và công tác thù lao, lương thưởng nhằm phát huy có hiệu quả vai trò tư vấn, giúp việc cho HĐQT trong việc đưa ra các chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các chính sách nhân sự, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

NHÂN SỰ ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016:



Ông Đậu Minh Lâm
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐTV Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:
16 năm (từ năm 2001)



Ông Phan Tiến Nguyên
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Chuyên gia cao cấp, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:
37 năm (từ năm 1980)



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Giám đốc Khối, Khối Quản lý Hoạt động, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:
16 năm (từ năm 2001)

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2016

Trong năm 2016, Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm đã tổ chức 03 cuộc họp trực tiếp với các nội dung:

- Đánh giá công việc năm 2015 và kế hoạch thực hiện công việc trong năm 2016;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về định hướng xây dựng các Quy chế của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực quản trị nhân sự;
- Đánh giá công việc 9 tháng đầu năm 2016 và xem xét dự kiến kế hoạch công việc năm 2017.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 10 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ để Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cơ bản sau đây:

- Công tác Bổ nhiệm Lãnh đạo cấp cao: Thẩm định và cho ý kiến về việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp Khối, Chi nhánh, Trung tâm của Tập đoàn, bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn; bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.
- Quỹ lương: cho ý kiến về việc quyết toán năm 2015 và giao quỹ lương năm 2016 tại Công ty Mẹ và các công ty con.
- Thù lao: đề xuất định mức thù lao cụ thể cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Tập đoàn căn cứ trên ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt trong năm; cho ý kiến về mức thù lao của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên của Tập đoàn tại các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Các Quy chế và Quy định: Thẩm định và cho ý kiến về: Quy chế Quản trị Tập đoàn; Quy chế tuân thủ; Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; Quy định tiêu chuẩn cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con; Quy chế Đào tạo; Quy chế tuyển dụng nhân sự; Quy định về Hệ thống thang bảng lương; Quy định xếp lương và nâng bậc lương của Tập đoàn Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định các chính sách phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn, bám sát định hướng phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Đồng thời, trong năm 2017, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc quyết định các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác nhân sự đang áp dụng tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn thông qua việc tư vấn và tham mưu về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chiến lược và đầu tư.

THÀNH VIÊN ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2016, để nâng cao hiệu quả hoạt động, HĐQT đã tiếp tục tiến hành kiện toàn đội ngũ bộ máy nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư. Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2016 hoạt động với 01 Chủ nhiệm và 03 Ủy viên là các Thành viên HĐQT và Lãnh đạo Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn với kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực chiến lược và thực hiện các dự án đầu tư nhằm nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.



Bà Thân Hiền Anh
Chủ nhiệm

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐTV TCT Bảo Việt Nhân thọ

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm:
21 năm (từ năm 1996)



Ông Shuichi Sakai
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng thành viên TCT Bảo Việt Nhân thọ

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:
28 năm (từ năm 1989)



Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐTV TCT Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt;

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm:
21 năm (từ năm 1996)



Bà Trần Thị Phương Thảo
Ủy viên

Chức vụ hiện tại:
Phó Giám đốc Khối Chiến lược & Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐTV Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm:
10 năm (từ năm 2007)

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2016

Trong năm 2016, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tổ chức 03 cuộc họp trực tiếp với các nội dung:

- Tổng kết công tác năm 2015 và kế hoạch năm 2016;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 16 lần lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

- Thẩm định kế hoạch đầu tư mua sắm Tài sản cố định, Công nghệ thông tin và Xây dựng cơ bản năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Cho ý kiến về Quy chế đầu tư của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Cho ý kiến về các Dự án đầu tư hệ thống CNTT;
- Cho ý kiến về Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực với cổ đông chiến lược Sumitomo Life;
- Cho ý kiến về các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trong năm 2016, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tích cực tham gia công tác tham mưu, tư vấn HĐQT về việc xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Ủy ban đã có các ý kiến thẩm định, tư vấn trong lĩnh vực đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư chiến lược, đầu tư tài chính và các dự án đầu tư khác của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên theo phương châm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017 là năm trọng tâm trong việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2016-2020 của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Với vai trò là Ủy ban tham mưu, tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược và đầu tư, trong năm 2017, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tiếp tục chủ động theo sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 – 2020, đồng thời cho ý kiến tham mưu tư vấn đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.



ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

- Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

- Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có với mục đích sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán.

- Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lợi, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.

- Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con.

Ủy ban ALCO thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có cho từng thời kỳ khác nhau.

- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.

- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

- Đánh giá khả năng thanh toán theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của Pháp luật (nếu có), vị thế an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

- Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

THÀNH PHẦN ỦY BAN ALCO

Ủy ban ALCO gồm các thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính là Thành viên Thường trực, ba (3) thành viên là Thư ký Ủy ban. Các thành viên còn lại đến từ các Khối/Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ALCO NĂM 2016

Năm 2016, Ủy ban ALCO đã tiến hành các phiên họp trực tiếp định kỳ theo quy định với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ủy ban tại Tập đoàn Bảo Việt và đại diện các đơn vị thành viên. Trong các cuộc họp này, Ủy ban tiến hành đánh giá các tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cụ thể:

- Rà soát danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

- Đánh giá tình hình tài chính và KPIs của các đơn vị; tình hình sử dụng vốn; biên khả năng thanh toán; sự phù hợp giữa tài sản và nợ; tóm tắt các vấn đề trọng yếu của từng đơn vị thành viên và các đề xuất thực hiện;

- Đánh giá rủi ro liên quan tới các biến động trên Tài sản nợ và Tài sản có, đưa ra giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cho toàn Tập đoàn.

Những bước tiến cơ bản trong hoạt động của Ủy ban ALCO trong năm 2016:

- Chất lượng và công tác chuẩn bị các tài liệu báo cáo cho các cuộc họp của Ủy ban ALCO được nâng cao và hoàn thiện, tập trung vào những vấn đề cần lưu ý và cần ưu tiên tại các đơn vị thành viên;

- Tập trung đánh giá định kỳ việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban ALCO đối với Tập đoàn và các đơn vị thành viên để giám sát việc thực hiện các khuyến nghị;

- Các khác biệt về số liệu giữa báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) được phân tích rõ ràng và đầy đủ; từ đó đem lại các góc nhìn tổng thể và đa chiều về các Tài sản Nợ - Tài sản Có;

- Tăng cường mối quan hệ trong trao đổi thông tin và chia sẻ ý kiến giữa Ủy ban ALCO và các Ủy ban, bộ phận chức năng khác của Tập đoàn như: Hội đồng Quản lý Rủi ro (RMC), Khối Chiến lược và Đầu tư, Khối Quản lý Tài chính, Kiểm toán nội bộ; cũng như với Ủy ban ALCO và RMC tại các đơn vị thành viên... Mối quan hệ chặt chẽ này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của các đơn vị.

Một số khuyến nghị của Ủy ban ALCO trong năm 2016:

STT	Nội dung khuyến nghị	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện triển khai họp Ủy ban ALCO định kỳ tại các đơn vị theo kế hoạch đã đặt ra nhằm: - Đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm, khuyến nghị giải pháp khắc phục; - Gửi báo cáo thực hiện khuyến nghị; báo cáo các cuộc họp Ủy ban ALCO của đơn vị về Ủy Ban ALCO Tập đoàn.	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2016
2	- Rà soát lại danh mục đầu tư để có kế hoạch ứng phó với các biến động của thị trường chứng khoán. - Tập trung xử lý, thu hồi nợ xấu tại Công ty Mẹ và các ĐVTV	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2016
3	Đảm bảo biên khả năng thanh toán cho các đơn vị: - Xem xét tác động của những thay đổi trong chính sách pháp luật đến biên khả năng thanh toán. - Nghiên cứu và thực hiện các giải pháp cải thiện biên khả năng thanh toán.	Tập đoàn Bảo Việt, TCT Bảo hiểm Bảo Việt, TCT Bảo Việt Nhân thọ	Năm 2016
4	Tiếp tục chú ý vấn đề nợ phí và đẩy mạnh việc xử lý nợ phí, hạn chế phát sinh nợ phí mới.	TCT Bảo hiểm Bảo Việt	Năm 2016
5	Lưu ý sự chênh lệch về kỳ hạn giữa tài sản và trách nhiệm phải trả. Xây dựng các chiến lược dài hạn phù hợp.	TCT Bảo Việt Nhân thọ	Năm 2016
6	- Nâng cao hiệu quả các quỹ đầu tư hiện tại; - Xây dựng kế hoạch đầu tư danh mục ủy thác của khách hàng năm2017.	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Năm 2016
7	- Tìm kiếm nguồn vốn để hỗ trợ và tăng cường hoạt động margin; tăng cường quản lý các khoản phải thu - Thực hiện các biện pháp giữ và gia tăng thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Năm 2016

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2017

Năm 2017, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt định hướng nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý tài sản của toàn Tập đoàn cũng như tại các đơn vị; đánh giá các rủi ro nhằm đưa ra các khuyến nghị, cung cấp các thông tin quản trị một cách kịp thời và hiệu quả, cụ thể:

- Tăng cường công tác đánh giá, quản lý, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại từng đơn vị thành viên cũng như trên toàn Tập đoàn;

- Chỉ đạo các Khối: Quản lý Tài chính, Quản lý Hoạt động, Chiến lược & Đầu tư thực hiện đánh giá và đưa ra khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau;

- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Ban Kiểm soát, xác định được trọng trách của mình, Ban Kiểm soát đã không ngừng hoàn thiện các hoạt động để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông và nhà đầu tư.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và trách nhiệm chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết thúc ĐHĐCĐ thường niên 2016, BKS có 03 Kiểm soát viên, trong đó Trưởng BKS chuyên trách và 02 Kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các Kiểm soát viên đều đáp ứng đủ tư cách, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về Kế toán, Kiểm toán, Pháp luật và đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình. Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán, Kiểm toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Kiểm soát viên tại các thời điểm trong năm 2016 và đến nay cụ thể như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày được bầu Kiểm soát viên
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng BKS	Ngày 04/10/2007 được bầu Kiểm soát viên. Ngày 25/12/2014 được bầu Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	Ngày 29/11/2012 được bầu Kiểm soát viên
3	Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Kiểm soát viên	Ngày 17/04/2015 được bầu Kiểm soát viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 Tập đoàn Bảo Việt thông qua, giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016 - 2017, hoạt động của BKS đã đạt được các kết quả như sau:

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp trực tiếp định kỳ nhằm đánh giá kết quả hoạt động và xác định các công việc trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo với các nội dung chính như sau:

Phiên họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
29/08/2016	• Đánh giá kết quả hoạt động của BKS từ phiên họp lần thứ nhất năm 2016 (ngày 08/04/2016) và các công việc trọng tâm của BKS quý III, quý IV năm 2016 và quý I năm 2017. • Thông qua Dự thảo công văn gửi HĐQT Tập đoàn về việc nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 của Tập đoàn. • Thông qua việc phân công lại nhiệm vụ đối với các Kiểm soát viên theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi bổ sung lần thứ 3.	3/3	100%
29/03/2017	• Đánh giá kết quả hoạt động của BKS từ kỳ họp lần thứ 2 năm 2016 (ngày 29/08/2016) đến nay và các công việc trọng tâm của BKS quý II, quý III năm 2017. • Thông qua Công văn gửi HĐQT V/v Một số nhận xét, đánh giá của Ban Kiểm soát đối với Dự thảo Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Tập đoàn đã kiểm toán. • Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 Tập đoàn Bảo Việt. • Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 Tập đoàn Bảo Việt V/v Lựa chọn Công ty Kiểm toán để kiểm toán BCTC năm 2018, 2019, 2020.	3/3	100%

- Trong các cuộc họp các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS.
- Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc của Ban Kiểm soát, ngoài các cuộc họp trực tiếp của BKS, Trưởng BKS đã tổ chức 05 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các Kiểm soát viên qua thư điện tử với các nội dung cụ thể như sau:

Số TT	Ngày Tháng/Năm	Nội dung lấy ý kiến
1	23/05/2016	Xin ý kiến về Kế hoạch hoạt động chi tiết của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017 của Tập đoàn Bảo Việt
2	22/06/2016	Xin ý kiến về Dự thảo Quy chế tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi, bổ sung lần thứ 3
3	02/08/2016	Đề nghị thẩm định Dự thảo BCTC Riêng và Hợp nhất quý II/2016 của Tập đoàn trước Soát xét.
4	01/12/2016	Xin ý kiến về Dự thảo công văn gửi HĐQT về Ý kiến của Ban Kiểm soát đối với dự thảo BCTC quý III/2016 của Tập đoàn
5	30/12/2016	Xin ý kiến về Dự thảo Sửa đổi, bổ sung Quy chế Tài chính Tập đoàn

GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CỦA HĐQT:

• Năm 2016, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế nước ta đã đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: tốc độ tăng trưởng và kim ngạch xuất khẩu chưa đạt chỉ tiêu so với kế hoạch; cơ cấu lại kinh tế còn chậm; xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long, hạn hán, lũ lụt và sự cố ô nhiễm môi trường biển miền Trung… ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống người dân. Tình hình trên đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của toàn Tập đoàn. Trước những thuận lợi và khó khăn như trên, HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình, đã ban hành các nghị quyết, quyết định để chỉ đạo Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh doanh.

• Năm 2016, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ, ngoài ra để ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định, HĐQT thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Trong năm 2016 HĐQT đã ban hành các nghị quyết và quyết định để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập toàn, ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nhằm hoàn thiện công tác quản trị Tập đoàn, kiện toàn nhân sự cấp cao, tiếp tục hợp tác chặt chẽ và phát huy kinh nghiệm cũng như thế mạnh của cổ đông chiến lược Sumitomo Life, để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT. HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn.

• Năm 2016 Hội đồng Quản trị đã chủ động sử dụng công cụ thẻ điểm quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN để nâng cao chuẩn mực và thực hành quản trị của Tập đoàn, qua đó đã giúp HĐQT và từng thành viên HĐQT nâng cao trình độ quản trị theo chuẩn mực quản trị khu vực.

GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN:

• Với thuận lợi và khó khăn như đã nêu trên, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, năm 2016, Tổng Giám đốc đã năng động, sáng tạo và nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2016, Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu chính như:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH/KH2016
1. Tổng doanh thu	1.398,00	1.400,27	100,16%
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (LNST)	1.005,00	1.021,77	101,67%
3. Tỷ suất LNST trên vốn điều lệ (%)	14,80%	15,02%	

• Năm 2016, là năm đầu tiên Tập đoàn bắt đầu hiện thực hóa chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020, Tập đoàn đã tăng cường đầu tư chiều sâu vào nghiên cứu, phát triển sản phẩm, công nghệ thông tin, mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng nhân sự, tăng cường truyền thông thương hiệu, tăng cường công tác quản trị, quản lý rủi ro... để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tiếp theo, trong đó nổi bật là triển khai mạnh mẽ Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, đẩy mạnh bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên, giúp khơi thông và phát huy hiệu quả các thế mạnh sẵn có của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

• Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc đã tuân thủ phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 VÀ VIỆC THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT:

Qua giám sát BKS thấy rằng ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và việc thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2016:

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 với các nội dung như sau:

• Năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Tập đoàn thông qua với các nội chính dung như đã nêu trên.

• Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2015 theo tỷ lệ 8% (800 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 544.377.147.200 đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2015 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

• Tập đoàn đã hoàn thành việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt lần thứ 7.

• Về phương án tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ - TĐBV ngày 18/05/2016 của ĐHĐCĐ thường niên 2016, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành khẩn trương xây dựng phương án chi tiết để phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP) đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, người lao động và doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Tập đoàn Bảo Việt cần bổ xung, hoàn thiện phương án phát hành ESOP theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước nên việc tăng vốn điều lệ thông qua chương trình ESOP chưa thực hiện được trong năm 2016.



THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC), BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

• Năm 2016, BKS đã thường xuyên trao đổi, kết hợp chặt chẽ với Khối Quản lý Tài chính, Kiểm toán viên độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất năm 2016.

• Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất bán niên và BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2016 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam), Ban Kiểm soát nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2016 theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam kiểm toán.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ngoài các hoạt động như đã nêu trên, Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên đã tiến hành các hoạt động khác như sau:

01 Hoàn thành việc sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS lần thứ 3 để phù hợp với Điều lệ Tập đoàn sửa đổi, bổ sung lần thứ 7.

02 Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC năm 2016 theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký kết với EY Việt Nam.

03 Tham gia ý kiến về Dự thảo Sửa đổi, bổ sung Quy chế Tài chính Tập đoàn.

04 Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và rà soát, theo dõi thực hiện của HĐQT và Tổng Giám đốc.

05 Tham gia ý kiến để hoàn thiện báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2016 và cả năm 2016, kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2017.

SỰ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT

• Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016 - 2017, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn, của cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

• Các Kiểm soát viên đều được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Tập đoàn để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn. Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

• Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email với Ủy ban Kiểm toán, các Khối, Ban chức năng của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2017

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Tích cực thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát đã quy định.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật.
- Lựa chọn, đề xuất Công ty Kiểm toán độc lập có năng lực, kinh nghiệm và uy tín để cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC của Tập đoàn trong năm 2018, 2019 và 2020.

Với trọng trách được Đại hội đồng cổ đông giao phó, với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao trẻ, có trình độ, năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, sáng tạo trong công việc, năm 2016 với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự năng động, cố gắng của Tổng Giám đốc, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ thường niên 2016 đề ra. Với cơ sở và nền tảng đã được gây dựng và với chủ trương "**Đoàn kết - Chia sẻ - Hợp lực - Đổi mới - Tiên phong"**, BKS tin tưởng rằng Tập đoàn Bảo Việt sẵn sàng cất cánh trong năm 2017 và sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua.



CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG Ô TÔ CỦA TẬP ĐOÀN

Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

Thành viên Ban điều hành không sử dụng xe ô tô và được Tập đoàn thanh toán công tác phí hằng tháng với mức phí: 15.000.000 đồng/người/tháng.

CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI

Điện thoại cố định: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại cố định được chi trả theo mức khoán như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đôc, Trưởng Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành: 800.000 đồng/người/ tháng

Điện thoại di động: Tập đoàn trang bị điện thoại di động (bao gồm cả chi phí trang bị và cước phí phát sinh hằng tháng) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát được trang bị điện thoại di động tối đa 20.000.000 đồng/lần trang bị. Cước phát sinh hằng tháng chi trả theo mức thực tế.
- Kiểm soát viên và Thành viên Hội đồng quản trị được trang bị điện thoại di động tối đa 18.000.000 đồng/lần trang bị. Cước phát sinh hằng tháng chi trả theo mức tối đa 2.000.000 đồng/tháng (trường hợp đi công tác nước ngoài, cước điện thoại được thanh toán theo phát sinh thực tế, nhưng tối đa là 5.000.000 đồng/chuyến công tác).
- Thành viên Ban điều hành được trang bị điện thoại di động tối đa 18.000.000 đồng/lần trang bị. Cước phát sinh hằng tháng chi trả theo mức tối đa 1.500.000 đồng/tháng (trường hợp đi công tác nước ngoài, cước điện thoại được thanh toán theo phát sinh thực tế, nhưng tối đa là 5.000.000 đồng/chuyến công tác).

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CÁC LOẠI HÌNH BẢO HIỂM KHÁC

Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Trưởng Ban Kiểm soát và Ban điều hành được tham gia bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm An Phát Hưng Gia, bảo hiểm Nhà quản lý theo mức bảo hiểm được thực hiện trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản trị căn cứ trên đề xuất của Tổng Giám đốc Tập đoàn phù hợp với quy định của Nhà nước và các loại bảo hiểm khác dành cho người lao động Tập đoàn như các loại hình bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước, bảo hiểm An Phát Trọn Đời, bảo hiểm Hưu Trí Tự Nguyện, bảo hiểm Bệnh Ung Thư, bảo hiểm An Nghiệp Thành Công.

CHẾ ĐỘ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Kiểm soát viên và các thành viên Ban Điều hành được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ

Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên: được sử dụng vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không; đường sắt, đường thuỷ và đường bộ và nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước) theo tiêu chuẩn khách sạn 4 hoặc 5 sao theo phát sinh thực tế.

Phụ cấp lưu trú: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Kiểm soát viên đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

** Ở Việt Nam:*

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/ngày;
- Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 800.000 đồng/người/ngày.
- Trường hợp công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì định mức gấp 02 lần định mức nêu trên.

** Ở nước ngoài:*

- Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tuỳ thuộc vào quốc gia đến.

Thành viên Ban điều hành: được sử dụng vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không; đường sắt, đường thuỷ và đường bộ và nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước) theo tiêu chuẩn khách sạn từ 4 sao trở lên theo phát sinh thực tế.

- Phụ cấp lưu trú: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, các cá nhân thuộc Ban điều hành đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

** Ở Việt Nam:*

- Được thanh toán mức phí: 800.000 đồng/người/ngày;
- Trường hợp công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì định mức gấp 02 lần định mức nêu trên

** Ở nước ngoài:*

- Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tuỳ thuộc vào quốc gia đến.

CHÍNH SÁCH THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ THÙ LAO:

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên được thực hiện theo:

- Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 18/05/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Tập đoàn ban hành kèm theo quyết định số 1713/2016/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn.

Năm 2016, tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Lợi nhuận sau thuế thực hiện của Tập đoàn, cụ thể:

- Thù lao đối với HĐQT: 0,15% lợi nhuận sau thuế thực hiện.

- Thù lao đối với Ban Kiểm soát: 0,04% lợi nhuận sau thuế thực hiện.

Tại thời điểm 31/12/2016 Tập đoàn Bảo Việt có 09 thành viên HĐQT trong đó chuyên trách: 02 người; không chuyên trách: 07 người và 03 thành viên Ban Kiểm soát, trong đó chuyên trách: 01 người, không chuyên trách: 02 người.

THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2016:

Căn cứ vào định mức thù lao nêu trên và dựa vào số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực tế tại từng thời điểm trong năm 2016, tình hình chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên năm 2016 cụ thể như sau:

Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016

STT	Nội dung	Tỉ lệ thù lao /LNST (%)	LNST thực hiện năm 2016 (Tỷ đồng)	Kế hoạch LNST do ĐHĐCĐ thông qua (Tỷ đồng)	Quỹ Thù lao HĐQT và BKS năm 2016		
					Đã chi trả (bao gồm thuế TNCN) (tr đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Chưa sử dụng (tr đồng)
1	Thù lao HĐQT	0,15	1.022	1.005	1.532,57	0,14	0,43
2	Thù lao của BKS	0,04			247,2	0,02	161,6
	Cộng				**1.779,77**		**162,03**

BẢNG THỐNG KÊ THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2016 VÀ THÙ LAO CHI TRẢ TỪ NĂM 2010

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ năm 2010 đến năm 2016

STT	Nội dung	2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao HĐQT	816,7	0,096	979,9	0,108	1.130,6	0,104	957,3	0,087	870,2	0,09	886,21	0,09	1.532,57	0,14
2	Thù lao Ban Kiểm soát	275,0	0,032	275,0	0,030	294,3	0,027	296,6	0,027	275, 0	0,03	217,87	0,02	247,2	0,02
	Cộng	1.091,7		1.254,9		1.424,9		1.253,9		1.145,2		1.104		1.779,77	

Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Không chuyên trách	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên HĐQT	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Đào Đình Thi	x		Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	Hưởng lương
2	Nguyễn Quang Phi		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 25/6/2014	17.000.000
3	Thân Hiển Anh		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	17.000.000
4	Phan Kim Bằng		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	17.000.000
5	Đậu Minh Lâm		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	17.000.000
6	Yukihira Yoshiharu		x	Ngày không còn là t/v HĐQT 28/3/2016	17.000.000
7	Muneo Sasagawa		x	Bổ nhiệm từ ngày 02/07/2015	17.000.000
8	Nguyễn Đức Tuấn	x		Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 04/10/2007 Chuyên trách từ ngày 26/12/2014	Hưởng lương
9	Nguyễn Quốc Huy		x	Ngày không còn là t/v HĐQT 17/05/2016	17.000.000
10	Kono Shinzo		x	Ngày không còn là t/v HĐQT 01/07/2015	10.000.000
11	Nguyễn Anh Tùng		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 17/05/2016	17.000.000
12	Shuichi Sakai		x	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 28/03/2016	17.000.000

Mức chi trả thù lao đối với các Kiểm soát viên trong năm 2016

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiêm nhiệm	Ngày bổ nhiệm/ Thôi giữ chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Nguyễn Ngọc Thụy	x		Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 25/12/2014	Hưởng lương
2	Phí Thị Quỳnh Nga		x	Kiểm soát viên từ ngày 17/4/2015	8.000.000
3	Ông Tiến Hùng		x	Kiểm soát viên từ ngày 29/11/2012	8.000.000
4	Đặng Thái Quý		x	Từ nhiệm từ ngày 25/4/2016	8.000.000

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ngoài chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách như trên, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên cũng nhận được tiền thưởng được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trên cơ sở quỹ thưởng cho Ban Điều hành do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng giám đốc Tập đoàn quyết định mức tiền thưởng của các thành viên Ban điều hành tương ứng với quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên.



TIÊN PHONG ÁP DỤNG CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (ACGS)



Là một trong những doanh nghiệp niêm yết lớn tại Việt Nam được tham gia đánh giá tình hình quản trị công ty theo ACGS từ năm 2012, Bảo Việt đã từng bước cải thiện và tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quản trị công ty tốt trên thế giới như Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và ACGS trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tại Bảo Việt.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnhtrên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Hiện tại, Bảo Việt không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam (bao gồm: Luật Doanh nghiệp 2014, các quy định cụ thể hướng dẫn về Quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, quy định về niêm yết và giám sát niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh), mà đã triển khai áp dụng các chuẩn mực của khu vực và trên thế giới.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ ĐỂ VẬN HÀNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Trong năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt lần thứ bẩy nhằm tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, áp dụng thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp và tham khảo xu hướng Điều lệ của các doanh nghiệp lớn trên thị trường, hướng tới việc tạo điều kiện tốt hơn cho việc quản trị, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt.

Cùng với việc thông qua bản Điều lệ sửa đổi, trong năm 2016 HĐQT đã chỉ đạo rà soát hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản trị nội bộ quan trọng như: Quy chế Quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi lần thứ nhất; Quy chế tuân thủ; Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc Tập đoàn Bảo Việt, ...

Việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ thống nhất và xuyên suốt trên toàn Tập đoàn đã giúp HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả. Danh mục các Văn bản quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt cụ thể như sau:

TT	TÊN VĂN BẢN
I	**LĨNH VỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY**
1	Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi, bổ sung lần thứ 7 ban hành ngày 18/5/2016
2	Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 109/2016/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2016 của HĐQT)
3	Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1886/2016/QĐ-HĐQT ngày 30/8/2016)
4	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt
5	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 209-ĐU-CQ/TĐBV ngày 04/10/2016)
6	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 504/2014/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2014)
7	Quy định chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Tài sản nợ, Tài sản có của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 1181/2009/QĐ-HĐQT ngày 03/11/2009)
8	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiểm toán TĐBV (ban hành kèm theo Quyết định số 1391/2015/QĐ-HĐQT ngày 16/9/2015)
9	Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (Quyết định số 1039/2015/QĐ-HĐQT ngày 24/7/2015)
10	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 505/2014/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2014)
11	Quyết định số 833/2013/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2013 về việc ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ của Tập đoàn Bảo Việt
12	Quy chế quản lý và hoạt động của Kiểm soát viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 1240/2016/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2016)
13	Quyết định số 833/2013/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2013 về việc ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ của Tập đoàn Bảo Việt
14	Sổ tay Văn hóa Tập đoàn Bảo Việt 2015
15	Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2016/QĐ-TĐBV ngày 18/01/2016)
16	Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị phụ thuộc (Ban hành kèm theo Quyết định số 1639/2016/QĐ-HĐQT ngày 14/7/2016)
II	**LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ**
17	Quyết định số 768/2008/QĐ-TGĐ ngày 28/8/2008 về việc ban hành Quy chế phân công công việc giữa Tổng Giám đốc Tập đoàn và Giám đốc Khối chức năng của TĐBV.
18	Quyết định 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối QLHĐ và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động
19	Quyết định số 882/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Tài chính và các ban thuộc Khối Quản lý Tài chính
20	Quyết định số 883/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Chiến lược và đầu tư và các Ban thuộc Khối Chiến lược và Đầu tư
21	Quyết định số 1133/2015/QĐ-TĐBV ngày 11/8/2015 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Đào tạo Bảo Việt
22	Quyết định số 1135/2015/QĐ-TĐBV ngày 11/8/2015 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin Bảo Việt

TT	TÊN VĂN BẢN
III.	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG**
	LAO ĐỘNG
23	Nội quy lao động 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 1629/2015/QĐ-TGĐ ngày 19/10/2015
24	Thỏa ước lao động tập thể 2015
25	Quyết định số 2872/2016/QĐ-TĐBV ngày 30/12/2016 ban hành Quy định quản lý hiệu quả làm việc tại TĐBV
26	Quyết định số 1250/2013/QĐ-TGĐ ngày 04/9/2013 về việc ban hành Quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động tại TĐBV
	NHÂN SỰ
27	Quyết định số 760/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ của Tập đoàn Bảo Việt
28	Quyết định số 57/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ
29	Quyết định số 58/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc TĐBV
30	Quy chế Tuyển dụng nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 717/2016/QĐ-HĐQT ngày 02/02/2016)
31	Quy chế Đào tạo của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 149/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2016)
	TIỀN LƯƠNG, KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI
32	Quyết định số 66/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành Quy định xếp lương và nâng bậc lương của Tập đoàn Bảo Việt
33	Quyết định số 65/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương của Tập đoàn Bảo Việt
34	Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với KSV, TVHĐQT, TGĐ và Ban Điều hành TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 1713/2015/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2015)
35	Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với TVHĐTV và KSV tại các Công ty con do TĐBV làm chủ sở hữu (Ban hành kèm theo Quyết định số 2091/2015/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2015)
36	Quyết định số 1980/QĐ-TĐBV ngày 20/09/2016 về việc ban hành Quy định Quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi Tập đoàn Bảo Việt.
37	Quy chế Trả lương của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành Kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-HĐQT ngày 28/7/2016)
IV	**LĨNH VỰC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH**
38	Quyết định số 369/2009/QĐ-HĐQT ngày 22/4/2009 ban hành Quy chế Quản lý tài chính của TĐBV
39	Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 128/2016/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2016)

TT	TÊN VĂN BẢN
40	Quyết định số 2382/QĐ-TĐBV ngày 24/11/2016 về việc ban hành Quy định về quản lý chi phí hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt
V	**LĨNH VỰC KIỂM TOÁN NỘI BỘ**
41	Quyết định số 691/2010/QĐ-UBKT ngày 07/6/2010 về việc ban hành Chuẩn mực đạo đức Kiểm toán viên nội bộ TĐBV
42	Quyết định số 692/2010/QĐ-UBKT ngày 07/6/2010 ban hành Quy trình Kiểm toán nội bộ
43	Quy chế phối hợp nội bộ giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bên liên quan tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/2015/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2015)
VI	**LĨNH VỰC ĐẦU TƯ**
44	Quyết định số 1163/2010/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2010 ban hành Quy chế Đầu tư và Quản lý tài sản của TĐBV
45	Quyết định số 623/2012/QĐ-TGĐ ngày 21/5/2012 về việc Thành lập Hội đồng Đầu tư TĐBV và Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Hội đồng Đầu tư TĐBV
46	Quyết định số 761/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Người đại diện vốn tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
47	Quyết định số 762/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
VII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ**
48	Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1093/2015/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015)
49	Quyết định số 2688/2016/QĐ-TĐBV ngày 22/12/2016 về việc ban hành quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt
50	Thành lập Hội đồng quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1094/2015/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015)
51	Quy chế Tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 977/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/3/2016)
VIII	**LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU**
52	Quyết định số 1342/2015/QĐ-HĐQT ngày 14/9/2015 về việc ban hành Quy chế Quản lý thương hiệu của TĐBV
53	Quyết định số 473/2009/QĐ-HĐQT ngày 22/5/2009 ban hành Quy chế Công bố thông tin của TĐBV.
54	Quyết định số 808/2008/QĐ-TGĐ ngày 10/9/2008 ban hành Quy chế người phát ngôn của TĐBV.
IX	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
55	Quyết định số 253/2011/QĐ-TGĐ ngày 03/3/2011 về việc ban hành quy trình quản lý dịch vụ đường truyền
56	Quyết định số 61/2013/QĐ-TGĐ ngày 11/01/2013 về việc ban hành Quy định sử dụng Hệ thống thư điện tử tại Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.
57	Quyết định số 725/2012/QĐ-TGĐ ngày 14/6/2012 v/v quy định an toàn bảo mật hệ thống CNTT Tập đoàn Bảo Việt

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Sau khi Thông tư 155/2015/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, Tập đoàn Bảo Việt đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Thông tư. Các thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và các thông tin bất thường đều được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Bảo Việt cũng hướng tới công bố thông tin song ngữ Việt – Anh để các nhà đầu tư nước ngoài có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các thông tin về doanh nghiệp. Các quy chế quản trị nội bộ quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt như: Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp... đều được dịch thuật và đăng tải trên website của Bảo Việt bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các chương trình và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, Biên bản và Nghị quyết Đại hội đều được Bảo Việt đăng tải song ngữ Việt – Anh.

Đây là một bước tiến quan trọng hướng tới thông lệ quản trị quốc tế về đảm bảo quyền của cổ đông và sự đối xử công bằng giữa các cổ đông, đặc biệt là đối với các cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH QUẢN TRỊ THÔNG QUA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT (bao gồm các thành viên HĐQT người nước ngoài là đại diện của cổ đông chiến lược - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo), thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty, các cán bộ quản lý khác đã tham gia Khóa học Quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác cũng tham gia các khóa đào tạo cao cấp về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; quản trị phát triển bền vững và các khóa tập huấn về quản trị công ty theo thẻ điểm quản trị ASEAN, kinh nghiệm tổ chức ĐHĐCĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM tổ chức. Thông tin về các thành viên được liệt kê tại danh sách Cổ đông nội bộ tại mục Sở hữu của đông nội bộ, trang 345 Báo cáo này.

Bên cạnh các khóa đào tạo theo quy định, với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với cổ đông chiến lược Sumitomo Life để tận dụng kinh nghiệm của Sumitomo Life trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠO TIỀN ĐỀ BỨT PHÁ PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt đã đặt ra các mục tiêu cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên, và giữa các đơn vị thành viên với nhau trên cơ sở xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống và triển khai mạnh mẽ Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn.

- Phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản trong toàn Tập đoàn; Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống;

- Thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, chia sẻ những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong quản trị công ty với cổ đông chiến lược Sumitomo Life để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Bảo Việt;

- Áp dụng Công cụ Thẻ điểm quản trị công ty Khu vực Asean để nâng cao năng lực và thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt tại Việt Nam và vươn ra khu vực;

- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro , tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp;

PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT CĂN CỨ CHUẨN MỰC TẠI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

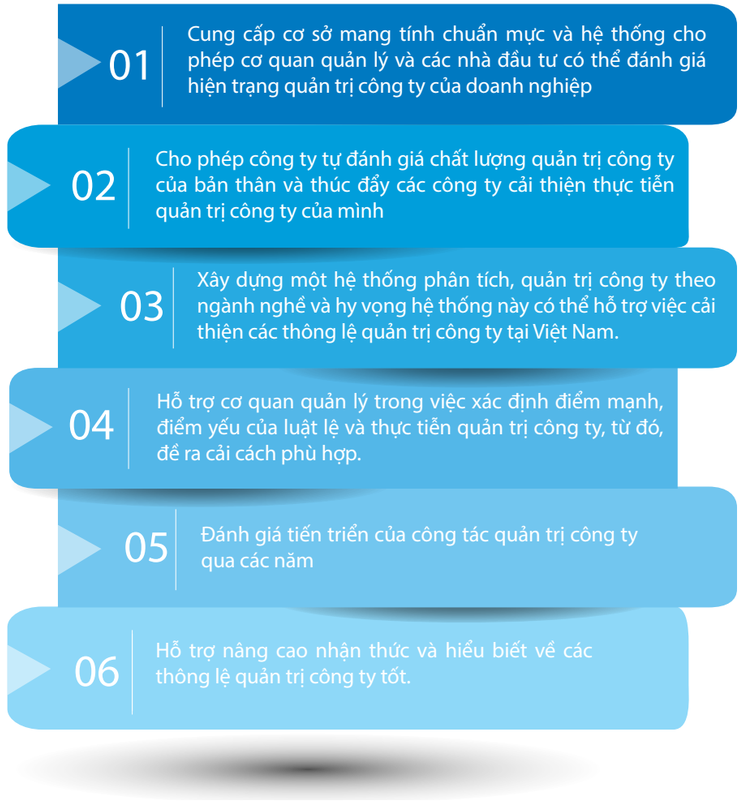
GIỚI THIỆU VỀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN **(ACGS)** là sáng kiến của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN, được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của 100 công ty niêm yết lớn nhất trong 06 quốc gia thành viên ASEAN tham gia dự án, bao gồm: Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam.

ACGS bao gồm Bộ câu hỏi chia làm hai cấp độ. Cấp độ 1 là các yêu cầu cơ bản cần tuân thủ trên 5 lĩnh vực bao gồm: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch; và (v) Trách nhiệm của HĐQT. Cấp độ 2 là các câu hỏi thưởng và phạt dành cho Doanh nghiệp thực hiện tốt/không tuân thủ những quy định về Quản trị Công ty.

Các tổ chức đánh giá xếp hạng gồm: Viện Quản trị công ty Indonesia, Tổ chức Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số Malaysia, Viện Quản trị công ty Philippines, Viện Quản trị công ty Singapore, Viện Quản trị công ty Thái Lan, Trung tâm Nghiên cứu quản trị công ty, định chế và tổ chức - Trường đại học Quốc gia Singapore và nhóm chuyên gia về quản trị công ty từ Việt Nam, đứng đầu là TS. Nguyễn Thu Hiền, Giám đốc Chương trình Maastricht MBA, Trường đại học Bách khoa TP. HCM.

MỤC TIÊU THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY NHẰM



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Bảo Việt được tham gia đánh giá theo các chuẩn mực tại ACGS từ năm 2012 đến năm 2014. Theo kết quả đánh giá năm 2014, Bảo Việt là một trong số 30 doanh nghiệp niêm yết có thực hành quản trị công ty tốt nhất Việt Nam.

Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, trong những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Bảo Việt đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực. Các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình.

MỘT SỐ NỖ LỰC TRONG VIỆC CẢI THIỆN THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2016

VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG:

Bảo Việt nỗ lực đảm bảo các quyền của cổ đông đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các thông lệ tốt về quản trị công ty, cụ thể:

- Tập đoàn Bảo Việt thanh toán cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT có Nghị quyết về việc chi trả cổ tức của năm tài chính.
- Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt theo danh sách chốt được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam gửi đều được Tập đoàn Bảo Việt gửi thông báo mời họp, bao gồm các tài liệu liên quan đến chương trình họp, các mẫu giấy ủy quyền cho cá nhân/tổ chức, các tài liệu họp dược đăng tải trên website của Bảo Việt.
- Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

+ Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh – Việt trên website của Bảo Việt;

+ Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;

+ Mỗi cổ đông được cung cấp một Thẻ biểu quyết, giá trị của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội;

+ Thông báo, các tài liệu cơ bản phục vụ Đại hội được đăng tải trên website trước Đại hội 21 ngày làm việc;

+ Bổ sung đại diện Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt tham gia Ban Kiểm phiếu Đại hội để giám sát, thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ;

+ Biểu quyết vắng mặt: Cổ đông căn cứu các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;

+ Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.

VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

- Bảo Việt thực hiện tốt các chuẩn mực đối với nội dung này và thực hiện công bố trên báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững về các chính sách bảo vệ các bên có liên quan bao gồm: người lao động, khách hàng, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các vấn đề liên quan đến thúc đẩy phát triển bền vững.
- Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức.
- Bảo Việt đã và đang xây dựng và triển khai chương trình cổ phiếu thưởng cho nhân viên (ESOP) với mục đích thúc đẩy hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn.
- Đăng tải thông tin liên hệ của Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư/Quan hệ cổ đông của Bảo Việt được trên website để khách hàng, nhà cung cấp, công chúng … có thể liên hệ dễ dàng.

VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH:

- Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt.
- Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt giải đặc biệt trong cuộc bình chọn Báo cáo thường niên năm 2015 tại Việt Nam.
- Báo cáo Quản trị Công ty định kỳ cung cấp thông tin về thông tin thành viên HĐQT, các cuộc họp HĐQT và các giao dịch với các bên có liên quan.
- Bảo Việt đã tổ chức 02 Hội nghị Chuyên gia phân tích trong năm 2016 để trao đổi, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của các chuyên gia phân tích đối về thị trường và hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.
- Website của Bảo Việt được đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh – Việt, cung cấp thông tin cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT:

- Quy định trách nhiệm của HĐQT tại Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty và đăng tải các văn bản này lên website song ngữ Anh – Việt để các cổ đông, nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng tiếp cận đến các tài liệu quản trị của Công ty.
- HĐQT tuyên bố về tầm nhìn và chiến lược của Tập đoàn và thực hiện xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược hàng năm, báo cáo tại Báo cáo thường niên.
- Chính sách đa dạng về các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn.
- Mỗi thành viên HĐQT không nắm giữ 5 vị trí HĐQT cùng một lúc trong các công ty niêm yết khác (công bố chi tiết trong Báo cáo quản trị công ty định kỳ theo quy định).
- Các ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban ALCO) đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu cho HĐQT (1).
- HĐQT đã ban hành quy trình và các tiêu chí đánh giá nội bộ về hoạt động của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2016 và thực hiện đánh giá hoạt động năm 2016 theo bộ tiêu chí này trong Quý I/2017.
- Các quy chế nội bộ của Bảo Việt bao gồm Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp được ban hành và công bố song ngữ Anh – Việt trên website của Tập đoàn Bảo Việt.

(1) Xem phần Báo cáo của các Ủy ban tại Chương IV

MỘT SỐ ĐIỂM BẢO VIỆT CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN: CẢI THIỆN CÁC CHUẨN MỰC LIÊN QUAN ĐẾN "CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH", VÀ TĂNG CƯỜNG "VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN", CỤ THỂ:

- Tiếp tục xây dựng website Bảo Việt cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.
- Về các tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ: công bố thông báo mời họp toàn bộ tài liệu liên quan chậm nhất 21 ngày trước ngày họp dự kiến để các cổ đông có thời gian nghiên cứu, quyết định biểu quyết.
- Nghiên cứu xây dựng chính sách, quy trình tố giác/khiếu nại sai phạm của Công ty ngoài các vấn đề chung đã được quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Bảo Việt.
- Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm để đảm bảo duy trì đội ngũ lãnh đạo kế cận của Bảo Việt có đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết đảm nhận nhiệm vụ.
- Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và các chuẩn mực tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại Thông tư 155 để cung cấp các thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT:

- Xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT theo yêu cầu tại Thẻ điểm quản trị ASEAN và quy định pháp luật Việt Nam.
- Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.
- Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:
  - ✓ Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;
  - ✓ Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
  - ✓ Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.
- Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.
- Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT:
  - ✓ Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm (Tổ chức ít nhất 06 cuộc/năm);
  - ✓ Nghiên cứu yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 thành viên HĐQT tán thành trong các quyết định của HĐQT;
  - ✓ Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá, tư vấn hoạt động kiểm soát nội bộ/quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn, đặc biệt là các lĩnh vực xây dựng Khẩu vị rủi ro, quản lý tuân thủ để có xác nhận của bên thứ ba về hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.
- Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.



ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Ghi chú:

- Thực hiện tốt thông lệ
- Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
- Chưa thực hiện theo thông lệ
- **N/A**: Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN A – QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông**		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi ĐHĐCĐ.	●	
A.2	**Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty**		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?	●	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.2.2	Cho phép phát hành thêm cổ phiếu?	●	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	●	
A.3	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết**		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành	●	
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	●	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.	●	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục để cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	●	Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.	●	Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ Công bố Biên bản họp bằng tiếng Anh
A.3.6	Biên bản họp có tường thuật lại câu hỏi của các cổ đông và câu trả lời tương ứng.	●	
A.3.7	Công ty có công bố Nghị quyết đại hội bằng tiếng Anh.	●	Bảo Việt đã thực hiện từ năm 2016
A.3.8	Trong Nghị quyết/ Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng cho từng mục.	●	Đã cập nhật đầy đủ các nội dung này trong Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2016
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ không.	●	Bảo Việt đã nêu rõ danh sách thành viên HĐQT tham dự trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ không.	●	Đã ghi nhận tại Biên bản Đại hội
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ không.	●	
A.3.12	Trưởng ban kiểm soát có tham dự ĐHĐCĐ không.	●	
A.3.13	Công ty có tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất ở địa điểm dễ tới?	●	
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	●	Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.15	Tất cả các nghị quyết ở ĐHĐCĐ đều được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu, không phải bằng cách giơ tay.	●	Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.16	Công ty có cử một bên thứ ba độc lập kiểm phiếu hoặc giám sát quá trình kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ.	●	Tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã cử đại diện Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt tham gia Ban Kiểm phiếu Đại hội để giám sát quá trình kiểm phiếu
A.3.17	Kết quả kiểm phiếu được công bố rộng rãi ngay ngày làm việc tiếp theo sau ĐHĐCĐ.	●	Bảo Việt luôn tuân thủ công bố Nghị quyết và Biên bản họp trong vòng 24 giờ và ghi rõ thời gian công bố trên website.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
A.3.18	Các tờ trình cần thiết được công bố ít nhất 21 ngày trước khi diễn ra ĐHĐCĐ.	●	Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội 22 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2016 và sẽ cố gắng công bố toàn bộ tài liệu liên quan theo chuẩn đánh giá này.
A.3.19	Các tờ trình trong tài liệu ĐHĐCĐ cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề cần được thông qua trong ĐHĐCĐ.	●	Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.4	**Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch**		
A.4.1	Trong trường hợp sát nhập và hợp nhất cần phải thông qua sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có cử một bên độc lập đánh giá xem xét tính công bằng của giao dịch này.	N/A	Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	**Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức**		
A.5.1	Công ty có công bố chính sách và các hoạt động nhằm khuyến khích các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức, tham dự ĐHĐCĐ và tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty.	●	Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).

PHẦN B – ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	●	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu.	●	Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.
B.2	**Thông báo của ĐHĐCĐ**		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.	●	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.	●	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		●	
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Tài liệu họp nêu danh sách công ty kiểm toán để lựa chọn.	●	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có giải thích về chính sách chia cổ tức.	●	Bảo Việt có xây dựng chính sách chia cổ tức, công bố tại Báo cáo thường niên và đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ.
B.2.6	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có công bố cụ thể mức chia cổ tức.	●	Bảo Việt đã nêu rõ tỷ lệ và số tiền chia cổ tức.
B.2.7	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	●	Đính kèm Thông báo Họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và đăng tải trên website Bảo Việt
B.3	**Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	●	Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.	●	Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	●	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	●	Bảo Việt cần bổ sung Quy định này trong Quy chế quản trị hoặc Quy chế hoạt động của HĐQT để tuân thủ yêu cầu này.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	●	Bảo Việt mới chỉ quy định t/v HĐQT không được biểu quyết, chưa quy định việc không được tham gia họp. Cân nhắc bổ sung quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	●	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.5	**Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng**		
B.5.1	Có GDBLQ nào có tính chất hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con trực thuộc không?	●	Bảo Việt không có hỗ trợ tài chính nào cho bên thứ 3 không phải công ty con với mục đích để kiểm soát hoặc thu lợi nhuận. Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	●	Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

PHẦN C – VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
C.1	**Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng**		
Công ty có công bố chính sách:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công ty có giải thích về nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp của mình.	●	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững
C.1.3	Công ty có công bố chính sách đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công ty có chính sách rõ ràng trong việc hỗ trợ cộng đồng.	●	Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng.	●	Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền. Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ	**N/A**	Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh
Công ty có công bố các hoạt động mà công ty đã thực hiện để triển khai các chính sách nói trên?			
C.1.7	Công ty nêu các hành động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững
C.1.8	Công ty nêu cụ thể các tiêu chí tuyển chọn nhà cung cấp.	●	Bảo Việt nêu cụ thể trong báo cáo phát triển bền vững.
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.

C.1.10	Công ty nêu rõ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.	●	Bảo Việt trình bày rất cụ thể và minh họa cho các hoạt động vì cộng đồng
C.1.11	Công ty nêu rõ các hoạt động trong chương trình chống tham nhũng.	●	Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt
C.1.12	Công ty nêu rõ hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nợ.	N/A	
C.1.13	Công ty có mục riêng về trách nhiệm xã hội (trong Báo cáo thường niên hoặc tách thành một báo cáo riêng)	●	
C.2	**Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm**		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng…) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	●	Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	**Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng**		
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên.	●	Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
C.3.2	Công ty công bố các số liệu cụ thể liên quan đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên.	●	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên.	●	
C.3.4	Công ty công bố số liệu cụ thể về chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên.	●	
C.3.5	Công ty có chính sách khen thưởng dựa vào kết quả hoạt động của công ty trong dài hạn.	●	Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên trình ĐHĐCĐ
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.4.1	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty.	●	Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Đã đăng tải bản Tiếng Anh và tiếng Việt Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty.
C.4.2	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty.	●	

PHẦN D – CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	●	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ	●	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên
D.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Các rủi ro chủ yếu của công ty ngoài các rủi ro tài chính	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên
D.2.2	Mục tiêu của công ty	●	
D.2.3	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS	●	
D.2.4	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	●	
D.2.5	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	●	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.2.6	Chính sách tố giác sai phạm của công ty	●	Quy định trong Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp về nội dung này và Quy trình xử lý nội bộ của công ty liên quan đến Chính sách tố giác sai phạm. Đã công bố trên website của Tập đoàn bản tiếng Anh và tiếng Việt
D.2.7	Lý lịch thành viên HĐQT bao gồm đầy đủ các thông tin sau: tuổi tác, bằng cấp, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và các vị trí trong HĐQT mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác	●	Bảo Việt đã công bố đầy đủ trên Báo cáo thường niên
D.2.8	Các chương trình đào tạo, tập huấn mỗi thành viên HĐQT tham gia trong năm đánh giá	●	Bảo Việt có công bố trong nội dung Báo cáo quản trị của Báo cáo thường niên
D.2.9	Số lần họp của HĐQT	●	
D.2.10	Chi tiết tham dự các cuộc họp HĐQT của mỗi thành viên HĐQT	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố số cuộc họp HĐQT, chi tiết thành phần tham dự của HĐQT.
D.2.11	Chi tiết thù lao của mỗi thành viên HĐQT	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố thù lao, của các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên.
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.12	Lời xác nhận của công ty về việc đã thực thi đầy đủ quy định Quản trị Công ty, trường hợp chưa thực hiện được thì nêu rõ vấn đề và giải thích nguyên nhân	●	Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/ Báo cáo thường niên.
D.3	**Công bố giao dịch bên liên quan**		
D.3.1	Yêu cầu công ty nêu chính sách xem xét và phê duyệt các giao dịch trọng yếu của các bên liên quan	●	Bảo Việt đã thực hiện đầy đủ trong báo cáo phát triển bền vững
D.3.2	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: Tên và mối quan hệ giữa công ty với các bên liên quan	●	Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên
D.3.3	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: bản chất và giá trị của mỗi giao dịch trọng yếu giữa công ty và các bên liên quan	●	Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.4	**Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty**		
D.4.1	Công bố giao dịch cổ phần của cổ đông nội bộ	●	Bảo Việt công bố rất cụ thể trên báo cáo thường niên và công bố thông tin về Báo cáo quản trị công ty định kỳ theo luật định.
D.5	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
D.5.1	Công bố phí kiểm toán	●	
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí phi kiểm toán			
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có được công bố công khai	N/A	Công ty không có phí phi kiểm toán
D.5.3	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán	●	
D.6	**Phương tiện truyền thông**		
	Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:		
D.6.1	Báo cáo quý	●	Bảo Việt công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang web công ty	●	Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích	●	Đã thực hiện 02 Hội nghị chuyên gia phân tích trong năm 2016
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.	●	Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7	**Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn**		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	●	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	●	
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan	●	
D.8	**Website của Công ty** **Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:**		

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	●	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8.2	Báo cáo tài chính năm hiện tại và các năm trước	●	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	●	
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	●	
D.8.5	Cơ cấu tổ chức	●	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể tải được	●	
D.8.7	Thông báo, Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	●	
D.8.8	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	●	
D.8.9	Điều lệ công ty	●	
D.9	**Quan hệ nhà đầu tư**		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	●	Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty

PHẦN E – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**		
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	●	Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh)
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	●	Các Nghị quyết của HĐQT được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	●	Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại báo cáo thường niên.
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	●	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	●	Bảo Việt có thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và báo cáo trong Báo cáo thường niên
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty	●	Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	**Cơ cấu HĐQT**		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	●	Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt)
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
Thành phần và cơ cấu của HĐQT			
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đáp ứng được yêu cầu này.
E.2.5	Thành viên HĐQT độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn không?	●	Hiện tại HĐQT Tập đoàn Bảo Việt chưa có thành viên độc lập HĐQT theo tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh nghiệp
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không quá 9 năm	●	Bảo Việt chưa quy định cụ thể về điểm này, nhưng tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định t/v HĐQT độc lập "không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó". Vì vậy, Bảo Việt đương nhiên thỏa mãn tiêu chí này.
E.2.7	Công ty có đặt ra chính sách: mỗi thành viên HĐQT độc lập / không điều hành được giữ tối đa 5 vị trí HĐQT cùng 1 lúc trong các công ty niêm yết khác	●	Bảo Việt đã quy định cụ thể về chính sách này tại Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.2.8	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đang nắm giữ tổng cộng hơn 5 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết	●	Bảo Việt không có trường hợp này
E.2.9	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	●	
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.10	Công ty có tiểu ban nhân sự	●	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.11	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	●	Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này do hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập
E.2.12	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên HĐQT độc lập	●	
E.2.13	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.14	Tiểu ban nhân sự họp ít nhất hai lần trong năm	●	
E.2.15	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự	●	
Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.16	Công ty có tiểu ban lương thưởng	●	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.17	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	●	Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này do hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập
E.2.18	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập	●	
E.2.19	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.
E.2.20	Tiểu ban lương thưởng họp ít nhất hai lần trong năm	●	
E.2.21	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng	●	
Tiểu ban Kiểm toán[1]			
E.2.22	Công ty có Tiểu ban kiểm toán	●	Bảo Việt có Ban Kiểm soát
E.2.23	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập	●	
E.2.24	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	●	Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên độc lập do ĐHĐCĐ bầu, không phải là đại diện vốn của cổ đông lớn và làm việc chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt.
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.26	BCTN có công bố lý lịch và chuyên môn của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.27	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	●	
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có họp tối thiểu bốn lần 1 năm	●	Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp trực tiếp và 05 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
E.2.29	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.30	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	●	
E.3	**Quy trình HĐQT**		
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	●	HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm	●	Năm 2016 HĐQT Bảo Việt thực hiện 05 cuộc họp HĐQT trực tiếp và hơn 90 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề trong năm. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.

1- Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS
(Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?	🟡	Hiện tại Bảo Việt đang yêu cầu tỷ lệ là quá bán theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, tuy nhiên trên thực tế, các nghị quyết của HĐQT đều được sự tán thành của ít nhất 7/9 thành viên HĐQT, đa số đạt được đồng thuận tuyệt đối 9/9 phiếu đồng ý.
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	🔴	Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	🟢	Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh + Tiếng Việt
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	🟢	Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN
E.3.8	Thư ký công ty có chuyên môn về luật, kế toán hoặc thư ký	🟢	Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này
Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	🟢	Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	🟢	Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT phải được bầu lại tối thiểu ba năm một lần	🔴	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc	🟢	Cung cấp tại báo cáo thường niên
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT không điều hành	🟢	
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành	🟢	
E.3.15	Thành viên độc lập không điều hành có nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác	🟢	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành không nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập	🟢	Bảo Việt có Khối Kiểm toán nội bộ
E.3.17	Công bố danh tính của Trưởng ban kiểm toán nội bộ, hoặc trường hợp thuê dịch vụ bên ngoài thì nêu lên tên công ty dịch vụ độc lập	🟢	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên – công bố Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	🟢	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Khối Kiểm toán nội bộ.
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	🟢	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này
E.3.20	HĐQT tiến hành kiểm tra, xem xét các lĩnh vực trọng yếu cần kiểm soát (hoạt động, tài chính, tuân thủ) và hệ thống quản lý rủi ro của công ty trong năm	🟢	
E.3.21	Công ty công bố các rủi ro chính cần được kiểm soát, ngoài rủi ro tài chính	🟢	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS rằng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác	🟢	Cung cấp tại báo cáo thường niên (phần hệ thống kiểm soát nội bộ)
E.4	**Nhân sự trong HĐQT**		
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc không cùng 1 người đảm nhiệm	🟢	
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập	🔴	Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.3	Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của công ty trong vòng 3 năm trước đây	🟢	Bảo Việt không có tình trạng này
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	🟢	Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên
Kỹ năng và năng lực			
E.4.5	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	🟢	Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.4.6	Công ty công bố chính sách đa dạng hóa thành phần HĐQT	●	Cung cấp tại báo cáo thường niên (phần báo cáo hoạt động HĐQT)
E.5	**Hiệu quả HĐQT**		
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới	●	Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đào tạo dành riêng cho t/v HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn	●	
Bổ nhiệm và hiệu quả của TGĐ/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố kế hoạch HĐQT chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo tương lai (Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành chủ chốt)	●	HĐQT có thực hiện các công tác này, tuy nhiên chưa công bố công khai
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Tổng Giám đốc	●	
Đánh giá HĐQT			Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2016
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	●	
E.5.6	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	●	
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	●	
E.5.8	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	●	
E.5.9	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	●	
E.5.10	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	●	
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.11	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng các tiểu ban HĐQT	●	

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Ông Muneo Sasagawa
Thành viên Hội đồng quản trị

Với tư cách là những thành viên Hội đồng Quản trị và là đại diện của đối tác chiến lược Sumitomo Life tại Tập đoàn Bảo Việt, một trong những điều chúng tôi quan tâm nhất chính là hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt. Theo quan sát của chúng tôi, hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt đã được liên tục cải thiện trong những năm qua. Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn trong việc cố gắng đưa Bảo Việt trở thành một trong những định chế tài chính tốt nhất trong khu vực, không chỉ về kết quả kinh doanh mà còn về hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Dưới đây là một vài quan điểm của tôi về các lĩnh vực trọng tâm trong thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN:

QUYỀN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi rất hài lòng với phần này. Mặc dù Sumitomo Life là một cổ đông chỉ nắm giữ 18% lượng cổ phiếu được phát hành, Tập đoàn Bảo Việt luôn đối xử với sự tôn trọng và sẵn sàng lắng nghe ý kiến của Sumitomo Life. Chúng tôi cũng rất hài lòng với chính sách cổ tức của Tập đoàn.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Là một công ty niêm yết, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang thực hiện rất tốt việc minh bạch hóa và công bố các thông tin liên quan theo đúng thời hạn. Chúng tôi tin tưởng rằng Báo cáo thường niên của Tập đoàn Bảo Việt là một trong những bản báo cáo tốt nhất trong khu vực và là khuôn mẫu mà ngay cả Sumitomo Life cũng nên học theo.

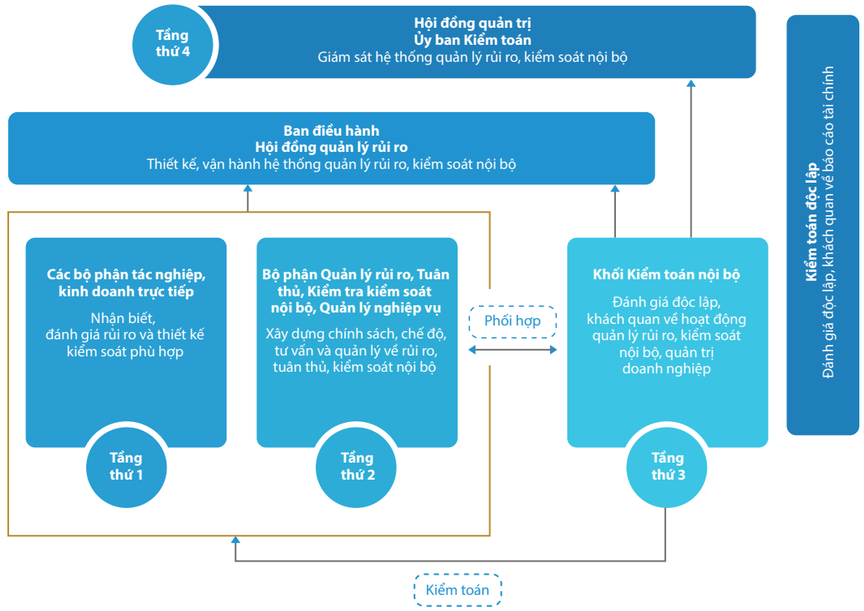
TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mặc dù chúng tôi đánh giá cao thực tế rằng Hội đồng Quản trị đang đóng vai trò đáng kể trong việc giám sát hầu hết các hoạt động quản lý của Tập đoàn, nhưng vẫn còn một số lĩnh vực cần được cải thiện, bao gồm các vấn đề về tính độc lập giữa các thành viên trong Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm. Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng những vấn đề này sẽ được giải quyết dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Trong tháng 2 năm 2017, các thành viên của Hội đồng Quản trị đã thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc trong năm 2016 của Hội đồng Quản trị nói chung và từng thành viên nói riêng, theo các chỉ tiêu cụ thể. Bản đánh giá này đã cung cấp cho chúng tôi phương châm và nguyên tắc đóng góp vào sự hiệu quả và công bằng trong hoạt động của Hội đồng Quản trị. Tất cả và từng thành viên trong Hội đồng Quản trị nên thường xuyên lưu ý tới những nội dung này, nhằm duy trì phẩm cách và sự thận trọng khi làm việc cho một trong những tổ chức tài chính hàng đầu trong nước.

Mặc dù Sumitomo Life là một công ty bảo hiểm tương hỗ, chúng tôi đã áp dụng tiêu chuẩn toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng trách nhiệm và lòng tin tưởng của hơn 7 triệu cổ đông tại Nhật Bản. Một trong những ví dụ mà chúng tôi đã đề xuất Tập đoàn Bảo Việt nên áp dụng để nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp là sáng kiến áp dụng hệ thống Đường dây nóng nội bộ (whistle-blowing system) trong đơn vị thành viên về bảo hiểm nhân thọ. Nói chung, khi các tổ chức tài chính quốc gia hoạt động kinh doanh bằng mạng lưới với nhiều đơn vị thành viên hoặc chi nhánh, Đường dây nóng nội bộ là cách hiệu quả để theo dõi hoạt động của họ, phát hiện ra dấu hiệu của hành vi sai trái, và giúp tránh được những thiệt hại đáng kể có thể xảy ra cho các công ty. Sumitomo Life, với tư cách là đối tác chiến lược, sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Tập đoàn Bảo Việt nhằm thúc đẩy việc triển khai các sáng kiến của Bảo Việt, trở thành một công ty toàn cầu được đánh giá cao về mặt quản trị doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt áp dụng mô hình "Ba tuyến phòng thủ" để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ:



Tuyến phòng thủ thứ nhất là các bộ phận tác nghiệp, kinh doanh trực tiếp. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của biện pháp quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ hai là bộ phận quản lý rủi ro và bộ phận pháp chế - tuân thủ. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách và hướng dẫn về quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, cung cấp tư vấn, phản biện độc lập khách quan đối với Tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức, xây dựng quy trình/hướng dẫn, theo dõi, cảnh báo sớm, quản lý danh mục rủi ro; thực hiện giám sát và kiểm tra tính tuân thủ thông qua hệ thống khung tuân thủ và biểu đồ tuân thủ của đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị, có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến phòng thủ thứ 1 và thứ 2 nhằm hỗ trợ các tuyến phòng thủ này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban điều hành cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Tập đoàn.

Các bộ phận Kiểm toán nội bộ, Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ và các Công ty con là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách gắn kết, hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.

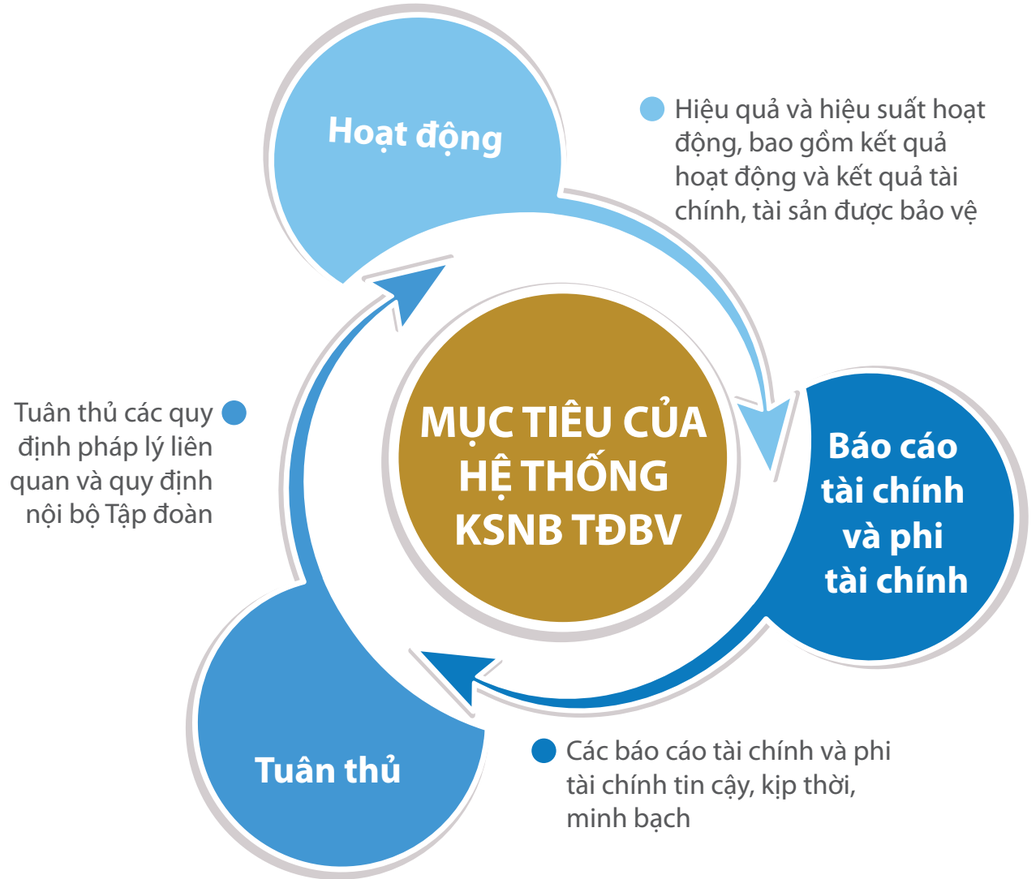
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

"Với vai trò như một lá chắn phòng vệ, hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tập đoàn tự bảo vệ trước các rủi ro và ứng phó linh hoạt với các nguy cơ, các mối đe dọa ảnh hưởng đến sự phát triển của Tập đoàn. Tại Bảo Việt, việc xây dựng và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được chú trọng nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững."

KHÁI NIỆM

Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt.

MỤC TIÊU



CÁC CẤU PHẦN

Cấu phần chính của Hệ thống kiểm soát nội bộ	Mô tả
1 Môi trường kiểm soát	Tập đoàn Bảo Việt: • Cam kết ủng hộ tính chính trực và các giá trị đạo đức thông qua việc ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. • Thể hiện cam kết thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực thông qua hệ thống tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển và hệ thống lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh (Quy chế tuyển dụng nhân sự, Quy chế đào tạo, Quy chế bổ nhiệm, Quy chế luân chuyển cán bộ, Quy chế trả lương, Quy định về quản lý hiệu quả làm việc... đã được ban hành thống nhất trên toàn hệ thống). • Quy định rõ và thống nhất trách nhiệm kiểm soát nội bộ của các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị và các quy chế, quy trình có liên quan khác do Tập đoàn ban hành: ✓ Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong việc giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. ✓ Ban điều hành chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn: thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo, phân định quyền hạn và trách nhiệm, sự phối hợp giữa các bộ phận trong hệ thống kiểm soát nội bộ. ✓ Tất cả cán bộ có trách nhiệm quản lý rủi ro và thực hiện kiểm soát đối với chính công việc của mình.
2 Đánh giá rủi ro	• Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro 2016-2020 và thiết lập mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá, xử lý các rủi ro và đảm bảo tính gắn kết giữa mục tiêu và rủi ro ở mọi cấp độ (chiến lược, hàng năm, toàn Tập đoàn, từng đơn vị thành viên, từng bộ phận, quy trình, cá nhân). • Quy chế quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt đã được ban hành nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược, rủi ro phát triển bền vững. • Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp (Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng Quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng và từng cán bộ, nhân viên trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. • Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).

Cấu phần chính của Hệ thống kiểm soát nội bộ	Mô tả
3 Hoạt động kiểm soát	• Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động của Tập đoàn tại tất cả các cấp (Công ty Mẹ, Tổng/Công ty thành viên, phòng ban, hoạt động…) và được lồng ghép trong tất cả các quy trình nghiệp vụ và các tác nghiệp hàng ngày để đảm bảo xử lý được các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị. • Các nguyên tắc kiểm soát cơ bản bao gồm: ✓ Phân cấp uỷ quyền rõ ràng, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích và các hành vi gian lận, trục lợi. ✓ Kiểm tra, giám sát chéo giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ. ✓ Phân tách trách nhiệm: mỗi một công việc được thực hiện và kiểm tra bởi ít nhất hai người. Không một cá nhân nào được phép thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật (Nguyên tắc kiểm soát kép). • Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động; trong đó Kiểm soát tự động thông qua hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm soát. • Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, của từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs…
4 Thông tin & truyền thông	• Ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan. • Các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được Ban điều hành ủy quyền cho Lãnh đạo Khối Quản lý Tài chính - Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động - Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt. • Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu.
5 Giám sát	Tại Tập đoàn Bảo Việt, việc giám sát hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua các biện pháp sau: • Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày. • Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập (đánh giá kiểm soát nội bộ đối với việc lập báo cáo tài chính), từ đó có các giải pháp chung để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

ĐÁNH GIÁ CỦA KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Khối KTNB Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo tất cả các cấp độ dựa trên 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.



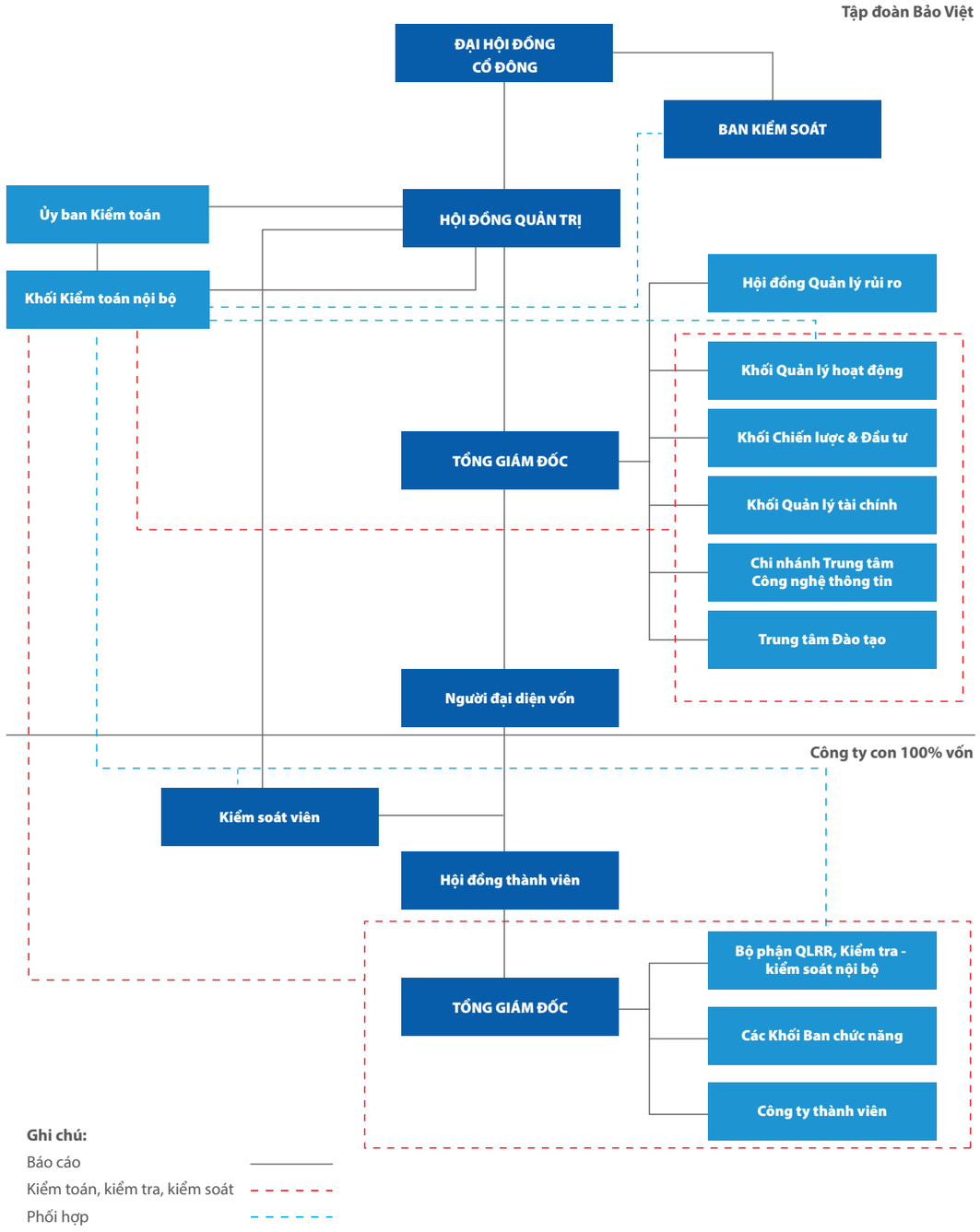
(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

CẤU PHẦN		NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ	KẾT LUẬN
Môi trường kiểm soát	1	Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	●
	2	HĐQT độc lập với Ban điều hành và thực hiện giám sát việc xây dựng, triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ	●
	3	Ban điều hành, dưới sự giám sát của HĐQT, thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu	●
	4	Cam kết thu hút, phát triển và duy trì các cán bộ có năng lực phù hợp với mục tiêu của Tập đoàn	●
	5	Đảm bảo các cá nhân chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện mục tiêu	●
Đánh giá rủi ro	6	Xác định rõ các mục tiêu, làm cơ sở cho việc nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến mục tiêu	●
	7	Nhận diện rủi ro liên quan đến việc hoàn thành mục tiêu xuyên suốt toàn Tập đoàn và phân tích rủi ro làm cơ sở cho việc xác định cách thức quản lý rủi ro	●
	8	Xem xét nguy cơ gian lận khi đánh giá rủi ro liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu	●
	9	Nhận diện và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống kiểm soát nội bộ	●
Hoạt động kiểm soát	10	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được	●
	11	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát chung về công nghệ thông tin để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu	●
	12	Triển khai các hoạt động kiểm soát thông qua các chính sách và thủ tục	●
Thông tin & truyền thông	13	Thu thập, tạo lập và sử dụng những thông tin thích hợp và có chất lượng để hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	●
	14	Truyền thông trong nội bộ Tập đoàn các thông tin cần thiết, bao gồm thông tin về mục tiêu và trách nhiệm của các cá nhân đối với KSNB, nhằm hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	●
	15	Truyền thông với các bên liên quan bên ngoài Tập đoàn về những vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ	●
Giám sát	16	Lựa chọn, phát triển và thực hiện đánh giá liên tục và/hoặc độc lập để xác nhận sự hiện hữu và sự vận hành của các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ	●
	17	Đánh giá và truyền thông kịp thời các điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ tới các bên chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục, bao gồm Ban điều hành và Hội đồng quản trị, nếu phù hợp	●

Ghi chú:

- ● Hiệu lực
- ● Khu vực cải thiện tiềm năng
- ● Không thỏa đáng

VỊ TRÍ VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu.

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

ĐỘC LẬP

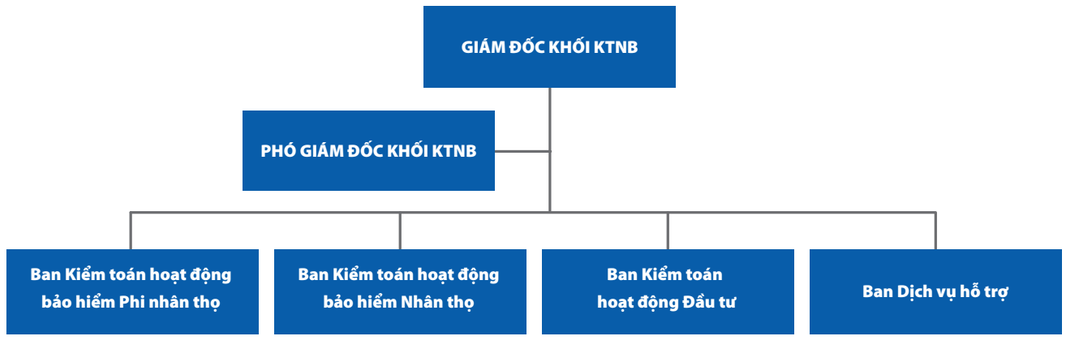
Xây dựng, đề xuất với Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị phê chuẩn việc lựa chọn quy trình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, tần suất kiểm toán, thời điểm kiểm toán

Thực thi hoạt động kiểm toán, đưa ra các phát hiện, kết luận, phát hành báo cáo kiểm toán

KHÁCH QUAN

Trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ

CƠ CẤU TỔ CHỨC

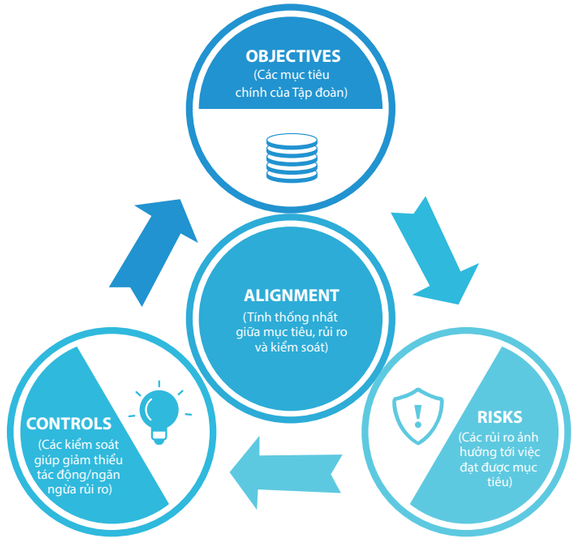


Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm Phi nhân thọ	Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm Nhân thọ	Ban Kiểm toán hoạt động Đầu tư	Ban Dịch vụ hỗ trợ
Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính TCT Bảo hiểm Bảo Việt (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 77 Công ty thành viên	Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính TCT Bảo Việt Nhân thọ (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 70 Công ty thành viên	Thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, hoạt động đầu tư tài chính tại Trụ sở chính TCT Bảo Việt Nhân thọ, TCT Bảo hiểm Bảo Việt	Tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Lãnh đạo Khối KTNB

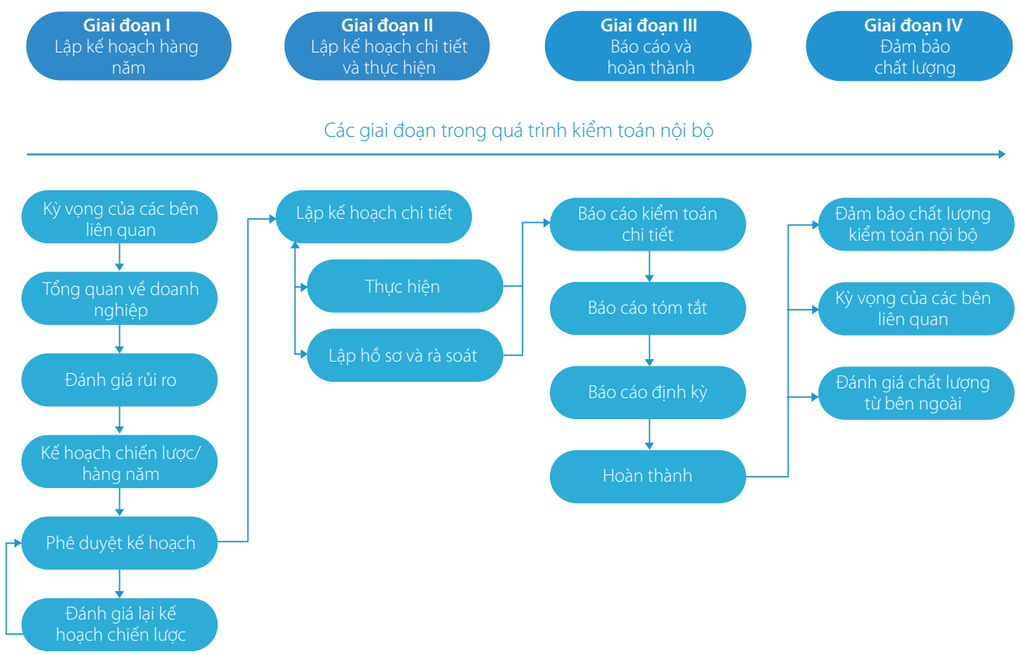
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Khối Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.

PHƯƠNG PHÁP ORCA



QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ



CHUẨN MỰC HOẠT ĐỘNG

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, hướng tới việc tuân thủ Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

Thực hiện một số Chuẩn mực thuộc Khung hành nghề IPPF của IIA của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm	Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành đã quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng và phạm vi kiểm toán, nguyên tắc hoạt động (tính độc lập và tính khách quan), trách nhiệm báo cáo, tiêu chuẩn cho hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ..
1110	Tính độc lập về tổ chức	• Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn - Hội đồng quản trị. • Kế hoạch kiểm toán, kế hoạch ngân sách, kế hoạch nguồn lực của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị phê duyệt.
1120	Tính khách quan	• Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ do HĐQT ban hành và Chuẩn mực đạo đức của Kiểm toán viên nội bộ do Ủy ban Kiểm toán ban hành đã quy định rõ về tính khách quan của Kiểm toán viên. • Tính khách quan của Kiểm toán viên được quản lý và giám sát chặt chẽ thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức và bố trí sắp xếp nhân sự cho các cuộc kiểm toán.
1210	Năng lực chuyên môn	• Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ của Khối Kiểm toán nội bộ được xây dựng trên cơ sở tham khảo Khung năng lực Kiểm toán nội bộ toàn cầu của IIA đã được xây dựng và triển khai. • Đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cơ bản cho các Trợ lý Kiểm toán viên và Kiểm toán viên mới tuyển dụng; đào tạo thường xuyên trên công việc (on-the-job training) cho đội ngũ Kiểm toán viên. • Đào tạo tập trung thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và định kỳ hàng năm với các đối tác tư vấn, đào tạo uy tín thuộc Big 4. • Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, CFA, ACCA, CPA Việt Nam…). • Cập nhật các rủi ro mới nổi, các xu hướng mới trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm toán của Khối KTNB.

1300	Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng	• Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua tự đánh giá rút kinh nghiệm và khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. • Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.
2010	Lập kế hoạch	• Mục tiêu kiểm toán 2016 – 2020 gắn kết với chiến lược phát triển, danh mục rủi ro trọng yếu giai đoạn 2016-2020 của Tập đoàn và xu thế vận động của KTNB trên thế giới đã được xây dựng để định hướng cho hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ trong 05 năm tới. • Kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán.
2050	Phối hợp với các bộ phận đảm bảo nội bộ và đảm bảo độc lập	• Quy chế phối hợp giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, bộ phận Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ, bộ phận Kiểm tra – kiểm soát nội bộ tại các Công ty con 100% vốn, các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai. • Khối Kiểm toán nội bộ trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn.
2060	Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao	• Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Khối cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng Quản trị. • Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.

CÔNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TOÁN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt hiện đang sử dụng 02 công cụ sau để hỗ trợ hoạt động kiểm toán:

• Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung online: quản lý tập trung toàn bộ văn bản, bao gồm các văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước, quy định/quy chế/quy trình nội bộ của Tập đoàn và các công ty thành viên cùng toàn bộ hồ sơ kiểm toán. Hệ thống giúp cho việc truy xuất, tìm kiếm văn bản, hồ sơ được nhanh chóng, đồng thời hỗ trợ bảo mật thông tin, đảm bảo thông tin không bị đánh cắp và sử dụng bởi những người không có thẩm quyền.

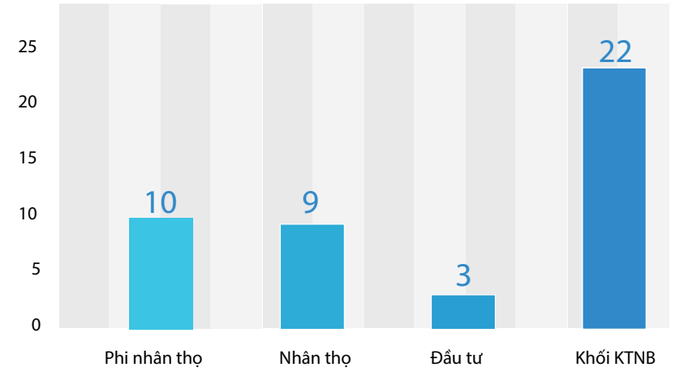
• Ngân hàng dữ liệu rủi ro, kiểm soát và khuyến nghị: tập hợp tất cả các rủi ro, các biện pháp kiểm soát và các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ theo từng lĩnh vực kiểm toán và theo từng mảng quy trình, hoạt động, nhằm hỗ trợ các Kiểm toán viên trong việc nhận diện và đánh giá rủi ro, xác định biện pháp kiểm soát và đưa ra các khuyến nghị phù hợp cho các đơn vị được kiểm toán.

Ngoài ra, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã và đang tìm hiểu các giải pháp phần mềm về quản trị, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ như giải pháp RSA – Archer Audit Management của EMC, Accelus Audit Management của Thomson Reuters, TeamMate của Wolters Kluwer...

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán và tư vấn được HĐQT phê duyệt

Số cuộc kiểm toán, tư vấn thực hiện năm 2016



Các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và kịp thời đã góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị

Hầu hết các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được Lãnh đạo các đơn vị đánh giá cao và có hành động khắc phục kịp thời, qua đó góp phần cải thiện đáng kể hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.

Năm 2016 là năm đầu tiên Khối KTNB thực hiện chức năng Tư vấn theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế

Khối KTNB sử dụng mô hình Mức độ trưởng thành 5 cấp độ kết hợp với 6 thành phần của khung quản trị rủi ro doanh nghiệp ERM-COSO trong việc tư vấn hoàn thiện hệ thống ERM và đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện mức độ trưởng thành của hệ thống ERM cho Công ty con 100% vốn.

Báo cáo khảo sát toàn cầu của một số tổ chức lớn trên thế giới cho thấy các doanh nghiệp có mức độ trưởng thành của hệ thống ERM càng cao thì kết quả hoạt động kinh doanh (tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, mức độ an toàn vốn, xếp hạng tín nhiệm, mức độ tuân thủ với các quy định pháp luật, khả năng tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông và các bên liên quan...) càng tốt hơn so với các doanh nghiệp có mức độ trưởng thành của hệ thống ERM thấp.



Minh họa phương pháp tư vấn của Khối KTNB TĐBV - Ma trận mức độ trưởng thành của hệ thống ERM

Mức độ 5 - TỐI ƯU HÓA
- Đạt được chất lượng dịch vụ hoàn hảo
- Được xác nhận bởi một tổ chức độc lập về chất lượng tốt nhất
- Các sáng kiến và kỹ thuật thường xuyên được triển khai nhằm hoàn thiện quy trình theo thông lệ tốt nhất dựa trên quá trình cải tiến liên tục và chuẩn hóa so với các doanh nghiệp khác.

Mức độ 4 - ĐƯỢC QUẢN LÝ
- Các chương trình cải thiện liên tục và đưa ra quyết định quản lý dựa trên các dữ liệu, tiêu chí đo lường, kết quả tự đánh giá và hoạt động đảm bảo chất lượng.

Mức độ 3 - ĐƯỢC XÁC ĐỊNH
- Các thủ tục được chuẩn hóa và được ban hành thành quy trình chính thức, được truyền thông qua các hoạt động đào tạo.
- Các tiêu chí đo lường được xác định để đánh giá hiệu quả/chất lượng hoạt động/quy trình.

Mức độ 2 - LẶP LẠI
- Quy trình đã được chính thức hóa hơn, trong đó việc thực hiện bắt đầu có tính chất lặp lại (các thủ tục tương tự được lặp lại bởi nhiều cá nhân khác nhau cùng thực hiện chung một công việc giống nhau).
- Nhà quản lý thấu hiểu toàn bộ quy trình.

Mức độ 1 - KHỞI ĐẦU
- Doanh nghiệp chưa xây dựng một quy trình tiêu chuẩn nào, các hoạt động được thực hiện bởi từng cá nhân theo từng trường hợp cụ thể.

Thành phần ERM

Chiến lược và chính sách

Các quy trình

Nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức

Báo cáo quản trị

Phương pháp luận

Hệ thống và dữ liệu

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017 là năm thứ hai thực hiện mục tiêu kiểm toán 2016-2020, là năm chuẩn bị nguồn lực và xây dựng năng lực cho việc triển khai các hoạt động kiểm toán mới trong tương lai (kiểm toán công nghệ thông tin, kiểm toán hiệu quả hoạt động, kiểm toán báo cáo tài chính...). Các công việc trọng tâm bao gồm:

1. Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2017 được HĐQT giao với các chuyên đề kiểm toán mới, phạm vi rộng và phức tạp
2. Triển khai khóa đào tạo kỹ thuật kiểm toán công nghệ thông tin cho toàn bộ đội ngũ kiểm toán viên
3. Thực hiện rà soát tổng thể hệ thống văn bản quy định hoạt động KTNB (quy chế tổ chức hoạt động, chuẩn mực đạo đức, quy trình kiểm toán nội bộ, quy chế phối hợp...) ngay khi Nghị định KTNB của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn được ban hành chính thức nhằm đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật và tạo ra nền tảng vững chắc cho hoạt động của Khối KTNB trong giai đoạn phát triển mới.



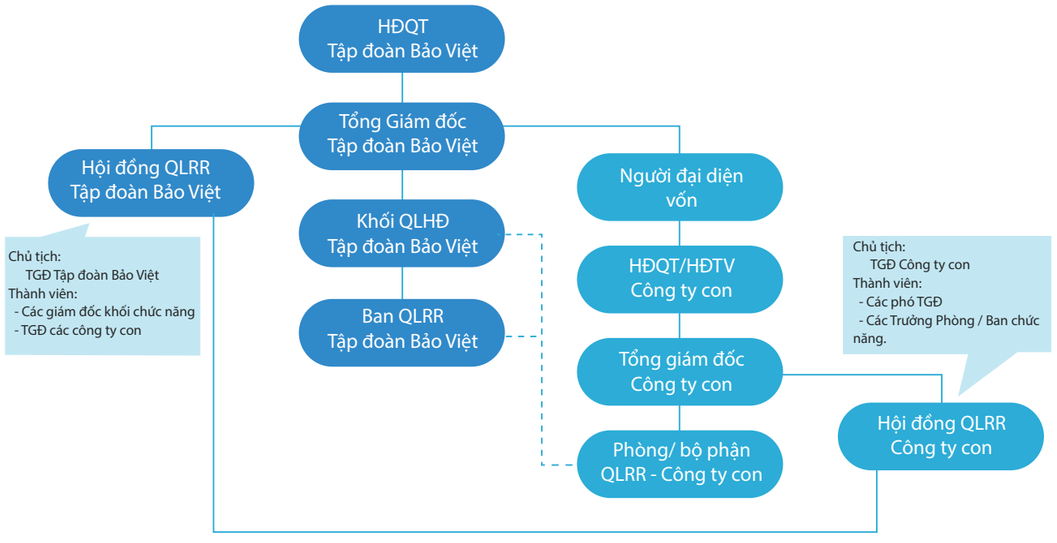
Năm 2016, tiếp tục với định hướng "Khơi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể" và "Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững", hoạt động quản lý rủi ro tham gia vào các hoạt động hàng ngày một cách chủ động. Năm qua là năm của các hoạt động thực thi và triển khai về quản lý rủi ro, đặc biệt sâu và toàn diện tại các công ty con dưới sự hỗ trợ, phối hợp của Tập đoàn, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, bảo đảm tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững.

Cùng với những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là diễn biến phức tạp và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, vấn đề nâng cao năng lực quản lý rủi ro, kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp đang và ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính như Bảo Việt.

Trong xu thế đó, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp tại Tập đoàn và các Công ty con, xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, xây dựng Khung khẩu vị rủi ro, đánh giá hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn và các Công ty con, bảo đảm sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Tập đoàn Bảo Việt luôn bảo đảm khung quản lý rủi ro được thống nhất xuyên suốt toàn hệ thống và tổ chức thực hiện quản lý rủi ro một cách chủ động, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Chúng tôi đã xây dựng và ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; các quy định đánh giá rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và áp dụng những quy trình hoạt động theo thông lệ quốc tế, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, bảo đảm Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ, nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con luôn chủ động xem xét yếu tố rủi ro trong các quyết định kinh doanh và quản lý hàng ngày.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO



TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỦI RO

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý rủi ro; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; cung cấp các nguồn lực phù hợp với yêu cầu của hoạt động quản lý rủi ro; ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro và giám sát thực hiện bảo đảm hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt an toàn và hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt là Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.

Các Công ty con thuộc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý rủi ro riêng thông qua việc xây dựng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của mình phù hợp với chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (RMC Tập đoàn) thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro.

RMC Tập đoàn có các nhiệm vụ sau:

- Tư vấn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trong việc xây dựng chiến lược và chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định về quản lý rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro đảm bảo tính liên tục và thống nhất trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Xây dựng văn hóa quản lý rủi ro trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Tham gia ý kiến, tư vấn cho các bộ phận chức năng khác của Tập đoàn Bảo Việt về hoạt động quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Phê duyệt, giám sát việc thực hiện mô hình, công cụ đo lường và hạn mức rủi ro.
- Rà soát và đánh giá các tổn thất, xác định các rủi ro cụ thể để chú trọng xử lý các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.
- Xem xét các nội dung có liên quan đến quản lý rủi ro trong thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo Actuary và báo cáo của các Khối, Trung tâm, Ban chức năng có liên quan.
- Đánh giá mức độ rủi ro, rủi ro tập trung/tích tụ, nhận dạng và phòng ngừa các rủi ro mới.
- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về hoạt động quản lý rủi ro theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.
- Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt giao.

Hoạt động của RMC Tập đoàn năm 2016

Năm 2016, RMC Tập đoàn và các Công ty con đã tổ chức các cuộc họp hàng quý để đánh giá, giám sát việc thực hiện QLRR trong toàn hệ thống, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách tổng thể, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Thông qua những cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý bao gồm:

- Cập nhật các quy định về quản lý rủi ro, thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Khẩu vị rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro, Khung Khẩu vị rủi ro…
- Rà soát, phân tích, đánh giá các loại rủi ro và đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp như rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và một số rủi ro trọng yếu khác.
- Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện Đề án Hợp lực về quản lý rủi ro: Tập đoàn phối hợp với các đơn vị thành viên trong xây dựng văn hóa QLRR, chia sẻ thông tin, thống nhất áp dụng mô hình, công cụ quản lý rủi ro…

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản lý rủi ro với các Ủy ban, các Khối, Trung tâm, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

- Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các lĩnh vực rủi ro trọng yếu tiềm tàng, đặc biệt rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp.

- Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có tại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro được mời tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.

CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2016-2020 nhằm hiện thực hóa Chiến lược kinh doanh của Tập đoàn và được cụ thể hóa bằng Chính sách Quản lý rủi ro hàng năm. Trong đó đưa ra các mục tiêu và các giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con, hướng tới thông lệ và chuẩn mực quốc tế; xây dựng và hoàn thiện Khẩu vị rủi ro; đánh giá, xác định các rủi ro trọng yếu và các biện pháp đo lường, xử lý nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro trong toàn hệ thống và nâng cao giá trị doanh nghiệp, góp phần tăng trưởng và phát triển bền vững.

Khẩu vị rủi ro

Một trong những yêu cầu bảo đảm khung quản lý rủi ro được hoàn thiện cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là mỗi một tổ chức cần ban hành Khung khẩu vị rủi ro, thể hiện các loại rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận để đạt mục tiêu chiến lược. Theo đó, các nội dung liên quan của Khẩu vị rủi ro gồm có:

Khẩu vị rủi ro phải bảo đảm:

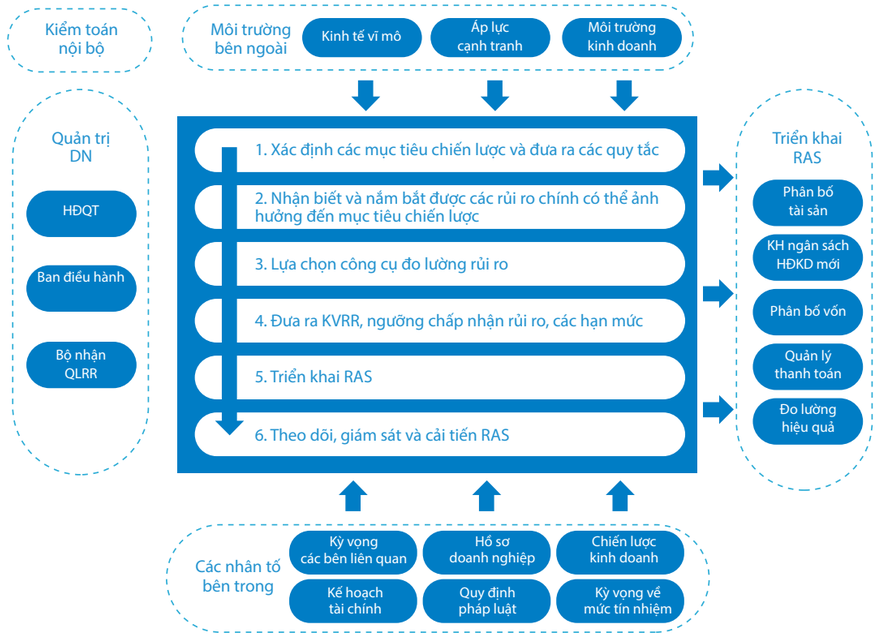
- Thể hiện được triết lý kinh doanh, phù hợp với chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.
- Bao quát đầy đủ các hoạt động của Tập đoàn trong ngắn, trung và dài hạn.
- Các rủi ro được đánh giá thông qua các tiêu chí định tính, định lượng.
- Cập nhật quy định hiện hành và chuẩn mực quốc tế trên cơ sở điều kiện về nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

Khẩu vị rủi ro bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tuyên bố về khẩu vị rủi ro (RAS) của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xác định, nhận dạng các loại rủi ro sẵn sàng chấp nhận.
- Xác định mức rủi ro mục tiêu, ngưỡng cảnh báo, ngưỡng chấp nhận rủi ro bảo đảm phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Xác định biện pháp xử lý rủi ro theo mức cảnh báo.
- Các nội dung có liên quan khác.

Khung khẩu vị rủi ro được xây dựng sẽ căn cứ vào môi trường bên ngoài như kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, áp lực cạnh tranh và các nhân tố bên trong như chiến lược kinh doanh, kế hoạch tài chính, kỳ vọng của cổ đông và các bên liên quan… Căn cứ vào quy trình sáu bước công việc cơ bản (nhận dạng, xác định rủi ro; đo lường, đánh giá rủi ro; ghi nhận, theo dõi rủi ro; xử lý rủi ro; lập báo cáo rủi ro; xem xét, đánh giá lại rủi ro, phát hiện những khả năng mới phát sinh rủi ro và các biện pháp để phòng và xử lý những tình huống mới) để xác định các ngưỡng chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tác động đến mục tiêu chiến lược. Khi xác định được khẩu vị rủi ro - đó sẽ là định hướng, cơ sở để phân bổ tài sản, quản lý thanh khoản, xây dựng các chỉ tiêu đo lường hiệu quả cho Tập đoàn…





Năm 2016, Tập đoàn duy trì hồ sơ rủi ro thận trọng, bảo đảm nguồn lực tài chính, vốn vững mạnh, tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn trong mọi lĩnh vực kinh doanh và quy định của pháp luật, duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững bảo đảm lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan, thường xuyên bảo vệ và xây dựng danh tiếng của Tập đoàn.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC CHÚ TRỌNG QUẢN LÝ

RỦI RO TRONG NGẮN HẠN

Chú thích: Hướng dẫn sử dụng ký hiệu mũi tên

Màu đỏ: Mức độ rủi ro cao

Màu vàng: Mức độ rủi ro trung bình

Màu xanh: Mức độ rủi ro thấp

↑ Xu hướng rủi ro tăng

↔ Xu hướng rủi ro ổn định

↓ Xu hướng rủi ro giảm

RỦI RO BẢO HIỂM

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

- Là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm

Nhận diện

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tỷ lệ tử vong, tỷ lệ bệnh tật, tỷ lệ hủy hợp đồng, tỷ lệ bồi thường
- Ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội, thiên tai.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro bảo hiểm:

- Được đo lường căn cứ vào dòng tiền trách nhiệm bảo hiểm
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng tuần, tháng, quý cho ban điều hành và hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các Công ty con.
- Được quản lý thông qua:
  - ✓ Áp dụng đầy đủ các quy trình trong tất cả các khâu của nghiệp vụ bảo hiểm
  - ✓ Cập nhật, điều chỉnh phí bảo hiểm căn cứ trên tỷ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ)
  - ✓ Áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro
  - ✓ Đánh giá rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm, từng địa phương.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

- Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả của quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài

Nhận diện

- Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ các hoạt động hàng ngày trong nội bộ, hoặc với bên ngoài, hoặc các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh
- Rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, thất thoát tài sản thông tin
- Rủi ro phát sinh từ bên ngoài, từ đại lý bảo hiểm, cơ sở y tế, chính quyền, địa phương…
- Rủi ro tuân thủ là một cấu phần của rủi ro hoạt động nhưng được xem xét thành nội dung cụ thể riêng (bên dưới)

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro hoạt động:

- Được đo lường bằng việc xem xét sự ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng về mặt tài chính, danh tiếng.
- Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, quý tùy từng lĩnh vực cho Ban lãnh đạo và RMC
- Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, Quy chế An toàn thông tin, các quy định về an ninh bảo mật, các quy trình thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ.

RỦI RO THANH KHOẢN

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↓

- Là nguy cơ không thực hiện được các cam kết tài chính đến hạn

Nhận diện

- Rủi ro thanh khoản phát sinh từ vấn đề không cân đối dòng tiền của từng kỳ hạn giữa tài sản và trách nhiệm
- Trong ngắn hạn có thể phát sinh từ việc duy trì không đủ nguồn tài sản thanh khoản cao, hoặc tài sản thanh hoán không đạt kỳ vọng do biến động xấu của thị trường

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro thanh khoản

- Được đo lường bằng dự báo dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản cao.
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các công ty con
- Được quản lý bằng hạn mức, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản.

RỦI RO TÍN DỤNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↓

- Là rủi ro xảy ra tổn thất do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi

Nhận diện

Rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay margin và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tín dụng:

- Được đo lường bằng số tiền mà khách hàng, đối tác không thể trả theo cam kết.
- Được giám sát, theo dõi việc tuân thủ hạn mức định kỳ hàng tháng trong báo cáo rủi ro cho Ban điều hành, và báo cáo RMC hàng quý
- Được quản lý bằng hạn mức, mô hình đánh giá tín nhiệm nội bộ được RMC Tập đoàn thông qua.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG ↔

- Là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa

Nhận diện

- Rủi ro thị trường phát sinh từ danh mục cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư ngắn hạn, danh mục ngoại tệ phục vụ nhu cầu thanh toán tái bảo hiểm.
- Danh mục chịu rủi ro thị trường chiếm tỷ trọng không đáng kể, tuy nhiên, tiềm ẩn rủi ro do nhân tố thị trường thường xuyên biến động.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường:

- Được đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1
- Được giám sát bằng hệ thống báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo RMC và ALCO Tập đoàn hàng quý
- Được quản lý bằng các thước đo, kết hợp với phương pháp phân tích kịch bản

RỦI RO TÍCH TỤ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG

- Là rủi ro tập trung hoạt động tín dụng hoặc các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vào một hoặc một số đối tác, khách hàng, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn ở mức độ có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của doanh nghiệp hoặc làm giảm khả năng duy trì các hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp

Nhận diện

- Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn; và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tích tụ:

- Được đo lường bằng cơ cấu tài sản, doanh thu, bồi thường theo đối tác khách hàng, theo lĩnh vực kinh doanh, theo địa bàn.
- Được giám sát bằng hệ thống báo cáo hàng tháng cho Ban điều hành và hàng quý tại RMC Tập đoàn và Công ty con.
- Được quản lý bằng hạn mức, quy trình, thủ tục phân quyền ra quyết định.

RỦI RO TUÂN THỦ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG

- Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm:
- Rủi ro pháp lý: Là loại rủi ro phát sinh từ việc thực hiện không đúng và/hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo sự điều chỉnh của pháp luật và/hoặc quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Rủi ro vi phạm các quy định nội bộ: Là những rủi ro do không tuân thủ các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt

Nhận diện

- Rủi ro có thể phát sinh trong việc quản trị doanh nghiệp (tranh chấp quyền quản lý, điều hành doanh nghiệp, tranh chấp trong quá trình chào bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tranh chấp thẩm quyền quyết định, …)
- Rủi ro phát sinh trong việc giao kết, thực hiện Hợp đồng với các đối tác
- Rủi ro phát sinh ngoài Hợp đồng (vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm quy định về việc cạnh tranh lành mạnh, …)
- Rủi ro liên quan tới các cơ quan quản lý nhà nước
- Rủi ro liên quan tới việc vi phạm các quy định quản lý nội bộ trong doanh nghiệp
- Rủi ro về chính sách pháp luật (Hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước còn thiếu, không đồng bộ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện)

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro tuân thủ:

- Được đo lường bằng dự báo khả năng xảy ra tranh chấp và các tổn thất, thiệt hại mà doanh nghiệp có thể phải gánh chịu trong trường hợp xảy ra tranh chấp;
- Được giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các công ty con;
- Quản lý bằng việc xây dựng khung quản lý rủi ro tuân thủ, Sổ tay tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; xây dựng biểu đồ tuân thủ trong từng hoạt động của các Khối/ Trung tâm, Phòng, Ban chức năng

RỦI RO DANH TIẾNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG

- Là các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc thiếu khả năng quản lý hoạt động, quản lý tài chính hoặc do quyết định sai trong hoạt động kinh doanh hoặc trong chiến lược kinh doanh

Nhận diện

- Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh từ sự ảnh hưởng của các rủi ro khác, đặc biệt từ rủi ro tuân thủ
- Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp, kỳ vọng, niềm tin của các bên liên quan.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro danh tiếng:

- Được đo lường bằng thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, báo chí, khách hàng, và người lao động
- Được giám sát, theo dõi bằng các bài báo bởi cơ quan báo chí, các chỉ số từ trung tâm dịch vụ khách hàng.
- Được quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.

RỦI RO TRONG DÀI HẠN

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG

- Là rủi ro doanh nghiệp đề ra chiến lược phát triển không phù hợp với khả năng của doanh nghiệp; doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội

Nhận diện

- Chiến lược giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 của Tập đoàn và kế hoạch triển khai chiến lược
- Chiến lược vốn
- Chiến lược Hợp lực
- Năng lực cạnh tranh so với đối thủ
- Việc tham gia vào lĩnh vực mới, thị trường mới

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro chiến lược:

- Được đo lường bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính của việc thực hiện chiến lược hàng năm
- Giám sát, theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tuần, tháng, quý của các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện chiến lược cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG

- Là rủi ro mà các hoạt động, các sản phẩm, dịch vụ tài chính của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến con người, môi trường, xã hội

Nhận diện

- Các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt
- Các tác động của môi trường, xã hội đối với Bảo Việt
- Các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường xã hội

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro

Rủi ro phát triển bền vững

- Được đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng
- Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý tại RMC Tập đoàn
- Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung Phát triển bền vững bởi Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

QUẢN LÝ RỦI RO CHỦ YẾU ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016

Để đạt được mục tiêu của Tập đoàn hướng tới các chuẩn mực quốc tế về khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước xây dựng và không ngừng cải thiện các công cụ quản lý rủi ro:

• Tập đoàn đã thiết lập các hạn mức rủi ro, tích hợp văn hóa quản lý rủi ro vào văn hóa doanh nghiệp. Đây là nền tảng tốt cho sự phát triển mạnh mẽ, ổn định trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững của Tập đoàn;

• Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Khung khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh;

• Tập đoàn tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, báo cáo rủi ro nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro tổng thể trong hoạt động kinh doanh;

• Tập đoàn sử dụng các công cụ và phương pháp như bảng đánh giá rủi ro, phân tích kịch bản "stress-testing", hạn mức rủi ro để quản lý các rủi ro trọng yếu;

• Tập đoàn thiết lập một hệ thống báo cáo rủi ro hiệu quả, cung cấp thông tin cảnh báo kịp thời các rủi ro phát sinh trong từng lĩnh vực kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và rủi ro tiềm ẩn;

• Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro tại các Công ty con thông qua báo cáo hợp nhất, báo cáo của Người đại diện vốn và tăng cường các công cụ kiểm soát rủi ro tại các Công ty con; tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa các kỹ thuật, mô hình quản lý rủi ro.

Quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh của Bảo Việt Nhân thọ. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá lợi nhuận sản phẩm, doanh số; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

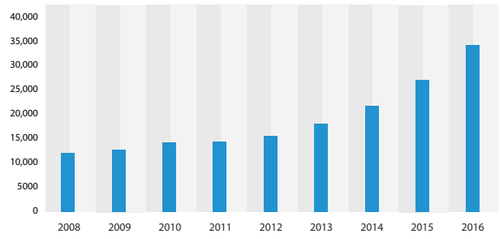
Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp stress testing. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được bảo đảm bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm bảo đảm mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Dự phòng nghiệp vụ của BVNT năm 2016

(Đơn vị: Tỷ đồng)



Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro được bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro nhà nhận tái bảo hiểm không có khả năng thực hiện trách nhiệm, Bảo Việt Nhân Thọ chỉ thực hiện tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

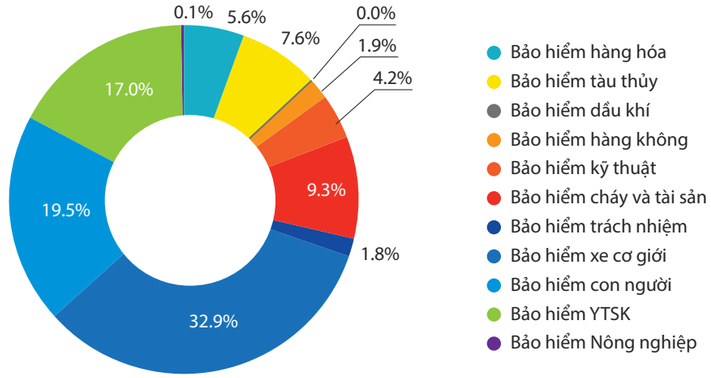
Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, kết quả kinh doanh của hoạt động bảo hiểm đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận nhưng kết quả kinh doanh bảo hiểm thường có biên độ biến động lớn nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và ít có biến động bất thường thì tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm.

Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường và định kỳ đánh giá hiệu quả của sản phẩm bảo hiểm đã bảo đảm kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được, tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ), lấy đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm nhằm bảo đảm giảm thiểu tỷ lệ bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Đối với các vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được xử lý và bồi thường tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt thông qua đội ngũ giám định, giải quyết bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt và giám định viên chuyên nghiệp ngoài Bảo hiểm Bảo Việt; chỉ những vụ tổn thất nhỏ, có tính chất đơn giản được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường ở một số công ty thành viên và ở các nghiệp vụ, dịch vụ có khả năng xảy ra tổn thất lớn (phải chia sẻ rủi ro thông qua tái bảo hiểm) để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc BHBV năm 2016

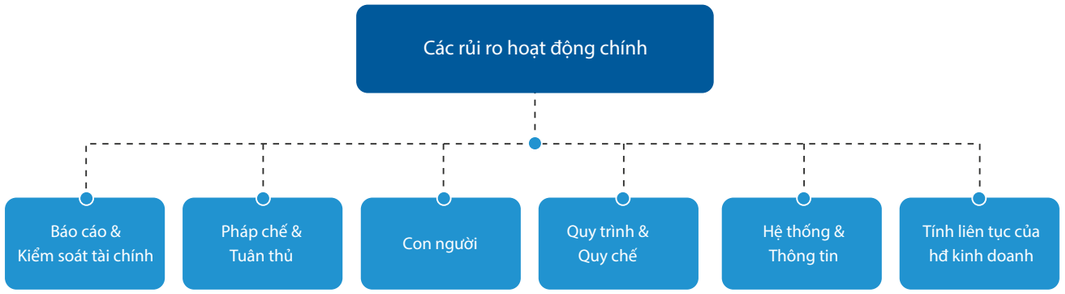


Quản lý rủi ro hoạt động

Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai để đánh giá và xử lý các rủi ro hoạt động phát sinh.

Khung quản lý rủi ro hoạt động được RMC Tập đoàn phê duyệt, triển khai từ năm 2012 và được truyền thông đến các Công ty con nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động một cách hệ thống.

Các rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể, các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.



Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2016 là đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn. Do đó, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiếp tục tăng cường quản lý rủi ro liên quan tới hệ thống công nghệ thông tin, chú trọng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con như:

• Tăng cường triển khai và tăng cường các chính sách an ninh bảo mật trên toàn hệ thống.

• Tổ chức đào tạo, truyền thông nhằm nâng cao ý thức cảnh giác với tấn công mạng và thực hiện sử dụng hệ thống mạng và ứng dụng an toàn.

• Xây dựng phương án, kịch bản ứng phó trong trường hợp hệ thống Công nghệ thông tin có sự cố xảy ra, bảo đảm tính liên tục của hoạt động kinh doanh.

Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS - Information Security Management System) theo Tiêu chuẩn ISO 27001:20013 tại Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin để giúp Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc giám sát, quản lý và tăng cường an ninh bảo mật, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống thông tin, đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn. Thực hiện giám sát, đánh giá an toàn hệ thống CNTT định kỳ tại Tập đoàn, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Bước đầu triển khai Dự án chống thất thoát dữ liệu cho người dùng cuối tại Tập đoàn nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan tới tuân thủ và con người.

Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện nâng cấp hệ thống quy trình hoạt động cũng như các công cụ hỗ trợ cho các hoạt động nội bộ của hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng các phương án sao lưu dự phòng cho các dịch vụ công nghệ thông tin, rà soát các kế hoạch bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh đối với một số hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin thiết yếu (trung tâm dữ liệu, hệ thống email Lotus Notes); tiến hành thử nghiệm khả năng phối hợp và ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại khi hệ thống website của Bảo Việt bị tấn công; xây dựng kế hoạch và hoàn thiện phương án dự phòng cho các dịch vụ quan trọng khác trong thời gian tới.

Bảo Việt là một trong những đơn vị tiên phong áp dụng các tiêu chuẩn ISO. Bảo Việt xác định, phiên bản mới ISO 9001:2015 có nhiều bước thay đổi đột phá, chứng minh với các khách hàng rằng Bảo Việt cam kết luôn cung cấp các sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất. Bảo Việt là một trong những đơn vị đầu tiên được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phiên bản ISO 9001:2015. Bên cạnh đó, việc áp dụng phiên bản ISO 9001:2015 sẽ giúp Bảo Việt tạo ra động lực sẵn sàng đổi mới, phát triển và đi vào quản lý thực chất trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

Bên cạnh đó, khi áp dụng các tiêu chuẩn 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Săn sóc, Sẵn sàng), Bảo Việt còn tạo ra một môi trường làm việc thông thoáng và khoa học, khuyến khích sự sáng tạo và cải tiến của các cán bộ, nhân viên; phòng ngừa các rủi ro một cách chủ động, giảm thiểu các chi phí hoạt động từ đó nâng cao ưu thế cạnh tranh; tạo dựng, củng cố và nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của Bảo Việt trong mắt khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản, khả năng thanh toán

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con là bảo đảm cân đối các nguồn lực tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và duy trì mức thanh khoản ở mức thích hợp đáp ứng quy định hiện hành và yêu cầu kinh doanh hàng ngày. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã xây dựng và áp dụng những biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; thường xuyên theo dõi và giám sát nguồn lực tài chính bảo đảm duy trì mức thanh khoản hợp lý và đáp ứng các yêu cầu về thanh khoản. Tập đoàn và các Công ty luôn chủ động đánh giá, rà soát chất lượng tài sản/chất lượng tín dụng, đa dạng hóa danh mục đầu tư bảo đảm phù hợp giữa tài sản nợ và tài sản có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro.

Mức độ thanh khoản/khả năng thanh toán của Tập đoàn và các Công ty con được định kỳ xem xét và báo cáo với ALCO. ALCO có trách nhiệm xem xét và kiểm soát chiến lược đầu tư để phù hợp với chính sách quản lý về Tài sản nợ - Tài sản có, rà soát mức độ đáp ứng yêu cầu về khả năng thanh toán, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ đã được Bảo Việt Nhân thọ duy trì để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về bảo đảm khả năng thanh toán áp dụng cho Bảo Việt Nhân thọ được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ cũng xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động, đồng thời xây dựng kế hoạch chi trả định kỳ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì trạng thái biên khả năng thanh toán phù hợp để đáp ứng những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên, bảo đảm doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và bảo đảm lợi ích của các chủ hợp đồng.

Hiện tại, không có các khác biệt trọng yếu giữa dòng tiền tương lai của tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu), hoạt động kinh doanh bảo hiểm (chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt) và hoạt động kinh doanh khác. Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã áp dụng đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi:

Từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai thành công mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình này là căn cứ để RMC Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Tập đoàn và các công ty con được phép gửi tiền.

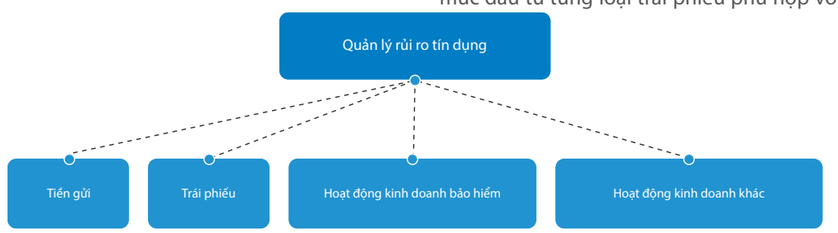
Các hạn mức này được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm. Mô hình phân tích tín dụng nội bộ không ngừng được hoàn thiện dựa trên các nguyên tắc cơ bản được RMC thông qua. Việc thực hiện hạn mức tiền gửi toàn Tập đoàn giúp hạn chế rủi ro tín dụng đồng thời vẫn phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật. Nguyên tắc và quy trình thực hiện hạn mức tiền gửi cũng được xây dựng linh hoạt, bảo đảm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và vẫn kiểm soát được rủi ro.

Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con cũng thiết lập các biện pháp giám sát nhằm hạn chế rủi ro tích tụ trong hoạt động đầu tư tiền gửi, đồng thời đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng. Rủi ro tín dụng được theo dõi và đánh giá trong Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu:

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu (89%) nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược



đầu tư và cơ cấu tổng tài sản đồng thời xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư trái phiếu mới.

Để có thể kiểm soát rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ danh mục trái phiếu doanh nghiệp, Tập đoàn đã chủ động nghiên cứu đánh giá chất lượng tín nhiệm của các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp đầu tư. Năm 2016, Tập đoàn đã ban hành Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp áp dụng tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con.

Các hạn mức đầu tư cũng đã được xây dựng và ban hành nhằm bảo đảm nguồn vốn đầu tư không quá tập trung vào một tổ chức, một ngành.

Quản lý rủi ro tín dụng bảo hiểm:

Năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và thực hiện những quy định chặt chẽ hơn để quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến thu phí bảo hiểm. Đối với dòng tiền từ phí bảo hiểm phi nhân thọ (dòng tiền vào), Bảo hiểm Bảo Việt quy định bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết hoặc trong thời hạn đóng phí do Bảo hiểm Bảo Việt quy định. Trong một số trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt có thể kéo dài thời hạn đóng phí bảo hiểm. Từ tháng 3/2015, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu toàn hệ thống tuân thủ đầy đủ quy định về nợ phí bảo hiểm không quá 30 ngày theo đúng quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 194/2014/TT-BTC) qua đó đã làm giảm đáng kể rủi ro tín dụng trong trường hợp khách hàng chậm đóng phí bảo hiểm, đồng thời hạn chế tranh chấp.

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các công ty nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt có đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, các thỏa thuận tái bảo hiểm được xây dựng và thực hiện từ năm 2012 cho những hợp đồng có số tiền bảo hiểm lớn nhằm chấp nhận bảo hiểm với số tiền bảo hiểm cao hơn, đồng thời kiểm soát tốt các rủi ro này khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, bảo đảm khả năng tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, hợp tác tái bảo hiểm giúp Bảo Việt Nhân thọ tiếp cận với tiêu chuẩn và kinh nghiệm quốc tế, qua đó giúp thiết lập và hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ, có thêm thông tin trong định phí và phát triển sản phẩm, xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh…

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, năm 2016 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tiếp tục duy trì đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng định kỳ hàng quý để quản lý rủi ro từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Các khách hàng đều được đánh giá về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng trước khi Tổng Giám đốc phê duyệt. Ngoài ra, rủi ro tín dụng được quản trị thông qua các biện pháp xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu thuộc danh mục cho vay ký quỹ định kỳ hàng tháng, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, đề ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản bảo đảm nhằm bảo đảm an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC. Năm 2016, rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ luôn được kiểm soát và được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản bảo đảm được duy trì ở mức độ an toàn, không xảy ra trường hợp/sự kiện rủi ro tín dụng nào.

Quản lý rủi ro thị trường

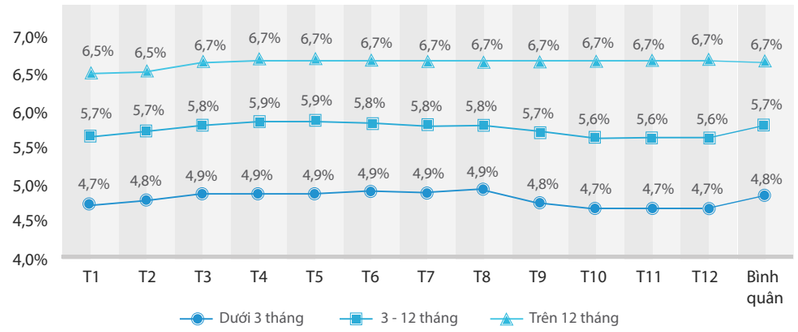
Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường của Tập đoàn và các công ty con là quản lý và kiểm soát các rủi ro này đồng thời duy trì danh mục đầu tư phù hợp với mức độ cho phép.

Rủi ro lãi suất

Danh mục tiền gửi và trái phiếu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất. Lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư (tiền gửi và trái phiếu), thu nhập lãi và việc tái đầu tư. Ngoài ra, rủi ro lãi suất còn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong việc đưa ra biện pháp phù hợp như điều chỉnh tỷ lệ lãi suất của sản phẩm nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và quyền lợi của chủ hợp đồng, nhà đầu tư. Tỷ trọng tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư tài chính tại Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục chiếm tỷ trọng rất lớn danh mục đầu tư tài chính.

Trong năm 2016, lãi suất tiền gửi tại các kỳ hạn đều cao hơn năm 2015.

Lãi suất bình quân các ngân hàng trên thị trường

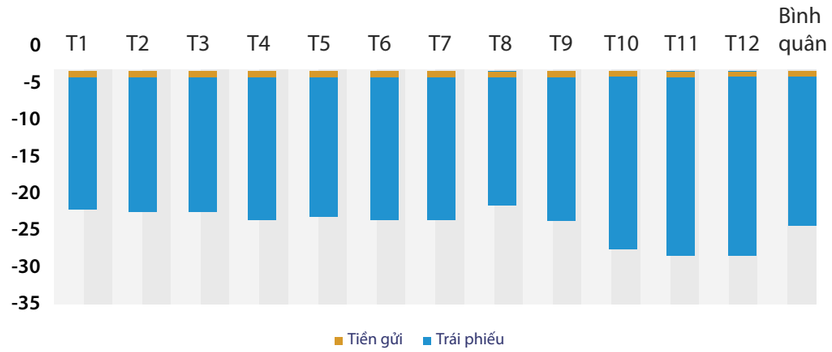


Ghi chú:
- Bình quân lãi suất tiền gửi cho khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm cuối tháng do ngân hàng 100% vốn nhà nước (AGRB), 3 ngân hàng TMCP nhà nước nắm cổ phần chi phối (BIDV, VCB, CTG) cung cấp trên Website của các Ngân hàng.
- Bình quân lãi suất tiền gửi cho khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm cuối tháng do 21 ngân hàng Việt Nam cung cấp trên Website của các Ngân hàng.

Hiện tại, Tập đoàn sử dụng các thước đo Duration và PVO1 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu đối với lãi suất. Trong năm 2016, PVO1 và Duration của danh mục trái phiếu tăng do giá trị đầu tư và kỳ hạn trái phiếu tăng.

PV01 toàn danh mục đầu tư lãi suất cố định

(Đơn vị: tỷ đồng)



Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận đồng thời bảo đảm tính thanh khoản cho Tập đoàn và các công ty con

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm truyền thống và có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không bảo đảm.

Ngoài ra, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được Tập đoàn chú trọng và thực hiện định kỳ trong các báo cáo để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư. Năm 2017, lãi suất tiền gửi được dự báo tiếp tục có xu hướng tăng nhẹ so với bình quân năm 2016. Đối với thị trường trái phiếu ngắn hạn, vẫn có khả năng (xác suất 60/40) tăng trở lại, gap lãi suất trái phiếu ngắn và dài hạn thu hẹp dần để trở về mức hợp lý. Đối với lãi suất trái phiếu dài hạn: dự báo sẽ đi ngang. Dự báo này vẫn nằm trong các kịch bản mà Tập đoàn đang thực hiện.

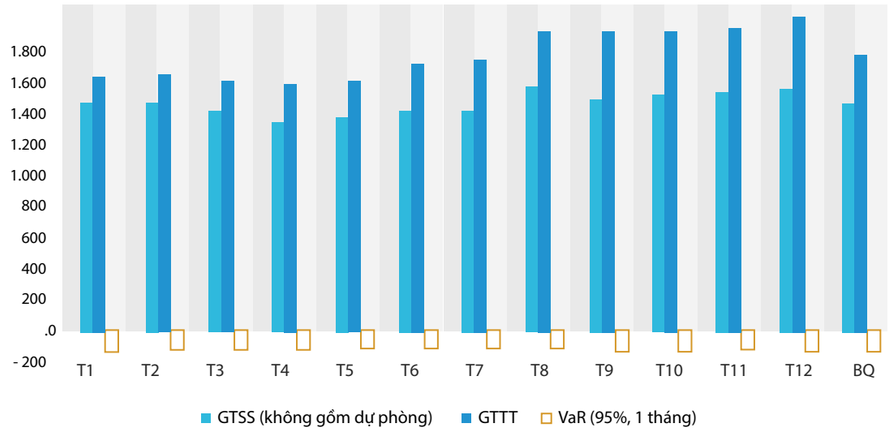
Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động

giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư. Năm 2016 chỉ số Vn-Index có mức tăng trưởng mạnh cả về điểm số và giá trị giao dịch, trong khi biến động của chỉ số Hnx-Index là không đáng kể. Tại Tập đoàn Bảo Việt, tỷ trọng cổ phiếu giảm từ 6% xuống 4% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn.

Biến động danh mục cổ phiếu niêm yết

(Đơn vị: tỷ đồng)



Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%). Giá trị VaR (95%, 1 tháng) của toàn Tập đoàn những tháng đầu năm 2016 giảm nhẹ so với những tháng trước đó, sau đó dao động quanh mức 8,5%. Giá trị bình quân của VaR (95%, 1 tháng) là 8,8% (giảm 3,6% so với bình quân năm 2015). Điều này cho thấy, rủi ro giá cổ phiếu đối với danh mục cổ phiếu niêm yết có xu hướng giảm nhẹ.

Ngoài ra, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được Tập đoàn chú trọng và thực hiện định kỳ trong các báo cáo để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư. Năm 2017, lãi suất tiền gửi được dự báo tiếp tục có xu hướng tăng nhẹ so với bình quân năm 2016. Đối với thị trường trái phiếu ngắn hạn, vẫn có khả năng (xác suất 60/40) tăng trở lại, gap lãi suất trái phiếu ngắn và dài hạn thu hẹp dần để trở về mức hợp lý. Đối với lãi suất trái phiếu dài hạn: dự báo sẽ đi ngang. Dự báo này vẫn nằm trong các kịch bản mà Tập đoàn đang thực hiện.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), song hành với việc cập nhật giá thị trường của cổ phiếu (nếu có), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các công ty Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các công ty đó. Các thông tin liên quan đến các công ty trong danh mục cổ phiếu chưa niêm yết sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo ra các quyết định kịp thời. Năm 2016, tỷ trọng danh mục OTC có xu hướng giảm so với năm 2015, từ 55% xuống còn 36% trong tổng số danh mục cổ phiếu. Danh mục UpCom tăng từ 3% lên 15%. Điều này cho thấy rủi ro về giá và thanh khoản có xu hướng giảm.

Theo dự báo trong năm 2017 sắp tới, chứng khoán sẽ phát sinh sản phẩm mới (chứng khoán phái sinh) tạo cơ hội đồng thời là thách thức trong việc theo dõi, đo lường, phân tích và ứng phó với với sản phẩm mới này. Vn-Index có khả năng tăng nhẹ dẫn tới yếu tố thuận lợi cho giá cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với hoạt động bảo hiểm là không đáng kể vì Bảo hiểm Bảo Việt luôn có đủ nguồn dự trữ ngoại tệ.

Tập đoàn Bảo Việt cũng sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" với các tình huống giả định khác nhau để phân tích ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi.

Năm 2017, tỷ giá USD/VND được dự báo tăng khoảng từ 2% - 4%, dự báo này vẫn nằm trong kịch bản giả định mà Tập đoàn Bảo Việt đang thực hiện.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty đầu tư và quản lý cũng được xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi Chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Kết quả hoạt động trong quá khứ của Quỹ (nếu có) không có nghĩa sẽ bảo đảm cho kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ và cũng không bảo đảm về mục tiêu đầu tư của Quỹ sẽ luôn đạt được.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định cẩn thận theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty quản lý quỹ theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhập thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

Quản lý rủi ro tích tụ

Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn bao gồm: chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Cách thức đo lường, giám sát và quản lý rủi ro tích tụ như sau:

- Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, doanh thu, bồi thường theo đối tác khách hàng, theo lĩnh vực kinh doanh, theo địa bàn.
- Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo hàng tháng cho Ban điều hành và hàng quý tại RMC Tập đoàn và Công ty con.
- Rủi ro tích tụ được quản lý bằng hạn mức, quy trình, thủ tục phân quyền ra quyết định.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,… Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,… Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng bảo hiểm riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để

giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Quản lý rủi ro tích tụ từ danh mục đầu tư tài chính

Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ…) nhằm dùng lợi tức từ loại tài sản đầu tư này bù đắp thiệt hại từ tài sản đầu tư khác nếu có phát sinh rủi ro;
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào nhiều công ty, nhiều lĩnh vực không có nhiều sự liên kết, sở hữu chéo với nhau… để có thể giảm thiểu được sự biến động giá cả trong danh mục đầu tư;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau sẽ giúp đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Quản lý rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh từ sự ảnh hưởng của các rủi ro khác, đặc biệt từ rủi ro tuân thủ: cán bộ nhân viên vi phạm pháp luật, các vấn đề trong hoạt động của Đơn vị thành viên, gây ảnh hưởng đến danh tiếng toàn hệ thống, từ việc rò rỉ thông tin nội bộ, từ các phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp từ những nguồn không chính thống, từ việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin bắt buộc (công bố thông tin chậm, không đầy đủ, kịp thời….).

Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp, kỳ vọng, niềm tin của các bên liên quan.

Năm 2016, rủi ro danh tiếng được kiểm soát tốt, các biện pháp đo lường, giám sát và quản lý như sau:

- Đo lường bằng thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, báo chí, khách hàng, và người lao động.
- Giám sát, theo dõi bằng các bài báo bởi cơ quan báo chí, các chỉ số từ trung tâm dịch vụ khách hàng.
- Quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Năm 2016 Tập đoàn đã ban hành Sổ tay xử lý khủng hoảng truyền thông và thực hiện truyền thông, đào tạo trong toàn Tập đoàn.

Quản lý rủi ro chiến lược

Rủi ro chiến lược là rủi ro doanh nghiệp đề ra chiến lược phát triển không phù hợp với khả năng của doanh nghiệp; doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi.

Rủi ro chiến lược có thể phát sinh từ:

- Chiến lược giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 của Tập đoàn và kế hoạch triển khai chiến lược.
- Chiến lược vốn.
- Chiến lược Hợp lực.
- Năng lực cạnh tranh so với đối thủ.
- Tham gia vào lĩnh vực mới, thị trường mới.

Các biện pháp đo lường, giám sát, quản lý rủi ro chiến lược:

- Đo lường bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính của việc thực hiện chiến lược hàng năm.
- Giám sát, theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tuần, tháng, quý của các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện chiến lược cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị.
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm.

Quản lý rủi ro phát triển bền vững

Rủi ro phát triển bền vững có thể phát sinh khi có các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Bảo Việt; các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội, hoặc từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các đối tác hoặc dự án dẫn đến những tác động gián tiếp không thể chấp nhận đối với con người hoặc môi trường từ đối tác hoặc dự án đó. Để quản lý tốt các rủi ro này, thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng như quan tâm đến các yêu cầu cần phải tuân thủ khi quản lý chuỗi cung ứng, tạo ra giá trị bền vững cho Bảo Việt cũng như tất cả các đối tác, khách hàng và cộng đồng. Tập đoàn Bảo Việt luôn hướng tới biện pháp thiết thực nhằm duy trì phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cộng đồng thịnh vượng.

Bảo Việt là Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và bảo đảm rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

Bảo Việt chú trọng đánh giá các tác động môi trường của từng quá trình kinh doanh, xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường, xã hội nhằm quản lý và giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và bảo đảm lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Bảo Việt không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu là các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của Bảo Việt. Do đó, việc xác định các biện pháp quản lý rủi ro phát triển bền vững phù hợp là rất cần thiết, các biện pháp đó bao gồm:

- Xác định và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt vào chiến lược kinh doanh, bảo đảm mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững, thực hiện có hệ thống các quy trình để bảo đảm áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của Bảo Việt đối với phát triển bền vững.

- Đánh giá các rủi ro của các dự án đầu tư: việc đánh giá và xử lý các rủi ro của dự án đầu tư giúp cho Bảo Việt nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi thực hiện dự án đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của dự án, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của dự án đối với cộng đồng và xã hội.

- Đánh giá các rủi ro đối với khách hàng tổ chức tham gia bảo hiểm: Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên chú trọng đánh giá tiêu chí bền vững khi cấp đơn bảo hiểm cho khách hàng tổ chức. Với các khách hàng thuộc khối sản xuất và thương mại, Bảo Việt quan tâm tới khía cạnh hoạt động kinh doanh của khách hàng phải bảo đảm an toàn đối với môi trường, xã hội trong quá trình hoạt động. Các khía cạnh được cân nhắc bao gồm xả rác thải ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước và xả lượng lớn khí carbon dioxit (CO_2). Bảo Việt sẽ từ chối bảo hiểm cho những doanh nghiệp không đáp ứng được tiêu chí bảo vệ môi trường và xã hội.

- Quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt đối với môi trường và xã hội, bao gồm các tác động từ hoạt động khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của Bảo Việt. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị, Bảo Việt đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.

- Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp: Bảo Việt xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội.

- Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống về các tác động đối với môi trường và xã hội và bảo đảm rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2017

Tập đoàn Bảo Việt nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua các giải pháp trọng tâm sau:

- Bảo đảm khung quản lý rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn, tăng cường hợp lực, hỗ trợ giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên để nâng cao hiệu quả của ngành dọc quản lý rủi ro toàn Tập đoàn.
- Văn bản hóa các quy định trong hoạt động quản lý rủi ro để có cơ sở hướng dẫn và thực hiện được nhất quán tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của các cuộc họp RMC hàng quý tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tăng cường gắn kết và hỗ trợ.
- Nâng cao hiệu quả của việc trao đổi thông tin, phối hợp giữa 3 tầng phòng thủ.
- Sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá rủi ro, nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.
- Nâng cao hiệu quả của các báo cáo rủi ro trong việc tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời.
- Tăng cường hệ thống công nghệ thông tin, tiếp tục triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật và tính an toàn của hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tiếp tục phát huy văn hóa quản lý rủi ro, tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức quản lý rủi ro trong Tập đoàn, phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý rủi ro tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.



Công tác pháp chế và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt được triển khai thực hiện ngay sau khi cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam vào năm 2007. Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, công tác pháp chế và tuân thủ tại Bảo Việt hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con thông qua việc triển khai xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về quản trị và giám sát tuân thủ.

1. CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Căn cứ Quyết định số 432/2015/QĐ-HĐQT ngày 02/4/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Tập đoàn Bảo Việt; Quyết định số 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Hoạt động và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động, theo đó giao chức năng, nhiệm vụ về công tác pháp chế và tuân thủ cho Khối Quản lý Hoạt động, Ban Pháp chế và Tuân thủ có các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tham mưu, tư vấn về công tác pháp chế cho Lãnh đạo Tập đoàn, Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm/Đơn vị phụ thuộc trong Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của Tập đoàn và trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời báo cáo, khuyến nghị, đề xuất thường xuyên, định kỳ và đột xuất đến Lãnh đạo Tập đoàn, Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm, Công ty Con và các đơn vị thành viên khác thuộc Tập đoàn Bảo Việt về những nguy cơ có thể xảy ra vi phạm trong quá trình tổ chức và hoạt động để hạn chế các rủi ro pháp lý, thiệt hại.

2. CÔNG TÁC PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ NĂM 2016

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2016, Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chính như sau:

Về công tác pháp chế:

- Từ giữa năm 2015 đến hết năm 2016, Ban Pháp chế và Tuân thủ là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý khoảng trên 60 văn bản, trong đó có gần 29 văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Quy chế Quản trị, Điều lệ Công ty con, các quy chế, quy định khác… và 27 quy trình ISO điều chỉnh quá trình tác nghiệp của các nghiệp vụ quan trọng trong Tập đoàn, góp phần hoàn thiện hành lang "pháp lý" về quản trị, điều hành và tác nghiệp cơ bản cho Tập đoàn và Công ty con. Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp chứng chỉ ISO 9001 - 2016, Chứng chỉ thực hành 5S…

- Thực hiện tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Trung tâm/Chi nhánh/Ban chức năng và phối hợp với các Công ty/Văn phòng luật chuyên nghiệp để tư vấn, hỗ trợ nhiều vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn;

- Phối hợp với các Khối/Ban liên quan nhằm nâng cao hiệu quả giám sát: Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã phối hợp với Khối Kiểm toán nội bộ xây dựng thành công Quy chế phối hợp trong các lĩnh vực pháp chế, tuân thủ, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai phối hợp công tác trong năm 2015, 2016 và các năm tiếp theo.

Về công tác tuân thủ:

- Hoàn thành việc trình HĐQT ban hành Quy chế tuân thủ của Tập đoàn, cho ý kiến để các đơn vị thành viên xây dựng và ban hành Quy chế tuân thủ của các Đơn vị; Trình phê duyệt Kế hoạch tuân thủ năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt và Kế hoạch tuân thủ của các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

- Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp làm cơ sở đầu tiên cho việc truyền thông, đào tạo và áp dụng các quy định về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong Tập đoàn;

- Ban hành Sổ tay văn hóa làm cơ sở cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử của cán bộ, nhân viên Tập đoàn;

- Tiên phong tổ chức lớp đào tạo ISO 19600 (Tiêu chuẩn về tuân thủ mới nhất của Tổ chức chứng nhận Quốc tế) cho các cán bộ, nhân viên có liên quan của Tập đoàn.

3. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017

Trong năm 2017, công tác pháp chế và tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Phát huy vai trò dẫn dắt trong việc nghiên cứu các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối, Trung tâm, Ban trước các vấn đề phát sinh;
- Tham gia đào tạo kiến thức pháp lý, nội dung của các luật mới, có ảnh hưởng đến Tập đoàn cho các cán bộ, nhân viên có liên quan; tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn một cách chuyên nghiệp, hiệu quả hơn nữa;
- Là đầu mối thực hiện rà soát toàn bộ các văn bản nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và thống nhất hệ thống văn bản nội bộ của Tập đoàn, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho phát triển hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống;
- Xây dựng Khung tuân thủ, Biểu đồ tuân thủ và Sổ tay tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt theo quy định tại Quy chế tuân thủ của Tập đoàn trong năm 2017; từng bước triển khai việc xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ cụ thể, hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con theo đúng các chuẩn mực về quản trị tuân thủ của thế giới trong những năm sắp tới.



Là doanh nghiệp thuộc VN30 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất trên thị trường với gần 7.000 cổ đông, Bảo Việt luôn xác định bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Hoạt động quan hệ cổ đông của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

TĂNG CƯỜNG THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO QUYỀN, LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông

Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết....



Chuẩn hóa quy trình tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành và các thông lệ quốc tế.

Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty hiện nay như Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD và IFC, Bảo Việt tiếp tục chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia), đăng thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc nhằm gia tăng các kênh thông tin để tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận với các thông tin một cách tốt nhất, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website trước khi tổ chức họp 21 ngày và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.





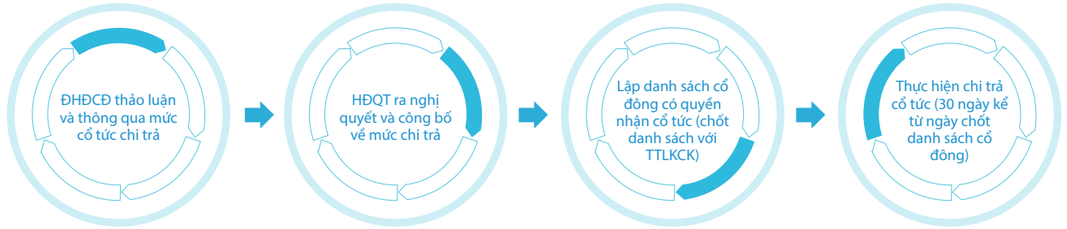
Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm

Bảo Việt hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn kể từ khi niêm yết, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2016, với việc dành hơn 540 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn 6.300 tỷ đồng.



Quy trình chi trả cổ tức tại Tập đoàn Bảo Việt



Bên cạnh đó, Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

Tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp…

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC và Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư; Chủ động công bố thông tin về các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với cổ đông chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt.

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư



Việc duy trì phát hành Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) song ngữ Việt – Anh với nhiều thông tin phân tích về các chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà đầu tư và chuyên gia phân tích do cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

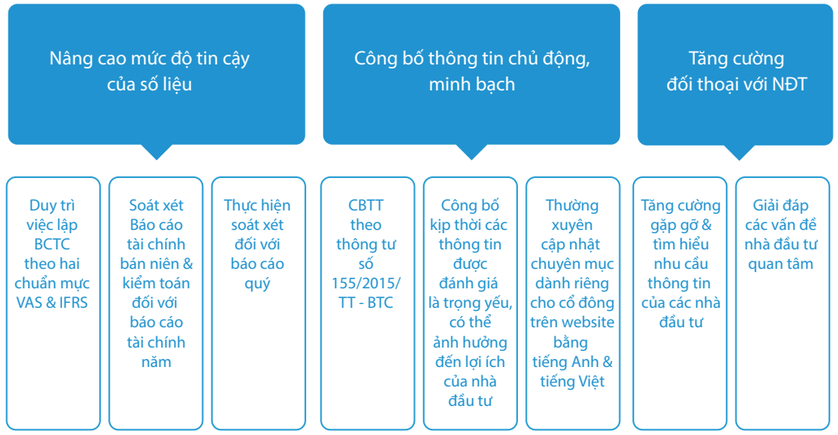
Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Bảo Việt đã tiến hành nâng cấp chuyên trang dành cho cổ đông song ngữ Anh/Việt trên website của Tập đoàn Bảo Việt với nhiều thông tin bổ ích và tăng tính tương tác và hiệu quả hỗ trợ cổ đông.

Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Không chỉ thực hiện kiểm toán các thông tin tài chính - điều mà hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đang làm, Bảo Việt còn tiên phong thực hiện kiểm toán đối với các chỉ tiêu phi tài chính để nâng cao mức độ tin cậy của thông tin.

Các hoạt động IR đã triển khai trong năm 2016 nhằm nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin



Thông qua việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về công bố thông tin và thực thi các chính sách quan hệ cổ đông hiệu quả, Tập đoàn Bảo Việt đã xuất sắc được bình chọn vào "Top 5 Doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất năm 2016" do chính các nhà đầu tư bình chọn.

KẾ HOẠCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ CHUYÊN NGHIỆP HÓA HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017

Năm 2017, Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư, trong đó tập trung và các hoạt động sau:

- Tăng cường gặp gỡ, tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác hiệu quả với nhà đầu tư tại Việt Nam và trên thế giới.
- Cấu trúc lại giao diện chuyên trang dành cho cổ đông, nhà đầu tư trên website theo hướng thân thiện và tiếp cận hơn;
- Tiếp tục thực hiện công bố thông tin song ngữ tiếng Anh – Việt đối với các tài liệu được đăng tải trên website Tập đoàn Bảo Việt.
- Tăng cường số lượng và chất lượng các báo cáo phân tích về cổ phiếu BVH do tổ chức uy tín hàng đầu tại thị trường trong nước và khu vực.

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài Chính
Email: congbothongtin@baoviet.com.vn
Điện thoại: 04 3 928 9999 (Số máy lẻ: 312)

Bộ phận quan hệ cổ đông:

Email: investorbvh@baoviet.com.vn
Điện thoại: 04 3 928 9999 (Số máy lẻ: 337)

Website: www.baoviet.com.vn

THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán Trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên. Thông tin về sở hữu của cổ đông nội bộ năm 2016 được trình bày cụ thể tại Bảng sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phần nắm giữ		Tổng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
			Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân		
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	175.707.452	0	175.707.452	25,82%
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	111.410.384	1.194	111.411.578	16,37%
3	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	61.254.546	0	61.254.546	9,00%
4	Ông Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	61.254.545	0	61.254.545	9,00%
5	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	48.848.000	3.200	48.851.200	7,18%
6	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	48.848.000	500	48.848.500	7,18%
7	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	48.848.000	0	48.848.000	7,18%
8	Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	22.154.400	0	22.154.400	3,26%
9	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	48.848.000	0	48.848.000	7,18%
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát	0	318	318	0,00005%
2	Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0%
3	Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0%
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN						
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	0	0	0	0%
2	Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	0	0	0	0%
3	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính kiêm Người được Ủy quyền CBTT	0	0	0	0%
4	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	0	0	0	0%
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	0	0	0	0%

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm: Cổ đông lớn/cổ đông sáng lập, công ty con thông qua hoạt động đầu tư, góp vốn và cung cấp dịch vụ. Thông tin về các giao dịch được trình bày cụ thể tại bảng sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
1	Bộ Tài chính	Cổ đông lớn		28 Trần Hưng Đạo, Hà Nội	386.007.840.000	Tập đoàn Bảo Việt chi trả cổ tức
2	Công ty BHNT Sumitomo	Cổ đông lớn	MoF Notification 737	1-4-35, Shiromi, Osaka, Nhật Bản	98.007.272.800	Tập đoàn Bảo Việt chi trả cổ tức
3	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đông sáng lập	0106000737 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 18/10/2006	Tầng 23-24 Toàn nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	17.723.520.000	Tập đoàn Bảo Việt chi trả cổ tức
4	Công ty CP Đầu tư Bảo Việt (BVI)	Công ty con	0103193730 cấp ngày 17/11/2015 thay đổi lần thứ 5 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư	71 Ngô Sĩ Liên, Đống Đa, Hà Nội	180.017.801	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					(11.296.492.570)	Phí quản lý tòa nhà và thù lao ủy thác cho thuê văn phòng
					55.868.605.931	Doanh thu cho thuê văn phòng và khai thác bãi xe
					(6.146.252.064)	Chi phí năng lượng
					(2.063.056.164)	Chi phí sửa chữa và dịch vụ khác
5	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con	45/GPĐC5/KDBH cấp ngày 27/3/2013 bởi Bộ Tài chính	35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	303.017.912.700	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					43.809.009.731	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					5.816.650.962	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo
6	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con	46GP/KDBH cấp ngày 23/11/2007 tại Hà Nội bởi Bộ Tài Chính	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	(500.000.000.000)	Tăng vốn góp
					487.440.629.176	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					52.981.162.091	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					907.386.597	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo
7	Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	Công ty con	27/GPDC-UBCK cấp ngày 22/9/2015 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tầng 5, tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	23.371.458.124	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					1.244.402.303	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					2.499.103.530	Doanh thu cho thuê trụ sở, phí giữ xe
					47.718.000	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo
8	Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt BVIF				21.000.000.000	Cổ tức nhận được
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Công ty con	01/GPHĐKD cấp ngày 26/11/1999 cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.818.579.315	Doanh thu cho thuê trụ sở, phí giữ xe
					(363.696.869)	Chi phí dịch vụ LKCK và khác
					3.213.839.998	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					(298.000.000)	Chi phí từ dịch vụ tư vấn ĐHĐCĐ, quản lý Sổ cổ đông, chi trả cổ tức.



BAOVIET

IR

TOP 5 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT 2016

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAOVIET

TIÊN PHONG ĐỂ BỀN VỮNG



05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TIÊN PHONG ĐỂ BỀN VỮNG



- CÁC ẢNH HƯỞNG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT
- CON SỐ VÀ SỰ KIỆN
- THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
- GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG
- BÁO CÁO ĐẢM BẢO CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ



TIÊN PHONG

Bà **TRẦN THỊ DIỆU HẰNG**

Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ

"Không chỉ tiên phong trong quá trình tạo lập thị trường tài chính - bảo hiểm, Bảo Việt còn ***tiên phong*** trong việc nắm bắt các xu hướng về phát triển bền vững và gắn kết phát triển bền vững trong chiến lược kinh doanh. Là đơn vị tiên phong thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards, Bảo Việt mong muốn khẳng định những nỗ lực nhằm thực hiện cam kết mang lại các **giá trị bền vững và dài hạn** tới cổ đông và các bên liên quan, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh doanh bền vững tại Việt Nam."

TIÊN PHONG ĐỂ BỀN VỮNG

Chủ động nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững tác động tới các lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt.

TIÊN PHONG TUYÊN BỐ VÀ HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng chiến lược phát triển bền vững theo các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc (SDGs).



Ứng dụng Cẩm nang Hướng dẫn công bố thông tin (HoSE, IFC).



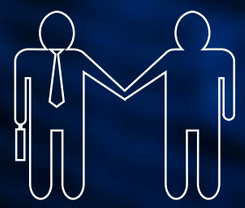
Báo cáo phát triển bền vững **được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ** của Tập đoàn Bảo Việt.

Lan tỏa các đóng góp cho môi trường và xã hội **vì một tương lai bền vững.**

NỖ LỰC CÙNG CỘNG ĐỒNG HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA QUỐC GIA

Thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo **tiêu chuẩn GRI Standards**.

Tiên phong thực hiện đảm bảo của bên thứ ba đối với Báo cáo phát triển bền vững.



Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là ba yếu tố đóng vai trò **nền tảng** cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt.

BAOVIET

CON SỐ & SỰ KIỆN

Gắn kết phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp

35 thành viên
thuộc tổ Dự án triển khai phát triển bền vững tại Bảo Việt

02 quy trình
quản lý dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần được bổ sung thêm tiêu chí đánh giá về xã hội và môi trường

02 quy định
trách nhiệm với môi trường và xã hội được lồng ghép trong Bộ quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp được chính thức ban hành toàn hệ thống

Sổ tay
văn hóa doanh nghiệp
gắn kết người lao động cùng xây dựng văn hóa Bảo Việt vững mạnh

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

97.572
giờ đào tạo cho cán bộ nhân viên

50.000
giờ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ

530 cán bộ
được tuyển dụng mới trong năm 2016

14,3%
cán bộ nhân viên
tham gia vào hoạt động cộng đồng năm 2016

10,3
tỷ đồng
chi phí dành cho đào tạo

Tăng trưởng kinh doanh bền vững

25.614
tỷ đồng (+23,2%)
Doanh thu hợp nhất

544
tỷ đồng
Cổ tức chi trả cho cổ đông

1.500
tỷ đồng
Đóng góp cho Ngân sách nhà nước

1.175
tỷ đồng (+18,4%)
Doanh thu hợp nhất

Vì sự phát triển của cộng đồng

140 tỷ đồng
đầu tư cho cơ sở hạ tầng và điều kiện sống căn bản của bà con hai huyện Pắc Nặm (Bắc Kạn) và Quế Phong (Nghệ An) giai đoạn 2009-2016

16 tỷ đồng
đầu tư cho Chương trình học bổng An sinh giáo dục từ năm 2005

20 chương trình
cộng đồng được tổ chức trong năm 2016

05 chương trình
chương trình khuyến mại tri ân khách hàng

04 sản phẩm mới
ra mắt trong năm 2016 Bảo hiểm hưu trí tự nguyện dành cho cá nhân; Bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh nhân ung thư; Sản phẩm tích hợp Bảo hiểm – Ngân hàng

Các hoạt động môi trường

2.000 poster
truyền thông về việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng được đặt tại Trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch của Bảo Việt trên toàn hệ thống

115 bản tin nội bộ
toàn hệ thống truyền thông về vấn đề phát triển bền vững

100% chữ ký điện tử
của cán bộ trong hệ thống được bổ sung thêm thông điệp "Vì tương lai đất nước – Hãy bảo vệ nguồn nước"

1.000 bức tranh
tham gia cuộc thi Em yêu biển lắm và 3.000 lượt người tham dự Triển lãm tranh

+1.000 người
đã tham gia sự kiện Làm sạch Hồ Hà Nội do Bảo Việt đồng hành cùng VBCSD tổ chức

BAOVIET

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2016

CON SỐ & SỰ KIỆN

Top 10 Doanh nghiệp Bền vững xuất sắc nhất Việt Nam 2016 - Định vị "Thương hiệu phát triển bền vững"

1



Giá trị thương hiệu đạt 89 triệu USD TOP 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016

Giải Đặc biệt tại Cuộc bình chọn Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất Châu Á 2016

2



Hơn 200 tỷ đồng được đầu tư cho hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng bền vững

Trở thành thành viên Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD) nhiệm kỳ III - Chung tay nâng cao nhận thức về Phát triển bền vững tại Việt Nam

3



Giải bạch kim Báo cáo Phát triển bền vững ngành dịch vụ tài chính bảo hiểm tốt nhất thế giới tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên quốc tế (LACP, Hoa Kỳ)

Giải Nhất Báo cáo Phát triển bền vững trong Cuộc Bình chọn Báo cáo thường niên 2016 tại Việt Nam

Doanh nghiệp đầu tiên áp dụng Bộ tiêu chuẩn quốc tế GRI Sustainability Reporting Standards - Tiên phong thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế

4



Lần đầu tiên tổ chức triển lãm tranh "Em yêu biển lắm" nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường.

Ra mắt các sản phẩm vì cộng đồng - Góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đầy đủ, đa dạng

5



Tổ chức chuỗi hoạt động vì sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường

6



7



8



9



10



1 TOP 10 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM 2016 - ĐỊNH VỊ "THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG"



Tại Lễ công bố Bảng xếp hạng 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2016 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững (VBCSD) tổ chức, vượt qua hàng trăm ứng cử viên là các doanh nghiệp có những đóng góp tích cực trong các hoạt động về phát triển bền vững, Tập đoàn Bảo Việt đã được Hội đồng bình chọn đánh giá cao, được vinh danh trong Top 10 "Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2016".

Để được lựa chọn vào Bảng xếp hạng, Tập đoàn Bảo Việt và các doanh nghiệp tham gia phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sàng lọc khắt khe dựa trên Bộ chỉ số Doanh nghiệp Bền vững (CSI). Bộ Chỉ số CSI được xây dựng như là thước đo giá trị của doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội. Bộ Chỉ số còn là một công cụ để ghi nhận các mục tiêu đo lường và quản lý các thay đổi nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp được bền vững hơn. Thông qua việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về 3 yếu tố chính: kinh tế, xã hội, môi trường và đạt điểm đánh giá cao chung cuộc, Tập đoàn Bảo Việt đã được vinh danh trong bảng xếp hạng Top 10.

Tin rằng chương trình đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp bền vững không chỉ là câu chuyện, là niềm tự hào của ngày hôm nay, mà còn lan tỏa ý nghĩa và động lực cho cộng đồng 500.000 doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo định hướng bền vững, để từ đó, hình ảnh và sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam có thể cạnh tranh được trên thị trường quốc tế và trở thành thương hiệu quốc gia và là niềm tự hào của mỗi công dân Việt Nam.

2 GIẢI ĐẶC BIỆT TẠI CUỘC BÌNH CHỌN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỐT NHẤT CHÂU Á 2016



Tại Lễ công bố và trao giải Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất Châu Á 2016 do Tổ chức hàng đầu về cung cấp dịch vụ, tư vấn và đào tạo thực hành phát triển bền vững CSRWorks (CSRWorks International) tổ chức, Tập đoàn Bảo Việt đã được Hội đồng chấm giải đánh giá rất cao và vinh danh 2 giải thưởng cao nhất là Giải nhất Báo cáo tích hợp xuất sắc nhất Châu Á 2016 và Giải đặc biệt Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất Châu Á 2016.

Bên cạnh giải ASRA, Bảo Việt cũng được vinh danh tại các cuộc bình chọn Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững uy tín trong nước và quốc tế trong năm 2016. Bảo Việt đã giành ngôi vị cao nhất – Giải đặc biệt Báo cáo thường niên, Giải nhất Báo cáo Phát triển bền vững, Giải nhì Báo cáo quản trị doanh nghiệp tại cuộc bình chọn Báo cáo thường niên tốt nhất 2016. Tại cuộc bình chọn Vision Awards (Hoa Kỳ), Bảo Việt là một trong số ít đại diện của Việt Nam đạt 05 giải bạch kim dành cho Báo cáo tích hợp và Báo cáo Phát triển bền vững xuất sắc nhất, Top 100 báo cáo tích hợp tốt nhất thế giới. Những thành tích và giải thưởng đó đã ghi nhận những nỗ lực bước đầu nhằm hiện thực hóa mục tiêu "Sẵn sàng cất cánh" trong giai đoạn chiến lược phát triển 2016-2020 của Bảo Việt, chuẩn bị tâm thế vươn ra thế giới.

3 TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH HỘI ĐỒNG DOANH NGHIỆP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (VBCSD) NHIỆM KỲ III - CHUNG TAY NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM



Tại Đại hội Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD) nhiệm kỳ III vừa được tổ chức tại Hà Nội ngày 15/3/2017, Ông Đào Đình Thi – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã được Đại hội tín nhiệm bầu vào vị trí Phó Chủ tịch VBCSD nhiệm kỳ III (2017-2020), là đại diện của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam đảm nhiệm vị trí này.

Với mong muốn đóng góp tích cực hơn trong các hoạt động thúc đẩy kinh doanh bền vững tại Việt Nam, Bảo Việt chung tay cùng các thành viên Ban Điều hành nhiệm kỳ III đưa ra các định hướng và chương trình hành động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp trong quá trình thực thi các định hướng, chính sách về phát triển bền vững và làm cầu nối giữa các cơ quan Chính phủ và khu vực doanh nghiệp trong quá trình triển khai Chương trình phát triển bền vững.

4 GIẢI ĐẶC BIỆT TẠI CUỘC BÌNH CHỌN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỐT NHẤT CHÂU Á 2016



Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển bền vững (GRI Sustainability Reporting Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016. Đây là phiên bản mới nhất và chuẩn mực quốc tế cao nhất về lập Báo cáo phát triển bền vững, dự kiến chính thức áp dụng từ năm 2018.

Bên cạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn lập báo cáo GRI4 Guidelines, Báo cáo Phát triển bền vững của Bảo Việt năm nay bổ sung thêm nội dung theo các tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards với mong muốn đem đến cho các bên liên quan những thông tin cụ thể hơn, đi sâu vào từng vấn đề nội dung nhằm tăng độ tin cậy, tính minh bạch của báo cáo, đồng thời xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng nhu cầu công bố thông tin từ các bên liên quan.

Là doanh nghiệp tiên phong thí điểm triển khai lập Báo cáo Phát triển bền vững theo Chuẩn mực quốc tế mới nhất, Bảo Việt mong muốn khẳng định những nỗ lực nhằm thực hiện cam kết mang lại các giá trị bền vững và dài hạn tới cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh doanh bền vững tại Việt Nam.

5

RA MẮT CÁC SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG - GÓP PHẦN XÂY DỰNG HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI TOÀN DIỆN, ĐẦY ĐỦ, ĐA DẠNG



Bảo hiểm hưu trí tự nguyện dành cho cá nhân

Ngày 04/06/2016, Bảo Việt Nhân thọ lần đầu tiên giới thiệu sản phẩm hưu trí tự nguyện mới dành cho cá nhân - "Hưu trí An khang". Sản phẩm là sự kết hợp giữa quyền lợi bảo vệ của bảo hiểm nhân thọ và quyền lợi hưu trí của bảo hiểm xã hội, người lao động khi tham gia hưu trí tự nguyện vừa được chi trả khoản tiền tiết kiệm của mình như một khoản lương hưu hàng kỳ khi hết độ tuổi lao động, vừa được bảo vệ trước những rủi ro và thương tật trong cuộc sống. Qua đó giúp hoạch định kế hoạch tài chính hưu trí phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu của từng cá nhân, chia sẻ sức ép về ngân sách và quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Bảo hiểm bệnh ung thư chuyên biệt "Bảo Việt K-Care"

Thấu hiểu được những khó khăn tài chính của người bệnh, ngày 02/08/2016, Bảo hiểm Bảo Việt đã ra mắt sản phẩm "Bảo Việt K-Care" – sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Đây là giải pháp tài chính hiệu quả, hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho người mua bảo hiểm với tổng quyền lợi chi trả lên đến gần 1,2 tỷ đồng, giúp người bệnh an tâm điều trị ung thư sớm và triệt để, giảm được nguy cơ tử vong từ căn bệnh "tử thần". Bảo hiểm "Bảo Việt K-Care" ra đời là ấp ủ từ lâu, mang giá trị nhân văn, nhân đạo cao, thể hiện mong muốn của doanh nghiệp được đồng hành chia sẻ gánh nặng tài chính với các bệnh nhân ung thư, mang đến nhiều cơ hội điều trị thành công hơn căn bệnh hiểm nghèo này.

6

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU ĐẠT 89 TRIỆU USD, TOP 50 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM 2016 - ĐỔI MỚI HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI - CHUYÊN NGHIỆP – BỀN VỮNG



Năm 2016, thương hiệu Bảo Việt được vinh danh Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016, do công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance (UK) công bố. Danh sách các thương hiệu giá trị tại Việt Nam được công bố nhằm ghi nhận sự phát triển và tăng trưởng của các thương hiệu dẫn đầu Việt Nam, cho thấy các doanh nghiệp Việt đã dần bắt kịp với xu thế toàn cầu về đầu tư vào giá trị vô hình trong doanh nghiệp mà tiêu biểu là giá trị thương hiệu. Theo đó, thương hiệu Bảo Việt được đánh giá ở mức A+ với giá trị thương hiệu đạt 89 triệu USD, tăng hơn 10 triệu USD so với năm 2015.

Giá trị thương hiệu tăng lên là sự ghi nhận những nỗ lực của Bảo Việt trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường sức mạnh thương hiệu. Để củng cố vị trí thương hiệu hàng đầu, bên cạnh việc duy trì tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh, Bảo Việt còn tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược nhằm xây dựng một thương hiệu phát triển bền vững, mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

7

ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - HƠN 200 TỶ ĐỒNG ĐƯỢC ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG



Trong năm vừa qua, Tập đoàn Bảo Việt có sự quan tâm và dành kinh phí đầu tư vào các công trình có ý nghĩa thiết thực với người dân tại các địa phương còn nhiều khó khăn. Có thể thấy sự hiện diện của Bảo Việt trong công trình trường mầm non tại Phú Đình, (Thái Nguyên) với 7 tỷ đồng kinh phí xây dựng, Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn, (Thái Nguyên). Trong trận lũ lụt tại miền Trung, cán bộ nhân viên Bảo Việt trong toàn hệ thống quyên góp ủng hộ hơn 1 tỷ đồng, 20 tấn gạo và nhu yếu phẩm cho 2.000 hộ dân miền Trung đặc biệt tại 3 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Bên cạnh đó, Bảo Việt còn tích cực chia sẻ trách nhiệm xã hội, đóng góp cho các hoạt động vì cộng đồng như bàn giao xuồng Trường Sa CQ 01 do Tập đoàn Bảo Việt tặng cán bộ, chiến sỹ và nhân dân huyện đảo Trường Sa,...

Tính đến nay, Bảo Việt đã đầu tư hơn 200 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng hướng tới phát triển bền vững. Với sứ mệnh của mình, Bảo Việt đem lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng thông qua chiến lược phát triển bền vững - lấy mục tiêu kinh tế là trọng tâm, là cơ sở để thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường.

8

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ



Theo Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ (League of American Communication Professional-LACP), Bảo Việt là doanh nghiệp duy nhất đại diện cho Việt Nam được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp có Báo cáo Tích hợp tốt nhất thế giới (Top 100 Integrated Report Worldwide) và Top 11 Báo cáo Tích hợp tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Top 11 Intergrated Reports in the Asia-Pacific Region); 05 Giải bạch kim (giải thưởng cao quý nhất) cho các Báo cáo Phát triển bền vững, Báo cáo tích hợp trong ngành dịch vụ tài chính trên thế giới.

Báo cáo Phát triển bền vững của Bảo Việt đã vượt qua gần 600 báo cáo của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, giành giải đặc biệt tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016. Báo cáo đứng đầu cuộc bình chọn nhờ đáp ứng tiêu chuẩn Global Reporting Initiative 4 (GRI4) và thực hiện đảm bảo bởi bên thứ ba - Công ty Kiểm toán PwC Việt Nam, đối với các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội và môi trường. Báo cáo đã mô tả chi tiết về quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu dựa trên chiến lược phát triển của doanh nghiệp cũng như sự tham vấn từ các bên liên quan.

Tại Việt Nam, là doanh nghiệp được ghi nhận với hàng loạt các giải thưởng trong nước và quốc tế trong những năm qua, Bảo Việt đã khẳng định vị thế của một doanh nghiệp luôn đi đầu trong các hoạt động phát triển bền vững và không ngừng cải tiến chất lượng nội dung báo cáo theo các thông lệ quốc tế.

9

LẦN ĐẦU TIÊN TỔ CHỨC TRIỂN LÃM TRANH "EM YÊU BIỂN LẮM" NHẰM NÂNG CAO Ý THỨC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 2016, Bảo Việt đã tổ chức cuộc thi vẽ tranh dành cho các em thiếu nhi là con em cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt trên cả nước với chủ đề "Em yêu biển lắm" nhằm tiếp tục truyền cảm hứng và lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái thông qua nét vẽ của chính các em nhỏ - thế hệ tương lai của đất nước, cũng như vai trò của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường nước.

Thông qua cuộc thi vẽ tranh và tuần lễ triển lãm tranh chủ đề "Em yêu biển lắm", Bảo Việt mong muốn không chỉ lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái tới các em nhỏ - thế hệ tương lai của đất nước, mà còn nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề môi trường còn đang nhức nhối của xã hội, nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp trong các hoạt động về phát triển bền vững.

10

TỔ CHỨC CHUỖI HOẠT ĐỘNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Nhận thức được những tác động tiêu cực của con người lên môi trường gây ra ảnh hưởng không chỉ hiện tại mà còn đến thế hệ tương lai, chương trình "Ngày làm sạch hồ Hà Nội" đã được Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phát động và truyền thông liên tục tới đoàn viên thanh niên, cán bộ nhân viên và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của gần 300 cán bộ nhân viên cùng những người thân trong gia đình. Như vậy, hàng năm, cán bộ nhân viên Bảo Việt dành khoảng 20.000 giờ cho các hoạt động vì môi trường.

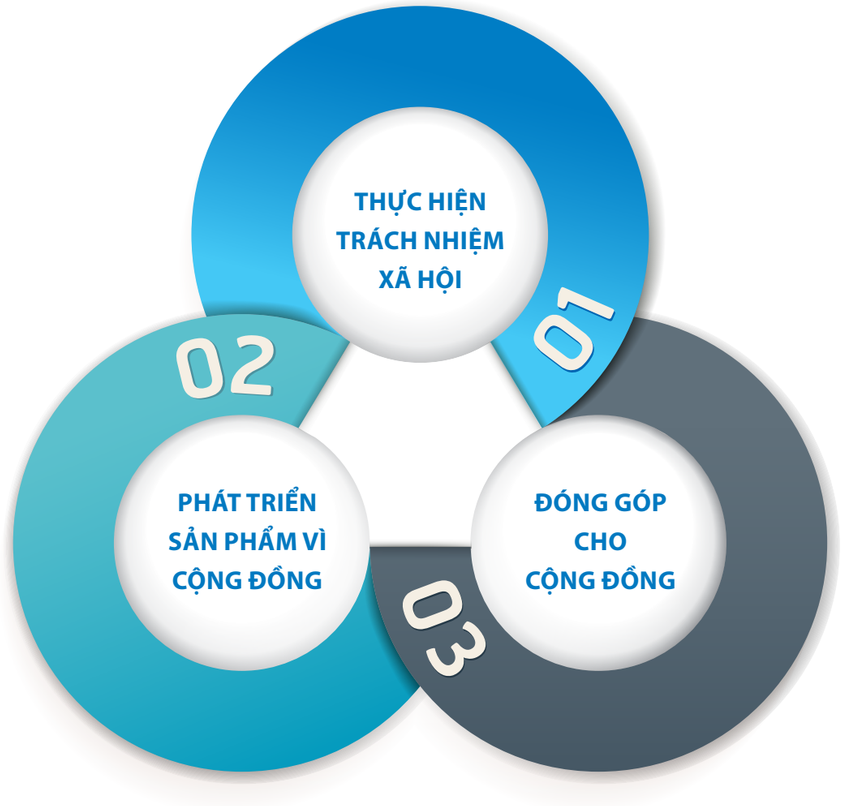
Trong khuôn khổ Chương trình "Ngày làm sạch hồ Hà Nội", Bảo Việt đã tổ chức trưng bày các bức tranh trong cuộc thi vẽ tranh thiếu nhi với chủ đề "Em yêu biển lắm" nhằm tiếp tục truyền cảm hứng và lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái thông qua nét vẽ của chính các em nhỏ - thế hệ tương lai của đất nước, cũng như vai trò của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường nước.

BAOVIET
TỰ HÀO LÀ
TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
CSI
100
DOANH NGHIỆP
BỀN VỮNG 2016

Với mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt mong muốn mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng địa phương thông qua thực hiện nghĩa vụ thuế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm cho người dân tại các địa phương.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

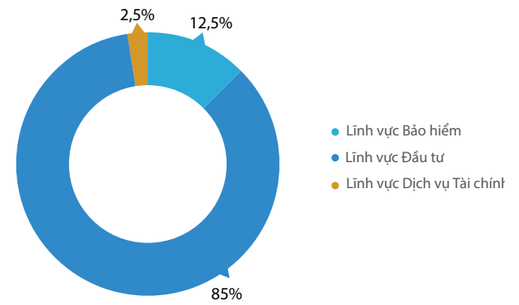
Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Bảo Việt cam kết hỗ trợ cộng đồng thông qua việc thực phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng, thực hiện các dự án an sinh xã hội theo 4 trọng tâm ưu tiên: Xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; Khắc phục hậu quả thiên tai và các hoạt động khác. Chúng tôi thay mặt cổ đông thực hiện các dự án phát triển cộng đồng nhằm đem lại lời ích cho cộng dồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.



ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG

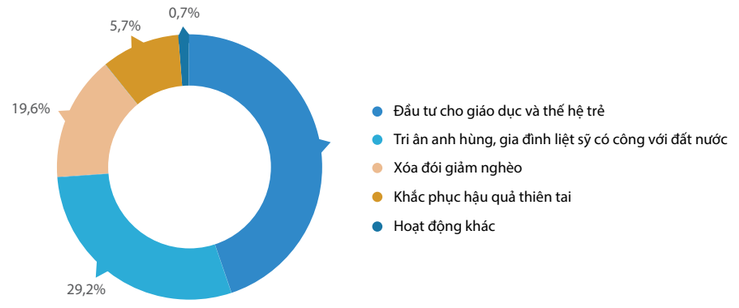
Thực hiện sứ mệnh 'Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng', song song với nhiệm vụ tăng trưởng kinh doanh, Bảo Việt xác định mục tiêu chiến lược phát triển bền vững thông qua thực hiện các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội cộng đồng. Bảo Việt đã luôn sát cánh cùng chính quyền địa phương thực hiện các hoạt động xã hội thông qua các hoạt động xóa đói giảm nghèo, tích cực tham gia triển khai có hiệu quả đề án 30A của Chính phủ, đầu tư cho công tác giáo dục và thế hệ trẻ, tri ân các gia đình có công với cách mạng…

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo lĩnh vực kinh doanh



Năm 2016, Bảo Việt đã đầu tư cho các hoạt động cộng đồng theo 04 trọng tâm, trong đó Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ là 34,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 44,8%; Xóa đói giảm nghèo là 15,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19,6%; Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước là 22,6 tỷ đồng với tỷ trọng 29,2%; Khắc phục hậu quả thiên tai là 4,4 tỷ đồng với tỷ trọng 5,7% và hoạt động khác là 544 triệu đồng với tỷ trọng 0,7%.

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2016 theo trọng tâm



Tổng số tiền Bảo Việt đã đầu tư cho các hoạt động cộng đồng trong năm 2016 là 77,5 tỷ đồng. Trong đó, 29,9 tỷ đồng được trích từ nguồn chi phí hoạt động kinh doanh và hơn 28,2 tỷ đồng được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư cho cộng đồng cũng được trích từ đầu tư từ nguồn chi phí kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của các Đơn vị thành viên với tổng ngân sách đã đầu tư cho hoạt động cộng đồng trong năm 2016 lên đến gần 19,4 tỷ đồng.

Tính chung trong giai đoạn 2009-2016, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã tích cực tham gia các hoạt động An sinh xã hội, đã dành trên 200 tỷ đồng chi cho các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng bền vững, hoạt động an sinh xã hội trên cả nước, bao gồm các dự án xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Bắc Kạn và Nghệ An đóng góp vào công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương. Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, Bảo Việt đã góp phần cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa miền núi với miền xuôi, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2020.

Với mục tiêu "giảm bớt tác động của nền kinh tế lên sự phát triển bất cân đối giữa các khu vực thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng trạm y tế, trường học, nhà ở cho đồng bào các tỉnh khó khăn, giúp họ yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình", các dự án xóa đói giảm nghèo của Bảo Việt còn đến với người dân các tỉnh như Nghệ An, Quảng Trị, Thái Nguyên, Quảng Trị, Phú Yên, Kiên Giang, Bến Tre,…Đồng thời, Bảo Việt tiếp tục thực hiện cam kết về công tác triển khai hoạt động an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư.

Nguồn kinh phí dùng để đầu tư cho hoạt động cộng đồng của Bảo Việt đến từ 02 nguồn: i) nguồn chi phí hoạt động kinh doanh; ii) nguồn lợi nhuận sau thuế (tỷ lệ trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế để thành lập quỹ an sinh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, tương đương 1% lợi nhuận sau thuế).

Hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2016

(trích từ nguồn chi phí, triển khai tập trung tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt)

TRỌNG TÂM	CHI PHÍ THỰC HIỆN
Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ	18.073.622.246
Xóa đói giảm nghèo	7.706.258.402
Khắc phục hậu quả thiên tai	3.900.000.000
Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với đất nước	180.016.500
TỔNG	**29.859.897.148**

Số liệu trên không bao gồm các khoản chi trực tiếp (gần 20 tỷ đồng) từ các Công ty thành viên.

Hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2016

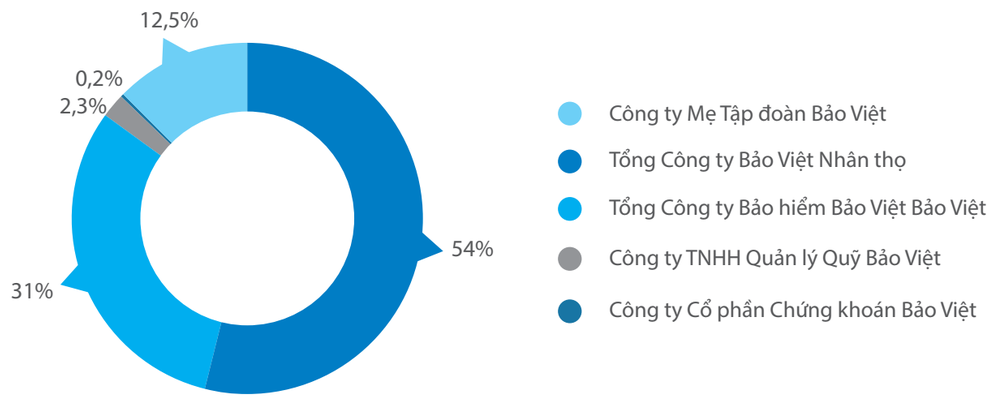
(trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế, triển khai tập trung tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt)

TRỌNG TÂM	CHI PHÍ THỰC HIỆN
Xóa đói giảm nghèo	5.880.000.000
Khắc phục hậu quả thiên tai	70.000.000
Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước và hoạt động khác	22.209.596.000
TỔNG	**28.159.596.000**

Hoạt động tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước và hoạt động khác được đầu tư trong năm 2016 từ nguồn lợi nhuận sau thuế bao gồm cả các hoạt động tu bổ, tôn tạo Di tích Thành cổ Quảng Trị, Tài trợ cho Trung tâm Điều dưỡng Người có công và các hoạt động tri ân khác.

Trên cơ sở các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi luôn duy trì kết quả tăng trưởng ổn định qua các năm, Bảo Việt tiếp tục phân bổ lợi nhuận sau thuế để đầu tư cho các hoạt động vì lợi ích cộng đồng tương ứng với tỷ trọng đóng góp của từng lĩnh vực kinh doanh trong lợi nhuận của Bảo Việt.

Tỷ trọng hoạt động đầu từ cộng đồng theo đơn vị năm 2016



Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm luôn duy trì tỷ trọng đóng góp lớn nhất do lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có sự tăng trưởng bứt phá trong những năm gần đây. Theo đó, trong tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động cộng đồng năm 2016, lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỷ trọng 85%; lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tài chính đóng góp 15%.

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị (bao gồm toàn bộ nguồn chi phí kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ TĐBV phân bổ cho các Công ty con 100% vốn và nguồn phí kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của các Công ty con 100% vốn) được trình bày tại bảng sau:

Đơn vị	Nguồn chung của BVH		Nguồn riêng của các đơn vị		Tổng cộng	Tỷ trọng
	Nguồn phân bổ chi phí BVH	Nguồn phân bổ lợi nhuận sau thuế BVH	Nguồn chi phí	Nguồn lợi nhuận sau thuế		
1. Lĩnh vực đầu tư	**4.478.984.572**	**5.204.815.381**	**-**	**-**	**9.683.799.953**	**12,5%**
BVH	4.478.984.572	5.204.815.381	-	-	9.683.799.953	12,5%
2. Lĩnh vực bảo hiểm	**23.887.917.718**	**22.648.567.048**	**19.052.745.276**	**356.585.000**	**65.945.815.042**	**85,0%**
BVL	14.929.948.574	16.243.365.749	10.590.735.366	181.085.000	41.945.134.689	54,1%
BVGI	8.957.969.144	6.405.201.299	8.462.009.910	175.500.000	24.000.680.353	31,0%
3. Lĩnh vực dịch vụ tài chính	**1.492.994.857**	**306.213.571**	**-**	**117.059.000**	**1.916.267.428**	**2,5%**
BVF	1.492.994.857	306.213.571	-	-	1.799.208.428	2,3%
BVSC	-	-	-	117.059.000	117.059.000	0,2%
Tổng cộng	**29.859.897.147**	**28.159.596.000**	**19.052.745.276**	**473.644.000**	**77.545.882.423**	**100,0%**

Bên cạnh việc xác định trọng tâm và tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực cụ thể, Bảo Việt còn khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu đầu tư phát triển cộng đồng. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, nữ công của Tập đoàn và các đơn vị thành viên hàng năm đều triển khai thực hiện rất tốt hàng trăm chương trình an sinh xã hội với số tiền hàng tỷ đồng như chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm và tặng quà gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm biên cương, nhà đại đoàn kết…

Không chỉ dành tỷ trọng đầu tư lớn cho hoạt động xóa đói giảm nghèo, Bảo Việt đã tăng cường đầu tư cho hoạt động giáo dục và thế hệ trẻ bao gồm các chương trình trao tặng học bổng cho học sinh sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các em học sinh nghèo vượt khó, đầu tư xây dựng Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia xã Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên; xây dựng trường Mầm non Cổ Linh, Pác Nặm, Bắc Kạn; xây dựng Trường Tiểu học Sủng Trái, Đồng Văn, Hà Giang nhằm hỗ trợ địa phương có thêm cơ sở dạy học cho các em học sinh, cùng với trang thiết bị dạy học và phòng chức năng đầy đủ, hỗ trợ các thầy cô giáo trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó là các Chương trình Hướng về miền Trung ruột thịt, ủng hộ hơn 1 tỷ đồng cho đồng bào lũ lụt tại hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình trong trận lũ lịch sử năm 2016; Chương trình Mang hơi ấm tới vùng cao, suất cơm từ thiện, tặng quà cho học sinh vùng cao, vùng sâu vùng xa, đồng hành cùng Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam xây dựng Quỹ học bổng An sinh giáo dục trao tặng hàng năm cho các em học sinh nghèo hiếu học; hỗ trợ các gia đình liệt sỹ trên các địa bàn hoạt động; tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo, tổ chức khám chữa bệnh cho người dân địa phương, chung tay vì đồng bào gặp nạn tại các tỉnh miền Trung…

Trong thời gian tới, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình, hoạt động hướng về cộng đồng và góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì một tương lai bền vững mà Chính phủ đang quan tâm thúc đẩy.

ĐẦU TƯ CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, Bảo Việt đã góp phần cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa miền núi với miền xuôi, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2020.

Đầu tư xây dựng Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Ngày 07/10/2016, Tập đoàn Bảo Việt - Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban Nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An tổ chức lễ khánh thành, bàn giao và đưa vào sử dụng Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn với kinh phí đầu tư 4,9 tỷ đồng được trích từ nguồn kinh phí an sinh xã hội của Tập đoàn Bảo Việt. Đây là huyện được Tập đoàn Bảo Việt hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình an sinh xã hội thuộc diện được hỗ trợ theo Nghị quyết 30A từ năm 2009 đến nay.

Quế Phong là huyện nằm tại phía Tây tỉnh Nghệ An có đường biên giới giáp với nước bạn Lào hơn 73 km, là huyện cuối nằm trên trục đường Quốc lộ 48 cách trung tâm Thành phố Vinh 180km. Với địa hình chủ yếu là núi cao, lại bị chia cắt bởi các khe suối, có độ dốc lớn nên diện tích sản xuất ít, giao thông khó khăn và dân cư phân tán, Quế Phong là một trong 3 huyện nghèo của tỉnh Nghệ An và nằm trong 62 huyện nghèo của cả nước.

Theo đề nghị của huyện Quế Phong, Tập đoàn Bảo Việt đã đồng ý hỗ trợ kinh phí xây dựng Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn. Dự án có tổng mức đầu tư 4,9 tỷ đồng xây dựng 1 nhà kỹ thuật và điều trị 2 tầng với 14 phòng chức năng, được đầu tư trang thiết bị đồng bộ đạt chuẩn quy định của Bộ Y tế. Tại Lễ bàn giao công trình, Tập đoàn Bảo Việt cũng tặng Trạm y tế Thị trấn 1 tivi màu Samsung 40 inch nhằm nâng cao đời sống tinh thần của bà con đang điều trị tại trạm.

Bảo Việt luôn coi y tế và giáo dục là hai trong các lĩnh vực trọng yếu cần thiết cho cuộc sống cũng như sự phát triển của xã hội. Đến với huyện Quế Phong, Bảo Việt mang đến cả trái tim, tấm lòng của mình với tâm nguyện được chia sẻ để đời sống nhân dân nơi đây bớt đi những khó khăn, công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng ngày một cải thiện, các cháu học sinh có điều kiện tốt để học tập, thành đạt và có những đóng góp nhiều hơn nữa cho đất nước.



ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia", Bảo Việt luôn chú trọng đầu tư cho công tác giáo dục và phát triển thế hệ trẻ hướng đến một thế hệ tương lai xuất sắc với những đóng góp thiết thực cho công cuộc xây dựng và phát triển nước nhà.

Bảo Việt luôn dành nguồn vốn đầu tư cho các công trình xây dựng trường học tại địa bàn các tỉnh khó khăn nhằm xây dựng cơ sở vật chất hỗ trợ địa phương và giáo viên trong công tác giảng dạy cũng như mong muốn tạo điều kiện tốt hơn cho các em khi đến trường.

Xây dựng trường mầm non tại Phú Đình, Thái Nguyên



Năm 2016, Bảo Việt quyết định trích 6,2 tỷ đồng hỗ trợ xây Trường Mầm non Phú Đình góp phần kiên cố hóa trường lớp để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn, hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt, đảm bảo thực hiện cân đối giữa 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường.

Xã Phú Đình thuộc Khu căn cứ địa cách mạng An toàn khu Định Hóa trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp và là nơi diễn ra lễ hợp nhất Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Đội Cứu Quốc quân thành Đội Việt Nam giải phóng quân. Phú Đình cũng là một trong những xã đặc biệt khó khăn của huyện Định Hóa, đặc biệt cơ sở vật chất ngành giáo dục hiện đang còn nhiều thiếu thốn, nhiều trường học vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Công trình Trường Mầm non Phú Đình được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư xây mới gồm nhà 2 tầng với 10 phòng học phục vụ nhu cầu học tập cho 350 em học sinh và hơn 30 cán bộ giáo viên từ 3 điểm trường tập trung tại cơ sở. Đây là công trình đạt trường chuẩn quốc gia về diện tích và quy mô xây dựng với các hạng mục kèm theo trang thiết bị nội thất đồng bộ, cùng các cơ sở vật chất cần thiết phục vụ nhu cầu học tập cho các em học sinh, tạo điều kiện để các em có điều kiện học tập thuận lợi hơn.

Ngày 05/9/2016, hòa trong không khí cả nước chào mừng khai giảng năm học mới 2016-2017, Tập đoàn Bảo Việt - Bộ Tài chính phối hợp với Ủy ban Nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tổ chức lễ khánh thành trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại xã Phú Đình.

Công trình Trường Mầm non Phú Đình là món quà của cán bộ Bảo Việt trên toàn quốc tri ân đồng bào các dân tộc huyện Định Hóa, hỗ trợ thêm nguồn lực cùng Đảng bộ và nhân dân địa phương thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và chăm lo đến sự nghiệp trồng người.



Trao tặng học bổng "Bảo Việt – Niềm tin thắp sáng tương lai" cho đại diện ưu tú của thế hệ tương lai đất nước

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ là một trong bốn trọng tâm chính trong hoạt động cộng đồng của Bảo Việt và chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong ngân sách hoạt động cộng đồng mỗi năm. Năm 2015, Bảo Việt đã ký thỏa thuận với hai cơ sở đào tạo đại học hàng đầu cả nước là trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính. Trong khuôn khổ hợp tác, Bảo Việt cam kết tài trợ học bổng cho các em có thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của trường.

Tiếp nối các hoạt động ý nghĩa trong nhiều năm qua dành cho thế hệ trẻ, trong dịp khai trường ngày 12/09/2016, đại diện Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt đã trao tặng 2 suất học bổng loại 1 cho 2 thủ khoa kỳ thi đại học 2016 với mức 50 triệu đồng/suất học bổng cùng các suất học bổng khác dành cho các em sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn. Tổng trị giá các suất học bổng "Bảo Việt – Niềm tin thắp sáng Tương lai" được trao trong năm học 2016 – 2017 cho sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân lên tới 540 triệu đồng.

Trong chiến lược phát triển bền vững, Bảo Việt xác định đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ là đầu tư mang tính nền tảng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế cũng như xây dựng một cộng đồng thịnh vượng trong tương lai. Bảo Việt hy vọng các suất học bổng của Bảo Việt sẽ tạo



điều kiện tốt cho các em sinh viên chuyên tâm học tập, cũng như có thể tham gia vào nhiều hoạt động khác của Trường như tham gia các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn và ứng dụng cao.

Trong khuôn khổ hợp tác với Đại học Kinh tế Quốc dân, Bảo Việt cũng tham gia nâng cao kiến thức về quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu các đề tài mang tính ứng dụng cao trong từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể của Bảo Việt, phối hợp với trường trong việc chia sẻ thông tin, tri thức mới, hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các nội dung hợp tác khác thiết thực, phù hợp nhu cầu và mong muốn của hai Bên.



EM BÙI THỊ THU THỦY

Tân thủ khoa Khoa Bảo hiểm K58

Em Bùi Thị Thu Thủy là Tân thủ khoa Khoa Bảo hiểm K58 Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được nhận mức học bổng cao nhất từ học bổng "Bảo Việt – Niềm tin thắp sáng tương lai".

Em Thủy chia sẻ:

"Khi biết thông tin được nhận học bổng Bảo Việt, em có rất nhiều cảm xúc nối tiếp nhau lúc đó: từ bất ngờ, vui mừng, tự hào đến hạnh phúc. Học bổng 'Bảo Việt - Niềm tin thắp sáng tương lai' là một món quà rất ý nghĩa, ghi nhận những cố gắng của em trong thời gian qua. Em sẽ tiếp tục phấn đấu, không ngừng học hỏi và trau dồi kiến thức, xứng đáng với những kỳ vọng của bố mẹ, thầy cô và tình cảm của Bảo Việt dành cho các bạn sinh viên".



Trao học bổng An sinh Giáo dục – Xe đạp đến trường 2016

Mỗi năm Việt Nam có hơn 200.000 trẻ em phải bỏ học, trong đó nguyên nhân chủ yếu là gia đình khó khăn và các em phải đi bộ quá xa để đến trường. Những khó khăn này tác động đáng kể đến kết quả học tập và tương lai của các em. Hơn 10 năm đồng hành cùng Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam trong chương trình Học bổng An sinh Giáo dục, Bảo Việt đã trao hàng chục ngàn suất học bổng An sinh Giáo dục và quà tới trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên cả nước. Do đó, việc trang bị phương tiện đi lại thuận tiện cho các em nhỏ khó khăn hiếu học và trang bị sách vở đồ dùng học tập cho các em là một trong những việc làm vô cùng ý nghĩa và thiết thực đối với tương lai thế hệ trẻ của đất nước, góp phần nâng cao dân trí của xã hội.

Từ thực tế trên, Bảo Việt Nhân thọ đã phối hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam thực hiện chương trình học bổng "An sinh giáo dục – Xe đạp đến trường". Trong 11 năm thực hiện chương trình này, Bảo Việt Nhân thọ đã trao tặng hơn 10.000 suất học bổng An sinh giáo dục và 12.000 suất quà với tổng kinh phí gần 10 tỷ đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước.

Ngày 21/4/2016, hướng đến kỷ niệm 20 năm tiên phong khai mở và đồng hành cùng thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, Bảo Việt Nhân thọ với sứ mệnh vì lợi ích Việt, tiếp tục đồng hành cùng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam trong chương trình học bổng "An sinh giáo dục - xe đạp đến trường", trao tặng 1.500 xe đạp và 1.500 chiếc ba lô với tổng giá trị hơn 3 tỷ đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh thành nhằm mang lại cho các em thêm cơ hội được đến trường, đảm bảo giấc mơ về một tương lai tươi sáng hơn.

Chương trình Học bổng An Sinh Xã Hội đã trở thành một hoạt động xã hội truyền thống và thiết thực trong suốt những năm vừa qua của Bảo Việt Nhân thọ, giúp đỡ cho hàng ngàn em nhỏ có thêm điều kiện để tiếp tục vươn lên đạt được ước mơ trong học tập. Bảo Việt Nhân thọ sẽ luôn nỗ lực để không chỉ là doanh nghiệp hàng đầu về lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ mà còn là tên tuổi luôn gắn liền với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài của đất nước.

Bảo Việt tin rằng các suất học bổng trong chương trình "Học bổng An sinh Giáo dục – Xe đạp đến trường" sẽ khích lệ thêm tinh thần học tập, phấn đấu vươn lên của các em vì một cuộc sống tốt đẹp của chính các em và qua đó cũng góp phần dựng xây đất nước ngày một giàu đẹp hơn.

Đồng hành cùng Cuộc thi giải toán qua mạng - ViOlympic năm học 2016-2017

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ là đầu tư mang tính nền tảng nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế cũng như xây dựng một cộng đồng an lành thịnh vượng. Là nhà tài trợ chính thức của ViOlympic từ năm học 2014, Bảo Việt Nhân thọ xác định gắn bó lâu dài với ViOlympic để cùng Đại học FPT góp phần thúc đẩy tình yêu toán học của thế hệ trẻ Việt Nam. Cuộc thi là sân chơi toán học bổ ích, khơi dậy niềm đam mê, yêu thích môn toán, giúp các em học sinh nâng cao kiến thức, phát triển tư duy và tiếp cận với tin học hiện đại.

Với mục đích giúp các em học sinh có thể luyện thi để làm quen và làm tốt với các dạng bài thi, trong năm học 2016 - 2017, Bảo Việt đã ra mắt website Luyện thi Violympic: http://baovietnhantho.violympic.vn - website luyện thi ViOlympic dành cho tất cả các em học sinh trên toàn quốc. Với thủ tục tham gia đơn giản, website Luyện thi Violympic giúp các em học sinh có thể chọn bất cứ vòng thi nào trong toàn bộ 19 vòng thi để luyện tập các bài thi mà không bị bất kỳ giới hạn nào.

Với độ bao phủ rộng khắp ba miền Bắc – Trung – Nam, ViOlympic liên tục khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong việc phổ cập, đồng hành và cùng phát triển bộ môn Toán học cho học sinh Việt Nam. Năm 2013, ViOlympic chính thức ra mắt cuộc thi giải toán bằng tiếng Anh. Năm học 2016 – 2017, ViOlympic đã đạt mốc 20 triệu lượt thành viên, chính thức trở thành thương hiệu được tin cậy nhất về thi Toán trên Internet.

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, Bảo Việt luôn biết ơn sự hi sinh và tinh thần của các chiến sỹ đã chiến đấu vì độc lập tự do của tổ quốc. Bảo Việt sẽ nỗ lực chung tay gìn giữ và bảo tồn những di tích lịch sử - minh chứng của một thời kỳ đấu tranh dân tộc hào hùng và mãi là niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam.

Khám chữa bệnh miễn phí và khởi công công trình thanh niên "Thư viện huyện đảo Bạch Long Vĩ"



Là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm có truyền thống lịch sử hơn nửa thế kỷ hoạt động kinh doanh, Bảo Việt luôn biết ơn những chiến sỹ không quản ngại khó khăn, gian khổ ngày đêm bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Trong hai ngày 14-15/5/2016, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt đã đăng cai tổ chức chương trình Hành trình hướng về biển đảo quê hương của Đoàn Thanh niên Khối Hoạt động Tài chính – Ngân hàng, Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương tại huyện đảo Bạch Long Vĩ, Hải Phòng. Đoàn đã tiến hành tặng quà và tổ chức khám chữa bệnh cho cán bộ chiến sỹ và nhân dân huyện đảo Bạch Long Vĩ; khởi công công trình thanh niên "Thư viện huyện đảo Bạch Long Vĩ".

Đoàn công tác có sự tham gia của 90 người, với các phần quà tặng có tổng trị giá 340 triệu đồng từ sự đóng góp chung của các đơn vị trong Khối, trong đó trọng tâm là công trình thanh niên "Thư viện huyện đảo Bạch Long Vĩ" trị giá 250 triệu đồng.

Trong suốt Hành trình, đoàn công tác đã đến thăm, động viên và tặng quà cho các cơ quan chính quyền, giao lưu và phối hợp với các bác sỹ Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô khám chữa bệnh cho cán bộ, nhân dân trên đảo. Qua đó, đoàn đã động viên quân, dân trên huyện đảo Bạch Long Vĩ yên tâm phấn khởi, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, trụ vững nơi đầu sóng ngọn gió, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

"Học, học nữa, học mãi" là câu nói nổi tiếng của Lê-nin về tinh thần học tập không ngừng. Ở huyện đảo Bạch Long Vĩ, việc học tập còn khó khăn hơn nhiều lần do sự thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Vì vậy, công trình Thư viện huyện đảo Bạch Long Vĩ mang ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc giúp các em học sinh và con em cán bộ chiến sỹ trên huyện đảo có thêm cơ hội học tập, tham khảo và nâng cao kiến thức.

Bàn giao xuống chủ quyền CQ trị giá 3,5 tỷ đồng tặng quân dân huyện đảo Trường Sa

Ngày 22/3/2016, tại Hải Phòng đã diễn ra lễ bàn giao xuống Trường Sa CQ 01 do Tập đoàn Bảo Việt tặng cán bộ, chiến sỹ và nhân dân huyện đảo Trường Sa. Đây là một hoạt động tiếp nối của chương trình Hành trình Bảo Việt - niềm tin Việt hướng về biển đảo tổ quốc của Tập đoàn Bảo Việt.

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã cam kết tặng quân dân huyện đảo Trường Sa 01 xuống CQ. Đến nay, chiếc xuống với tổng trị giá 3,5 tỷ đồng đã được hoàn thành và bàn giao cho Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân để tặng quân dân huyện đảo Trường Sa.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo là nhiệm vụ trọng yếu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Việc trao tặng quân dân huyện đảo Trường Sa xuống CQ 01 thể hiện sự biết ơn và tri ân của Tập đoàn Bảo Việt đối với những đóng góp, hy sinh của các cán bộ, chiến sỹ và nhân dân huyện đảo Trưởng Sa đang ngày đêm bám trụ bảo vệ vững chắc chủ quyền của đất nước. Với việc trao tặng chiếc xuống này, Tập đoàn Bảo Việt hy vọng sẽ góp phần thiết thực vào việc vận chuyển, đưa đón nhân dân trên các đảo nhỏ thuộc huyện đảo Trường Sa đến các cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh tại Đảo Lớn.

Bên cạnh đó, các hoạt động hưởng ứng và kêu gọi hướng tới biển đảo cũng được Bảo Việt chú trọng và quan tâm, như việc cử nhiều đoàn cán bộ tham gia các chuyến công tác tới Trường Sa, huyện đảo Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh). Bảo Việt cũng đã thực hiện các chương trình nhằm kêu gọi tinh thần dân tộc của cán bộ nhân viên trong hệ thống, cùng ủng hộ các chiến sỹ nơi đảo



xa trong chương trình Niềm tin Việt - chụp ảnh dưới lá cờ tổ quốc.

Tri ân các anh hùng liệt sỹ tại tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tôn tạo di tích Chi khu quân sự Mai Lĩnh, theo đề nghị của chính quyền địa phương, từ năm 2010, Bảo Việt đã hỗ trợ địa phương gần 1 tỷ đồng để xây dựng, tôn tạo 4 hạng mục công trình di tích, bao gồm: Bia tưởng niệm liệt sỹ khánh thành ngày 08/3/2010; Nhà bia tưởng niệm, khánh thành ngày 27/7/2010; Bia lưu danh K10 Đặc công Quảng Trị, khánh thành ngày 10/4/2011; Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và trồng cây lưu niệm… Đồng thời, lãnh đạo đại diện Tập đoàn Bảo Việt cũng đã tặng 10 suất quà cho 10 gia đình thương binh, liệt sỹ của xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Năm 2015, Bảo Việt đã tiến hành xây dựng Đền hóa vàng trong khuôn viên thành cổ Quảng Trị nhằm phục vụ nhân dân và du khách thập phương có thể đến thăm viếng di tích đặc biệt quan trọng này.



Tri ân và khám bệnh miễn phí các gia đình chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt và có công với Cách mạng tại Quảng Bình



Ngày 10/9/2016, tại Quảng Tân và Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, hơn 400 người dân thuộc gia đình chính sách và hộ nghèo đã được khám bệnh miễn phí, 80 gia đình chính sách có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và có công với Cách mạng đã được trao quà tặng trong chương trình "Chung tay vì cộng đồng 2016" do Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với UBND xã tổ chức. Tổng giá trị hỗ trợ và trao tặng của Bảo Việt Nhân thọ trong chương trình này là 133.754.400 đồng. Chương trình có sự hỗ trợ và đồng hành của đoàn 25 bác sĩ và y tá từ các bệnh viện trung ương, địa phương với sự tận tụy và tấm lòng lương y từ mẫu. Trước đó, chương trình "Chung tay vì cộng đồng" đã diễn ra tại Ninh Bình, khám bệnh miễn phí cho hơn 1.000 người.

Mảnh đất Quảng Bình quê hương giàu truyền thống cách mạng, chịu nhiều khói lửa chiến tranh và những hậu quả nặng nề do thiên tai, bão lũ trong công tác an sinh xã hội, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa chương trình "Chung tay vì cộng đồng" năm 2016 đến với Quảng Bình.

Chương trình khám bệnh đã giúp những người dân nghèo còn nhiều khó khăn có điều kiện kiểm tra sức khỏe, giúp bà con tăng cường nhận thức trong việc phòng ngừa, phát hiện và điều trị các chứng bệnh phổ biến từ đó có sức khỏe và an tâm phát triển kinh tế hơn.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng tổ chức các chuyến thăm hỏi và tặng quà các chiến sỹ tại Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh, trao tặng nhà tình nghĩa cho mẹ Việt Nam anh hung và các gia đình có công với Cách mạng tại một số địa phương nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/07 cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác.



Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt tại các tỉnh miền Trung

Chia sẻ với những mất mát của đồng bào miền Trung, phát huy tinh thần tương thân tương ái cũng như tiếp tục duy trì có hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội mà Bảo Việt đã thực hiện trong nhiều năm qua, ngày 19/10/2016, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức Lễ phát động quyên góp chung tay hỗ trợ nhân dân các tỉnh miền Trung, đặc biệt tại 3 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình bị thiệt hại do lũ lụt.



Hơn 1 tỷ đồng ủng hộ đồng bào miền Trung ngay trong ngày đầu phát động

Ngay trong ngày đầu tiên phát động, riêng tại trụ sở Tập đoàn Bảo Việt đã quyên góp được hơn 1 tỷ đồng ủng hộ các tỉnh miền Trung bị thiệt hại. Số tiền này sẽ góp phần hỗ trợ đồng bào 3 tỉnh miền Trung kịp thời khắc phục hậu quả của lũ lụt, sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất.

Cũng trong ngày 19/10/2016, Lãnh đạo Bảo Việt đã cử đoàn cán bộ của Bảo Việt đến với người dân các địa phương bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, trao hơn 20 tấn gạo và các nhu yếu phẩm khác cho gần 2.000 hộ dân thuộc huyện Hưng Nguyên (tỉnh Nghệ An), huyện Hương Khê (tỉnh Hà Tĩnh), thị xã Ba Đồn và huyện Lệ Thủy (tỉnh Quảng Bình). Đây là hoạt động đầu tiên trong chuỗi các hoạt động cùng miền Trung vượt lũ của Bảo Việt.

Kịp thời hỗ trợ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng, cùng miền Trung vượt lũ

Bên cạnh việc tổ chức cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, hỗ trợ cho gia đình cán bộ, đại lý trong hệ thống bị thiệt hại, Tập đoàn đã chỉ đạo các công ty thành viên tập trung đánh giá thiệt hại, kịp thời giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.



Đại diện các đơn vị đã đến thăm hỏi động viên gia đình khách hàng và đang hoàn tất thủ tục, tiến hành giải quyết quyền lợi bảo hiểm một cách nhanh nhất để hỗ trợ các gia đình vượt qua khó khăn mất mát.

Các đơn vị thành viên của Bảo Việt tại các tỉnh miền Trung tiếp tục tham gia các công việc tìm kiếm, cứu trợ, tập hợp đầy đủ thông tin, thủ tục để nhanh chóng chi trả bảo hiểm, bồi thường đầy đủ cho người và các công trình, tài sản có tham gia bảo hiểm tại Bảo Việt bị thiệt hại do lũ lụt.

Tính tới nay, Bảo Việt đã đóng góp gần 4 tỷ đồng bao gồm tiền hỗ trợ, hơn 20 tấn gạo và các nhu yếu phẩm cho các hộ dân tại vùng chịu ảnh hưởng thiên tai lũ lụt.

Bảo Việt đồng hành cùng ngư dân bám biển

Ngày 22/4/2016, tại Ninh Bình đã diễn ra Hội nghị về bảo hiểm tàu cá đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định 67/2014/NĐ-CP là một chủ trương lớn của Chính phủ trong việc hỗ trợ, giúp đỡ bà con ngư dân yên tâm vươn khơi, bám biển, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình và góp phần khẳng định chủ quyền và bảo vệ biển đảo của Việt Nam.

Theo báo cáo thống kê, đến nay đã có 11.470 tàu cá và 103.180 thuyền viên làm việc trên các trên tàu cá đánh bắt xa bờ được bảo hiểm. Trong số đó, riêng Bảo hiểm Bảo Việt đã bảo hiểm cho 3.550 tàu và 30.995 thuyền viên với tổng chi phí bồi thường là 79 tỷ đồng.



Là DNBH đứng đầu về địa bàn khai thác tại 10 tỉnh gồm Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bình Thuận, Trà Vinh và Kiên Giang, bằng cách phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban ngành, chính quyền ở địa phương để tổ chức triển khai bảo hiểm khai thác hải sản theo đúng đối tượng được hỗ trợ, Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang tiếp tục chủ động, tích cực trong việc triển khai chủ trương lớn này của Chính phủ.

Với bề dày truyền thống triển khai nghiệp vụ bảo hiểm tàu cá, Lãnh đạo Bảo hiểm Bảo Việt đưa ra các nhận định, giải pháp tại Hội nghị, nắm bắt sát sao những thuận lợi, khắc phục khó khăn cũng như đưa ra những kiến nghị với các Cơ quan, Ban, Ngành ở Trung ương và địa phương để có những sửa đổi, bổ sung về quy tắc, điều khoản, điều chỉnh chính sách cho phù hợp, kịp thời nhằm đảm bảo việc hỗ trợ cho bà con ngư dân đúng đối tượng, đúng mục đích và ý nghĩa của chính sách hỗ trợ này.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các DNBH khác trong việc tư vấn, bảo hiểm cũng như giải quyết việc bồi thường nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho bà con ngư dân, nhằm giúp bà con yên tâm khai thác, sản xuất và bám biển.

Chi trả bảo hiểm gần 2 tỷ đồng cho tàu cá gặp nạn do thiên tai

Hai tàu cá TH-91567TS và TH-90730TS (Thanh Hóa) không may bị sóng to gió lớn đánh chìm trong khi đang đánh bắt hải sản tại vùng biển Vịnh Bắc Bộ ngày 05/12/2015 (tàu TH-91567TS) và ngày 17/01/2016 (tàu TH-90730TS), đã được Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt chi trả bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu và thuyền viên bị mất tích với tổng giá trị lên đến gần 2 tỷ đồng.

Trước đó, hai tàu cá TH-91567TS và TH-90730TS đã tham gia bảo hiểm thân tàu theo Quy tắc bảo hiểm tàu cá Nghị định 67/2014/NĐ-CP tại Công ty Bảo Việt Thanh Hóa - đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - với giá trị được bảo hiểm tương ứng là 1 tỷ đồng và 800 triệu đồng.





Ngay sau khi nhận được thông tin 2 con tàu gặp nạn, Bảo hiểm Bảo Việt đã khẩn trương cử cán bộ thực hiện giám định, thu thập thông tin, hướng dẫn chủ tàu hoàn tất các thủ tục hồ sơ để có cơ sở xem xét giải quyết bồi thường. Xác định thiệt hại đối với hai tàu cá này thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo quy tắc bảo hiểm tàu cá 67/2014/NĐ-CP, Bảo hiểm Bảo Việt cùng các doanh nghiệp bảo hiểm trong liên danh bảo hiểm cho hai con tàu này đã thống nhất và hoàn thành giải quyết trả bồi thường tổn thất toàn bộ tàu TH-91567TS với mức 1 tỷ đồng và 800 triệu đồng đối với tàu TH-90730TS. Riêng tàu TH-91567TS có thêm 3 thuyền viên bị mất tích và thiệt mạng nằm trong danh sách thuyền viên được bảo hiểm, được Bảo hiểm Bảo Việt chi trả tiền bồi thường tai nạn thuyền viên với tổng số tiền 210 triệu đồng (70 triệu đồng/người/vụ).

Chi trả bảo hiểm và hỗ trợ tài chính cho các nạn nhân của tàu du lịch Thảo Vân gặp nạn trên sông Hàn

Ngay sau khi nhận được thông tin về vụ tai nạn trên sông Hàn (Đà Nẵng) của tàu du lịch Thảo Vân mang số hiệu DNa - 0016 vào tối ngày 4/6 bị lật chìm làm 3 hành khách tử vong và 16 người khác bị thương, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cho con tàu này đã cử cán bộ của Công ty Bảo Việt Đà Nẵng – đơn vị thành viên – đã có mặt tại hiện trường để phối hợp với các cơ quan chức năng khắc phục sự cố, tìm kiếm những người mất tích, kịp thời thăm hỏi, động viên và gửi một phần hỗ trợ tài chính cho những du khách không may bị thương đang điều trị tại đây.

Đối với 3 trường hợp du khách bị thiệt mạng, ngày 07/6/2016, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã tổ chức thăm hỏi, chia buồn và trao cho gia đình các nạn nhân xấu số số tiền tạm ứng bồi thường lần đầu mức 20.000.000 đồng/người, với mong muốn các gia đình vượt qua sự mất mát to lớn này.

Dựa theo các quy trình đền bù bảo hiểm và tuân thủ các quy định hiện hành, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục khẩn trương giám định, thu thập hồ sơ và phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết chi trả bồi thường các thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm trong thời gian sớm nhất để kịp thời hỗ trợ gia đình các nạn nhân và chủ tàu.

Với vị thế và vai trò là doanh nghiệp bảo hiểm lâu đời, uy tín hàng đầu của Việt Nam, Bảo hiểm Bảo Việt luôn giữ vững cam kết trước mọi khách hàng trong việc giải quyết việc bồi thường nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Trong đó bảo hiểm tàu cá nói chung, bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67 nói riêng được Bảo hiểm Bảo Việt đặc biệt chú trọng hỗ trợ cho bà con ngư dân khi họ không may gặp rủi ro tai nạn.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC DỰ ÁN CỘNG ĐỒNG

Năm 2016, Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (CSR Score Matrix) được áp dụng cho các dự án đầu tư cộng đồng với tỷ lệ áp dụng là 80%. Bảng đánh giá được bổ sung thêm các tiêu chí bền vững bao gồm mức độ ảnh hưởng tới cộng đồng xung quanh và các ảnh hưởng có thể có lên hệ sinh thái và môi trường sống tại nơi mà dự án thực hiện.

Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng bao gồm 20 tiêu chí khác nhau trên thang điểm 100 bao gồm đánh giá tổng quan về: Mục tiêu và phạm vi thực hiện của dự án; lợi ích dự án đối với cộng đồng; số lượng đối tượng được hưởng lợi từ dự án; khả năng duy trì mức độ ảnh hưởng của dự án sau khi khai thác hết nguồn vốn tài trợ; các tác động môi trường của dự án…

Trong năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các công ty thành viên, không ghi nhận các biên bản/thông báo/kiến nghị nào liên quan đến các dự án đã triển khai gây tác động tiêu cực tới cộng đồng địa phương.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM TÍCH HỢP VÀ CHUYÊN BIỆT, MANG ĐẾN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CHO CỘNG ĐỒNG

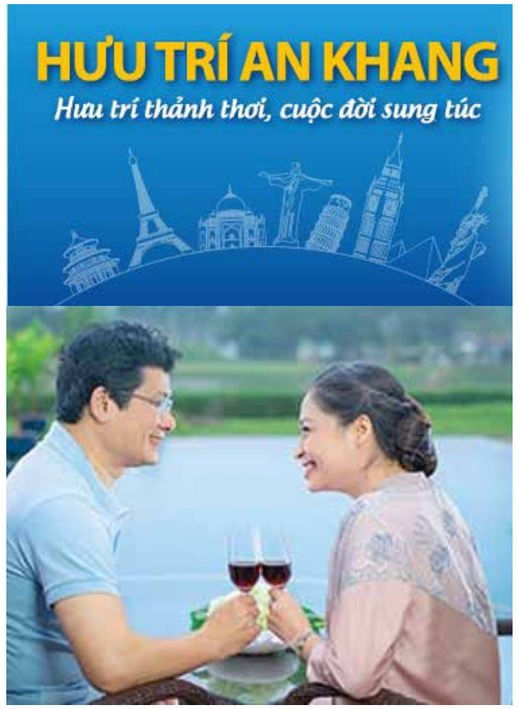
RA MẮT BẢO HIỂM HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN "HƯU TRÍ AN KHANG" – HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHO TƯƠNG LAI

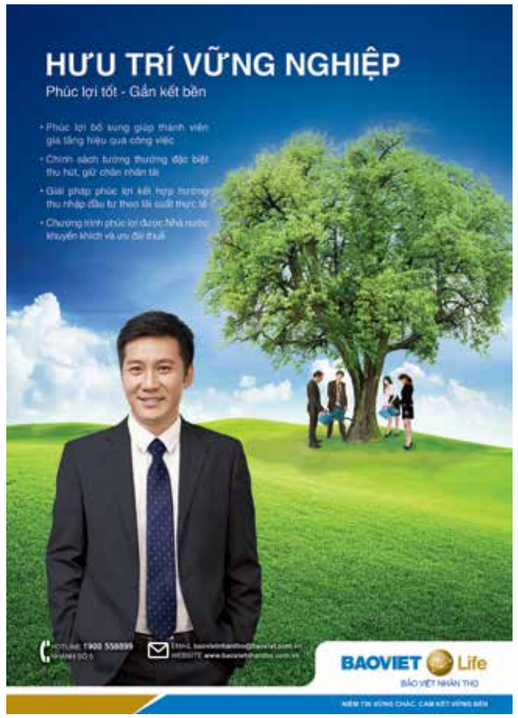
Ngày 04/06/2016, Bảo Việt Nhân thọ đã ra mắt sản phẩm hưu trí tự nguyện mới dành cho cá nhân - "Hưu trí an khang". Sản phẩm là sự kết hợp giữa quyền lợi bảo vệ của bảo hiểm nhân thọ và quyền lợi hưu trí của bảo hiểm xã hội, người lao động khi tham gia hưu trí tự nguyện vừa được chi trả khoản tiền tiết kiệm của mình như một khoản lương hưu hàng kỳ khi hết độ tuổi lao động, vừa được bảo vệ trước những rủi ro và thương tật trong cuộc sống.

Trước đó, tháng 11/2015, Bảo Việt Nhân thọ cũng đã ra mắt sản phẩm Hưu trí tự nguyện dành cho doanh nghiệp/tổ chức nhằm giúp các doanh nghiệp/tổ chức xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp cùng một chế độ phúc lợi hấp dẫn và dài hạn nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, là chiến lược trọng tâm của nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Với quyền lợi hưu trí định kỳ của Hưu trí vững nghiệp, để tránh sụt giảm thu nhập đột ngột khi bắt đầu bước vào tuổi hưu, bên cạnh quyền lợi hưu trí định kỳ, người lao động có thể linh hoạt chọn thêm Lựa chọn đặc biệt đón tuổi hưu để nhận ngay một phần giá trị tài khoản tại thời điểm bắt đầu nghỉ hưu nhằm phục vụ cho kế hoạch hưu trí khi bước sang giai đoạn mới của cuộc sống. Đồng thời, người lao động còn được hưởng các quyền lợi bổ trợ như: quyền lợi chăm sóc y tế, quyền lợi hỗ trợ nằm viện, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo hay bảo hiểm cho người phụ thuộc… Qua đó giúp hoạch định kế hoạch tài chính hưu trí phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu của từng cá nhân.

Có thể nói, với sự ra đời liên tục của các sản phẩm hưu trí tự nguyện, đây không chỉ là cách doanh nghiệp nói chung và Bảo Việt nói riêng chia sẻ sức ép về ngân sách và quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước mà còn là cách để gắn kết chặt chẽ hơn với người lao động, hỗ trợ họ chuẩn bị cho một cuộc sống an hưởng điền viên sau khi đã làm việc và cống hiến hết mình cho doanh nghiệp. Từ đó, người lao động có thể yên tâm làm việc, doanh nghiệp có thể ổn định tổ chức đồng thời thu hút và giữ chân lực lượng nhân sự chất lượng cao cho tổ chức của mình.





RA MẮT GIẢI PHÁP BẢO HIỂM CHUYÊN BIỆT DÀNH CHO BỆNH NHÂN UNG THƯ ĐẦU TIÊN TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM "BẢO VIỆT K-CARE" – CHIA SẺ GÁNH NẶNG TÀI CHÍNH VỚI NGƯỜI BỆNH

Với hàng loạt các hiện tượng xảy ra khi biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thay đổi môi trường sống, mất an toàn vệ sinh thực phẩm,… con người nói chung càng ngày phải đối mặt nhiều hơn với các loại bệnh về da, đường tiêu hóa, đường hô hấp. Có đến 80% nguyên nhân đến từ môi trường sống gây ra bệnh Ung thư. Ung thư hiện nay đang dần trở thành một thảm họa sức khỏe, là nỗi ám ảnh của cả cộng đồng và xã hội.

Thực tế nghiên cứu cũng cho thấy hàng ngàn trăm ngàn bệnh nhân ung thư của Việt Nam kéo theo hàng trăm ngàn gia đình phải gánh chịu những hệ lụy về tài chính nặng nề từ việc điều trị ung thư. Số liệu được thống kê từ Theo Trung tâm Y học Hạt nhân và Ung bướu cũng cho thấy 34% bệnh nhân không đủ tiền mua thuốc điều trị sau 12 tháng phát hiện bệnh, 22% không thể thanh toán chi phí đi lại, 24% không đủ khả năng chi trả chi phí thường xuyên trong gia đình như tiền điện nước, gas… Thêm vào đó, kể từ ngày 01/01/2015, Bộ Y tế chính thức giảm chi trả cho 28 loại thuốc điều trị bệnh ung thư từ mức 50-100% xuống còn 30-50%.

Thấu hiểu được những khó khăn tài chính của người bệnh, ngày 02/08/2016, Bảo hiểm Bảo Việt đã ra mắt sản phẩm "Bảo Việt K-Care" – sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Đây là giải pháp tài chính hiệu quả, hỗ trợ kịp thời và toàn diện cho người mua bảo hiểm với tổng quyền lợi chi trả lên đến gần 1,2 tỷ đồng, giúp người bệnh an tâm điều trị ung thư sớm và triệt để, giảm được nguy cơ tử vong từ căn bệnh "tử thần". Bảo hiểm có bốn quyền lợi chi trả bảo hiểm đa dạng và hấp dẫn bao gồm: quyền lợi bảo hiểm ung thư (giai đoạn sớm và giai đoạn trễ), quyền lợi trợ cấp nằm viện, quyền lợi khi tử vong do bệnh ung thư và quyền lợi khi tử vong do tai nạn. Đặc biệt, quyền lợi bảo hiểm ung thư sẽ được chi trả một khoản tiền cố định lên đến 1 tỷ đồng, nhằm giúp người mua bảo hiểm có thể chủ động tài chính điều trị ung thư sớm và yên tâm lựa chọn các địa chỉ, phương pháp điều trị bệnh tiên tiến, đạt hiệu quả tốt nhất.

Bảo hiểm "Bảo Việt K-Care" ra đời là ấp ủ từ lâu, mang giá trị nhân văn, nhân đạo cao, thể hiện mong muốn của doanh nghiệp được đồng hành chia sẻ gánh nặng tài chính với các bệnh nhân ung thư, mang đến nhiều cơ hội điều trị thành công hơn căn bệnh hiểm nghèo này.



DUY TRÌ SẢN PHẨM BẢO HIỂM VI MÔ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THU NHẬP THẤP

Những sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân. Mặc dù mức đóng góp doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm này chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng doanh thu phí bảo hiểm, tuy nhiên với phương châm bảo vệ, hỗ trợ cải thiện cuộc sống của những gia đình nghèo và cận nghèo tại các khu vực nông thôn cũng như khu vực thành thị, Bảo Việt vẫn tiếp tục duy trì thực hiện trong nhiều năm qua.

Bảo hiểm học sinh – Hỗ trợ công tác khuyến học vì tương lai đất nước

Có thể thấy rằng, khi triển khai thực hiện các sản phẩm bảo hiểm cho trẻ nhỏ và trẻ vị thành niên, các doanh nghiệp bảo hiểm có xu hướng chịu tỷ lệ bồi thường cao hơn so với tổng thu phí bảo hiểm do các em học sinh đang ở độ tuổi khá hiếu động và thích khám phá; từ đó gia tăng những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Tuy nhiên, Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương.

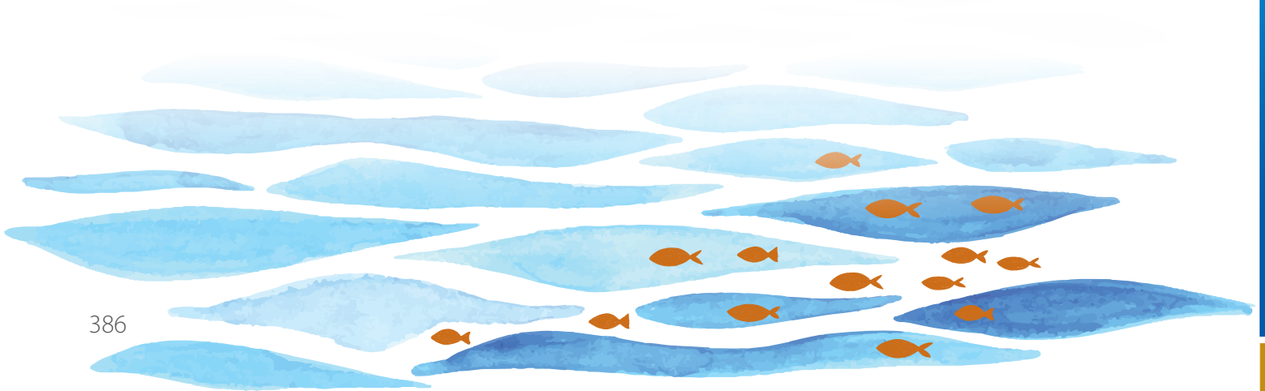
Trong năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho 176.784 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường gần 170 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt còn thực hiện bảo hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Bảo Việt coi việc áp dụng miễn, giảm phí như một chính sách xã hội mà doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục, khuyến khích phát huy tiềm năng đến từ các mầm non tương lai của đất nước.

Bảo hiểm xe cơ giới – Giảm thiểu rủi ro, giúp người tham gia giao thông "an tâm trên mọi nẻo đường"

Thực tế cho thấy, số vụ tai nạn giao thông tại Việt Nam đang ngày một gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Thống kê gần đây nhất báo cáo, trên cả nước, có 21.589 vụ tai nạn giao thông xảy ra, làm chết 8.685 người, làm bị thương 19.280 người. Hệ quả của các vụ tai nạn giao thông đã khiến cho GDP toàn quốc năm 2016 giảm 2,9% (tương đương 300 tỷ đồng mỗi ngày) cùng với thiệt hại về tài chính và giảm thiểu chất lượng cuộc sống của rất nhiều gia đình khi có người thân gặp tai nạn giao thông.

Chính vì những điều đó, việc nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt quan tâm và gửi gắm khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới. Chỉ trong năm 2016, Bảo Việt đã thực hiện bảo hiểm cho 480 nghìn xe ôtô và 1,9 triệu xe máy trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe với tổng chi phí bồi thường là 1.138 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt cũng tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau như: Truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; Lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở…

Bảo Việt mong muốn rằng những nỗ lực và đóng góp của doanh nghiệp sẽ góp phần nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, từ đó hạn chế rủi ro trong quá trình lưu thông trên đường, giảm thiểu gánh nặng tài chính và chất lượng cuộc sống của người dân.



BAOVIET

BAOVIET
EASY LIFE

CHO VAY THẤU CHI THEO
HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ



Hạn mức cho vay cao
80%
Giá trị giải ước

Lãi suất ưu đãi
10%/năm

Phê duyệt cấp tốc
1h

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt – đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.

Đối với các bên liên quan, vấn đề môi trường được chúng tôi đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Đặc biệt, tiêu chí về môi trường cũng được xem xét trong Quản trị chuỗi cung ứng và đánh giá các dự án đầu tư của Bảo Việt.



NĂNG LƯỢNG

Trước những thách thức từ biến đổi khí hậu và chính con người cũng đang tác động tiêu cực tới môi trường sống, gây ra ảnh hưởng không chỉ hiện tại mà còn đến thế hệ tương lai. Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên Bảo Việt luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT SỐ LIỆU NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, Bảo Việt đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2016

Lượng xăng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2016 là 32.863 lít, tương ứng với 4.107 GJ. Nguồn tiêu thụ xăng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt chủ yếu là từ các xe ô tô chở các đoàn cán bộ công tác tại các tỉnh thành phố trên cả nước, tập trung tại khu vực phía Bắc và các tỉnh miền Trung theo các chương trình an sinh xã hội. Tổng chi phí cho lượng xăng tiêu thụ trong năm 2016 là 560.654.952 đồng.

Năng lượng điện tiêu thụ của Bảo Việt được xét tại 3 địa điểm: Tòa nhà Trụ sở chính Công ty Mẹ (Số 8, Lê Thái Tổ, Hà Nội), tòa nhà Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin (trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt, số 71 Ngô Sĩ Liên, Hà Nội) và bộ phận trực thuộc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin tại (Tòa nhà Bảo Việt - 233 Đồng Khởi, Tp.HCM). Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2016 là 1.881.337 Kwh tương ứng với 6.773 GJ, tổng chi phí cho việc cung cấp điện trong năm 2016 là 6.325.248.775 đồng. Như vậy, trong năm 2016, tổng năng lượng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt là 10.880 GJ.



Tiết kiệm điện trong các toà nhà

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, Bảo Việt đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của Bảo Việt trên hệ thống.

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 độ C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời…
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30

HỆ THỐNG ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ
(TIÊU THỤ 40-60% ĐIỆN NĂNG)

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ

Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ…) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử…).

HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG
(TIÊU THỤ 15-20% ĐIỆN NĂNG)

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ

- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường…).
- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O cấp nước nóng cho toàn bộ toà nhà.

HỆ THỐNG NƯỚC NÓNG
(5 – 10% ĐIỆN NĂNG)

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI



Năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2016
- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Bảo Việt bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2014) tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của Bảo Việt như sau:

CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG



Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả.

BIỆN PHÁP VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KỸ THUẬT

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Việt đều trang bị 01 thùng đựng rác lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà.
- Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Xí nghiệp môi trường đô thị số 2 để xử lý.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Tái sử dụng văn phòng phẩm bao gồm các loại bút, đồ dùng văn phòng bằng nhựa

CHẤT THẢI NGUY HẠI



Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang cháy khoảng 1 kg/tháng; mực in thải khoảng 1 kg/tháng; giẻ lau dính dầu khoảng 1 kg/tháng. Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 3 kg/tháng.

BIỆN PHÁP VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KỸ THUẬT

Do lượng chất thải này phát sinh rất ít, nhưng để đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, các tòa nhà Bảo Việt tiến hành lưu giữ, phân loại và thu gom theo đúng thông tư 12/2011/TT-BNTMT ngày 18 tháng 4 năm 2011 về quản lý chất thải nguy hại. Theo đó, chất thải nguy hại được đựng trong thùng riêng biệt, có khu vực lưu giữ riêng và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Tiếp đó, Bảo Việt ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của Tòa nhà. Thời gian lưu trữ chất thải nguy hại tại tòa nhà không quá 1 năm theo đúng quy định 12/2011/TT_BTNMT.

CHẤT THẢI KHÍ



Khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Thái Tổ
- Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh.

BIỆN PHÁP VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KỸ THUẬT

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Yêu cầu các phương tiện giao thông (xe máy, xe đạp điện) đi vào tòa nhà tắt máy trước khi vào cổng tòa nhà.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Khởi động chương trình Trồng cây của thanh niên trong năm đầu tiên nhằm giảm cây xanh trong các khu vực mà Bảo Việt hoạt động
- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình 5S: xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.

Thông tin chi tiết về chiến lược và hoạt động phát triển bền vững được trình bày tại Báo cáo Phát triển Bền vững 2016 của Tập đoàn Bảo Việt - được lập theo tiêu chuẩn GRI Standard 2016

BAOVIET

LỄ CÔNG BỐ
XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG NHẤT VIỆT NAM



BAOVIET

CSI 100
DOANH NGHIỆP
BỀN VỮNG 2016

TỰ HÀO LÀ TOP 10 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG NHẤT TẠI VIỆT NAM 2016

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAOVIET

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) (TÓM TẮT)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)





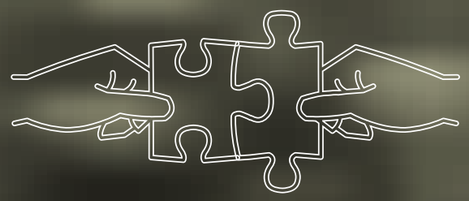
Ông **PHẠM NGỌC TÚ**

Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính

"Là doanh nghiệp tiên phong thực hiện lập và công bố Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS), Bảo Việt mong muốn nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin tài chính cung cấp ra thị trường, đảm bảo lợi ích cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan."

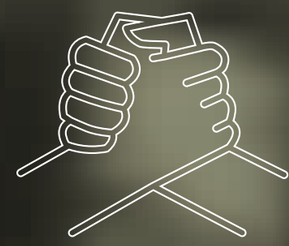
KHẲNG ĐỊNH UY TÍN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT HÀNG ĐẦU

Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính theo
Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và
Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)



NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN

XÂY DỰNG NIỀM TIN VÀ SỰ TÍN NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN, NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Cung cấp thông tin **đầy đủ, toàn diện** về tình hình tài chính cũng như hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị thành viên.

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH ĐỐI VỚI CÔNG TY NIÊM YẾT

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 8 lần với lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 08 năm 2015.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2015 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục...
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Chi tiết của các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Các công ty con

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt – Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	95%

TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và Quản lý Dự án
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

Các công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY ĐƯỢC ĐẦU TƯ	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ TỶ VND	TỶ LỆ SỞ HỮU %
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt ("Bảo Việt Resort")	Số 706 B, Đồi Cát Bay, Khu phố 5, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	63,50	38,58
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBA ("VIGEBA")	232 Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	180,00	30,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt")	Tòa nhà văn phòng khu biệt thự Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội	Xây dựng	65,04	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt ("Bảo Việt SCIC")	220 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	140,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("Bảo Việt Bank")	Tòa nhà Cornerstone 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	3.150,00	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc")	Tổ 1, Ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220,00	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng ("Du lịch Lâm Đồng")	01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	200,00	36,31
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Saigonship")	09 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	144,02	36,68
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine ("Bảo Việt Tokio Marine")	P601, tầng 6, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300,00	49,00

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày lập báo cáo này, Tập đoàn có sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 18 tháng 05 năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2015 là 8% (800 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam tương đương với số tiền 544.377.147.200 đồng Việt Nam, bằng 54,31% lợi nhuận sau thuế.

- Ngày 27 tháng 09 năm 2016, Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 2.000 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Thực hiện ý kiến chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ cho Bảo Việt Nhân thọ của Bộ Tài chính tại Công văn số 14943/BTC-QLBH ngày 21 tháng 10 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển tiền tăng vốn điều lệ cho Bảo Việt Nhân thọ trong năm 2016. Ngày 28 tháng 02 năm 2017, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC5/KDBH cho Bảo Việt Nhân thọ với mức vốn điều lệ mới là 2.500 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM/ TỪ NHIỆM
Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	25 tháng 06 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Muneo Sasagawa	Thành viên	02 tháng 07 năm 2015	
Ông Shuichi Sakai	Thành viên	28 tháng 03 năm 2016	
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	17 tháng 05 năm 2016	
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Bà Thân Hiển Anh	Thành viên	23 tháng 12 năm 2014	
Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên	24 tháng 04 năm 2013	28 tháng 03 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	23 tháng 09 năm 2009	17 tháng 05 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY TỪ NHIỆM
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát	25 tháng 12 năm 2014	
Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	29 tháng 11 năm 2012	
Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Kiểm soát viên	17 tháng 04 năm 2015	
Ông Đặng Thái Quý	Kiểm soát viên	29 tháng 11 năm 2012	25 tháng 04 năm 2016

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Nguyễn Quang Phi	Tổng Giám đốc	25 tháng 06 năm 2014	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	30 tháng 11 năm 2016	
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	18 tháng 05 năm 2015	
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	01 tháng 09 năm 2015	
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	13 tháng 01 năm 2016	
Ông Đỗ Trường Minh	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	07 tháng 04 năm 2015	27 tháng 05 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và

- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 04 năm 2017

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/18715108-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") được lập ngày 05 tháng 04 năm 2017 và được trình bày từ trang 411 đến trang 522, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hoàng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2409-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**30.299.175.462.459**	**22.950.882.861.915**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***6***	***2.883.458.103.350***	***2.256.691.436.043***
111	1. Tiền		1.384.131.258.722	794.330.869.093
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.499.326.844.628	1.462.360.566.950
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***20.802.681.180.898***	***15.685.066.581.729***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	15.1	2.722.178.333.317	1.747.304.210.969
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	15.1	(349.504.452.363)	(404.600.653.219)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	18.430.007.299.944	14.342.363.023.979
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***7.1***	***4.706.940.319.124***	***3.530.155.698.046***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		3.466.446.831.573	2.775.359.664.688
131.1	*1.1 Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.313.441.346.281*	*996.104.945.231*
131.2	*1.2 Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*2.153.005.485.292*	*1.779.254.719.457*
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		220.390.172.983	23.739.842.786
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		919.682.055.427	800.636.014.909
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		476.718.729.919	298.698.803.404
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(376.500.335.285)	(368.491.592.709)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		202.864.507	212.964.968
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***118.799.477.849***	***103.010.911.121***
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***471.008.304.527***	***369.118.425.538***
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		457.355.457.431	337.470.199.488
151.1	*1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*9*	*428.005.012.101*	*307.028.258.405*
151.2	*1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác*		*29.350.445.330*	*30.441.941.083*
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.530.125.211	2.338.528.906
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	10.122.721.885	29.309.697.144
190	***VI. Tài sản tái bảo hiểm***		***1.316.288.076.711***	***1.006.839.809.438***
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	23	709.578.730.959	516.636.365.145
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	23	606.709.345.752	490.203.444.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**42.697.277.045.377**	**35.601.681.646.862**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***	***7.2***	***64.845.196.260***	***223.344.176.702***
216	1. Phải thu dài hạn khác		64.845.196.260	223.344.176.702
220	***II. Tài sản cố định***		***1.541.816.587.616***	***1.556.975.643.377***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	722.440.067.642	722.050.185.523
222	*Nguyên giá*		*1.715.481.727.799*	*1.642.748.909.673*
223	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(993.041.660.157)*	*(920.698.724.150)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	819.376.519.974	834.925.457.854
228	*Nguyên giá*		*1.117.026.487.100*	*1.097.409.941.082*
229	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(297.649.967.126)*	*(262.484.483.228)*
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***13***	***138.880.906.477***	***144.964.906.855***
231	1. Nguyên giá		176.246.511.406	176.246.511.406
232	2. Giá trị hao mòn luỹ kế		(37.365.604.929)	(31.281.604.551)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***223.498.164.966***	***191.987.610.818***
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	223.498.164.966	191.987.610.818
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***		***40.571.759.374.173***	***33.382.395.233.121***
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.3.1	2.795.737.018.783	2.091.160.536.985
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3.2	399.533.150.523	396.694.408.423
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.3.2	(34.249.995.785)	(54.239.974.693)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	37.410.739.200.652	30.948.780.262.406
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***156.476.815.885***	***102.014.075.989***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		97.684.821.223	63.666.146.395
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2.1	52.886.550.943	32.909.174.875
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.905.443.719	5.438.754.719
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**72.996.452.507.836**	**58.552.564.508.777**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**59.309.916.882.792**	**45.354.373.261.929**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***16.230.271.115.790***	***10.855.723.087.317***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	1.576.935.784.713	1.112.631.115.386
311.1	*1.1 Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*1.383.568.559.914*	*989.456.816.389*
311.2	*1.2 Phải trả khác hoạt động tài chính*		*66.003.088.161*	-
311.3	*1.3 Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ*		*127.364.136.638*	*123.174.298.997*
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	10.443.709.813	8.228.873.607
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	16.004.120.760	96.679.287.168
314	4. Phải trả người lao động		736.503.250.494	621.422.411.172
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		56.627.960.995	51.159.635.780
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		83.403.075.494	72.346.781.434
318.1	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18	115.396.746.402	95.318.882.134
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	19	482.252.118.261	405.716.995.604
320	9. Vay ngắn hạn	20	161.009.048.468	29.800.759.917
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	78.324.934.729	109.969.996.853
324	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	22	12.913.370.365.661	8.252.448.348.262
330	***II. Nợ dài hạn***		***43.079.645.767.002***	***34.498.650.174.612***
337	1. Phải trả dài hạn khác		99.815.372.901	74.806.099.908
338	2. Vay dài hạn	20	3.337.550.002	1.360.550.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.2.2	-	4.951.497.020
344	4. Dự phòng	23	42.976.492.844.099	34.417.532.027.684
344.1	*4.1 Dự phòng toán học*		*36.280.117.678.651*	*28.462.331.338.355*
344.2	*4.2 Dự phòng phí chưa được hưởng*		*3.580.814.492.786*	*3.140.292.894.461*
344.3	*4.3 Dự phòng bồi thường*		*1.489.052.835.548*	*1.239.012.550.325*
344.4	*4.4. Dự phòng chia lãi*		*1.385.613.275.857*	*1.357.955.906.231*
344.5	*4.5 Dự phòng đảm bảo cân đối*		*64.722.549.880*	*58.384.999.622*
344.8	*4.6 Dự phòng dao động lớn*		*176.172.011.377*	*159.554.338.690*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**13.686.535.625.044**	**13.198.191.246.848**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***13.686.535.625.044***	***13.198.191.246.848***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.804.714.340.000*	*6.804.714.340.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	16.075.608.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		301.301.554.536	142.369.277.946
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.288.129.402.650	2.038.471.565.269
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*1.218.636.520.311*	*912.957.536.284*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*1.069.492.882.339*	*1.125.514.028.985*
423	7. Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		333.123.774.337	292.449.189.772
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		655.920.177.506	616.210.081.846
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**72.996.452.507.836**	**58.552.564.508.777**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**19.878.856.297.778**	**16.195.095.087.597**
02	Phí bảo hiểm gốc	25.1	20.018.586.566.154	15.943.461.828.362
03	Phí nhận tái bảo hiểm	25.2	300.791.329.949	338.994.106.846
04	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(440.521.598.325)	(87.360.847.611)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(1.200.056.139.706)**	**(1.110.122.686.264)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	26	(1.392.998.505.520)	(1.075.681.917.652)
07	Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		192.942.365.814	(34.440.768.612)
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01+ 05)**		**18.678.800.158.072**	**15.084.972.401.333**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (09 = 10 + 11)**		**330.668.187.439**	**230.334.708.024**
10	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		224.977.753.763	188.040.634.200
11	Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (11 = 12 + 13 + 14)		105.690.433.676	42.294.073.824
12	*Thu khác nhận tái bảo hiểm*		*687.797.942*	*16.663.303.127*
13	*Thu khác nhượng tái bảo hiểm*		*77.046.090.738*	*460.048.248*
14	*Thu hoạt động khác*		*27.956.544.996*	*25.170.722.449*
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**19.009.468.345.511**	**15.315.307.109.357**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**27.1**	**(6.733.219.605.075)**	**(5.908.181.291.969)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**27.2**	**(171.400.458.433)**	**(175.660.994.859)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**8.828.324.736**	**32.020.103.108**
19	Thu đòi người thứ ba		6.690.882.282	29.159.452.809
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		2.137.442.454	2.860.650.299
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**27.3**	**521.456.218.523**	**412.871.394.428**
22	**Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25)**		**(7.851.781.260.180)**	**(5.778.529.022.910)**
23	Tăng dự phòng toán học		(7.817.786.340.296)	(5.710.492.449.975)
24	Tăng dự phòng chia lãi		(27.657.369.626)	(59.861.551.929)
25	Tăng dự phòng đảm bảo cân đối		(6.337.550.258)	(8.175.021.006)
26	**(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**(250.040.285.223)**	**115.328.143.112**
27	**Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**116.505.901.459**	**(131.411.244.341)**
28	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (28 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 26 + 27)**		**(14.359.651.164.193)**	**(11.433.562.913.431)**
29	**Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn**		**93.000.000.000**	**46.000.000.000**
30	**Trích dự phòng dao động lớn**		**(109.617.672.687)**	**(101.964.761.130)**

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
31	**Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (31 = 32 + 38 + 39)**		**(4.232.776.274.049)**	**(3.470.111.005.347)**
32	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (32 = 33 + 34 + 35 + 36 + 37)		(4.207.185.385.576)	(3.391.262.935.375)
33	*Chi hoa hồng*		*(1.962.077.048.011)*	*(1.590.676.319.790)*
34	*Chi dề phòng hạn chế tổn thất*		*(75.700.952.436)*	*(77.851.626.985)*
35	*Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác*		*(96.585.660.462)*	*(283.349.127.698)*
36	*Chi phí bán hàng*		*(902.386.994.302)*	*(603.548.774.126)*
37	*Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm*		*(1.170.434.730.365)*	*(835.837.086.776)*
38	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(3.201.454.297)	(76.733.945.577)
39	Chi nhượng tái bảo hiểm khác		(22.389.434.176)	(2.114.124.395)
40	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (40 = 28 + 29 + 30 + 31)**		**(18.609.045.110.929)**	**(14.959.638.679.908)**
41	**Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 15 + 40)**		**400.423.234.582**	**355.668.429.449**
42.1	Doanh thu hoạt động khác		297.970.974.822	380.720.387.095
42.2	Chi phí hoạt động khác		(270.478.765.106)	(333.000.023.678)
42	**Thu nhập thuần từ các hoạt động khác (42 = 42.1 + 42.2)**	**28**	**27.492.209.716**	**47.720.363.417**
43	**Chi phí quản lý doanh nghiệp (43 = 43.1 + 43.2)**	**29**	**(2.628.432.875.224)**	**(1.990.582.460.875)**
43.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(2.222.170.886.326)	(1.642.896.766.177)
43.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các hoạt động khác		(406.261.988.898)	(347.685.694.698)
44	**Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (44 = 41 + 43.1)**		**(1.821.747.651.744)**	**(1.287.228.336.728)**
	Trong đó:			
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ		*(1.913.472.859.756)*	*(1.378.174.598.972)*
	- Lãi thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		*91.725.208.012*	*90.946.262.244*
45	**Lỗ thuần từ các hoạt động khác (45 = 42 + 43.2)**		**(378.769.779.182)**	**(299.965.331.281)**
46.1	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**30.1**	**4.627.972.875.906**	**3.792.751.239.962**
46.2	**Chi phí hoạt động tài chính**	**30.2**	**(1.124.009.912.309)**	**(843.014.249.921)**
46	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (46 = 46.1 + 46.2)**		**3.503.962.963.597**	**2.949.736.990.041**
47.1	**Thu nhập hoạt động khác**		**10.088.299.889**	**9.722.047.264**
47.2	**Chi phí hoạt động khác**		**(4.126.469.198)**	**(4.754.363.380)**
47	**Lợi nhuận từ hoạt động khác (47 = 47.1 + 47.2)**	**31**	**5.961.830.691**	**4.967.683.884**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
48	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**		**89.377.550.187**	**93.205.829.716**
49	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (49 = 44 + 45 + 46 + 47 + 48)**		**1.398.784.913.549**	**1.460.716.835.632**
50	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**		**(258.764.859.524)**	**(292.686.127.870)**
51	**Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại**		**24.928.873.088**	**6.900.712.412**
52	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (52 = 49 + 50 + 51)**		**1.164.948.927.113**	**1.174.931.420.174**
53	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**41.615.866.742**	**46.924.275.754**
54	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN (54 = 52 - 53)**		**1.123.333.060.371**	**1.128.007.144.420**
55	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**33**	**1.651**	**1.489**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**1.398.784.913.549**	**1.460.716.835.632**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**4.437.049.645.886**	**2.769.920.581.868**
02	- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		133.278.323.464	158.323.745.833
03	- Các khoản dự phòng		8.539.358.610.878	5.983.182.996.807
04	- Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.406.799.291)	(4.782.030.076)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.702.485.215.442)	(3.590.381.524.819)
06	- Chi phí lãi vay		469.304.726.277	223.577.394.123
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**5.835.834.559.435**	**4.230.637.417.500**
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(943.768.804.721)	38.862.704.110
10	- Tăng hàng tồn kho		(15.788.566.728)	(43.920.378.679)
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		651.227.682.590	167.390.903.259
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(346.846.298.585)	31.207.400.579
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(974.874.122.348)	112.366.056.141
14	- Tiền lãi vay đã trả		(405.432.471.461)	(167.024.839.413)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(340.807.252.113)	(274.892.086.257)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(146.723.603.451)	(114.407.606.966)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**3.312.821.122.618**	**3.980.219.570.274**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(77.038.755.907)	(57.695.630.527)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.925.467.912	1.318.518.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.111.691.375.005)	(28.534.146.799.353)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.772.819.391.338	18.526.273.896.862
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(669.895.682.237)	(30.766.147.198)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		18.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.185.543.675.109	3.107.618.426.268
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(6.880.337.278.790)**	**(6.987.397.735.767)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		27.810.774.496.766	16.892.108.735.582
34	2. Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(23.069.164.829.612)	(12.373.735.516.055)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Tập đoàn và các cổ đông không kiểm soát		(544.265.229.840)	(681.181.899.550)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**4.197.344.437.314**	**3.837.191.319.977**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**629.828.281.142**	**830.013.154.484**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**2.256.691.436.043**	**1.424.818.218.079**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.061.613.835)	1.860.063.480
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**6**	**2.883.458.103.350**	**2.256.691.436.043**



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn" trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được đăng ký thay đổi 8 lần với lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 08 năm 2015.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2015 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục ...
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC"), HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quang Phi - Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Sumitomo Life")	122.509.091	18,00
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	22.154.400	3,26
- Các cổ đông khác	53.298.143	7,83
	680.471.434	**100**

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi tiết của các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Các công ty con

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN	QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TẬP ĐOÀN
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%	95%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ VND.

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Ngày 28 tháng 02 năm 2017, Bảo Việt Nhân thọ đã được Bộ Tài chính cấp Giấy Phép điều chỉnh số 46/GPĐC5/KDBH với mức vốn điều lệ mới là 2.500 tỷ đồng.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐCQLQ ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.
- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của BVInvest là 200 tỷ VND.

Trong đó, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	SỐ VỐN GÓP CAM KẾT VND	% TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ	SỐ VỐN ĐÃ GÓP VND
Đầu tư trực tiếp của công ty mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	*60.000.000.000*	*20*	*40.000.000.000*
- Bảo hiểm Bảo Việt	*60.000.000.000*	*20*	*40.000.000.000*
	285.000.000.000	**95**	**190.000.000.000**

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 08 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	SỐ VỐN GÓP VND	TỶ LỆ TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các công ty con		
- *Bảo Việt Nhân thọ*	*350.000.000.000*	*35%*
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	*150.000.000.000*	*15%*
- *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt*	*80.000.000.000*	*8%*
	1.000.000.000.000	**100%**

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và Quản lý Dự án
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

Các công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY ĐƯỢC ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ VND	TỶ LỆ SỞ HỮU %	QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TẬP ĐOÀN %
Công ty liên kết				
Bảo Việt Resort	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	63.500.000.000	38,58	38,58
VIGEBA	Kinh doanh bất động sản	180.000.000.000	30,00	30,00
Long Việt	Xây dựng	65.043.200.000	45,00	45,00
Bảo Việt SCIC	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	50,00	50,00
Bảo Việt Bank	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	49,52
Trung Nam Phú Quốc	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	49,00
Du lịch Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	200.000.007.122	36,31	36,31
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Saigonship")	Dịch vụ vận tải	144.200.000.000	36,68	36,68
Công ty liên doanh				
Bảo Việt Tokio Marine	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	49,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do Công ty mẹ và các công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư số 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199") và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng
Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Kỳ kế toán năm
Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Ngoài ra, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng quý.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 199/2014/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Ngày 19 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 199/2014/TT-BTC "*Thông tư 199*") về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm. Theo Công văn số 11640/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 08 năm 2015, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ áp dụng chế độ kế toán mới theo Thông tư 199 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 là thời điểm có hiệu lực của Thông tư 199.

Tập đoàn đã trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 để phù hợp với quy định tại Thông tư 199 ở Thuyết minh số 40.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh** (tiếp theo)*

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Việc áp dụng thông tư này không ảnh hưởng đến số liệu tương ứng đầu kỳ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC - Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính ("BTC") đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC - Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2016 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Theo đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.4 Các khoản phải thu** (tiếp theo)*

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

HÀNG TỒN KHO	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.5 Hàng tồn kho** (tiếp theo)*

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	06 - 50 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

4.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.
- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn, do chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty này tại ngày mua, Tập đoàn áp dụng kế toán ban đầu tạm thời và sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm mua trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản chênh lệch nếu có giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua chưa được ghi nhận.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 15.3.1.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các khoản đầu tư *(tiếp theo)*

Đầu tư vào liên doanh (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá trị được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư 228, Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146") và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán}\right]$$

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.11 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)*

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại UPCoM, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

  Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên hoặc các chứng khoán OTC đã được lập dự phòng kỳ trước nhưng kỳ này không thu thập đủ 03 báo giá, Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo hướng dẫn của Thông tư 228. Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, Tập đoàn sẽ ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu do Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy ("Vinashin" – nay là Shipbuilding Industry Corporation - SBIC) phát hành, căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi, Tập đoàn đã dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu và thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi trái phiếu chưa thu được từ các khoản đầu tư này. Đối với các khoản trái phiếu đã quá hạn thanh toán gốc mà chưa thu được, Tập đoàn đã trích lập dự phòng theo Thông tư 228. Đối với các khoản trái phiếu đáo hạn năm 2017, bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng theo tỷ lệ 20%/năm trong vòng 05 năm trên 100% số dư nợ gốc. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 200 và các hướng dẫn có liên quan, từ năm 2015, Tập đoàn cũng đồng thời đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

Tương tự, đối với các khoản đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II ("ALCII") đã quá hạn, căn cứ tình hình tài chính và khả năng trả nợ gốc và lãi của các hợp đồng tiền gửi này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần gốc theo Thông tư 228, đồng thời dừng ghi nhận doanh thu lãi tiền gửi, thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi dự thu chưa thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 200. Bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.11 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)*

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được quy định trong Thông tư 89 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế}\right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.12 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong năm.

4.13 Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các cán bộ, nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do cơ quan Bảo hiểm Xã hội chi trả. Theo Quyết định số 959/QĐ-BHXH ngày 01/12/2015, bắt đầu từ ngày 01/01/2014, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên. Tập đoàn cũng trích 3% mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên để tham gia bảo hiểm y tế. Từ 01/01/2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên, theo đó khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

- *Trợ cấp thôi việc*: theo quy định tại Điều 48, Bộ Luật Lao động hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc, với mức tương đương là nửa tháng lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) cho tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm; và

- *Trợ cấp mất việc làm*: theo quy định tại Điều 49 Bộ Luật Lao động hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội và Luật việc làm hiện hành từ ngày 01/01/2009, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi và quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ("Thông tư 125") do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	*Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ*
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

- *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 52/2016/TT-BTC ("Thông tư 52") ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư 125 và Thông tư 194 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

- *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- *Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỷ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.

- *Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ *(tiếp theo)*

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

Theo Thông tư số 52, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Bảo Việt Nhân thọ đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Bảo Việt Nhân thọ có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ *(tiếp theo)*

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bổ đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) xác định theo quy định tại Thông tư 125, theo đó:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại của năm tài chính} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$$

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ** (tiếp theo)*

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, dự phòng dao động lớn và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

4.17 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 ban hành bởi Chính phủ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt đã trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bảo hiểm bắt buộc.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 125 và Thông tư 194 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125 và Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc dồn tích khi hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 125 và Thông tư 194 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125 và Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 ("Thông tư 124").

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm và (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm. Nếu doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có thống nhất về việc trả phí bảo hiểm định kỳ trên hợp đồng thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chỉ hạch toán vào thu nhập khoản tiền phí bảo hiểm định kỳ đến hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực trong trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần và cho kỳ phí đầu tiên trong trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" hoặc "Doanh thu chưa thực hiện dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hoa hồng nhượng tái

Doanh thu phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận phù hợp với Thông tư 125 và Thông tư 194 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Hoa hồng nhượng tái được ghi nhận khi bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***4.18 Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi trái phiếu được mua. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác", ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với Thông tư 124 và Thông tư 194.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 124 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

- Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.
- Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm, chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí kỳ này tương ứng với phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau.

4.21 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp *(tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Quỹ An sinh xã hội: được trích lập cho mục đích hỗ trợ các hoạt động an sinh, xã hội, vì cộng đồng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4.26 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư... cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

5. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY MỚI TRONG NĂM

Mua Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc

Trong năm 2016, với mục đích đầu tư tài chính, Tập đoàn đã mua 49% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1701893515, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28 tháng 01 năm 2013 với tổng giá phí giao dịch là 431.200.000.000 VND. Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là phát triển Dự án Khu Du lịch Sinh thái Thuận An.

Mua Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng

Trong năm 2016, với mục đích đầu tư tài chính, thông qua Quỹ BVIF, Tập đoàn đã góp 36,31% vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng (Du lịch Lâm Đồng), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5800271921, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16 tháng 06 năm 2000 và sửa đổi lần 9 ngày 23 tháng 02 năm 2016. Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ du lịch.

Mua Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Trong năm 2016, với mục đích đầu tư tài chính, thông qua Quỹ BVIF, Tập đoàn đã mua 36,68% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (Saigonship), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300424088, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 và được sửa đổi lần 8 ngày 24 tháng 12 năm 2014. Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải biển.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tiền mặt tại quỹ	57.916.229.627	51.716.826.934
Tiền gửi ngân hàng	1.144.171.554.903	697.033.665.556
Tiền đang chuyển	182.043.474.192	45.580.376.603
Các khoản tương đương tiền (*)	1.499.326.844.628	1.462.360.566.950
Tổng	**2.883.458.103.350**	**2.256.691.436.043**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng có lãi suất từ 4,3% đến 5,5%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	652.562.888.699	539.289.157.556
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	167.378.442.194	154.468.899.993
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	276.407.329.094	157.675.348.747
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	96.368.621.984	37.621.137.522
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	120.724.064.310	107.050.401.413
	1.313.441.346.281	**996.104.945.231**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	5.896.184.850	2.750.169.900
Lãi tiền gửi ngân hàng	434.468.777.324	416.800.368.514
Phải thu lãi trái phiếu	1.468.962.558.797	1.111.935.723.745
Lãi phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị hoàn lại	239.040.150.470	245.820.116.680
Phải thu đầu tư khác	4.637.813.851	1.948.340.618
	2.153.005.485.292	**1.779.254.719.457**
Trả trước cho người bán ngắn hạn (*)	**220.390.172.983**	**23.739.842.786**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	872.514.633.959	753.468.593.441
Cho vay ủy thác	47.167.421.468	47.167.421.468
	919.682.055.427	**800.636.014.909**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	23.138.431.583	17.456.549.028
Phải thu phí quản lý quỹ	4.080.772.447	4.520.789.409
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê nhà	54.321.756.111	96.969.088.126
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(Thuyết minh 7.2)*	204.435.252.012	-
Phải thu ngắn hạn khác	156.552.440.561	149.888.064.777
Tạm ứng khác	34.190.077.205	29.864.312.064
	476.718.729.919	**298.698.803.404**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**202.864.507**	**212.964.968**
Tổng cộng các khoản phải thu	**5.083.440.654.409**	**3.898.647.290.755**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(376.500.335.285)	(368.491.592.709)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**4.706.940.319.124**	**3.530.155.698.046**

(*) Bao gồm 205.965.332.424 VND là khoản tiền thuê văn phòng trả trước cho Công ty TNHH Thủ đô II theo Hợp đồng thuê văn phòng ký giữa Tập đoàn và các công ty con với công ty này trong thời gian năm (05) năm kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2017.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

7.2 Các khoản phải thu dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	20.000.000.000	12.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	6.862.496.457	6.862.496.457
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.147.619.087	21.181.760.379
	48.010.115.544	**40.044.256.836**
Phải thu dài hạn khác		
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	16.835.080.716	16.467.189.866
- Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	-	166.832.730.000
	16.835.080.716	**183.299.919.866**
	64.845.196.260	**223.344.176.702**

(*) Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh là giá trị góp vốn của BVInvest, Công ty con của Tập đoàn, vào hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") nhóm nhà ở thấp tầng TT1 Dự án Khu Đô thị "Thành phố Giao Lưu" (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 204.435.252.012 đồng được ghi nhận trên phải thu ngắn hạn và số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 166.832.730.000 đồng được ghi nhận trên phải thu dài hạn). Dự án này được giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBA ("VIGEBA") thực hiện, kế toán các giao dịch, ghi nhận doanh thu và chi phí, theo dõi kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các bên góp vốn trong BCC chưa thực hiện quyết toán và phân bổ doanh thu, chi phí nên BVInvest chưa ghi nhận bất kỳ khoản doanh thu, chi phí tương ứng nào từ hợp đồng này. Theo tiến độ dự kiến, hợp đồng sẽ được quyết toán trong năm 2017.

8. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ấn chỉ	20.684.594.464	18.942.234.808
Vật liệu, văn phòng phẩm	11.831.969.444	16.871.008.313
Thiết bị, dụng cụ	2.944.762.987	564.643.053
Hàng tồn kho tại BVInvest (**)	83.338.150.954	66.633.024.947
Tổng cộng hàng tồn kho	**118.799.477.849**	**103.010.911.121**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**118.799.477.849**	**103.010.911.121**

(**) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết hàng tồn kho tại BVinvest như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Bất động sản để bán đang xây dựng	20.171.586.904	29.502.085.898
Nguyên vật liệu	27.634.402	143.720.388
Hàng hóa bất động sản	63.138.929.648	36.987.218.661
Chung cư N03, Ngoại giao đoàn	*5.901.861.279*	*10.830.640.771*
Chung cư N04A, Ngoại giao đoàn	*1.094.417.902*	*26.156.577.890*
Chung cư 109 Nguyễn Tuân	*56.142.650.467*	-
TỔNG CỘNG	**83.338.150.954**	**66.633.024.947**

9. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Số đầu năm	**-**	**307.028.258.405**	**307.028.258.405**
Phát sinh trong năm	1.285.693.194.040	797.360.607.667	2.083.053.801.707
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.285.693.194.040)	(676.383.853.971)	(1.962.077.048.011)
Số cuối năm	**-**	**428.005.012.101**	**428.005.012.101**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Bao gồm các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động chứng khoán và các khoản đặt cọc liên quan đến hoạt động kinh doanh của BVInvest.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN	TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	931.159.774.272	50.748.198.400	397.818.012.456	260.827.877.869	2.195.046.676	1.642.748.909.673
- Mua sắm, xây dựng mới, chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.127.030.684	28.102.430.758	37.354.288.129	18.666.302.827	2.758.183.118	98.008.235.516
- Phân loại lại	-	56.562.987.743	1.858.746.891	(57.878.039.322)	(543.695.312)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(10.138.608.137)	(61.000.000)	(10.167.497.205)	(4.832.954.450)	(75.357.598)	(25.275.417.390)
Số cuối năm	932.148.196.819	135.352.616.901	426.863.550.271	216.783.186.924	4.334.176.884	1.715.481.727.799
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	349.033.365.615	43.092.238.185	308.286.846.322	218.926.196.317	1.360.077.711	920.698.724.150
- Khấu hao trong năm	33.626.675.337	8.182.677.322	32.325.745.232	16.979.206.763	673.486.149	91.787.790.803
- Phân loại lại	-	44.710.389.727	704.364.343	(45.181.071.659)	(233.682.411)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(4.884.704.246)	(61.000.000)	(9.599.322.686)	(4.824.470.267)	(75.357.597)	(19.444.854.796)
Số cuối năm	377.775.336.706	95.924.305.234	331.717.633.211	185.899.861.154	1.724.523.852	993.041.660.157
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	582.126.408.657	7.655.960.215	89.531.166.134	41.901.681.552	834.968.965	722.050.185.523
Số cuối năm	554.372.860.113	39.428.311.667	95.145.917.060	30.883.325.770	2.609.653.032	722.440.067.642

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	PHẦN MỀM MÁYTÍNH VND	TÀI SẢN KHÁC VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	764.988.406.492	328.494.616.851	3.926.917.739	1.097.409.941.082
- Tăng trong năm	-	19.886.546.018	-	19.886.546.018
- Giảm trong năm	-	(270.000.000)	-	(270.000.000)
Số cuối năm	764.988.406.492	348.111.162.869	3.926.917.739	1.117.026.487.100
Giá trị hao mòn luỹ kế:				
Số đầu năm	59.083.713.279	199.546.946.633	3.853.823.316	262.484.483.228
- Hao mòn trong năm	7.430.537.609	27.902.900.253	73.094.423	35.406.532.285
- Thanh lý trong năm	-	(241.048.387)	-	(241.048.387)
Số cuối năm	66.514.250.888	227.208.798.499	3.926.917.739	297.649.967.126
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	705.904.693.213	128.947.670.218	73.094.423	834.925.457.854
Số cuối năm	698.474.155.604	120.902.364.370	-	819.376.519.974

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	13.1	23.448.947.000	23.448.947.000
Bất động sản đầu tư cho thuê	13.2	115.431.959.477	121.515.959.855
		138.880.906.477	**144.964.906.855**

13.1 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuống, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.2 Bất động sản đầu tư cho thuê

	NHÀ CỬA VND	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm (*)	148.195.169.464	4.602.394.942	152.797.564.406
- Tăng trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	148.195.169.464	4.602.394.942	152.797.564.406
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm (*)	29.428.640.330	1.852.964.221	31.281.604.551
- Khấu hao/hao mòn trong năm	5.931.254.226	152.746.152	6.084.000.378
Số dư cuối năm	35.359.894.556	2.005.710.373	37.365.604.929
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm (*)	118.766.529.134	2.749.430.721	121.515.959.855
Số dư cuối năm	112.835.274.908	2.596.684.569	115.431.959.477

(*) Trong năm tài chính 2016, theo Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, Tập đoàn thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định bao gồm Quyền sử dụng đất và Nhà cửa sang Bất động sản đầu tư cho thuê.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Mua sắm	15.306.505.586	5.066.980.771
Xây dựng cơ bản dở dang	208.146.399.180	186.774.258.698
Sửa chữa lớn	45.260.200	146.371.349
	223.498.164.966	**191.987.610.818**

Xây dựng cơ bản dở dang gồm các tòa nhà, văn phòng làm việc đang trong quá trình xây dựng. Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tòa nhà Thanh Trì - BQLDA	38.187.759.991	37.839.953.280
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.655.894.226	25.655.894.226
Trụ sở Bảo Việt Bình Định	21.423.371.658	13.125.704.905
Trụ sở Bảo Việt Hải Dương	19.946.352.359	9.888.255.277
Dự án kho lưu trữ tại Quang Minh	18.605.000.000	18.605.000.000
Trụ sở Bảo Việt An Giang	14.656.431.496	5.140.155.370
Trụ sở Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	11.281.260.218	9.186.013.610
Trụ sở Bảo Việt Nhân thọ Hà Tĩnh	10.015.184.988	3.964.903.600
Các công trình khác	48.375.144.244	63.368.378.430
	208.146.399.180	**186.774.258.698**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chứng khoán kinh doanh	**15.1**		
Cổ phiếu niêm yết		1.131.249.483.546	1.165.931.566.940
Cổ phiếu chưa niêm yết		611.059.486.331	444.338.998.664
Chứng chỉ quỹ		233.000.407.211	137.033.645.365
Trái phiếu		746.868.956.229	-
		2.722.178.333.317	**1.747.304.210.969**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	**15.1**	**(349.504.452.363)**	**(404.600.653.219)**
		2.372.673.880.954	**1.342.703.557.750**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**15.2**		
Ngắn hạn		18.430.007.299.944	14.342.363.023.979
- Tiền gửi		*17.209.159.823.856*	*13.242.141.089.373*
- Trái phiếu		*284.851.389.901*	*297.256.550.049*
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại		*935.996.086.187*	*802.965.384.557*
Dài hạn		37.410.739.200.652	30.948.780.262.406
- Tiền gửi		*1.940.146.688.223*	*1.686.000.000.000*
- Trái phiếu		*35.470.592.512.429*	*29.262.780.262.406*
		55.840.746.500.596	**45.291.143.286.385**
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**15.3**		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.3.1	2.795.737.018.783	2.091.160.536.985
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3.2	399.533.150.523	396.694.408.423
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác	15.3.2	(34.249.995.785)	(54.239.974.693)
		3.161.020.173.521	**2.433.614.970.715**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**61.374.440.555.071**	**49.067.461.814.850**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG
Cổ phiếu niêm yết						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	144.000.168.100	50.880.168.100	(93.120.000.000)	144.000.084.700	50.540.884.700	(93.459.200.000)
Công ty Cổ phần FPT	139.554.058.912	139.554.058.912	-	91.497.724.403	91.497.724.403	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	134.300.627.746	134.300.627.746	-	173.655.554.129	173.655.554.129	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	108.815.502.640	89.590.181.790	(19.225.320.850)	108.815.050.570	82.181.355.470	(26.633.695.100)
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	79.450.010.350	4.080.002.040	(75.370.008.310)	89.533.343.350	12.150.005.400	(77.383.337.950)
Cổ phiếu niêm yết khác	525.129.115.798	474.146.339.643	(50.982.776.155)	558.429.809.788	476.937.297.476	(81.492.512.312)
	1.131.249.483.546	**892.551.378.231**	**(238.698.105.315)**	**1.165.931.566.940**	**886.962.821.578**	**(278.968.745.362)**
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Tập đoàn SSG	225.000.000.000	225.000.000.000	-	225.000.000.000	225.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam	180.897.856.607	179.814.310.001	(1.083.546.606)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	56.925.000.000	8.742.936.400	(48.182.063.600)	63.250.000.000	13.026.090.800	(50.223.909.200)
Khác	148.236.629.724	86.695.892.882	(61.540.736.842)	156.088.998.664	83.066.292.607	(73.022.706.057)
	611.059.486.331	**500.253.139.283**	**(110.806.347.048)**	**444.338.998.664**	**321.092.383.407**	**(123.246.615.257)**
Trái phiếu						
Trái phiếu Kho bạc Nhà nước (TD1636502)	530.645.496.229	530.645.496.229	-	-	-	-
Trái phiếu Kho bạc Nhà nước (TD1646469)	216.223.460.000	216.223.460.000	-	-	-	-
	746.868.956.229	**746.868.956.229**	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ						
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	-	-	-	-
BVBF	65.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	-
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-
VF1	16.576.432.682	16.576.432.682	-	33.152.865.365	33.152.865.365	-
Khác	19.423.974.529	19.423.974.529	-	38.880.780.000	36.495.487.400	(2.385.292.600)
	233.000.407.211	**233.000.407.211**	**-**	**137.033.645.365**	**134.648.352.765**	**(2.385.292.600)**
	2.722.178.333.317	**2.372.673.880.954**	**(349.504.452.363)**	**1.747.304.210.969**	**1.342.703.557.750**	**(404.600.653.219)**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	17.651.759.823.856	17.209.159.823.856	13.684.741.089.373	13.242.141.089.373
Trái phiếu (iii)	674.752.316.502	284.851.389.901	467.256.550.049	297.256.550.049
- Trái phiếu doanh nghiệp	*674.752.316.502*	*284.851.389.901*	*277.566.390.071*	*107.566.390.071*
- Trái phiếu Chính phủ	-	-	*189.690.159.978*	*189.690.159.978*
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (iv)	935.996.086.187	935.996.086.187	802.965.384.557	802.965.384.557
	19.262.508.226.545	**18.430.007.299.944**	**14.954.963.023.979**	**14.342.363.023.979**
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	1.940.146.688.223	1.940.146.688.223	1.686.000.000.000	1.686.000.000.000
Trái phiếu (iii)	35.470.592.512.429	35.470.592.512.429	29.357.730.725.706	29.262.780.262.406
- Trái phiếu doanh nghiệp	*3.466.511.571.924*	*3.466.511.571.924*	*4.030.938.806.204*	*3.935.988.342.904*
- Trái phiếu Chính phủ	*32.004.080.940.505*	*32.004.080.940.505*	*25.326.791.919.502*	*25.326.791.919.502*
	37.410.739.200.652	**37.410.739.200.652**	**31.043.730.725.706**	**30.948.780.262.406**
	56.673.247.427.197	**55.840.746.500.596**	**45.998.693.749.685**	**45.291.143.286.385**

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm có mức lãi suất từ 5,1% đến 7,4%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm có mức lãi suất từ 6,5% đến 12,0%/năm.

(iii) Ngoài các trái phiếu Vinashin, các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 7% đến 15%/năm với kỳ hạn từ 05 đến 30 năm, trái phiếu doanh nghiệp có lãi suất từ 8,5% đến 10,8%/năm và có kỳ hạn từ 03 đến 20 năm.

(iv) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

15.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM
Đơn vị được đầu tư	*Vốn Tập đoàn đã góp (theo giá gốc)*	*Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu*
	VND	VND	VND
Bảo Việt Resort (i)	24.500.000.000	20.089.038.911	21.000.000.000
VIGEBA	54.000.000.000	61.954.566.223	64.802.582.976
Long Việt	29.269.440.000	32.559.958.676	32.348.407.145
Bảo Việt Tokio Marine (ii)	147.000.000.000	223.978.997.669	234.450.897.728
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	76.335.632.520	74.355.873.406
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.676.140.599.970	1.664.202.775.730
Trung Nam Phú Quốc (iii)	431.200.000.000	431.200.000.000	-
Du lịch Lâm Đồng (iv)	203.315.728.000	210.117.012.677	-
Saigonship (v)	63.361.212.137	63.361.212.137	-
	2.582.646.380.137	**2.795.737.018.783**	**2.091.160.536.985**

(i) Ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tập đoàn đã góp thêm 3.500.000.000 VND vốn đầu tư vào Bảo Việt Resort. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, các thủ tục tăng vốn điều lệ của Bảo Việt Resort đang được hoàn tất.

(ii) Ngày 08 tháng 07 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 2% vốn chủ sở hữu đang nắm giữ tại Công ty TNHH Liên doanh Bảo Việt – Tokio Marine, theo đó giảm tỷ lệ sở hữu tại Bảo Việt Tokio Marine từ 51% xuống còn 49%.

(iii) Trong năm 2016, Tập đoàn đã mua 49% vốn cổ phần từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc với tổng giá phí của giao dịch là 431.200.000.000 đồng. Theo đó, Trung Nam Phú Quốc trở thành công ty liên kết của Tập đoàn Bảo Việt.

(iv) Trong năm 2016, thông qua Quỹ BVIF, Tập đoàn đã góp 203.315.728.000 VND vào Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tương đương 36,31% vốn của công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(v) Trong năm 2016, thông qua Quỹ BVIF, Tập đoàn đã mua 36,68% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn với tổng giá phí của giao dịch là 63.361.212.137 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác *(tiếp theo)*

15.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Chi tiết biến động các khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị: VND

	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG/(GIẢM) VỐN TRONG NĂM	CỔ TỨC THU ĐƯỢC/LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI	LỢI NHUẬN/ (LỖ) TRONG NĂM THUỘC VỀ TẬP ĐOÀN	SỐ CUỐI NĂM
Bảo Việt Resort	21.000.000.000	3.500.000.000	-	(4.410.961.089)	20.089.038.911
VIGEBA	64.802.582.976	-	(8.100.000.000)	5.251.983.247	61.954.566.223
Long Việt	32.348.407.145	-	-	211.551.531	32.559.958.676
Bảo Việt Tokio Marine	234.450.897.728	(8.409.430.094)	(38.468.578.432)	36.406.108.467	223.978.997.669
Bảo Việt SCIC	74.355.873.406	-	-	1.979.759.114	76.335.632.520
Bảo Việt Bank	1.664.202.775.730	-	(31.200.000.000)	43.137.824.240	1.676.140.599.970
Trung Nam Phú Quốc	-	431.200.000.000	-	-	431.200.000.000
Du lịch Lâm Đồng	-	203.315.728.000	-	6.801.284.677	210.117.012.677
Saigonship	-	63.361.212.137	-	-	63.361.212.137
	2.091.160.536.985	**692.967.510.043**	**(77.768.578.432)**	**89.377.550.187**	**2.795.737.018.783**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

***15.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác** (tiếp theo)*

15.3.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế (IFT)	118.937.361.456	-	118.937.361.456	118.937.361.456	-	118.937.361.456
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	(8.231.250.517)	116.768.749.483
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	75.000.000.000	(30.000.000.000)	45.000.000.000	75.000.000.000	(37.452.000.000)	37.548.000.000
Khác	80.595.789.067	(4.249.995.785)	76.345.793.282	77.757.046.967	(8.556.724.176)	69.200.322.791
	399.533.150.523	**(34.249.995.785)**	**365.283.154.738**	**396.694.408.423**	**(54.239.974.693)**	**342.454.433.730**

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	***416.191.425.721***	***313.452.163.997***
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	75.796.803.425	61.646.386.035
Phải trả thu nhập đại lý	326.335.502.096	241.688.782.662
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	14.059.120.200	10.116.995.300
Bảo hiểm phi nhân thọ	***967.377.134.193***	***676.004.652.392***
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	80.664.106.396	60.951.276.364
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	183.341.088.989	129.446.020.353
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	124.091.582.519	95.754.374.912
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	462.087.073.366	287.310.432.628
Phải trả đồng bảo hiểm	117.193.282.923	102.542.548.135
	1.383.568.559.914	**989.456.816.389**
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả mua chứng khoán	66.003.088.161	-
	66.003.088.161	-
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	127.111.523.245	106.614.931.102
Phải trả khác	252.613.393	16.559.367.895
	127.364.136.638	**123.174.298.997**
	1.576.935.784.713	**1.112.631.115.386**

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	2.174.300.000	2.165.200.000
Phí bảo hiểm tạm thu	8.269.409.813	6.063.673.607
	10.443.709.813	**8.228.873.607**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	SỐ PHẢI TRẢ/ (NỘP THỪA) ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM	SỐ PHẢI TRẢ/ (NỘP THỪA) CUỐI NĂM
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.758.200.668	420.264.743.584	(427.871.619.976)	18.151.324.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.534.450.608	258.764.859.524	(340.807.252.113)	(29.507.941.981)
Thuế thu nhập cá nhân	11.894.162.883	263.381.513.559	(249.116.395.685)	26.159.280.757
Tiền thuế đất	(138.133.938)	11.696.941.778	(11.611.937.882)	(53.130.042)
Các loại thuế khác	6.630.606.947	17.045.484.842	(22.421.504.039)	1.254.587.750
	96.679.287.168	**971.153.543.287**	**(1.051.828.709.695)**	**16.004.120.760**

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2016, ngoại trừ trường hợp của Bảo Việt - Âu Lạc và Quỹ BVIF, Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10% lợi nhuận chịu thuế.

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ BVIF không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(258.764.859.524)	(292.686.127.870)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.928.873.088	6.900.712.412
	(233.835.986.436)	**(285.785.415.458)**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành *(tiếp theo)*

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.398.784.913.549**	**1.460.716.835.632**
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	169.807.497.167	151.109.773.893
- Chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính	*94.950.463.297*	*94.950.463.300*
- Hoa hồng dự trả ước tính năm nay	*36.881.197.086*	*26.660.978.769*
- Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước	*24.757.485.100*	*24.039.481.573*
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	*3.480.659.240*	-
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	*9.737.692.444*	*5.458.850.251*
Các khoản điều chỉnh giảm	(133.210.386.822)	(160.501.676.196)
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	*(83.736.456.989)*	*(88.908.585.623)*
- Hoàn nhập chi phí hoa hồng ước tính năm trước	*(26.660.978.769)*	*(34.902.976.098)*
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước	-	*(2.300.285.736)*
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	*(24.759.070.358)*
- Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước	*(22.812.951.064)*	*(9.630.758.381)*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(95.046.146.630)	(85.120.361.565)
Chuyển lỗ từ năm trước	(748.379.933)	(86.129.428.496)
Các khoản không chịu thuế	(45.763.199.710)	(9.845.669.322)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(104.960.615.928)**	**(190.487.361.686)**
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**1.293.824.297.621**	**1.270.229.473.946**
Trong đó:		
- TNCT chịu thuế suất 22%	-	*1.251.039.907.818*
- TNCT chịu thuế suất 20%	*1.293.824.297.621*	*19.189.566.128*
Thuế TNDN hiện hành ước tính	**258.764.859.524**	**279.066.692.946**
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các kỳ trước theo quyết định của cơ quan thuế	-	13.619.434.924
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	**258.764.859.524**	**292.686.127.870**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	52.534.450.608	34.680.471.259
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các kỳ trước theo quyết định của cơ quan thuế	-	59.937.736
Thuế TNDN đã trả trong năm	(340.807.252.113)	(274.892.086.257)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**(29.507.941.981)**	**52.534.450.608**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.886.550.943	32.909.174.875	19.977.376.068	11.852.209.432
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(4.951.497.020)	4.951.497.020	(4.951.497.020)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**24.928.873.088**	**6.900.712.412**

17.2.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	264.432.754.715	164.545.874.374
Trong đó:		
Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu	*38.739.808.086*	*28.519.589.770*
Hoàn nhập chi phí dự phòng thu hồi các khoản hoa hồng	*32.112.570.787*	*32.112.570.785*
Dự phòng trái phiếu Vinashin trích trước	*189.900.926.604*	*94.950.463.302*
Dự phòng cho cổ phiếu	-	*8.231.250.517*
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	*3.480.659.238*	-
Khác	*198.790.000*	*732.000.000*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**52.886.550.943**	**32.909.174.875**

17.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	24.757.485.100
Trong đó:		
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	*24.757.485.100*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**-**	**4.951.497.020**

18. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Số đầu năm	**-**	**95.318.882.134**	**95.318.882.134**
Phát sinh trong năm	1.231.289.401	243.824.328.630	245.055.618.031
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(1.231.289.401)	(223.746.464.362)	(224.977.753.763)
Số cuối năm	**-**	**115.396.746.402**	**115.396.746.402**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tài sản thừa chờ xử lý	7.753.180	9.455.540
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	5.588.132.563	2.247.199.749
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	2.626.052.705	1.594.540.397
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (*)	21.983.617.106	43.590.082.337
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (**)	34.320.000.000	-
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	10.032.188.625	9.640.612.441
Nhận tiền góp vốn thứ cấp liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (***)	135.274.300.271	135.174.300.271
Phải trả khác	272.420.073.811	213.460.804.869
	482.252.118.261	**405.716.995.604**

(*) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(**) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(***) Đây là khoản BVInvest nhận góp vốn đầu tư từ nhà đầu tư thứ cấp là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng ICT Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng CID vào dự án TT1 – Thành phố Giao Lưu. Khoản này sẽ quyết toán trong năm 2017 và đối trừ với khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại thuyết minh 7.1.

20. VAY

	SỐ ĐẦU NĂM		TĂNG	GIẢM	SỐ CUỐI NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ			GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
1. Vay thấu chi ngân hàng	29.150.839.917	29.150.839.917	3.264.046.926.787	(3.133.520.318.232)	159.677.448.472	159.677.448.472
2. Vay ngân hàng	649.920.000	649.920.000	1.431.399.998	(749.720.002)	1.331.599.996	1.331.599.996
	29.800.759.917	**29.800.759.917**	**3.265.478.326.785**	**(3.134.270.038.234)**	**161.009.048.468**	**161.009.048.468**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	1.360.550.000	1.360.550.000	2.726.720.004	(749.720.002)	3.337.550.002	3.337.550.002
	1.360.550.000	**1.360.550.000**	**2.726.720.004**	**(749.720.002)**	**3.337.550.002**	**3.337.550.002**
Tổng cộng	**31.161.309.917**	**31.161.309.917**	**3.268.205.046.789**	**(3.135.019.758.236)**	**164.346.598.470**	**164.346.598.470**

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Số đầu năm	**109.969.996.853**
Tăng trong năm	115.078.541.327
Sử dụng trong năm	(146.723.603.451)
Số cuối năm	**78.324.934.729**

22. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

HỢP ĐỒNG REPO (*)	SỐ ĐẦU NĂM	BÁN TRONG NĂM	MUA LẠI TRONG NĂM	CHI PHÍ REPO ĐÃ PHÂN BỔ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM	GIÁ TRỊ GHI SỔ TRÁI PHIẾU REPO
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.801.684.024.836	7.068.839.380.000	7.022.707.329.000	134.571.488.968	2.982.387.564.804	2.507.362.378.377
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.542.719.837.825	6.053.562.490.000	5.104.861.772.808	124.323.912.414	3.615.744.467.431	3.098.337.631.906
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	988.852.683.891	9.433.044.205.000	5.813.596.724.646	134.200.413.776	4.742.500.578.021	4.334.824.114.260
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	981.657.183.148	3.015.785.660.000	2.482.893.740.000	58.188.652.257	1.572.737.755.405	1.534.884.400.943
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	937.534.618.562	-	954.506.480.000	16.971.861.438	-	-
	8.252.448.348.262	**25.571.231.735.000**	**21.378.566.046.454**	**468.256.328.853**	**12.913.370.365.661**	**11.475.408.525.486**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo có lãi suất từ 3,90% đến 5,55%/năm với đối với các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

23. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	DỰ PHÒNG TOÁN HỌC	DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC ƯỞNG	DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG	DỰ PHÒNG CHIA LÃI	DỰ PHÒNG ĐẢM BẢO CÂN ĐỐI	DỰ PHÒNG DAO ĐỘNG LỚN	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảo hiểm nhân thọ							
Số đầu năm	28.462.331.338.355	87.872.678.996	30.932.555.380	1.357.955.906.231	58.384.999.622	-	29.997.477.478.584
Thay đổi trong năm	7.817.786.340.296	20.645.822.148	7.683.406.928	27.657.369.626	6.337.550.258	-	7.880.110.489.256
Số cuối năm	36.280.117.678.651	108.518.501.144	38.615.962.308	1.385.613.275.857	64.722.549.880	-	37.877.587.967.840
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Số đầu năm	-	3.052.420.215.465	1.208.079.994.945	-	-	159.554.338.690	4.420.054.549.100
Thay đổi trong năm	-	419.875.776.177	242.356.878.295	-	-	16.617.672.687	678.850.327.159
Số cuối năm	-	3.472.295.991.642	1.450.436.873.240	-	-	176.172.011.377	5.098.904.876.259
Tổng cộng số dư đầu năm	**28.462.331.338.355**	**3.140.292.894.461**	**1.239.012.550.325**	**1.357.955.906.231**	**58.384.999.622**	**159.554.338.690**	**34.417.532.027.684**
Tổng cộng số dư cuối năm	**36.280.117.678.651**	**3.580.814.492.786**	**1.489.052.835.548**	**1.385.613.275.857**	**64.722.549.880**	**176.172.011.377**	**42.976.492.844.099**

23. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM (tiếp theo)

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

	DỰ PHÒNG BẢO HIỂM GỐC VÀ NHẬN TÁI	DỰ PHÒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM (TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM)	DỰ PHÒNG BẢO HIỂM THUẦN
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	3.052.420.215.465	(516.636.365.145)	2.535.783.850.320
Dự phòng bồi thường	1.208.079.994.945	(490.203.444.293)	717.876.550.652
Dự phòng dao động lớn	159.554.338.690	-	159.554.338.690
Tổng cộng	**4.420.054.549.100**	**(1.006.839.809.438)**	**3.413.214.739.662**
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	3.472.295.991.642	(709.578.730.959)	2.762.717.260.683
Dự phòng bồi thường	1.450.436.873.240	(606.709.345.752)	843.727.527.488
Dự phòng dao động lớn	176.172.011.377	-	176.172.011.377
Tổng cộng	**5.098.904.876.259**	**(1.316.288.076.711)**	**3.782.616.799.548**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (*)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (**)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước									
Số dư đầu năm	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**16.075.608.000**	**21.712.503.565**	**103.568.802.818**	**1.867.073.385.965**	**246.015.752.941**	**573.328.298.527**	**12.816.821.073.013**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(680.471.434.000)	-	(1.300.000.000)	(681.771.434.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(95.282.518.817)	-	(2.724.057.357)	(98.006.576.174)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	-	-	-	(11.213.504.993)	-	-	(11.213.504.993)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	117.211.214.042	-	(117.211.214.042)	-	-	-
Của Công ty Mẹ	-	-	-	*112.135.049.926*	-	*(112.135.049.926)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*5.076.164.116*	-	*(5.076.164.116)*	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.128.007.144.420	-	46.924.275.754	1.174.931.420.174
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(2.493.115.434)	-	(22.800.000)	(2.515.915.434)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.445.560.339	-	(49.878.997.170)	46.433.436.831	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(58.180.660)	-	4.364.922	(53.815.738)
Số dư cuối năm	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**	**103.568.802.818**	**2.038.471.565.269**	**292.449.189.772**	**616.210.081.846**	**13.198.191.246.848**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (*)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (**)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay									
Số dư đầu năm	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**	**103.568.802.818**	**2.038.471.565.269**	**292.449.189.772**	**616.210.081.846**	**13.198.191.246.848**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(544.377.147.200)	-	-	(544.377.147.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(115.078.541.327)	-	(1.622.140.316)	(116.700.681.643)
Của Công ty Mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(58.137.516.706)*	-	-	*(58.137.516.706)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(56.941.024.621)*	-	*(1.622.140.316)*	*(58.563.164.937)*
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (***)	-	-	-	-	-	(10.023.709.777)	-	-	(10.023.709.777)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	154.643.961.621	-	(154.643.961.621)	-	-	-
Của Công ty Mẹ (***)	-	-	-	*150.355.646.654*	-	*(150.355.646.654)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*4.288.314.967*	-	*(4.288.314.967)*	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.123.333.060.371	-	41.615.866.742	1.164.948.927.113
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các công ty con	-	-	-	-	-	(4.853.851.057)	-	(20.800.000)	(4.874.651.057)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.288.314.969	-	(44.962.899.534)	40.674.584.565	-	-
Giảm khác	-	-	(630.416.000)	-	-	264.887.526	-	(262.830.766)	(628.359.240)
Số dư cuối năm	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**15.445.192.000**	**301.301.554.536**	**103.568.802.818**	**2.288.129.402.650**	**333.123.774.337**	**655.920.177.506**	**13.686.535.625.044**

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016, Tập đoàn trích 5,8% lợi nhuận sau thuế 2015 tương đương với số tiền 58.137.516.706 VND cho Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (ngoài phần đã trích tại các công ty con), trích 1% lợi nhuận sau thuế 2015 tương đương với số tiền 10.023.709.777 VND cho Quỹ phục vụ Hoạt động An sinh Xã hội và trích 15% lợi nhuận sau thuế 2015 tương đương với số tiền 150.355.646.654 VND cho Quỹ Đầu tư Phát triển.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197
TỔNG CỘNG	**9.989.046.721.197**	**-**	**9.989.046.721.197**	**9.989.046.721.197**	**-**	**9.989.046.721.197**

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

24.4 Cổ tức

Ngày 18 tháng 05 năm 2016, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2015 để chi trả cổ tức cho năm 2015 với tỷ lệ 8% (800 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 544.377.147.200 đồng Việt Nam, bằng 54,31% lợi nhuận sau thuế. Tập đoàn đã thực hiện việc chi trả vào ngày 29 tháng 07 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

25.1 Phí bảo hiểm gốc

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	4.731.994.906.682	3.927.370.710.224
Bảo hiểm liên kết chung	7.968.492.450.834	5.681.413.063.432
Bảo hiểm tử kỳ	13.297.422.754	15.100.522.779
Bảo hiểm trọn đời	3.911.443.400	4.607.865.400
Niên kim nhân thọ	226.107.760.600	139.395.019.000
Điều khoản riêng	450.203.802.685	346.937.441.411
Bảo hiểm hưu trí tự nguyện	62.421.067.101	-
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	**13.456.428.854.056**	**10.114.824.622.246**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	368.946.927.145	357.925.637.133
Bảo hiểm Tàu thủy	498.752.750.032	458.703.172.908
Bảo hiểm Dầu khí	186.159.742	-
Bảo hiểm Hàng không	121.524.256.995	94.750.109.832
Bảo hiểm Kỹ thuật	274.619.597.613	214.345.070.129
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	610.220.447.458	549.151.457.675
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	118.920.962.907	93.805.046.120
Bảo hiểm Xe cơ giới	2.221.533.598.351	1.889.004.341.595
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	2.335.791.585.627	2.163.761.092.118
Bảo hiểm Nông nghiệp	11.661.426.228	7.191.278.606
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	**6.562.157.712.098**	**5.828.637.206.116**
Tổng doanh thu bảo hiểm	**20.018.586.566.154**	**15.943.461.828.362**

25.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	38.537.850.655	22.836.149.736
Bảo hiểm Tàu thủy	16.853.920.775	28.380.469.988
Bảo hiểm Dầu khí	3.405.041.030	9.777.898.494
Bảo hiểm Hàng không	5.092.600.971	6.374.718.966
Bảo hiểm Kỹ thuật	29.237.540.365	38.810.324.686
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	132.640.477.635	167.227.208.343
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	29.019.738.227	52.442.835.698
Bảo hiểm Xe cơ giới	527.647.015	333.254.824
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	19.422.481.100	9.948.218.737
Bảo hiểm Nông nghiệp	26.054.032.176	2.863.027.374
Tổng cộng	**300.791.329.949**	**338.994.106.846**

26. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	**8.434.098.833**	**6.288.661.202**
Bảo hiểm hỗn hợp	346.479.156	314.829.692
Bảo hiểm liên kết chung	5.847.768.093	4.321.809.456
Bảo hiểm tử kỳ	6.004.385	14.996.916
Bảo hiểm trọn đời	5.836.182	10.963.687
Niên kim nhân thọ	55.213.444	18.355.962
Điều khoản riêng	2.172.797.573	1.607.705.489
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	**1.384.564.406.687**	**1.069.393.256.450**
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	62.096.420.023	69.225.813.050
Bảo hiểm Tàu thủy	225.281.307.528	214.380.253.544
Bảo hiểm Dầu khí	326.773.085	352.929.291
Bảo hiểm Hàng không	121.873.427.384	93.975.236.395
Bảo hiểm Kỹ thuật	121.311.866.759	114.699.410.738
Bảo hiểm Hỏa hoạn, các rủi ro đặc biệt	461.661.148.177	455.232.033.721
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	78.590.529.683	27.244.464.689
Bảo hiểm Xe cơ giới	192.123.515.721	1.612.628.858
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	118.302.396.842	89.296.888.430
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.997.021.485	3.373.597.734
	1.392.998.505.520	**1.075.681.917.652**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

27.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.524.126.854.173	1.305.989.608.472
Chi giá trị hoàn lại	393.971.556.000	346.170.249.050
Chi bồi thường	1.825.773.484.576	1.404.080.263.638
	3.743.871.894.749	**3.056.240.121.160**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	103.057.374.693	152.293.852.668
Bảo hiểm Tàu thủy	221.344.394.569	262.619.191.492
Bảo hiểm Dầu khí	6.655.347	-
Bảo hiểm Hàng không	86.719.113.982	34.475.536.662
Bảo hiểm Kỹ thuật	61.639.147.673	41.502.997.969
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	139.718.458.385	189.128.785.618
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	11.998.478.213	4.803.093.757
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.133.585.132.449	953.229.400.453
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	1.229.347.738.015	1.212.948.166.447
Bảo hiểm Nông nghiệp	1.931.217.000	940.145.743
	2.989.347.710.326	**2.851.941.170.809**
	6.733.219.605.075	**5.908.181.291.969**

27. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)

27.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	32.209.177.649	4.161.624.440
Bảo hiểm Tàu thủy	6.936.806.154	24.677.241.583
Bảo hiểm Dầu khí	4.958.796.678	3.018.594.373
Bảo hiểm Hàng không	1.355.644.038	1.710.206.042
Bảo hiểm Kỹ thuật	14.038.802.358	21.715.028.957
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	63.254.857.916	95.773.674.702
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	16.977.772.490	16.758.958.472
Bảo hiểm Xe cơ giới	87.336.341	27.756.444
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	16.486.333.746	7.780.011.216
Bảo hiểm Nông nghiệp	15.094.931.063	37.898.630
	171.400.458.433	**175.660.994.859**

27.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	-	2.600.656.750
	-	**2.600.656.750**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	15.741.288.883	37.670.043.146
Bảo hiểm Tàu thủy	68.712.792.073	102.894.420.498
Bảo hiểm Dầu khí	-	20.595.120
Bảo hiểm Hàng không	81.155.520.939	34.947.522.264
Bảo hiểm Kỹ thuật	61.804.285.028	43.404.470.670
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	99.616.079.966	148.161.086.112
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	7.288.543.378	768.477.958
Bảo hiểm Xe cơ giới	120.376.845.825	-
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	60.562.979.125	42.371.872.295
Bảo hiểm Nông nghiệp	6.197.883.306	32.249.615
	521.456.218.523	**410.270.737.678**
	521.456.218.523	**412.871.394.428**

28. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	87.845.262.141	78.210.563.437
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	272.264.577	1.028.025.755
Dịch vụ tư vấn đầu tư	9.356.647.272	9.212.733.596
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.411.965.422	3.006.747.785
Quản lý danh mục đầu tư	2.455.781.249	1.957.994.427
Quản lý bất động sản	6.757.472.279	13.764.998.107
Dịch vụ đào tạo	21.572.245.464	16.259.320.956
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	101.972.776.370	187.213.438.991
Doanh thu cho thuê nhà	52.948.321.907	50.216.379.123
Các dịch vụ khác	11.378.238.141	19.850.184.918
	297.970.974.822	**380.720.387.095**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	(77.341.140.662)	(73.046.115.332)
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	(19.502.727)	(133.263.604)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(6.059.246.505)	(6.986.796.645)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(9.971.912.747)	(7.779.697.694)
Quản lý danh mục đầu tư	(908.357.360)	(796.814.159)
Quản lý bất động sản	(52.147.959.343)	(56.066.808.974)
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	(96.563.559.314)	(165.853.439.749)
Các dịch vụ khác	(27.467.086.448)	(22.337.087.521)
	(270.478.765.106)	**(333.000.023.678)**
	27.492.209.716	**47.720.363.417**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	1.358.793.093.818	987.417.207.416
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.454.157.522	110.143.488.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.407.926.757	69.580.907.898
Thuế và chi phí lệ phí	16.130.663.393	11.565.663.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.663.364.428	190.447.613.958
Chi phí dự phòng	6.739.536.798	38.964.144.607
Chi phí khác	256.982.143.610	234.777.740.827
	2.222.170.886.326	**1.642.896.766.177**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	204.081.657.189	151.919.817.212
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.855.932.193	3.447.606.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.695.536.899	48.828.862.925
Thuế và chi phí lệ phí	8.238.223.788	7.268.185.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.892.487.211	68.656.920.851
Chi phí dự phòng	1.404.846.717	21.674.860.356
Chi phí khác	93.093.304.901	45.889.441.528
	406.261.988.898	**347.685.694.698**
	2.628.432.875.224	**1.990.582.460.875**

30. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

30.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi	1.140.156.303.803	1.228.878.869.420
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.844.012.253.909	1.980.743.611.297
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	115.952.776.042	111.822.416.225
Cổ tức được chia	91.632.536.219	88.908.585.623
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.600.581.064	25.039.631.998
Lãi đầu tư chứng khoán	321.109.508.048	272.890.182.701
Doanh thu hoạt động tài chính khác	98.508.916.821	84.467.942.698
	4.627.972.875.906	**3.792.751.239.962**

30. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chênh lệch tỷ giá	14.824.197.773	20.257.601.922
Chi phí repo và lãi vay	469.304.726.276	223.577.394.123
Trả lãi cho chủ hợp đồng	343.246.007.968	314.475.768.386
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	48.957.862.044	33.071.473.228
Chi phí dự phòng	49.802.802.621	124.200.495.548
Các chi phí khác	197.874.315.627	127.431.516.714
	1.124.009.912.309	**843.014.249.921**

31. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.795.893.367	1.011.199.999
Thu nhập khác	8.292.406.522	8.710.847.265
	10.088.299.889	**9.722.047.264**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(60.522.954)	(75.349.459)
Chi phí khác	(4.065.946.244)	(4.679.013.921)
	(4.126.469.198)	**(4.754.363.380)**
Lợi nhuận thuần hoạt động khác	**5.961.830.691**	**4.967.683.884**

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	QUAN HỆ
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Bảo Việt Tokio Marine	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Bảo Việt Resort	Công ty liên kết
VIGEBA	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
Du lịch Lâm Đồng	Công ty liên kết
Saigonship	Công ty liên kết

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	GIAO DỊCH	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(386.007.840.000)	(482.509.800.000)
SCIC	Cổ tức đã trả	(17.723.520.000)	(22.154.400.000)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	(98.007.272.800)	(122.509.091.000)
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	16.558.893.049	16.358.471.805
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức nhận được	38.468.578.432	25.853.851.312
	Thoái vốn	(6.000.000.000)	-
	Doanh thu hoạt động bảo hiểm	46.533.906.735	67.137.275.617
	Chi phí hoạt động bảo hiểm	(25.638.466.101)	(51.443.189.072)
Bảo Việt Bank	Cổ tức nhận được	31.200.000.000	31.200.000.000
	Doanh thu lãi tiền gửi	220.015.888.991	217.580.460.982
	Doanh thu lãi trái phiếu	110.691.938.769	4.230.339.097
	Chi phí repo và lãi vay	(58.188.652.257)	(49.509.264.785)
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí giữ xe	13.184.172.526	12.817.598.525
	Doanh thu cung cấp dịch vụ CNTT	2.909.191.327	1.860.928.091
VIGEBA	Doanh thu xây lắp	2.031.811.818	20.184.096.528
	Cổ tức tạm ứng nhận được	-	8.100.000.000
Bảo Việt Resort	Tăng vốn	3.500.000.000	-
Du lịch Lâm Đồng	Góp vốn	203.315.728.000	-

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	PHẢI THU/(PHẢI TRẢ)	SỐ CUỐI KỲ VND	SỐ ĐẦU KỲ VND
Công ty liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán, ký quỹ	836.941.670.152	225.086.011.618
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	5.281.793.813.170	3.892.811.184.522
	Số dư trái phiếu và lãi dự thu	1.304.104.585.673	1.304.238.356.164
	Số dư các hợp đồng mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(1.572.737.755.405)	(981.657.183.148)
	Phải thu phí CNTT	686.193.451	2.047.020.900
	Số dư khoản vay	(1.360.550.000)	(2.010.470.000)
Bảo Việt Tokio Marine	Các khoản phải thu liên quan đến hoạt động bảo hiểm	49.118.999.351	44.343.179.358
	Các khoản phải trả liên quan đến hoạt động bảo hiểm	(33.135.996.687)	(34.769.341.257)
VIGEBA	Phải trả tạm ứng cổ tức	-	(8.100.000.000)
	Phải thu liên quan đến góp vốn vào dự án TT1 – Thành phố Giao Lưu	204.435.252.012	166.832.730.000
	Phải thu liên quan đến hoạt động xây lắp	763.759.358	37.380.915.504
	Đặt cọc tham gia dự án TT3 – Thành phố Giao Lưu	10.000.000.000	10.000.000.000
	Phải trả tiền mua các căn hộ thuộc dự án Thành phố Giao Lưu	(76.089.775.001)	(76.089.775.001)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tập đoàn:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	24.068.021.892	15.008.674.714
	24.068.021.892	**15.008.674.714**

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI (*)) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.123.333.060.371	1.128.007.144.420
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(115.008.716.327)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.123.333.060.371	1.012.998.428.093
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.651	1.489

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 5 năm 2016.

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông xảy ra trong khoảng thời gian này có thể làm pha loãng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v… Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.
- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính và về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	13.435.783	6.445.572	-	-	(2.499)	19.878.856
Phí nhượng tái bảo hiểm	(8.434)	(1.191.622)	-	-	-	(1.200.056)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.231	330.607	-	-	(1.170)	330.668
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**13.428.580**	**5.584.557**	**-**	**-**	**(3.669)**	**19.009.468**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.743.872)	(2.989.348)	-	-	-	(6.733.220)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(171.400)	-	-	-	(171.400)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	8.828	-	-	-	8.828
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	521.456	-	-	-	521.456
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(7.851.781)	-	-	-	-	(7.851.781)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(7.683)	(242.357)	-	-	-	(250.040)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	116.506	-	-	-	116.506
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	93.000	-	-	-	93.000
Trích dự phòng dao động lớn	-	(109.618)	-	-	-	(109.618)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.277.450)	(1.991.317)	-	-	35.991	(4.232.776)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(13.880.786)**	**(4.764.250)**	**-**	**-**	**35.991**	**(18.609.045)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(452.206)**	**820.307**	**-**	**-**	**32.322**	**400.423**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	239.739	16.236	(228.483)	27.492
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.529.637)	(791.418)	(416.786)	(15.138)	124.545	(2.628.434)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.597.441	339.388	1.416.808	3.852	(853.525)	3.503.964
Lợi nhuận khác	11.820	3.569	(202)	(286)	(8.940)	5.961
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	89.379	89.379
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**627.418**	**371.846**	**1.239.559**	**4.664**	**(844.702)**	**1.398.785**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	10.103.579	6.091.517	-	-	-	16.195.096
Phí nhượng tái bảo hiểm	(6.289)	(1.103.834)	-	-	-	(1.110.123)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	928	229.406	-	-	-	230.334
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**10.098.218**	**5.217.089**	**-**	**-**	**-**	**15.315.307**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.056.240)	(2.851.941)	-	-	-	(5.908.181)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(175.661)	-	-	-	(175.661)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	32.020	-	-	-	32.020
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.601	410.271	-	-	-	412.872
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(5.778.530)	-	-	-	-	(5.778.530)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(9.195)	124.523	-	-	-	115.328
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(131.411)	-	-	-	(131.411)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	46.000	-	-	-	46.000
Trích dự phòng dao động lớn	-	(101.965)	-	-	-	(101.965)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.592.309)	(1.897.073)	-	-	19.272	(3.470.110)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(10.433.673)**	**(4.545.237)**	**-**	**-**	**19.272**	**(14.959.638)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(335.455)**	**671.852**	**-**	**-**	**19.272**	**355.669**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	151.269	33.754	(137.303)	47.720
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.075.317)	(611.495)	(337.635)	(31.448)	65.312	(1.990.583)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.215.903	305.621	1.354.398	2.697	(928.881)	2.949.738
Lợi nhuận khác	4.195	3.201	1.703	(442)	(3.690)	4.967
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	93.206	93.206
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**809.326**	**369.179**	**1.169.735**	**4.561**	**(892.084)**	**1.460.717**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

31 THÁNG 12 NĂM 2016	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.587.755	185.385	488.821	120.395	501.101	2.883.457
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	443.786	-	-	-	443.786
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	30.130	839.567	-	-	(41)	869.656
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.316.288	-	-	-	1.316.288
Các khoản phải thu khác	2.395.273	287.281	606.562	266.704	(1.017.158)	2.538.662
Đầu tư tài chính	48.997.883	5.928.208	13.314.523	-	(6.866.174)	61.374.440
Phải thu về cho vay	1.111	1.411	853.538	-	63.621	919.681
Tài sản cố định hữu hình	277.889	238.049	172.108	25.016	9.378	722.440
Tài sản cố định vô hình	310.957	434.262	59.519	14.640	-	819.378
Các tài sản khác	144.352	656.987	176.449	108.944	21.932	1.108.664
TỔNG TÀI SẢN	**53.745.350**	**10.331.224**	**15.671.520**	**535.699**	**(7.287.341)**	**72.996.452**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	12.504.520	2.785.307	834.965	258.005	(152.525)	16.230.272
Nợ dài hạn	37.975.669	5.100.609	-	30	3.337	43.079.645
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**50.480.189**	**7.885.916**	**834.965**	**258.035**	**(149.188)**	**59.309.917**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.265.161**	**2.445.308**	**14.836.555**	**277.664**	**(7.138.153)**	**13.686.535**
TỔNG NGUỒN VỐN	**53.745.350**	**10.331.224**	**15.671.520**	**535.699**	**(7.287.341)**	**72.996.452**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

31 THÁNG 12 NĂM 2015	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	643.970	524.084	990.970	92.343	5.324	2.256.691
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	347.212	-	-	-	347.212
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	25.908	622.985	-	-	-	648.893
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.006.840	-	-	-	1.006.840
Các khoản phải thu khác	1.535.333	64.049	484.186	102.903	(442.879)	1.743.592
Đầu tư tài chính	37.117.427	5.488.447	12.787.802	166.833	(6.326.215)	49.234.294
Phải thu về cho vay	1.111	-	734.431	-	65.094	800.636
Tài sản cố định hữu hình	162.056	246.119	279.733	24.763	9.378	722.049
Tài sản cố định vô hình	322.766	449.681	47.839	14.640	-	834.926
Các tài sản khác	221.439	520.793	72.303	121.426	21.470	957.431
TỔNG TÀI SẢN	**40.030.010**	**9.270.210**	**15.397.264**	**522.908**	**(6.667.828)**	**58.552.564**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả ngắn hạn	7.468.550	2.646.215	1.067.944	247.131	(574.118)	10.855.722
Nợ dài hạn	30.070.761	4.426.528	-	1.361	-	34.498.650
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**37.539.311**	**7.072.743**	**1.067.944**	**248.492**	**(574.118)**	**45.354.372**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**2.490.699**	**2.197.467**	**14.329.320**	**274.416**	**(6.093.710)**	**13.198.192**
TỔNG NGUỒN VỐN	**40.030.010**	**9.270.210**	**15.397.264**	**522.908**	**(6.667.828)**	**58.552.564**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

35.1 Tài sản thuê ngoài

Như được trình bày tại thuyết minh 7.1, công ty mẹ Tập đoàn và các công ty con hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động có thời hạn 5 năm bắt đầu từ năm 2017. Ngoài các khoản đã thanh toán trước trong năm 2016, tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số tiền công ty mẹ Tập đoàn và các công ty con cam kết thanh toán trong năm 2017 theo hợp đồng thuê hoạt động này là 51.491.333.106 VND.

Ngoài ra, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
- Từ 1 năm trở xuống	60.392.979.284	77.169.573.911
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	210.270.810.952	225.749.143.787
- Trên 5 năm	27.573.224.047	32.029.842.541
	298.237.014.283	**334.948.560.239**

35.2 Các khoản tranh chấp kiện tụng

Trong hai năm 2008 và 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ACLII"), kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm và lãi suất tiền gửi từ 10,5% đến 17,5%/năm. Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 09 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 30 tháng 09 năm 2016 của Tòa phúc thẩm - Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Hiện nay, Tập đoàn đang triển khai công tác thu đòi công nợ đối với các khoản đầu tư này trên cơ sở các phán quyết của Tòa án.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 228 tỷ VND, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 188 tỷ VND. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường này.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

35.3 Các ảnh hưởng tiềm tàng khác

Cơ quan chức năng đã thực hiện công tác điều tra liên quan đến một số hoạt động trong giai đoạn 2007 - 2013 tại một số Công ty thành viên trực thuộc Bảo hiểm Bảo Việt và đã có kết luận sơ bộ gửi cho các cơ quan hữu quan để xem xét. Một số cá nhân liên quan đến vụ việc đã có hành động nộp tiền khắc phục vào tài khoản của Bảo hiểm Bảo Việt. Do Bảo hiểm Bảo Việt chưa nhận được các yêu cầu hay khuyến nghị chính thức từ các cơ quan hữu quan về việc xử lý tài chính cũng như trách nhiệm cụ thể của các cá nhân liên quan, vì vậy, dựa trên các tài liệu được các đơn vị thành viên báo cáo về Bảo hiểm Bảo Việt, các thông tin nhận được từ các cơ quan hữu quan, dựa trên các quy định của Luật kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện một số hạch toán và điều chỉnh số liệu kế toán mà Bảo hiểm Bảo Việt đánh giá là cần thiết và hợp lý nhất và các điều chỉnh này đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính năm 2015 của Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục theo dõi sát sao và khi có kết luận chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết trong các kỳ báo cáo tiếp theo. Đối với vụ sai phạm tại Công ty Bảo Việt Bến Tre giai đoạn 2009 - 2011, theo kết luận sơ bộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bảo hiểm Bảo Việt đang ghi nhận khoản phải thu 4.412.507.349 VND từ các cá nhân liên quan. Ngày 31 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phiên phúc thẩm. Tuy vậy, tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt chưa nhận được kết luận chính thức cuối cùng từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa có cơ sở thực hiện các điều chỉnh liên quan.

36. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	135.951.378.439	331.716.061.146
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	6.343.174.175	6.269.014.133
3. Ngoại tệ (USD)	1.687.154	1.006.644
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	29.639.857.858.189	22.929.950.758.805
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	2.345.876.680.000	1.783.554.450.000
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	539.361.960.865	451.246.791.510
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	493.659.975.066	431.232.763.618
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	13.810.332.686	15.130.092.009
9. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(468.361.551.878)	(609.989.819.363)
10. Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	1.237.139.509.018	1.036.752.191.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn (HĐQLRR) là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn Bảo Việt nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

37. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

***Quản lý vốn** (tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (TRIỆU VND)	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU (TRIỆU VND)	TỶ LỆ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Số cuối năm	1.412.226	1.370.221	103,07
Số đầu năm	1.433.570	1.274.560	112,50
Bảo Việt Nhân thọ			
Số cuối năm	2.508.994	2.122.324	118
Số đầu năm	1.981.629	1.643.504	121

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC và Thông tư số 194/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt") và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ").

38.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Công ty có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Tổng Công ty đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá lợi nhuận sản phẩm, doanh số; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm, thực hiện tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản "stress testing". Các lý thuyết xác suất và nguyên lý tính toán actuary được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo thông qua việc áp dụng giả định thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

Riêng với các sản phẩm niên kim nhân thọ, bảng tỷ lệ riêng biệt được sử dụng nhằm đảm bảo trích lập dự phòng thận trọng và đầy đủ.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Bảng phân loại bệnh tật, thương tật, nằm viện

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật, nằm viện trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật chủ yếu bao gồm các bệnh và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng tỷ lệ lãi suất trích lập dự phòng cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 4,0% đối với quỹ sản phẩm truyền thống tham gia chia lãi và 4,05% với quỹ không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Công tác đánh giá rủi ro, chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với đối tác liên quan... Đặc biệt, các công việc này đã được thực hiện tập trung và được quản lý thống nhất trong toàn hệ thống.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm, bên cạnh công tác triển khai các hoạt động kinh doanh, Bảo hiểm Bảo Việt đã nhận thấy tầm quan trọng của công tác phát triển sản phẩm và từng bước đưa công tác này trở thành một trong các công tác được ưu tiên thực hiện. Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập, dần hoàn thiện và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường. Ngoài ra, từ năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt đã đặt mục tiêu rà soát, hoàn thiện quy trình nghiên cứu, phát triển, và điều chỉnh sản phẩm.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các tiêu chí đánh giá, phân loại và lựa chọn đối tượng bảo hiểm. Đối với các đối tượng bảo hiểm có khả năng xảy ra tổn thất cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao, Bảo hiểm Bảo Việt cân nhắc các khả năng quản lý rủi ro: kiểm soát, đề phòng hạn chế tổn thất và chia sẻ rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm phù hợp với từng nghiệp vụ khác nhau, từng nhóm sản phẩm, từng địa phương khác nhau để hạn chế tích tụ rủi ro, và đánh giá được mức độ tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt (tiếp theo)

Dựa trên các đơn bảo hiểm đã cấp, Bảo hiểm Bảo Việt đã đặt ra yêu cầu tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ), lấy đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm nhằm đảm bảo giảm thiểu tỷ lệ bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Đối với các tổn thất xảy ra, việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt thông qua đội ngũ giám định, giải quyết bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt và giám định viên chuyên nghiệp ngoài Bảo hiểm Bảo Việt; chỉ những vụ tổn thất nhỏ, có tính chất đơn giản, phù hợp với điều kiện và khả năng của các Công ty thành viên của Bảo hiểm Bảo Việt được xử lý tại chỗ. Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường ở một số công ty thành viên và ở các nghiệp vụ, dịch vụ có khả năng xảy ra tổn thất lớn (phải chia sẻ rủi ro thông qua tái bảo hiểm) để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung.

38.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan.

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo, được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, số tiền bảo hiểm giảm khi dừng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm cho trẻ em và các sản phẩm khác.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi. Các quỹ này đưa ra mức chia lãi hàng năm tùy chọn dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức chia lãi công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức chia lãi. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm, giám định và giám sát bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong), hủy hợp đồng bảo hiểm và khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn.

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi duy trì hợp đồng và quyền lợi gia tăng giá trị tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm liên kết chung được cam kết cho toàn bộ thời gian hợp đồng có hiệu lực (cam kết "mềm").

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng.

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân. Đây là các sản phẩm cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu cùng với yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện (tiếp theo)

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết "cứng").

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Tổng Công ty sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí và phí quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Hợp đồng bảo hiểm quy định bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng bảo hiểm được kí kết. Trong một số trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt có thể gia hạn đóng phí bảo hiểm. Từ năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt đã loại trừ rủi ro tín dụng trong việc đóng phí của khách hàng bằng những quy định chặt chẽ hơn về gia hạn đóng phí bảo hiểm và từ chối bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Đối với dòng tiền ra phát sinh khi thực hiện thanh toán bồi thường, thời gian và giá trị không được dự báo trước trong điều kiện và điều khoản của hợp đồng. Tuy vậy, hầu hết các hợp đồng bảo hiểm quy định mức bồi thường tối đa. Trong trường hợp rủi ro tích tụ và rủi ro thảm họa, sau khi mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường và các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, mức trách nhiệm tối đa của Bảo hiểm Bảo Việt cũng được xác định. Mặt khác, với quy định về giới hạn thời gian khai báo tai nạn khi tổn thất xảy ra cũng như quy định thời gian giải quyết bồi thường, Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo chủ động trước các nhu cầu về nguồn tiền thanh toán bồi thường.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình bồi thường

Bảng dưới đây thể hiện các ước tính về bồi thường phát sinh dồn tích, cùng với các khoản thanh toán dồn tích tính đến thời điểm hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt:

Đơn vị tính: triệu VND

CHỈ TIÊU	NĂM TỔN THẤT			
NĂM BỒI THƯỜNG	2014 1	2015 2	2016 3	TỔNG SỐ 4
I. Số ước tính chi bồi thường luỹ kế				
1	2.185.788	2.253.392	2.434.993	
2	2.460.336	2.488.702	-	
3	2.554.107	-	-	
Số ước tính chi bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (1)	**2.554.107**	**2.488.702**	**2.434.993**	**7.477.802**
II. Số đã chi trả bồi thường luỹ kế				
1	1.853.594	1.866.434	1.992.373	
2	2.321.785	2.407.885	-	
3	2.508.158	-	-	
Số đã chi trả bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (2)	**2.508.158**	**2.407.885**	**1.992.373**	**6.908.416**
III. Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) – (2)	**45.949**	**80.817**	**442.620**	**569.386**
IV. Ước thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng bồi thường (4)	**(368.319)**	**(235.310)**	**-**	**(603.629)**
V. Tỷ lệ % thặng dư/(thâm hụt) dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5) = (4)/(1)*100%	**(14%)**	**(9%)**		

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, kết quả kinh doanh của hoạt động bảo hiểm đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận nhưng kết quả kinh doanh bảo hiểm thường có biên độ biến động lớn nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và ít có biến động bất thường thì tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm. Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã đảm bảo kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Các sản phẩm chính, có ảnh hưởng lớn đến doanh thu, chi phí và hiệu quả được theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng quý để phát hiện các vấn đề và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp nhằm đảm bảo tốt nhất khả năng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng và hiệu quả chung.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm và vốn chủ sở hữu đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng các giả định phi tài chính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính:

	THAY ĐỔI BIẾN %	THAY ĐỔI NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO HIỂM (TRIỆU VND)	ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TRIỆU VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(216.433)	173.146
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	312.899	(250.319)
Tỷ lệ tử vong	+10	38.503	(30.802)
Tỷ lệ tử vong	-10	(23.872)	19.098
Tỷ lệ tử vong	+20	88.775	(71.020)
Tỷ lệ tử vong	-20	(30.605)	24.484
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(193.710)	149.583
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	258.301	(199.460)
Tỷ lệ tử vong	+10	12.414	(9.586)
Tỷ lệ tử vong	-10	(5.480)	4.232
Tỷ lệ tử vong	+20	32.862	(25.376)
Tỷ lệ tử vong	-20	(3.095)	2.390

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

38.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro tích tụ

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,… Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,… Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ cũng có chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Tái bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các chương trình tái bảo hiểm cố định được thực hiện với thời hạn 1 năm và tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo từng dịch vụ. Chương trình tái bảo hiểm cố định là cốt lõi của toàn bộ chương trình tái bảo hiểm nói chung, theo đó xác định mức giữ lại, hạn mức trách nhiệm tối đa Bảo hiểm Bảo Việt được chủ động khai thác. Các yếu tố này được xây dựng căn cứ vào các yêu cầu luật pháp liên quan, năng lực tài chính, chiến lược kinh doanh, các yêu cầu về biên khả năng thanh toán, danh mục rủi ro, danh mục tổn thất... của Bảo hiểm Bảo Việt. Hàng năm, thực hiện rà soát đánh giá lại tính an toàn và hiệu quả của chương trình tái bảo hiểm cố định dựa trên kết quả của các năm trước và theo định hướng kinh doanh giai đoạn tiếp theo cũng như xu hướng phát triển của thị trường để đưa ra những quyết định điều chỉnh cần thiết, kịp thời. Chương trình tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo yêu cầu của từng dịch vụ cụ thể nhằm tăng khả năng khai thác bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt. Các nhà tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt có xếp hạng tín nhiệm cao, năng lực tài chính mạnh đáp ứng các yêu cầu theo Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn liên quan. Ngoài ra, Bảo hiểm Bảo Việt thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ hợp tác, chi trả tổn thất; năng lực tài chính của các nhà tái bảo hiểm để kịp thời sàng lọc và cập nhật danh sách các nhà cung ứng dịch vụ này.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ ĐẦU TƯ CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM KHÔNG CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	TỔNG NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Điều khoản riêng	2.763.406.520	194.102.360.583	196.865.767.103
Trọn đời	86.504.537.359	-	86.504.537.359
Tử kỳ	-	345.960.811	345.960.811
Hỗn hợp	9.443.453.311.964	12.947.030.136.573	22.390.483.448.537
Liên kết chung	-	14.152.185.338.019	14.152.185.338.019
Niên kim	602.048.434.063	-	602.048.434.063
Hưu trí tự nguyện	-	57.645.627.930	57.645.627.930
Khác	-	13.733.926.117	13.733.926.117
Tổng	**10.134.769.689.906**	**27.365.043.350.033**	**37.499.813.039.939**
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Điều khoản riêng	2.987.602.497	152.008.339.553	154.995.942.050
Trọn đời	85.840.099.877	-	85.840.099.877
Tử kỳ	-	8.936.782.066	8.936.782.066
Hỗn hợp	8.791.280.391.660	11.335.613.886.173	20.126.894.277.833
Liên kết chung	-	9.102.279.004.126	9.102.279.004.126
Niên kim	453.689.322.426	-	453.689.322.426
Tổng	**9.333.797.416.460**	**20.598.838.011.918**	**29.932.635.428.378**

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Quy trình này đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện từ nhiều năm và ước tính bồi thường ngày càng sát với các khoản chi trả thực tế. Quy trình thống kê bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt là một quy trình đầy đủ và chi tiết từ tiếp nhận khai báo tổn thất đến giải quyết bồi thường, được áp dụng cho từng loại rủi ro bảo hiểm. Khi có thông tin về tổn thất, những thông tin ban đầu của vụ tổn thất cũng như ước tính số tiền phải bồi thường được ghi nhận vào bảng thống kê tổn thất. Khi có thêm thông tin có thể làm thay đổi số ước bồi thường, số tiền phải bồi thường ước tính sẽ được cập nhật. Khi thực hiện tạm ứng hoặc chi trả bồi thường, thông tin về ngày tháng và số tiền tạm ứng, chi trả được cập nhật vào bảng thống kê bồi thường để làm giảm số ước còn phải bồi thường. Khi đã thanh toán bồi thường đầy đủ, hồ sơ vụ tổn thất sẽ được đóng lại.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm *(tiếp theo)*

38.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính bồi thường (tiếp theo)

Năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt bắt đầu áp dụng quản lý tập trung giám định viên bảo hiểm xe cơ giới trên địa bàn trọng điểm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám định xe cơ giới. Các Giám định viên do Bảo hiểm Bảo việt trực tiếp ký Hợp đồng lao động, trả lương được điều chuyển từ các Công ty thành viên trên địa bàn kết hợp với tuyển dụng mới. Các ứng dụng Công nghệ thông tin (phần mềm BaoViet Grab Car, bảo lãnh thanh toán sử dụng chữ ký số) được đưa vào sử dụng để tăng năng suất lao động cũng như tiết kiệm chi phí và phục vụ Khách hàng được nhanh hơn, tốt hơn. Năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nghiên cứu triển khai áp dụng hồ sơ điện tử trong bồi thường bảo hiểm Xe cơ giới tại các địa bàn trọng điểm nhằm tiết giảm chi phí và đẩy nhanh hơn nữa tiến độ giải quyết bồi thường cho Khách hàng.

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoặc cuối kỳ báo cáo chưa được giải quyết, dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo từ phía khách hàng. Số tiền bồi thường ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

38.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

38.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất - do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tín dụng bảo hiểm (tiếp theo)

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, chỉ phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Hội sở chính Bảo hiểm Bảo Việt được cho gia hạn. Chỉ những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Trong quá trình phí bảo hiểm được gia hạn, Bảo hiểm Bảo Việt có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng theo quy định đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi tập trung nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Đối với các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại tại Bảo Việt Nhân thọ, các khoản tạm ứng này đều được đảm bảo bằng giá trị tích lũy của hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; thận trọng khi đầu tư thêm trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2016 tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

38.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của số tiền vay dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng. Ngoài ra rủi ro tín dụng còn được quản trị thông qua các biện pháp như xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, đề ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2016 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ (*)	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.458.103.350	-	-	2.883.458.103.350
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	558.005.785.083	50.341.035.764	25.469.433.424	633.816.254.271
Phải thu tái bảo hiểm	443.785.771.288	-	-	443.785.771.288
Tài sản tái bảo hiểm	1.316.288.076.711	-	-	1.316.288.076.711
Các khoản phải thu khác	71.304.269.999	-	-	71.304.269.999
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*65.408.085.149*	-	-	*65.408.085.149*
- Phải thu cổ tức	*5.896.184.850*	-	-	*5.896.184.850*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.518.244.662.074	-	284.851.389.901	56.803.096.051.975
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*19.578.689.590.848*	-	-	*19.578.689.590.848*
- Trái phiếu	*36.939.555.071.226*	-	*284.851.389.901*	*37.224.406.461.127*
Chứng khoán kinh doanh	746.868.956.229	-	-	746.868.956.229
- Trái phiếu	*746.868.956.229*	-	-	*746.868.956.229*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.314.371.465.681	814.002.143	5.052.679.961	1.320.238.147.785
Các tài sản khác	394.735.143.903	1.795.437.534	21.307.582.090	417.838.163.527
TỔNG CỘNG	**64.247.062.234.318**	**52.950.475.441**	**336.681.085.376**	**64.636.693.795.135**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ (*)	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256.691.436.043	-	-	2.256.691.436.043
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	360.008.616.566	35.673.751.336	39.490.793.433	435.173.161.335
Phải thu tái bảo hiểm	347.211.798.459	-	-	347.211.798.459
Tài sản tái bảo hiểm	1.006.839.809.438	-	-	1.006.839.809.438
Các khoản phải thu khác	43.479.426.736	-	-	43.479.426.736
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*40.729.256.836*	-	-	*40.729.256.836*
- Phải thu cổ tức	*2.750.169.900*	-	-	*2.750.169.900*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.600.044.520.511	-	409.801.853.201	46.009.846.373.712
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*15.337.873.837.512*	-	-	*15.337.873.837.512*
- Trái phiếu	*30.262.170.682.999*	-	*409.801.853.201*	*30.671.972.536.200*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.804.893.259.922	1.220.219.369	2.279.129.439	1.808.392.608.730
Các tài sản khác	243.392.720.539	3.781.799.102	18.785.457.371	265.959.977.012
TỔNG CỘNG	**51.662.561.588.214**	**40.675.769.807**	**470.357.233.444**	**52.173.594.591.465**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Trong đó:

- ***Chưa quá hạn và không giảm giá trị***: các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- ***Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ***: các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- ***Bị giảm giá trị riêng lẻ***: các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ. Có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

38.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

***38.2 Quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)*

38.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Ngày 31 tháng 12 năm 2016						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.883.458	-	-	2.883.458
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	75.810	-	558.006	-	-	633.816
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	443.786	-	-	443.786
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.316.288	-	-	1.316.288
Các khoản phải thu khác	-	-	71.304	-	-	71.304
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	*65.408*	-	-	*65.408*
- Phải thu cổ tức	-	-	*5.896*	-	-	*5.896*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	22.570.742	20.326.319	54.801.410	97.698.471
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	*18.057.342*	*2.164.971*	*198.609*	*20.420.922*
- Trái phiếu	-	-	*4.513.400*	*18.161.348*	*54.602.801*	*77.277.549*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.625.804	57.930	231.720	1.784.150	3.699.604
- Cổ phiếu niêm yết	-	*892.551*	-	-	-	*892.551*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	*500.253*	-	-	-	*500.253*
- Chứng chỉ quỹ	-	*233.000*	-	-	-	*233.000*
- Trái phiếu	-	-	*57.930*	*231.720*	*1.784.150*	*2.073.800*
Đầu tư tài chính khác	-	246.346	-	-	-	246.346
Cho vay và tạm ứng khách hàng	5.867	-	1.314.371	-	-	1.320.238
Các tài sản khác	23.103	-	394.735	-	-	417.838
TỔNG CỘNG	**104.780**	**1.872.150**	**29.610.620**	**20.558.039**	**56.585.560**	**108.731.149**

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

***38.2 Quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)*

38.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Ngày 31 tháng 12 năm 2016						
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	7.351	-	(3.683.697)	(9.933.783)	89.357.590	75.747.461
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	797.390	-	-	797.390
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	586.179	-	-	586.179
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	13.433.631	-	-	13.433.631
- Nhận ký quỹ	-	-	*99.815*	-	-	*99.815*
- Khác	-	-	*13.333.816*	-	-	*13.333.816*
TỔNG CỘNG	**7.351**	**-**	**11.133.503**	**(9.933.783)**	**89.357.590**	**90.564.661**

Không có các khác biệt trọng yếu giữa dự kiến sử dụng tài sản và thanh toán công nợ trong ngắn hạn như theo Thuyết minh trên.

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

38.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.256.691	-	-	2.256.691
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	75.165	-	360.009	-	-	435.174
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	347.212	-	-	347.212
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.006.840	-	-	1.006.840
Các khoản phải thu khác	-	-	43.479	-	-	43.479
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	*40.729*	-	-	*40.729*
- Phải thu cổ tức	-	-	*2.750*	-	-	*2.750*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000	-	18.098.705	17.867.314	37.746.959	73.742.978
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	*13.957.883*	*1.940.206*	*214.631*	*16.112.720*
- Trái phiếu	*30.000*	-	*4.140.822*	*15.927.108*	*37.532.328*	*57.630.258*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.342.703	-	-	-	1.342.703
- Cổ phiếu niêm yết	-	*886.963*	-	-	-	*886.963*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	*321.092*	-	-	-	*321.092*
- Chứng chỉ quỹ	-	*134.648*	-	-	-	*134.648*
Đầu tư tài chính khác	-	223.517	-	-	-	223.517
Cho vay và tạm ứng khách hàng	3.499	-	1.804.893	-	-	1.808.392
Các tài sản khác	22.567	-	243.393	-	-	265.960
TỔNG CỘNG	**131.231**	**1.566.220**	**24.161.222**	**17.867.314**	**37.746.959**	**81.472.946**

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	6.807	-	(2.170.561)	(4.201.955)	61.444.354	55.078.645
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	611.277	-	-	611.277
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	377.856	-	-	377.856
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	8.544.476	1.361	-	8.545.837
- Nhận ký quỹ	-	-	*74.806*	-	-	*74.806*
- Khác	-	-	*8.469.670*	*1.361*	-	*8.471.031*
TỔNG CỘNG	**6.807**	**-**	**7.363.048**	**(4.200.594)**	**61.444.354**	**64.613.615**

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

BIẾN ĐỘNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VND
Năm nay	
+10%	10.314.491.339
- 10%	(10.314.491.339)
Năm trước	
+10%	22.035.437.160
- 10%	(22.035.437.160)

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty đầu tư và quản lý cũng được xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng ("NAV") trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Thành tích hoạt động trong quá khứ của Quỹ (nếu có) không có nghĩa sẽ bảo đảm cho kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ và cũng không bảo đảm về mục tiêu đầu tư của Quỹ sẽ luôn đạt được.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định cẩn thận theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty quản lý quỹ theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhập thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Trong năm 2016, lãi suất tiền gửi tại các kỳ hạn đều cao hơn năm 2015. Ngoài ra, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được Tập đoàn chú trọng và thực hiện định kỳ trong các báo cáo để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu OTC biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành hoặc một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	924.392.643.568	263.626.094.280	1.188.018.737.848
Giá trị thị trường	1.157.955.409.540	441.520.765.600	1.599.476.175.140
VaR (95%, 1 ngày)	(14.541.652.974)	(11.902.648.998)	(26.444.301.972)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	18.141.480.892	7.227.525.676	25.369.006.568
VaR (95%, 1 tuần)	(32.516.124.556)	(26.615.132.272)	(59.131.256.828)
VaR (95%, 1 tháng)	(68.206.398.285)	(55.828.372.444)	(124.034.770.729)
VaR (95%, 1 năm)	(230.841.584.532)	(188.948.695.151)	(419.790.279.683)

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	998.741.069.402	234.044.374.738	1.232.785.444.140
Giá trị thị trường	906.036.178.300	516.048.299.600	1.422.084.477.900
VaR (95%, 1 ngày)	(15.377.565.225)	(15.459.076.038)	(30.836.641.263)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	12.743.072.284	8.954.804.139	21.697.876.423
VaR (95%, 1 tuần)	(34.385.281.171)	(34.567.544.890)	(68.952.826.061)
VaR (95%, 1 tháng)	(72.127.174.278)	(72.509.493.881)	(144.636.668.159)
VaR (95%, 1 năm)	(244.111.280.128)	(245.405.224.171)	(489.516.504.299)

38. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Quản lý rủi ro tài chính *(tiếp theo)*

38.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26,4 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 26,4 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhỏ hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015; tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 1 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1,7%) nhỏ hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2,2%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ THỊ TRƯỜNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (*)
		VND
31 tháng 12 năm 2016		
Kịch bản 1	+10%	22.341.331.991
Kịch bản 2	-10%	(23.911.251.050)
31 tháng 12 năm 2016		
Kịch bản 1	+10%	29.800.815.164
Kịch bản 2	-10%	(34.479.774.560)

(*): Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	NGUYÊN GIÁ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ THUẦN	
	VND	VND	VND	VND
31 tháng 12 năm 2016				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	57.635.596.978.576	(832.500.926.601)	56.803.096.051.975	59.623.803.267.286
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*20.021.289.590.848*	*(442.600.000.000)*	*19.578.689.590.848*	*19.747.093.905.363*
- Trái phiếu	*37.614.307.387.728*	*(389.900.926.601)*	*37.224.406.461.127*	*39.876.709.361.923*
Chứng khoán kinh doanh	2.722.178.333.317	(349.504.452.363)	2.372.673.880.954	2.647.814.265.912
- Cổ phiếu niêm yết	*1.131.249.483.546*	*(238.698.105.315)*	*892.551.378.231*	*1.426.465.687.120*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*611.059.486.331*	*(110.806.347.048)*	*500.253.139.283*	*373.198.138.281*
- Chứng chỉ quỹ	*233.000.407.211*	-	*233.000.407.211*	*256.776.400.000*
- Trái phiếu	*746.868.956.229*	-	*746.868.956.229*	*591.374.040.511*
Đầu tư tài chính khác	280.595.789.065	(34.249.995.785)	246.345.793.280	417.738.895.123
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.158.722.205.897	(93.064.308.300)	1.065.657.897.597	1.065.657.897.597
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	869.655.574.993	(235.839.320.722)	633.816.254.271	639.526.103.259
Phải thu tái bảo hiểm	443.785.771.288	-	443.785.771.288	441.493.981.588
Tài sản tái bảo hiểm	1.316.288.076.711	-	1.316.288.076.711	1.316.288.076.711
Phải thu khác	536.739.139.789	(47.596.706.263)	489.142.433.526	489.142.433.526
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*65.408.085.149*	-	*65.408.085.149*	*65.408.085.149*
- Phải thu cổ tức	*5.896.184.850*	-	*5.896.184.850*	*5.896.184.850*
- Khác	*465.434.869.790*	*(47.596.706.263)*	*417.838.163.527*	*417.838.163.527*
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.458.103.350	-	2.883.458.103.350	2.883.458.103.350
TỔNG CỘNG	**67.847.019.972.986**	**(1.592.755.710.034)**	**66.254.264.262.952**	**69.524.923.024.352**

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	NGUYÊN GIÁ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ THUẦN	
	VND	VND	VND	VND
31 tháng 12 năm 2015				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.717.396.837.012	(707.550.463.300)	46.009.846.373.712	48.075.012.135.943
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	*15.780.473.837.512*	*(442.600.000.000)*	*15.337.873.837.512*	*15.519.719.755.299*
- Trái phiếu	*30.936.922.999.500*	*(264.950.463.300)*	*30.671.972.536.200*	*32.555.292.380.644*
Chứng khoán kinh doanh	1.747.304.210.969	(404.600.653.219)	1.342.703.557.750	1.613.277.485.297
- Cổ phiếu niêm yết	*1.165.931.566.940*	*(278.968.745.362)*	*886.962.821.578*	*1.251.599.638.700*
- Cổ phiếu chưa niêm yết	*444.338.998.664*	*(123.246.615.257)*	*321.092.383.407*	*211.686.993.197*
- Chứng chỉ quỹ	*137.033.645.365*	*(2.385.292.600)*	*134.648.352.765*	*149.990.853.400*
Đầu tư tài chính khác	277.757.046.968	(54.239.974.693)	223.517.072.275	368.139.076.783
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.849.421.516.146	(94.633.062.266)	1.754.788.453.880	1.754.788.453.880
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	648.893.146.772	(213.719.985.437)	435.173.161.335	443.805.457.375
Phải thu tái bảo hiểm	347.211.798.459	-	347.211.798.459	347.211.798.459
Tài sản tái bảo hiểm	1.006.839.809.438	-	1.006.839.809.438	1.006.839.809.438
Phải thu khác	369.577.948.754	(60.138.545.006)	309.439.403.748	309.439.403.748
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	*40.729.256.836*	-	*40.729.256.836*	*40.729.256.836*
- Phải thu cổ tức	*2.750.169.900*	-	*2.750.169.900*	*2.750.169.900*
- Khác	*326.098.522.018*	*(60.138.545.006)*	*265.959.977.012*	*265.959.977.012*
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256.691.436.043	-	2.256.691.436.043	2.256.691.436.043
TỔNG CỘNG	**55.221.093.750.561**	**(1.534.882.683.921)**	**53.686.211.066.640**	**56.175.205.056.966**

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
31 tháng 12 năm 2016		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	39.330.955.801.433	39.330.955.801.433
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	797.389.904.029	797.389.904.029
Phải trả tái bảo hiểm	586.178.655.885	586.178.655.885
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	13.433.631.707.531	13.433.631.707.531
- Nhận ký quỹ	*99.815.372.901*	*99.815.372.901*
- Khác	*13.333.816.334.630*	*13.333.816.334.630*
Tổng cộng	**54.148.156.068.878**	**54.148.156.068.878**
31 tháng 12 năm 2015		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	31.218.854.133.601	31.218.854.133.601
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	611.277.319.121	611.277.319.121
Phải trả tái bảo hiểm	377.855.805.365	377.855.805.365
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	8.545.836.865.654	8.545.836.865.654
- Nhận ký quỹ	*74.806.099.908*	*74.806.099.908*
- Khác	*8.471.030.765.746*	*8.471.030.765.746*
Tổng cộng	**40.753.824.123.741**	**40.753.824.123.741**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý (tiếp theo):

- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

40. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2016 Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây.

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM (SỐ LIỆU ĐÃ TRÌNH BÀY)	PHÂN LOẠI LẠI	SỐ ĐẦU NĂM (PHÂN LOẠI LẠI)
100	Tài sản ngắn hạn	22.163.065.317.844	787.817.544.071	22.950.882.861.915
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.882.101.197.172	802.965.384.557	15.685.066.581.729
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.539.397.639.422	802.965.384.557	14.342.363.023.979
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.500.291.385.982	29.864.312.064	3.530.155.698.046
136	Phải thu ngắn hạn khác	268.834.491.340	29.864.312.064	298.698.803.404
150	Tài sản ngắn hạn khác	414.130.578.088	(45.012.152.550)	369.118.425.538
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	352.618.039.974	(15.147.840.486)	337.470.199.488
151.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.589.781.569	(15.147.840.486)	30.441.941.083
155	Tài sản ngắn hạn khác	59.174.009.208	(29.864.312.064)	29.309.697.144
200	Tài sản dài hạn	36.389.499.190.933	(787.817.544.071)	35.601.681.646.862
210	Các khoản phải thu dài hạn	40.044.256.836	183.299.919.866	223.344.176.702

40. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM (SỐ LIỆU ĐÃ TRÌNH BÀY)	PHÂN LOẠI LẠI	SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)
220	Tài sản cố định	1.678.491.603.232	(121.515.959.855)	1.556.975.643.377
221	Tài sản cố định hữu hình	840.816.714.657	(118.766.529.134)	722.050.185.523
222	Nguyên giá	1.790.944.079.137	(148.195.169.464)	1.642.748.909.673
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(950.127.364.480)	29.428.640.330	(920.698.724.150)
227	Tài sản cố định vô hình	837.674.888.575	(2.749.430.721)	834.925.457.854
228	Nguyên giá	1.102.012.336.024	(4.602.394.942)	1.097.409.941.082
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(264.337.447.449)	1.852.964.221	(262.484.483.228)
230	Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	121.515.959.855	144.964.906.855
231	Nguyên giá	-	176.246.511.406	176.246.511.406
232	Giá trị hao mòn lũy kế	-	(31.281.604.551)	(31.281.604.551)
250	Đầu tư tài chính dài hạn	34.352.193.347.678	(969.798.114.557)	33.382.395.233.121
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	563.527.138.423	(166.832.730.000)	396.694.408.423
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31.751.745.646.963	(802.965.384.557)	30.948.780.262.406
260	Tài sản dài hạn khác	103.333.425.369	(1.319.349.380)	102.014.075.989
261	Chi phí trả trước dài hạn	48.518.305.909	15.147.840.486	63.666.146.395
268	Tài sản dài hạn khác	21.905.944.585	(16.467.189.866)	5.438.754.719
310	Nợ ngắn hạn	10.855.723.087.317	-	10.855.723.087.317
311	Phải trả người bán ngắn hạn	1.126.082.627.920	(13.451.512.534)	1.112.631.115.386
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.895.268.900	13.451.512.534	72.346.781.434
330	Nợ dài hạn	81.118.146.928	34.417.532.027.684	34.498.650.174.612
344	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	-	34.417.532.027.684	34.417.532.027.684
	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	34.417.532.027.684	(34.417.532.027.684)	-

Trong đó:

- Theo quy định của Thông tư 199, số dư khoản mục Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được trình bày lại trên mục Đầu tư tài chính ngắn hạn - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- Theo quy định của Thông tư 147, Tập đoàn phân loại lại một số tài sản cố định sang bất động sản đầu tư.
- Theo quy định của Thông tư 199, số dư các khoản mục dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trình bày là các khoản nợ dài hạn.
- Một số khoản mục khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất năm trước cũng được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NĂM TRƯỚC (SỐ LIỆU ĐÃ TRÌNH BÀY)	PHÂN LOẠI LẠI	NĂM TRƯỚC (PHÂN LOẠI LẠI)
Doanh thu phí bảo hiểm	**16.206.341.123.766**	**(11.246.036.169)**	**16.195.095.087.597**
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(76.114.811.442)	(11.246.036.169)	(87.360.847.611)
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	15.096.218.437.502	(11.246.036.169)	15.084.972.401.333
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	15.326.553.145.526	(11.246.036.169)	15.315.307.109.357
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	**(5.721.738.486.144)**	**(56.790.536.766)**	**(5.778.529.022.910)**
Tăng dự phòng toán học	(5.721.738.486.144)	11.246.036.169	(5.710.492.449.975)
Tăng dự phòng chia lãi	-	(59.861.551.929)	(59.861.551.929)
Tăng dự phòng đảm bảo cân đối	-	(8.175.021.006)	(8.175.021.006)
Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	**(11.376.772.376.665)**	**(56.790.536.766)**	**(11.433.562.913.431)**
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(14.902.848.143.142)**	**(56.790.536.766)**	**(14.959.638.679.908)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**423.705.002.384**	**(68.036.572.935)**	**355.668.429.449**
Chi phí hoạt động khác	(311.841.951.585)	(21.158.072.093)	(333.000.023.678)
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	**68.878.435.510**	**(21.158.072.093)**	**47.720.363.417**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**(2.011.740.532.968)**	**21.158.072.093**	**(1.990.582.460.875)**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các hoạt động khác	(368.843.766.791)	21.158.072.093	(347.685.694.698)
Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(1.219.191.763.793)**	**(68.036.572.935)**	**(1.287.228.336.728)**
Trong đó:			
- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ	*(1.310.138.026.037)*	*(68.036.572.935)*	*(1.378.174.598.972)*
Chi phí hoạt động tài chính	**(902.875.801.850)**	**59.861.551.929**	**(843.014.249.921)**
Lợi nhuận hoạt động tài chính	**2.889.875.438.112**	**59.861.551.929**	**2.949.736.990.041**
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	**1.468.891.856.638**	**(8.175.021.006)**	**1.460.716.835.632**
Dự phòng đảm bảo cân đối	(8.175.021.006)	8.175.021.006	-

Trong đó:

- Phân loại lại khoản mục dự phòng phí chưa được hưởng từ Dự phòng toán học sang Tăng dự phòng phí chưa được hưởng.
- Phân loại lại khoản mục Tăng dự phòng chia lãi từ Chi phí hoạt động tài chính sang Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc.
- Phân loại lại khoản mục Dự phòng đảm bảo cân đối sang Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc.

Ngoài ra, một số khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách thức trình bày của năm nay.

41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Ông Nguyễn Xuân Hòa	**Ông Phạm Ngọc Tú**	**Ông Nguyễn Quang Phi**
Người lập	Phó Giám đốc Phụ trách	Tổng Giám đốc
Kế toán Trưởng	Khối Quản lý Tài chính	

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) (TÓM TẮT)

  Toàn văn Báo cáo Tài chính Riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt được cung cấp tại các địa chỉ sau:

  http://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cac-bao-cao/Bao-cao-tai-chinh

  http://baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cong-bo-thong-tin



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/18715108-SMY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017 và được trình bày từ trang 527 đến trang 531, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng nói trên tại báo cáo kiểm toán lập ngày 30 tháng 03 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích lập báo cáo thường niên theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn đã được kiểm toán – đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hoàng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2409-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**3.062.772.702.708**	**2.710.116.548.654**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***478.096.731.969***	***102.066.332.942***
111	1. Tiền	279.096.731.969	102.066.332.942
112	2. Các khoản tương đương tiền	199.000.000.000	-
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***2.072.321.303.072***	***2.175.368.486.154***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	815.929.638.922	832.092.093.361
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(230.834.035.850)	(247.723.607.207)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.487.225.700.000	1.591.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***493.881.998.946***	***421.406.684.920***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	355.467.696.562	399.296.729.682
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	109.590.511.774	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	28.823.790.610	22.109.955.238
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***	***18.472.668.721***	***11.275.044.638***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.685.612.215	11.275.044.638
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10.787.056.506	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**	**9.573.148.673.985**	**9.446.129.887.149**
220	***I. Tài sản cố định***	***111.736.453.833***	***99.597.298.955***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	74.282.084.669	63.586.303.769
222	*Nguyên giá*	*325.938.463.482*	*302.155.207.508*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(251.656.378.813)*	*(238.568.903.739)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	37.454.369.164	36.010.995.186
228	*Nguyên giá*	*113.497.346.327*	*108.464.722.770*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(76.042.977.163)*	*(72.453.727.584)*
230	***II. Bất động sản đầu tư***	***212.551.232.954***	***223.896.752.030***
231	*1. Nguyên giá*	*286.545.727.138*	*286.545.727.138*
232	*2. Giá trị hao mòn lũy kế*	*(73.994.494.184)*	*(62.648.975.108)*
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***	***34.836.484.204***	***45.322.742.955***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.836.484.204	45.322.742.955
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***9.206.447.742.994***	***9.073.524.713.209***
251	1. Đầu tư vào công ty con và BVIF	5.861.291.148.720	5.361.291.148.720
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.165.700.000.000	1.737.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(153.223.980)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.179.456.594.274	1.975.386.788.469
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***	***7.576.760.000***	***3.788.380.000***
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.576.760.000	3.788.380.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**12.635.921.376.693**	**12.156.246.435.803**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**	**469.963.267.581**	**397.739.317.623**
310	***I. Nợ ngắn hạn***	***469.963.267.581***	***397.739.317.623***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.785.448.102	5.782.492.606
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.965.187.038	850.168.780
314	3. Phải trả người lao động	46.922.536.058	17.434.858.724
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.000.748.348	198.038.915
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	77.958.496.201	56.318.874.239
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.877.786.852	42.095.343.304
324	7. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	296.453.064.982	275.059.541.055
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**12.165.958.109.112**	**11.758.507.118.180**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***12.165.958.109.112***	***11.758.507.118.180***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*6.804.714.340.000*	*6.804.714.340.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	262.490.696.580	112.135.049.926
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.914.420.691.335	1.657.325.347.057
421a	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*894.431.326.720*	*656.058.451.496*
421b	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.019.989.364.615*	*1.001.266.895.561*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**12.635.921.376.693**	**12.156.246.435.803**







Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	**1. Doanh thu hoạt động kinh doanh**	**1.400.006.511.795**	**1.315.499.323.457**
11	**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**(186.112.508.548)**	**(108.384.887.828)**
20	**3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.213.894.003.247**	**1.207.114.435.629**
26	**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**(170.692.552.398)**	**(188.158.085.163)**
30	**5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.043.201.450.849**	**1.018.956.350.466**
31	**6. Thu nhập khác**	**263.742.744**	**1.271.450.311**
32	**7. Chi phí khác**	**(3.500.000)**	**465.661.032**
40	**8. Lợi nhuận khác**	**260.242.744**	**1.737.111.343**
50	**9. Tổng lợi nhuận trước thuế**	**1.043.461.693.593**	**1.020.693.461.809**
51	**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**(25.480.937.541)**	**(22.110.864.114)**
52	**11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**3.788.380.000**	**3.788.380.000**
60	**12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.021.769.136.052**	**1.002.370.977.695**







Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.511.230.937.107	1.290.685.674.487
03	2. Tiền chi trả cho người lao động	(114.766.212.731)	(137.484.519.110)
05	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(29.991.767.001)	(22.347.413.129)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	60.070.849.611	80.797.992.164
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(450.109.126.395)	(264.030.810.838)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**976.434.680.591**	**947.620.923.574**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(19.748.068.764)	(5.464.435.771)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	17.790.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.120.000.000.000)	(4.771.869.666.667)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.998.926.369.934	4.760.030.555.555
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(932.371.634.000)	(470.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.000.000.000	-
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**	**(67.193.332.830)**	**(487.285.755.974)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền thu từ hoạt động repo	570.434.500.000	558.394.000.000
34	2. Tiền chi trả hoạt động repo	(559.481.539.664)	(287.788.724.814)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(544.165.229.840)	(679.981.899.550)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**	**(533.212.269.504)**	**(409.376.624.364)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
50	**IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)**	**376.029.078.257**	**50.958.543.236**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**102.066.332.942**	**51.106.195.242**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.320.770	1.594.464
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**478.096.731.969**	**102.066.332.942**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016 VND	2015 VND
Thu phí bảo hiểm	20.319.377.896.103	16.282.455.935.208
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.392.998.505.520)	(1.075.681.917.652)
Thu ròng về phí bảo hiểm	18.926.379.390.583	15.206.774.017.556
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(247.579.232.511)	(121.801.616.223)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**18.678.800.158.072**	**15.084.972.401.333**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	**224.977.753.763**	**188.040.634.200**
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	**105.690.433.676**	**42.294.073.824**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**19.009.468.345.511**	**15.315.307.109.357**
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	4.609.521.650.137	3.700.305.958.969
Thu nhập hoạt động khác	308.059.274.711	390.442.434.359
Tổng doanh thu khác	**4.917.580.924.848**	**4.090.748.393.328**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**23.927.049.270.359**	**19.406.055.502.685**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(7.067.637.288.307)	(6.190.636.957.247)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(171.400.458.433)	(175.660.994.859)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	521.456.218.523	412.871.394.428
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(7.616.987.683.356)	(5.949.743.995.728)
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hoãn lại cho chủ hợp đồng	(17.731.245.774)	(11.873.858.676)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	(51.503.377.701)	39.874.168.448
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**(14.403.803.835.048)**	**(11.875.170.243.633)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(2.134.363.660.909)	(1.951.877.074.473)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(3.201.454.297)	(76.733.945.577)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(22.389.434.176)	(2.114.124.395)
Chi phí bán hàng	(902.386.994.302)	(603.548.774.126)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.797.914.723.943)	(2.811.335.203.395)
Chi phí tài chính	(651.905.995.920)	(340.990.486.562)
Chi phí hoạt động khác	(274.605.234.304)	(316.596.314.964)
Tổng hoa hồng và chi phí	**(7.786.767.497.851)**	**(6.103.195.923.493)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	**(22.190.571.332.899)**	**(17.978.366.167.126)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	**1.736.477.937.460**	**1.427.689.335.559**
Phân chia lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	(28.388.786.420)	(74.812.817.068)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**1.708.089.151.040**	**1.352.876.518.491**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(291.001.132.688)	(286.828.615.898)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.417.088.018.352**	**1.066.047.902.593**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ THUỘC VỀ:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.376.650.662.763	1.022.809.625.952
Lợi ích cổ đông thiểu số	40.437.355.589	43.238.276.641
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.023	1.503

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo thu nhập tổng hợp hợp nhất khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016 VND	2015 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
Thu nhập tổng hợp khác trong năm	**1.417.088.018.352**	**1.066.047.902.593**
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán: Phần thu nhập tổng hợp khác sẽ được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán theo giá trị hợp lý	486.981.603.810	(300.803.092.304)
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(96.879.577.182)	106.229.287.112
(Lỗ)/Thu nhập tổng hợp khác đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	**390.102.026.628**	**(194.573.805.192)**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.807.190.044.980**	**871.474.097.401**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.760.461.114.724	826.161.835.717
Lợi ích cổ đông thiểu số	46.728.930.256	45.312.261.684

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Tài sản			
Tài sản cố định hữu hình	915.436.831.709	880.983.533.592	880.638.401.854
Bất động sản đầu tư	138.880.906.477	144.964.906.855	151.048.907.233
Tài sản cố định vô hình	569.940.253.990	580.458.769.960	620.090.448.344
Chi phí hoãn lại	428.005.012.101	307.028.258.405	294.424.717.991
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.272.537.235.837	1.685.727.091.117	1.894.093.759.496
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định			
- Sẵn sàng để bán	36.317.325.385.316	28.882.111.862.410	18.627.542.155.069
- Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ	764.009.912.200	-	-
- Cho vay và phải thu	23.931.822.924.990	19.742.322.767.293	19.899.622.301.479
Đầu tư cổ phiếu			
- Sẵn sàng để bán	2.349.306.693.890	1.814.731.281.231	1.738.441.905.996
- Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ	123.619.003.455	166.685.280.850	200.512.089.403
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.175.036.236.657	1.048.785.501.237	965.083.503.977
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	180.336.033.184	241.318.397.226	204.869.609.396
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	1.166.947.356.712	874.746.952.052	801.815.489.519
Tài sản tái bảo hiểm	1.766.537.079.802	1.625.098.091.689	1.619.664.691.853
Các khoản trả trước và tài sản khác	1.179.191.404.965	916.292.607.658	1.077.734.145.078
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.458.103.350	2.256.691.436.043	1.424.818.218.079
TỔNG TÀI SẢN	**76.162.390.374.635**	**61.167.946.737.618**	**50.400.400.344.767**
Vốn chủ sở hữu			
Vốn điều lệ đã góp	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
Lợi nhuận chưa phân phối	1.161.312.312.199	658.336.872.426	592.136.211.590
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	1.940.753.321.184	1.556.942.869.223	1.753.590.659.457
Quỹ chênh lệch tỷ giá	15.445.192.000	16.075.608.000	16.075.608.000
Quỹ đầu tư phát triển	301.301.554.536	142.369.277.946	21.712.503.565
Quỹ dự trữ bắt buộc	333.123.774.337	292.449.189.772	246.015.752.941
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	**13.844.551.678.271**	**12.758.789.341.382**	**12.722.146.259.568**
Lợi ích cổ đông thiểu số	**658.735.138.917**	**613.911.979.743**	**572.642.210.495**
TỔNG VỐN	**14.503.286.817.188**	**13.372.701.321.125**	**13.294.788.470.063**
Nợ phải trả			
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	43.671.592.288.619	35.614.083.006.894	29.576.978.163.559
Các nghia vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	1.291.448.609.977	954.922.281.610	1.020.945.143.320
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	55.668.068.565	55.513.325.431	53.056.432.109
Doanh thu hoãn lại	115.396.746.402	95.318.882.134	88.354.037.365
Các khoản phải trả các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	164.346.598.470	31.161.309.917	3.517.524.546
Người mua trả tiền trước	10.443.709.813	8.228.873.607	10.223.801.033
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	16.004.120.760	96.679.287.168	90.998.179.270
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	309.253.123.639	241.119.637.336	316.757.648.590
Phải trả hoạt động bảo hiểm	1.383.568.559.914	989.133.124.486	878.914.275.352
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	14.641.381.731.288	9.709.085.687.910	5.065.866.669.560
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**61.659.103.557.447**	**47.795.245.416.493**	**37.105.611.874.704**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	**76.162.390.374.635**	**61.167.946.737.618**	**50.400.400.344.767**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2016 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**658.336.872.426**	**1.556.942.869.223**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**	**292.449.189.772**	**103.568.802.818**	**12.758.789.341.382**	**613.911.979.743**	**13.372.701.321.125**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	(544.377.147.200)	-	-	-	-	-	(544.377.147.200)	-	(544.377.147.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(115.078.541.327)	-	-	-	-	-	(115.078.541.327)	(1.622.140.316)	(116.700.681.643)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội			(10.023.709.777)						(10.023.709.777)		(10.023.709.777)
Trích lập cho các quỹ dự trữ	-	-	(199.606.861.155)	-	-	158.932.276.590	40.674.584.565	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.376.650.662.763	-	-	-	-	-	1.376.650.662.763	40.437.355.589	1.417.088.018.352
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(4.853.851.057)	-	-	-	-	-	(4.853.851.057)	(20.800.000)	(4.874.651.057)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	383.810.451.961	-	-	-	-	383.810.451.961	6.291.574.667	390.102.026.628
Tăng khác giảm khác	-	-	264.887.526	-	(630.416.000)	-	-	-	(365.528.474)	(262.830.766)	(628.359.240)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**1.161.312.312.199**	**1.940.753.321.184**	**15.445.192.000**	**301.301.554.536**	**333.123.774.337**	**103.568.802.818**	**13.844.551.678.271**	**658.735.138.917**	**14.503.286.817.188**

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**592.136.211.590**	**1.753.590.659.457**	**16.075.608.000**	**21.712.503.565**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	(680.471.434.000)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(117.211.214.042)	-	-	117.211.214.042
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	(95.282.518.817)	-	-	-
Trích lập cho các quỹ dự trữ	-	-	(61.092.502.163)	-	-	3.445.560.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.022.809.625.952	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.493.115.434)	-	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	(196.647.790.234)	-	-
Tăng khác giảm khác	-	-	(58.180.660)	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**6.804.714.340.000**	**3.184.332.381.197**	**658.336.872.426**	**1.556.942.869.223**	**16.075.608.000**	**142.369.277.946**

	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	**246.015.752.941**	**103.568.802.818**	**12.722.146.259.568**	**572.642.210.495**	**13.294.788.470.063**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	(680.471.434.000)	(1.300.000.000)	(681.771.434.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(117.211.214.042)	-	(98.006.576.174)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	(95.282.518.817)	(2.724.057.357)	(11.213.504.993)
Trích lập cho các quỹ dự trữ	46.433.436.831	-	(11.213.504.993)	-	1.066.047.902.593
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.022.809.625.952	43.238.276.641	(2.515.915.434)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.493.115.434)	(22.800.000)	(194.573.805.192)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	(196.647.790.234)	2.073.985.042	(53.815.738)
Tăng khác giảm khác	-	-	(58.180.660)	4.364.922	613.911.979.743
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**292.449.189.772**	**103.568.802.818**	**12.758.789.341.382**		**13.372.701.321.125**

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	19.339.704.407.606	16.312.475.445.773
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(11.572.865.814.661)	(10.290.826.047.749)
Tiền chi trả cho người lao động	(1.465.778.795.320)	(1.275.284.621.442)
Tiền chi trả lãi vay	(405.432.471.461)	(167.024.839.413)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(340.807.252.113)	(274.892.086.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.397.801.221.472	7.726.099.085.438
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(13.639.800.172.905)	(8.050.327.366.076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**3.312.821.122.618**	**3.980.219.570.274**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(77.038.755.907)	(57.695.630.527)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.925.467.912	1.318.518.181
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(35.111.691.375.005)	(28.534.146.799.353)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24.772.819.391.338	18.526.273.896.862
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(669.895.682.237)	(30.766.147.198)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	18.000.000.000	-
Cổ tức nhận được	96.177.329.759	148.920.415.256
Tiền lãi nhận được	4.089.366.345.350	2.958.698.011.012
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**(6.880.337.278.790)**	**(6.987.397.735.767)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả cho cổ đông thiểu số	(100.000.000)	(1.200.000.000)
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	24.546.727.569.979	15.125.172.874.352
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(19.935.644.511.380)	(10.635.950.494.742)
Tiền chi trả cổ tức	(544.165.229.840)	(679.981.899.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính	**4.066.817.828.759**	**3.808.040.480.060**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**499.301.672.587**	**800.862.314.567**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.227.540.596.126	1.424.818.218.079
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	(3.061.613.835)	1.860.063.480
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**2.723.780.654.878**	**2.227.540.596.126**
Thấu chi ngân hàng (*)	159.677.448.472	29.150.839.917
Tiền và các khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán	**2.883.458.103.350**	**2.256.691.436.043**

(*)Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn trừ đi số dư các khoản vay thấu chi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 159.677.448.472 đồng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.150.839.917 đồng) vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 05 tháng 04 năm 2017

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1 Phân loại sản phẩm

Các hợp đồng bảo hiểm là các hợp đồng mà các Công ty con của Tập đoàn chấp nhận những rủi ro bảo hiểm trọng yếu từ khách hàng ("Chủ hợp đồng bảo hiểm") bằng các thỏa thuận bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm nếu một sự kiện xác định xảy ra trong tương lai ("sự kiện được bảo hiểm") gây tổn thất đến chủ hợp đồng bảo hiểm. Một quy tắc chung là các công ty con kinh doanh bảo hiểm sẽ xem xét việc có rủi ro bảo hiểm trọng yếu hay không bằng cách so sánh lợi ích bảo hiểm đã chi trả sau khi xảy ra các sự kiện được bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm phải trả trong trường hợp sự kiện được bảo hiểm không xảy ra. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chuyển giao một số rủi ro về tài chính.

Hợp đồng đầu tư là các hợp đồng chuyển giao các rủi ro tài chính trọng yếu nhưng không chuyển giao rủi ro bảo hiểm trọng yếu. Rủi ro tài chính là rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi của một hoặc nhiều hơn một của các biến số sau: lãi suất, giá của công cụ tài chính, giá cả hàng hóa, tỉ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc tỷ suất, xếp hạng tín dụng và chỉ số tín dụng hoặc biến số phi tài chính khi biến số này không gắn liền với một đối tượng nào của hợp đồng.

Khi một hợp đồng được phân loại là hợp đồng bảo hiểm, việc phân loại được giữ nguyên cho đến khi hợp đồng hết hạn, ngay cả khi rủi ro về bảo hiểm không còn trọng yếu, trừ khi tất cả các quyền và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng bảo hiểm bị xóa bỏ hay hết hạn. Các hợp đồng đầu tư, ngược lại, có thể được phân loại lại thành hợp đồng bảo hiểm sau đó nếu rủi ro bảo hiểm trở nên trọng yếu.

Hợp đồng có cấu phần không đảm bảo ("DPF")

Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đầu tư được phân loại dựa trên đặc điểm có hay không có cấu phần không đảm bảo. Cấu phần không đảm bảo là quyền lợi tăng thêm được nhận ngoài quyền lợi đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là một phần đáng kể trong tổng quyền lợi theo hợp đồng
- Giá trị và thời điểm của cấu phần không đảm bảo phụ thuộc vào bên phát hành
- Được ràng buộc theo hợp đồng dựa trên:

  - Kết quả hoạt động của một nhóm các hợp đồng hoặc một loại hợp đồng cụ thể

  - Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện từ việc đầu tư một nhóm các tài sản nắm giữ bởi bên phát hành

  - Lãi hoặc lỗ của công ty, quỹ hay các đơn vị khác phát hành hợp đồng

Công cụ phái sinh thuộc hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo được tách riêng và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi, lỗ trừ trường hợp công cụ phái sinh ấy cũng là một hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo. Công cụ phái sinh không được trình bày riêng biệt nếu hợp đồng bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng đầu tư gốc có cấu phần không đảm bảo được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.2 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của tài sản vô hình là nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị. Các tài sản vô hình tự xây dựng, ngoại trừ các khoản chi phí phát triển đã được vốn hóa, đều không được vốn hóa và ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thời gian sử dụng của tài sản vô hình được đánh giá là hữu hạn hoặc vô hạn.

Tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được trích hao mòn trong suốt thời gian sử dụng và được đánh giá suy giảm giá trị nếu có bằng chứng rằng tài sản vô hình đó bị giảm giá trị. Thời gian và phương pháp hao mòn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được xem xét lại định kỳ ít nhất mỗi năm tài chính. Những thay đổi trong thời gian hữu dụng hay việc tiêu dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản được xác định bằng cách thay đổi thời gian hay phương pháp hao mòn, nếu cần thiết, và được ghi nhận là thay đổi ước tính kế toán. Chi phí hao mòn của tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 4 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích hao mòn nhưng được đánh giá suy giảm giá trị riêng rẽ hoặc theo đơn vị tạo dòng tiền ít nhất 1 năm 1 lần. Việc đánh giá thời gian sử dụng vô thời gian của quyền sử dụng đất được xem xét hàng năm để xác định liệu việc thời gian sử dụng vô thời hạn còn hợp lý hay không. Nếu không còn hợp lý, thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất sẽ được thay đổi từ vô thời hạn sang có thời hạn và các điều chỉnh có liên quan sẽ được thực hiện phi hồi tố. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận quyền sử dụng đất vô thời hạn được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ của tài sản và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng hữu hạn được phân loại vào "Thuê hoạt động" và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu khao lũy kế và dự phòng giảm giá (nếu có). Các chi phí sửa chữa thay thế lớn và các chi phí lãi vay từ các dự án xây dựng dài hạn sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu những chi phí này đáp ứng điều kiện ghi nhận. Nếu chi phí thay thế một phần của tài sản cố định hữu hình lớn, Tập đoàn sẽ ghi nhận như một tài sản riêng biệt với thời gian hữu dụng và tiến hành khấu hao tương ứng. Tất cả các chi phí bảo trì, sửa chữa khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Giá trị hiện tại của chi phí dự tính cho việc thanh lý tài sản đó sau khi sử dụng được bao gồm trong nguyên giá của tài sản đó nếu đủ điều kiện hạch toán trích lập dự phòng.

Tài sản sẽ được ngừng ghi nhận sau khi thanh lý hoặc khi tài sản đó không còn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản lãi lỗ phát sinh khi ngừng ghi nhận tài sản (tính toán trên cơ sở chênh lệch giữa thu hồi thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 4 năm

Giá trị còn lại, thời gian hữu dụng và phương pháp tính khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại vào cuối mỗi năm tài chính và được điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

1.4 Xây dựng cơ bản dở dang

Công trình xây dựng dở dang được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được chuyển sang tài sản cố định khi công trình được hoàn thành.

1.5 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan. Giá trị ghi sổ bao gồm chi phí thay thế một phần của một bất động sản đầu tư hiện hữu tại thời điểm chi phí phát sinh nếu các tiêu chuẩn ghi nhận được thỏa mãn và không bao gồm các chi phí dịch vụ thường xuyên gắn liền với tài sản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư vẫn được ghi nhận theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư sẽ được ngừng ghi nhận sau khi đã thanh lý hoặc sau khi bất động sản đầu tư không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch số tiền thu hồi từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc phân loại sang bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang các khoản mục khác chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Trường hợp chuyển đổi từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng, giá trị ghi nhận sau đó là giá trị ghi sổ tại ngày thay đổi mục đích sử dụng. Khi bất động sản chủ sở hữu sử dụng được phân loại sang bất động sản đầu tư, Tập Đoàn sẽ hạch toán những bất động sản đó theo các chính sách kế toán về tài sản cố định hữu hình tại ngày chuyển đổi mục đích sử dụng.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.5 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 10 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích khấu hao.

1.6 Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính

Tập đoàn tiến hành xem xét tại thời điểm báo cáo các dấu hiệu về việc một tài sản có thể bị giảm giá. Nếu có bất kì dấu hiệu nào hoặc khi bắt buộc phải tiến hành đánh giá sự giảm giá hàng năm của một tài sản, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản đó. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị cao hơn giữa: (i) giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý của đơn vị tạo dòng tiền trừ đi chi phí thanh lý; và (ii) giá trị sử dụng của tài sản đó. Giá trị thu hồi được tính toán cho từng tài sản riêng lẻ, trừ trường hợp dòng tiền tạo ra từ tài sản đó phụ thuộc rất lớn vào các tài sản khác hay nhóm các tài sản khác. Khi giá trị sổ sách của một tài sản hay một đơn vị tạo dòng tiền vượt quá giá trị thu hồi của nó, tài sản được coi là bị giảm giá và sẽ được ghi giảm về giá trị thu hồi.

Khi đánh giá giá trị sử dụng của tài sản, giá trị ước lượng của dòng tiền tạo ra trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế phản ánh những đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và các rủi ro gắn liền với tài sản đó. Các giao dịch trên thị trường gần đây, nếu có, cũng được xem xét khi xác định giá trị hợp lý trừ chi phí nhượng bán. Trong trường hợp không có những giao dịch gần đây, Tập đoàn sẽ lựa chọn một phương pháp định giá thích hợp. Tính hợp lý của các phương pháp tính toán trên sẽ được kiểm định bởi các hệ số định giá, giá trị niêm yết của các cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường hay các thông số liên quan đến giá trị hợp lý có sẵn.

Tập đoàn tính toán suy giảm giá trị cho từng đơn vị tạo dòng tiền để phân bổ cho các tài sản riêng biệt dựa trên các dự báo và ngân sách chi tiết. Các dự báo và ngân sách chi tiết này thường được lập cho giai đoạn 5 năm. Cho giai đoạn kinh doanh dài hơn, tỉ lệ tăng trưởng dài hạn sẽ được tính toán và áp dụng để dự báo dòng tiền phát sinh cho giai đoạn sau năm thứ 5 trở đi.

Lỗ từ việc giảm giá trị của các tài sản phi tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại trừ lợi thế thương mại, các tài sản sẽ được đánh giá định kỳ tại thời điểm báo cáo để xem liệu có hay không các dấu hiệu về việc tài sản không còn bị suy giảm giá trị nữa hoặc suy giảm với giá trị ít hơn khoản lỗ đã ghi nhận trước đó. Nếu có dấu hiệu này, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản hay của đơn vị tạo dòng tiền có sử dụng tài sản đó. Khoản lỗ giảm giá trị đã được ghi nhận trước đó chỉ được hoàn nhập nếu có sự thay đổi về các ước tính sử dụng để đánh giá giá trị thu hồi của tài sản đó kể từ lần cuối cùng phần lỗ giảm giá trị được ghi nhận. Trong trường hợp đó, giá trị sổ sách của tài sản sẽ được ghi tăng lên theo giá trị thu hồi, nhưng không được vượt quá giá trị ghi sổ trừ đi khấu hao/hao mòn trong trường hợp không có khoản lỗ giảm giá trị nào được ghi nhận trong những năm trước. Hoàn nhập giảm giá trị được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi tài sản đó được ghi nhận theo giá trị định giá, trong trường hợp đó khoản tăng lên được ghi nhận là khoản tăng do định giá lại.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết

Công ty liên doanh là một hình thức liên doanh trong đó các bên liên doanh góp vốn có quyền đồng kiểm soát đối với Công ty liên doanh và có lợi ích đối với tài sản thuần của Công ty liên doanh. Đồng kiểm soát là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết của Tập đoàn được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc cộng với các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết sau ngày đầu tư.

Phần chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại này sẽ không được ghi nhận hao mòn cũng như đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt hàng năm.
- Phần chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh/liên kết so với giá vốn của khoản đầu tư được ghi nhận là thu nhập trong kỳ mua khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Saigonship"), do giá trị hợp lý của tài sản thuần của Saigonship chưa được xác định một cách đáng tin cậy, Tập đoàn đã áp dụng kế toán tạm thời đối với khoản đầu tư và sẽ tiến hành điều chỉnh trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua theo hướng dẫn tại chuẩn mực IFRS 3 – Hợp nhất kinh doanh. Theo đó, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của Saigonship tại ngày mua chưa được ghi nhận.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Bất cứ thay đổi nào của thu nhập tổng hợp khác của các đơn vị được đầu tư này sẽ được ghi nhận như là thu nhập tổng hợp khác của Tập đoàn. Ngoài ra, khi có thay đổi ảnh hưởng trực tiếp vào vốn sở hữu của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận và trình bày phần thay đổi đó theo tỉ lệ sở hữu trong báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu nếu thích hợp. Phần lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn và công ty liên kết sẽ bị loại bỏ trong phần lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết đó.

Việc phân chia lợi ích từ các công ty liên doanh,liên kết được thể hiện trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đây là phần lợi nhuận được chia cho các cổ đông của công ty liên doanh, liên kết và vì vậy chính là lợi nhuận sau thuế và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, Tập đoàn sẽ quyết định việc ghi nhận phần lỗ giảm giá trị của các khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết có cần thiết hay không. Tập đoàn sẽ xem xét tại từng thời điểm báo cáo các bằng chứng khách quan về việc khoản đầu tư bị giảm giá trị. Trong trường hợp đó, Tập đoàn sẽ tính toán phần giảm giá trị là chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể ở một công ty liên kết hoặc quyền đồng quyền soát tại một công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ tính toán và ghi nhận phần đầu tư còn lại tại giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị sổ sách của một công ty liên kết khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể và công ty liên doanh khi mất quyền đồng kiểm soát và giá trị hợp lý phần đầu tư còn lại và tiền thu hồi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.8 Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu theo giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tồn kho được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính

1.9.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các tài sản tài chính trong phạm vi quy định của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 ("IAS 39") được phân loại thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.

Việc phân loại phụ thuộc vào mục đích của khoản đầu tư khi mua hoặc đầu tư ban đầu. Các tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL khi Tập đoàn có văn bản ghi nhận chiến lược đầu tư là quản lý tài sản trên cơ sở giá trị hợp lý, bởi các nghĩa vụ liên quan cũng được quản lý dựa trên cơ sở này. Việc phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi các nghĩa vụ liên quan (bao gồm các quỹ của cổ đông) được quản lý một cách bị động và/hoặc ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Việc mua hoặc bán các tài sản tài chính có yêu cầu giao tài sản trong một khung thời gian quy định bởi luật pháp hoặc tập quán của thị trường (giao dịch thương mại thông thường) được ghi nhận tại ngày giao dịch, là ngày Tập đoàn cam kết mua hoặc bán tài sản.

Các tài sản tài chính bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, cho vay và các khoản phải thu công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Việc ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản như sau:

a. Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.

Để các khoản đầu tư được chỉ định ban đầu là FVTPL, các điều kiện sau cần được đáp ứng:

- Việc chỉ định loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không đồng nhất trong cách hạch toán có thể xảy ra nếu ghi nhận tài sản hoặc công nợ hoặc lãi lỗ trên một cơ sở khác; hoặc
- Các tài sản và công nợ là một phần trong nhóm các tài sản hoặc nợ tài chính hoặc cả hai, mà các nhóm này được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính theo FVTPL được đo lường theo giá trị hợp lý. Bất kỳ thay đổi nào của giá trị hợp lý này được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư". Tiền lãi được dự thu và được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư", sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR"). Cổ tức được ghi nhận vào thu nhập hoạt động đầu tư khi quyền được nhận cổ tức được xác lập.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán không được phân loại thành chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán ghi nhận theo FVTPL. Các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là các chứng khoán được nắm giữ với thời hạn không xác định và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường.

Sau ghi nhận giá trị ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán sẽ được định giá lại theo giá trị hợp lý với lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận là thu nhập tổng hợp khác trên tài khoản dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (trên vốn chủ sở hữu). Khi Tập đoàn mua một chứng khoán nhiều lần, các khoản đầu tư này khi thanh lý sẽ được hạch toán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Lãi phát sinh khi nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư, tính toán theo phương pháp lãi suất thực. Khi tài sản bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, lãi hoặc lỗ dồn tích sẽ được chuyển từ quỹ dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn đánh giá khả năng cũng như ý định bán tài sản AFS trong tương lai gần là phù hợp hay không. Trong một số trường hợp hi hữu, khi Tập đoàn không có khả năng bán các tài sản tài chính này do thiếu thị trường năng động, Tập đoàn có thể phân loại lại các tài sản tài chính này nếu Ban Điều hành Tập đoàn có khả năng và có ý định nắm giữ các tài sản này trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành cho vay và phải thu được cho phép khi tài sản tài chính đáp ứng các định nghĩa về cho vay và phải thu và Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ các tài sản này trong một thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành nắm giữ đến ngày đáo hạn được cho phép chỉ khi doanh nghiệp có khả năng và mục đích nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

Khi một tài sản tài chính được đưa ra khỏi danh mục sẵn sàng để bán, giá trị hợp lý tại ngày loại khỏi danh mục sẽ là giá trị phân bổ và bất kỳ lãi hoặc lỗ trước đó của tài sản được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của khoản đầu tư sử dụng lãi suất thực. Chênh lệch nếu có giữa giá trị phân bổ và giá trị đến ngày đáo hạn cũng sẽ được phân bổ theo thời gian còn lại của tài sản sử dụng lãi suất thực. Nếu tài sản sau đó bị xác định là giảm giá trị thì giá trị ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được chuyển sang hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

c. Cho vay và phải thu

Cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được mà không được niêm yết trên thị trường năng động.

Sau khi ghi nhận giá trị ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi suy giảm giá trị. Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi mua, các khoản phí hoặc chi phí là những cấu phần không tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn

Các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ hạn cố định được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng lãi suất thực trừ đi phần suy giảm giá trị. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

1.9.3 Dừng ghi nhận tài sản tài chính

Một tài sản tài chính (hoặc, trong các trường hợp thích hợp, một phần của tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm các tài sản tài chính giống nhau) được dừng ghi nhận khi:

- Quyền được nhận luồng tiền từ tài sản đã hết hiệu lực;
- Tập đoàn đã chuyển nhượng quyền được nhận luồng tiền từ tài sản hoặc có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các luồng tiền nhận được mà không có sự trì hoãn đáng kể cho bên thứ ba dưới dạng hợp đồng "chuyển qua"; và hoặc (a) Tập đoàn đã chuyển nhượng hầu hết các rủi ro cũng như lợi ích đi kèm với tài sản, hoặc (b) Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại phần lớn các rủi ro và lợi ích đi kèm với tài sản, nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản đó.

Khi Tập đoàn chuyển quyền nhận các luồng tiền từ tài sản hoặc tham gia vào một hợp đồng "chuyển qua" nhưng chưa chuyển giao đáng kể và cũng không giữ lại tất cả rủi ro và lợi ích của tài sản và chưa chuyển quyền kiểm soát tài sản, tài sản đó được ghi nhận ở mức tiếp tục tham gia vào tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận các nghĩa vụ liên quan. Phần tài sản đã được chuyển giao và nghĩa vụ liên quan được xác định căn cứ trên quyền và nghĩa vụ còn lại mà Tập đoàn nắm giữ.

Phần tham gia của Tập đoàn dưới hình thức bảo đảm với tài sản đã được chuyển giao được ghi nhận ở mức thấp hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và mức tối đa mà Tập đoàn phải trả.

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính

Tại các thời điểm lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Bằng chứng của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm các dấu hiệu cho thấy bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy các luồng tiền dự kiến trong tương lai có sự suy giảm có thể lượng hóa được, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, Tập đoàn trước tiên đánh giá riêng lẻ xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đáng kể của từng tài sản tài chính trọng yếu hoặc đánh giá chung cho các tài sản tài chính không trọng yếu. Nếu Tập đoàn xác định rằng không có bằng chứng về sự giảm giá trị của một tài sản tài chính riêng lẻ, dù đáng kể hay không, Tập đoàn sẽ đưa tài sản đó vào nhóm các tài sản tài chính có cùng đặc tính rủi ro tín dụng và đánh giá chung suy giảm giá trị của nhóm tài sản. Các tài sản được đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt và có lỗ suy giảm giá trị đang/sẽ được ghi nhận không được đưa vào đánh giá suy giảm giá trị chung.

Lỗ suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính thu hồi được trong tương lai (không tính đến các tổn thất tín dụng dự kiến trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu.

Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng tài khoản dự phòng và lỗ giảm giá trị được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thu nhập lãi (được ghi nhận vào thu nhập đầu tư trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất) tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã được ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định tổn thất.

Các khoản cho vay cùng với dự phòng tổn thất tín dụng có liên quan được xóa bỏ nếu không có khả năng thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản đảm bảo đã được xử lý hoặc được chuyển lại cho Tập đoàn. Nếu trong năm tiếp theo, khoản dự phòng tổn thất ước tính tăng hay giảm do một sự kiện xảy ra sau khi tổn thất được ghi nhận, các khoản tổn thất đã ghi nhận trước đó được ghi tăng hoặc giảm tương ứng bằng việc điều chỉnh tài khoản dự phòng. Nếu khoản vay đã xóa sổ sau đó được thu hồi, phần thu hồi sẽ được ghi giảm chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Để phục vụ mục đích đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản tài chính được nhóm lại trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ, xem xét các đặc tính rủi ro tín dụng như loại tài sản, ngành nghề, vị trí địa lý, loại tài sản đảm bảo, tình trạng quá hạn và các yếu tố liên quan. Việc ước tính suy giảm các luồng tiền trong tương lai từ các nhóm các tài sản tài chính được đánh giá tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính rủi ro tín dụng tương tự. Các kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu có thể quan sát được nhằm phản ánh ảnh hưởng của các điều kiện hiện tại cũng như loại bỏ các ảnh hưởng của điều kiện trong quá khứ không còn hiện hữu tại thời điểm hiện tại. Ước tính thay đổi luồng tiền tương lai phản ánh và đồng nhất với các thay đổi về dữ liệu có thể quan sát được từ năm này sang năm khác (ví dụ như sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp, giá bất động sản, giá cả hàng hóa tiêu dùng, tình trạng trả nợ, hoặc các yếu tố khác là dấu hiệu cho việc xảy ra tổn thất trong nhóm và quy mô của nó). Phương pháp và giả định được sử dụng để ước tính luồng tiền trong tương lai được xem xét thường xuyên để giảm thiểu sự khác biệt giữa tổn thất ước tính và tổn thất thực tế.

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Trong trường hợp các khoản đầu tư vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, lỗ dồn tích - được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý hiện tại, trừ các khoản lỗ đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất - được loại ra khỏi thu nhập tổng hợp khác và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần tăng lên của giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn sau khi ghi nhận suy giảm giá trị không được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập tổng hợp khác.

Việc xác định "Đáng kể" và "Kéo dài" đòi hỏi các xét đoán chủ quan. Khi đưa ra các xét đoán này, Tập đoàn cần đánh giá, có cân nhắc các yếu tố khác, khoảng thời gian và mức độ mà giá trị hợp lý của một khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Tuy nhiên, giá trị suy giảm là tổng lỗ dồn tích xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý, trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị của các khoản đầu tư đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thu nhập lãi trong tương lai tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định các khoản lỗ suy giảm giá trị. Thu nhập lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính. Nếu trong năm tiếp sau, giá trị hợp lý của công cụ nợ tăng và giá trị tăng liên quan khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản lỗ được hoàn nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10 Các khoản nợ tài chính

1.10.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các khoản nợ tài chính nằm trong phạm vi của IAS 39 được phân loại tại thời điểm ghi nhận ban đầu vào các nhóm thích hợp: nợ tài chính phản ánh theo FVTPL, vay và nợ phải trả hoặc các công cụ tài chính phái sinh được xếp vào nhóm công cụ phòng ngừa hiệu quả.

Tất cả các khoản nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, riêng đối với các khoản vay và nợ phải trả thì giá trị ghi nhận ban đầu bằng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả thương mại và các khoản phải trả khác; thấu chi; vay và nợ phải trả.

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính tùy theo nhóm được phân loại được xác định giá trị như sau:

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL

Các khoản nợ tài chính phản ánh theo FVTPL bao gồm các khoản nợ tài chính kinh doanh và các khoản nợ tài chính tại thời điểm ban đầu được xếp vào nhóm phản ánh theo FVTPL.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.10 Các khoản nợ tài chính (tiếp theo)

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL (tiếp theo)

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu được mua với mục đích bán lại trong ngắn hạn.

Lãi hoặc lỗ của các khoản nợ nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

b. Vay và nợ phải trả

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và phải trả chịu lãi suất được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi hoặc lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nợ phải trả được ngừng ghi nhận cũng như thông qua việc phân bổ giá trị theo phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi phát sinh, và phí hoặc chi phí là các khoản mục không thể tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10.3 Dừng ghi nhận

Một khoản nợ tài chính sẽ được dừng ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được hoàn thành hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ tài chính được thay thế bằng một khoản nợ khác từ cùng một bên cho vay nhưng các điều khoản cơ bản đã thay đổi hoặc các điều khoản của nghĩa vụ nợ hiện tại đã được sửa đổi cơ bản, thì việc thay đổi hoặc chỉnh sửa đó được coi là dừng ghi nhận khoản nợ tài chính ban đầu và ghi nhận một khoản nợ tài chính khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ mới và khoản nợ cũ được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.11 Bù trừ các công cụ tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ các khoản đã được ghi nhận và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

1.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Các cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí sau thuế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu mới hoặc quyền chọn mua cổ phiếu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.13 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được từ việc bán một tài sản hoặc trả cho việc chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch ngang giá giữa các bên tại ngày đánh giá. Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giả định giá giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao nợ phải trả diễn ra tại:

- Thị trường chủ chốt đối với tài sản hoặc khoản nợ phải trả; hoặc
- Khi không có thị trường chủ chốt thì sử dụng thị trường tối ưu đối với tài sản hoặc nợ phải trả.

Để xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn phải có khả năng tiếp cận tới thị trường chủ chốt hoặc thị trường tối ưu.

Giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả được đánh giá dựa vào giả định các bên tham gia thị trường sẽ sử dụng giá trị này khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả nhằm đạt được lợi ích tốt nhất cho mình.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng trường hợp mà các thông tin cần thiết là sẵn có để xác định giá trị hợp lý, sử dụng tối đa các dữ liệu liên quan có thể quan sát được và giảm thiểu việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được.

Tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý hoặc có giá trị hợp lý được thuyết minh trong báo cáo tài chính được phân loại vào ba cấp trong hệ thống bậc giá trị hợp lý như được mô tả dưới đây, dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý:

- Cấp 1 - Giá niêm yết (không điều chỉnh) trên các thị trường năng động của các tài sản và nợ phải trả tương tự;
- Cấp 2 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý có thể quan sát được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
- Cấp 3 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý không thể quan sát được.

Đối với các tài sản và nợ phải trả ghi nhận theo giá trị hợp lý định kỳ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Tập đoàn xác định liệu có việc chuyển cấp trong hệ thống phân cấp thông qua việc đánh giá lại cách phân loại vào các cấp (dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý trên phương diện tổng thể) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá chào mua niêm yết cho tài sản và giá chào bán cho nợ phải trả, tại cuối ngày báo cáo, không trừ chi phí giao dịch.

Với các công cụ tài chính không có thị trường năng động, giá trị hợp lý được xác định sử dụng các phương pháp định giá phù hợp. Phương pháp định giá bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, mô hình định giá quyền chọn, mô hình tín dụng và các mô hình định giá liên quan. Một số công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý xác định bằng phương pháp định giá do không có giao dịch thị trường hoặc không có dữ liệu thị trường quan sát được. Giá trị hợp lý được xác định sử dụng các mô hình định giá đã được kiểm chứng với giá hoặc thông số đầu vào của giao dịch thực tế trên thị trường và sử dụng ước tính tốt nhất của Tập đoàn về các giả định phù hợp cho mô hình. Các mô hình được điều chỉnh cho chênh lệch giữa giá chào mua và chào bán để phản ánh chi phí phát sinh khi tất toán tài sản hoặc nợ phải trả, hệ số tín nhiệm của đối tác và chênh lệch thanh khoản cũng như hạn chế của mô hình. Thêm vào đó, lãi hoặc lỗ được tính toán tại ngày công cụ tài chính được ghi nhận (lãi hoặc lỗ ngày mua) được hoãn lại và được ghi nhận chỉ khi các thông số đầu vào có thể quan sát được hoặc khi dừng ghi nhận công cụ tài chính.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.13 Xác định giá trị hợp lý (tiếp theo)

Với phương pháp chiết khấu luồng tiền, các luồng tiền tương lai dự kiến dựa trên ước tính tốt nhất của Ban Điều hành và lãi suất chiết khấu sử dụng là lãi suất thị trường cho các công cụ tương tự. Việc sử dụng các mô hình định giá và giả định khác nhau có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi lãi suất thả nổi và lãi suất qua đêm với các tổ chức tín dụng là giá trị ghi sổ. Giá trị ghi sổ là chi phí ban đầu cộng với lãi dồn tích. Giá trị hợp lý của tiền gửi lãi suất cố định được ước tính sử dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền. Luồng tiền ước tính được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường hiện tại cho công cụ tương tự tại ngày báo cáo.

Nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách tin cậy, các công cụ tài chính được ghi theo giá gốc, được xem là giá trị hợp lý trả cho khoản đầu tư hoặc giá trị nhận được khi phát hành nợ tài chính. Tất cả chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua tài sản được tính vào giá gốc của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của tài sản phi tài chính được đánh giá dựa vào khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của các bên tham gia thị trường từ việc sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất hoặc bán tài sản đó cho một bên khác mà bên đó sẽ sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất.

1.14 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm trong ít nhất 24 tháng được quyền tạm ứng một phần giá trị hoàn lại với số tiền tạm ứng tối đa là 80% giá trị hoàn lãi và lãi lũy kế chưa nhận của các hợp đồng bảo hiểm đó.

Các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại được trình bày theo giá trị phân bổ.

1.15 Các khoản phải thu bảo hiểm

Các khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận khi đến hạn với giá trị ban đầu bằng giá trị hợp lý của khoản tiền thu được hoặc phải thu. Sau ghi nhận ban đầu, khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị ghi sổ của khoản phải thu bảo hiểm được đánh giá giảm giá trị khi có sự kiện cho thấy giá trị ghi sổ có thể không thu hồi được. Khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản phải thu bảo hiểm được dừng ghi nhận nếu thỏa mãn các điều kiện ngừng ghi nhận tài sản tài chính được mô tả tại thuyết minh số 1.9.3.

1.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm

Hai công ty con của Tập đoàn, gồm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, nhượng tái rủi ro bảo hiểm cho một số dòng sản phẩm nhất định. Tài sản tái bảo hiểm là khoản phải thu từ các công ty tái bảo hiểm. Số tiền thu được từ các công ty tái bảo hiểm được ước tính nhất quán với dự phòng tổn thất đang giải quyết hoặc tổn thất đã giải quyết phù hợp với các chính sách tái bảo hiểm và phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm với công ty tái bảo hiểm liên quan.

Tài sản tái bảo hiểm được đánh giá giảm giá định kỳ hoặc ngay khi có dấu hiệu giảm giá. Dấu hiệu giảm giá trị xuất hiện khi có bằng chứng khách quan xuất phát từ sự kiện phát sinh sau khi tài sản tái bảo hiểm được ghi nhận ban đầu cho thấy Tập đoàn có thể không nhận được đầy đủ các khoản phải thu theo như điều khoản của hợp đồng và ảnh hưởng của sự kiện đó tới số tiền mà Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nhận được từ các công ty tái bảo hiểm có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Lỗ dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ khi mua tái bảo hiểm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào ngày mua và không được phân bổ.

Việc nhượng tái bảo hiểm không giúp Tập đoàn từ bỏ nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

1.17 Phí bảo hiểm nhận tái

Tập đoàn cũng nhận tái các rủi ro bảo hiểm trong hoạt động thông thường của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khi phù hợp. Phí và bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận là doanh thu và chi phí tương tự như đối với hợp đồng bảo hiểm gốc cho từng loại hình bảo hiểm. Các khoản phải trả tái bảo hiểm là số dư phải trả cho các công ty bảo hiểm khác. Các khoản phải trả này được ước tính phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan.

Phí và bồi thường được trình bày trên cơ sở tách biệt giữa nhượng tái và nhận tái bảo hiểm.

Tài sản và nợ phải trả tái bảo hiểm được dừng ghi nhận khi các quyền lợi theo hợp đồng bị hủy hoặc hết hạn hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho bên khác.

Hợp đồng tái bảo hiểm không chuyển giao phần lớn rủi ro bảo hiểm được ghi nhận trực tiếp trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, là các khoản tài sản đặt cọc hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận bằng khoản phí đã trả hoặc đã nhận trừ đi các khoản phí được xác định hoặc phí giữ lại bởi bên tái bảo hiểm. Thu nhập từ hoạt động đầu tư của những hợp đồng này được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực khi phát sinh.

1.18 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn như trình bày ở trên trừ đi số dư các khoản vay thấu chi vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

1.19 Thuê tài sản

Một giao dịch được xác định có phải là hợp đồng thuê tài sản hoặc bao hàm một hợp đồng thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của nghiệp vụ tại ngày giao dịch: liệu việc hoàn thành giao dịch có phụ thuộc vào việc sử dụng một hoặc một số tài sản hay bản chất giao dịch là chuyển giao quyền sử dụng tài sản.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản đi thuê được xác định là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động tại ngày bắt đầu thuê.

Các tài sản thuê mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu không được chuyển giao cho bên đi thuê được ghi nhận là tài sản thuê hoạt động. Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Tập đoàn là bên cho thuê

Hợp đồng cho thuê tài sản mà Tập đoàn không chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được phân loại là hợp đồng thuê hoạt động. Thu nhập tiền thuê được ghi nhận là doanh thu trên báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc đàm phán ký kết hợp đồng thuê được tính vào giá trị ghi sổ của tài sản cho thuê và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu từ thuê hoạt động. Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận trong kỳ phát sinh.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam, đồng thời là đồng tiền hạch toán của công ty Mẹ. Mỗi công ty thành viên trong tập đoàn lựa chọn đồng tiền hạch toán của mình và sử dụng đồng tiền này để trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá kế toán áp dụng tại đơn vị vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá liên ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo. Tất cả các khoản chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ các khoản mục tiền tệ được dùng làm biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho các khoản đầu tư nước ngoài. Các khoản mục này được ghi nhận trên báo cáo thu nhập tổng hợp khác cho đến khi khoản đầu tư này được thanh lý và được chuyển sang ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thuế và phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá của các khoản mục này cũng được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác.

Các khoản mục phi tiền tệ có nguyên giá bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày ghi nhận ban đầu. Các khoản mục phi tiền tệ ghi nhận theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày xác định giá trị hợp lý. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục phi tiền tệ (đo lường theo giá trị hợp lý) được ghi nhận tương tự như việc ghi nhận lãi/lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục đó.

1.21 Thuế

1.21.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản hoặc công nợ thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hiện hành hoặc kỳ trước đó được xác định trên giá trị dự kiến được hoàn lại hoặc phải nộp cho cơ quan thuế. Thuế suất và luật thuế sử dụng để tính giá trị trên là các luật được thực thi hoặc phần lớn được thực thi tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành liên quan đến các khoản mục ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác được ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác và không thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Điều hành đánh giá lại hàng năm liệu Tập đoàn có được hoàn thuế hay không dựa trên các tình huống mà luật thuế được áp dụng và trích lập dự phòng nếu cần thiết.

1.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch thuế phải trả tạm thời, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại hoặc tài sản/nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và, tại thời điểm giao dịch, giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập.
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, nếu thời gian hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời có thể được kiểm soát và có khả năng các chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai xác định.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.21 Thuế (tiếp theo)

1.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế.
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn các chênh lệch tạm thời có khả năng được hoàn nhập trong tương lai xác định và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản mục ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, mà được ghi tương ứng theo các khoản mục đó trên thu nhập tổng hợp khác hoặc trực tiếp vào vốn.

Tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến cùng pháp nhân chịu thuế và cùng cơ quan quản lý thuế.

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ

Các nghĩa vụ của hợp đồng bảo hiểm cho các sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi được trích lập phù hợp với các nguyên tắc tính toán bảo hiểm được chấp nhận chung và các quy định cụ thể trong Thông tư 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012.

Dự phòng nghiệp vụ là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho tất cả các sản phẩm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ là phần lớn nhất giữa dự phòng tính theo phương pháp dự phòng phí chưa được hưởng hoặc phương pháp dòng tiền đủ để chi trả các khoản chi phí trong tương lai, dự phòng bồi thường, dự phòng quỹ bảo hiểm liên kết chung và dự phòng khả năng thanh toán. Tập đoàn tính toán các quỹ dự phòng cho các sản phẩm liên kết chung theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường là dự phòng cho những khiếu nại đã được thông báo nhưng chưa giải quyết tại ngày lập báo cáo.

Dự phòng chia lãi là khoản dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm cho các loại hình bảo hiểm khác nhau:

- Đối với bảo hiểm hàng hóa, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại;
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác:
  - ✓ Dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm có thời hạn dưới 1 năm được tính theo phương pháp 1/8;
  - ✓ Dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được tính theo phương pháp từng ngày (1/365).

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường, tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm. Dự phòng cũng được lập cho chi phí ước tính để xử lý khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết cũng như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại được dựa trên mô hình phát triển dữ liệu bồi thường đã chi trả, mô hình phát triển dữ liệu bồi thường đã phát sinh và các tỉ lệ bồi thường kì vọng trong thời gian gần đây. Những mô hình này được sử dụng để đưa ra những ước tính chính xác nhất về các rủi ro đã phát sinh nhưng chưa thông báo cho năm xảy ra tai nạn và dùng để tính toán dự phòng cho các rủi ro chưa thanh toán, các rủi ro thuần và các rủi ro gộp. Các khoản bồi thường cho tất cả các loại hình bảo hiểm không được chiết khấu.

c. Kiểm tra tính đầy đủ của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn sẽ thực hiện kiểm tra tính đầy đủ của việc ghi nhận các khoản dự phòng bảo hiểm. Việc tính toán này sử dụng các ước tính hiện tại của các dòng tiền tương lai theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các chi phí xử lý khiếu nại bồi thường. Nếu những ước tính này chỉ ra rằng giá trị ghi sổ của các khoản dự phòng bảo hiểm này là chưa đầy đủ, thì khoản thiếu hụt sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bằng việc trích lập một khoản dự phòng tương ứng.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.23 Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng là các khoản dự phòng bảo hiểm liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm với cấu phần không đảm bảo thể hiện phần lãi, lỗ chưa thực hiện của khoản đầu tư AFS thuộc về chủ hợp đồng.

1.24 Hoạt động bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung của Tập đoàn có các rủi ro bảo hiểm đáng kể và được phân loại là các hợp đồng bảo hiểm. Các hợp đồng này bao gồm cả cấu phần bảo hiểm và cấu phần tiết kiệm.

Phí bảo hiểm thu được được ghi nhận là doanh thu và sau đó ghi nhận một khoản chi phí tương ứng với giá trị quỹ chủ hợp đồng và trình bày là nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm. Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm được đo lường theo giá trị hợp lý và sau đó theo giá trị hợp lý áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền. Hoa hồng, sau khi trừ đi phí thu được ban đầu để bù đắp chi phí, được ghi nhận là chi phí giao dịch nằm trong giá trị ban đầu của khoản nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm.

Thay đổi về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán liên quan đến danh mục bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác sau khi trừ đi phần chia cho chủ hợp đồng được ghi nhận vào nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm.

1.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a. Phí bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm định kỳ trênsản phẩm bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận là doanh thu khi đến hạn thanh toán từ chủ hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng phí riêng lẻ, doanh thu được ghi nhận tại ngày hợp đồng hiệu lực.

Phí bảo hiểm gộp cho hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm tổng phí bảo hiểm phải thu cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí bảo hiểm bao gồm bất kì điều chỉnh nào phát sinh trong kỳ kế toán đối với các khoản phí bảo hiểm phải thu cho các hợp đồng khai thác vào các kỳ kế toán trước đó.

Tổng phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm tổng phí nhượng tái bảo hiểm phải trả cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến hợp đồng tái bảo hiểm ký kết trong các kỳ kế toán trước đó.

Phí bảo hiểm chưa được hưởng là phần phí bảo hiểm đã khai thác liên quan đến các kỳ rủi ro sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phí bảo hiểm chưa được hưởng được tính toán và ghi nhận hoãn lại như một khoản dự phòng cho các kỳ tiếp sau như trình bày tại Thuyết minh 1.22.

Phí bảo hiểm được nhận, hoa hồng và tiền bồi thường đã trả hoặc phải trả trên hợp đồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi có thông báo từ công ty nhượng tái hoặc đại lý liên quan.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

b. Phí từ việc thực hiện dịch vụ

Phí từ việc thực hiện dịch vụ bao gồm phí quản lý quỹ, phí giao dịch, phí thưởng, phí môi giới, phí bảo lãnh phát hành, được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và doanh thu được tính toán đáng tin cậy. Phí đã nhận từ các dịch vụ được cung cấp trong tương lai được ghi nhận như một khoản doanh thu nhận trước và kết chuyển vào doanh thu của các kỳ tiếp theo.

c. Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán

Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn trung bình của chứng khoán bán.

d. Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Thu nhập lãi được bao gồm trong thu nhập tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

e. Doanh thu cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

f. Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng cho thuê hoạt động với bất động sản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê và được trình bày trong khoản mục doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa vào bản chất hoạt động.

g. Bán bất động sản

Bất động sản được coi là đã bán khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền tới tài sản được chuyển giao cho bên mua, thông thường là theo hợp đồng mua bán vô điều kiện. Đối với hợp đồng có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều khoản trọng yếu được thỏa mãn.

1.26 Chi phí lãi vay

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh. Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến khoản vay.

1.27 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được tính bằng tỷ lệ của chi phí phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.28 Ghi nhận chi trả đáo hạn, chi phí bồi thường và các chi phí khác

a. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm

Tổng lợi ích và các khoản bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có cấu phần không đảm bảo (DPF) bao gồm chi phí của tất cả các khoản bồi thường phát sinh trong năm như các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường và những phần lợi tức chia thêm cho người mua bảo hiểm đã được nêu rõ trên hợp đồng DPF, cũng như những thay đổi trên tổng giá trị của hợp đồng bảo hiểm và những nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có DPF. Các yêu cầu bồi thường tử vong và giá trị hoàn lại được xử lý trên cơ sở nhận được thông báo chứng nhận. Những khoản thanh toán hàng năm hoặc khi đến hạn được ghi nhận khi phát sinh.

Các khoản bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm y tế bao gồm tất cả các khoản khiếu kiện xảy ra trong năm, bất kể đã được thông báo hay chưa, các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường, trừ giá trị thu hồi và thu đòi, cùng với bất kỳ những điều chỉnh cho những khoản bồi thường còn lại từ năm trước.

b. Các khoản bồi thường tái bảo hiểm

Các khoản bồi thường tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với tổng giá trị bồi thường bảo hiểm liên quan được ghi nhận theo kỳ của hợp đồng liên quan.

c. Chi phí tài chính

Lãi phải trả được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích theo phương pháp lãi suất thực. Lãi dự chi được bao gồm trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính.

1.29 Quỹ dự trữ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm trên báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") cho đến khi đạt mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính

Theo các điều luật và quy định hiện hành ở Việt Nam, các công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ áp dụng cho từng ngành. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để đảm bảo cho các hoạt động bình thường của các công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc thua lỗ, để chuẩn bị cho các tổn thất không được lường trước hoặc thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

2. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Các khác biệt đáng kể giữa các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") và chuẩn mực kế toán quốc tế ("IFRS") trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ của Tập đoàn và đối chiếu giữa Lợi nhuận ròng và vốn hợp nhất của Tập đoàn như sau:

(i) Lợi nhuận ròng hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế theo VAS	**1.164.948.927.113**	**1.174.931.420.175**
Điều chỉnh vào tài sản tài chính		
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	(25.022.314.457)	(1.508.490.465)
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	135.428.997.110	96.611.204.445
Đầu tư vào công ty liên kết	(117.766.336.607)	(168.018.646.784)
Điều chỉnh vào các khoản mục liên quan đến bảo hiểm		
Dự phòng bảo hiểm	292.755.786.854	(135.306.582.822)
Loại bỏ dự phòng giao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	22.955.222.945	64.139.782.137
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	(2.984.530.274)	42.747.918.107
Các điều chỉnh khác		
Hàng tồn kho hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.677.322.266	(5.993.445.638)
Khác	260.089.653	(512.056.120)
Điều chỉnh về thuế		
Thuế thu nhập hoãn lại	(57.165.146.251)	(1.043.200.442)
Lợi nhuận sau thuế theo IFRS	**1.417.088.018.352**	**1.066.047.902.593**

2. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN (tiếp theo)

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	2016 VND	2015 VND
Vốn hợp nhất theo VAS	**13.686.535.625.044**	**13.198.191.246.848**
Điều chỉnh vào tài sản tài chính		
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	456.154.589.004	303.950.594.912
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	1.400.952.882.238	955.768.589.868
Đầu tư vào công ty liên kết	(523.199.782.474)	(405.433.445.868)
Điều chỉnh vào các khoản mục liên quan đến bảo hiểm		
Dự phòng bảo hiểm	(418.290.968.372)	(711.046.755.226)
Loại bỏ dự phòng giao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	240.894.561.257	217.939.338.312
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	3.418.056.279	6.402.586.553
Các điều chỉnh khác		
Giá trị hàng tồn kho	(32.700.563.908)	(36.377.886.174)
Khác	(128.673.940.480)	(128.934.030.134)
Điều chỉnh về thuế		
Thuế thu nhập hoãn lại	(181.803.641.399)	(27.758.917.966)
Vốn hợp nhất theo IFRS	**14.503.286.817.188**	**13.372.701.321.125**

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

KHOẢN MỤC	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm. Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.	Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp. Ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản, cụ thể như sau: (i) Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL. (ii) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán: là các chứng khoán có mục đích nắm giữ vô thời hạn và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường. Sau ghi nhận ban đầu, tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, các thu nhập hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. (iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả đã được xác định trước và không được báo giá trên thị trường tích cực. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dừng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị. (iv) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản phi phái sinh với các khoản lãi và thời gian đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định giá trị theo giá trị phân bổ tương tự như các khoản cho vay và phải thu.
Dự phòng giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại ngày khóa sổ báo cáo. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản phải thu đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

KHOẢN MỤC	VAS	IFRS
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các con nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng giao động lớn).
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ vì mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	AFYP	Doanh thu khai thác mới quy năm
2	ALCO	Uỷ ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
3	AUM	Tổng tài sản quản lý
4	BANCASURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BCTN	Báo cáo thường niên
7	BCPTBV	Báo cáo phát triển bền vững
8	BKS	Ban Kiểm soát
9	BH	Bảo hiểm
10	BHBV	Bảo hiểm Bảo VIệt
11	BVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt
12	BVINVEST	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt
13	BVF	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14	BVFED	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt
15	BVF1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
16	BVH	Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
17	BVNT	Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
18	BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm
20	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
21	CAT	Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	COC	Mô hình kinh doanh tập trung
24	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
25	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

26	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/ Công ty thành viên
27	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
28	E&Y	Công ty kiểm toán Ernst & Young
29	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
30	KTM	Khai thác mới
31	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
32	FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
33	KLGD	Khối lượng giao dịch
34	KTNB	Kiểm toán nội bộ
35	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
36	HĐQT/HĐTV	Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên
37	HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
38	HOSE/HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
39	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
40	IR	Quan hệ nhà đầu tư
41	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
42	LACP	Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ
43	LN	Lợi nhuận
44	LNST	Lợi nhuận sau thuế
45	NPL	Tỷ lệ nợ xấu
46	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
47	NHNN	Ngân hàng nhà nước
48	NSNN	Ngân sách Nhà nước
49	ODA	Viện trợ phát triển chính thức
50	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

51	QLGSBH	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm
52	PVIF	Giá trị lợi nhuận trong tương lai của các hợp đồng đang có hiệu lực
53	QE3	Chương trình nới lỏng định lượng của Chính phủ Mỹ
54	QLRR	Quản lý rủi ro
55	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
56	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
57	RMC	Hộ đồng Quản lý rủi ro
58	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
59	SP	Sản phẩm
60	TCT	Tổng công ty
61	TNHH/CTCP	Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty Cổ phần
62	TNDS	Trách nhiệm dân sự
63	TTCK	Thị trường chứng khoán
64	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
65	TSCTA	Thoả thuận Hỗ trợ kỹ thật và Chuyển giao năng lực
66	UBKT	Uỷ ban Kiểm toán
67	UNCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
68	UPCOM	Thị trường giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết
69	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
70	VCSH	Vốn chủ sở hữu
71	VĐL	Vốn điều lệ
72	VN-INDEX	Chỉ số giá chứng khoán VN-Index
73	VPĐD	Văn phòng đại diện
74	WB	Ngân hàng Thế giới

BAOVIET

FSC

100%

From well-managed forest

Cert no.SGS-COC-001401

www.fsc.org

© 1995 Forest Stewardship Council

Những ấn bản đẹp thường được in trên giấy có nguồn gốc từ thiên nhiên.
Sợi giấy làm từ gỗ đàn hồi và bền bỉ với thời gian.
Báo cáo tích hợp của Bảo Việt được in trên giấy có chứng chỉ fsc.
Bảo Việt cam kết ý thức hài hòa môi trường sống.
Hãy cùng chúng tôi nỗ lực vì hành tinh xanh



BAOVIET



THÔNG TIN MINH BẠCH THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Bank
NGÂN HÀNG BẢO VIỆT